

Phụ lục số I: ĐỊNH MỨC VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 HỖ TRỢ CÁC XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Xã	Đối tượng		Hệ số			Định mức vốn NSTW hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực	Thôn ĐBKK	Tổng số	Khu vực	Thôn ĐBKK		
	TỔNG CỘNG		653	6.248	5.595	653	3.561.760	
I	XÃ MIỀN NÚI (78 XÃ)						2.463.275	
1	Xã Mường Lát	III	9	59	50	9	33.634	Xã biên giới
2	Xã Mường Chanh	III	1	51	50	1	29.074	Xã biên giới
3	Xã Mường Lý	III	8	58	50	8	33.064	
4	Xã Nhi Sơn	III	6	56	50	6	31.924	Xã biên giới
5	Xã Pù Nhi	III	10	60	50	10	34.204	Xã biên giới
6	Xã Quang Chiêu	III	1	51	50	1	29.074	Xã biên giới
7	Xã Tam Chung	III	6	56	50	6	31.924	Xã biên giới
8	Xã Trung Lý	III	13	63	50	13	35.915	Xã biên giới
9	Xã Hồi Xuân	III	4	54	50	4	30.784	
10	Xã Nam Xuân	III	12	62	50	12	35.344	
11	Xã Thiên Phú	III	13	63	50	13	35.915	
12	Xã Hiền Kiệt	III	10	60	50	10	34.204	Xã biên giới
13	Xã Phú Lệ	III	15	65	50	15	37.055	
14	Xã Trung Thành	III	15	65	50	15	37.055	
15	Xã Phú Xuân	III	10	60	50	10	34.204	
16	Xã Trung Sơn	III	5	55	50	5	31.354	
17	Xã Tam Lư	III	7	57	50	7	32.494	Xã biên giới
18	Xã Quan Sơn	III	14	64	50	14	36.484	
19	Xã Trung Hạ	III	19	69	50	19	39.335	
20	Xã Na Mèo	III	9	59	50	9	33.634	Xã biên giới
21	Xã Sơn Thủy	III	11	61	50	11	34.774	Xã biên giới
22	Xã Sơn Điện	III	10	60	50	10	34.204	Xã biên giới
23	Xã Tam Thanh	III	8	58	50	8	33.064	Xã biên giới

STT	Xã	Đối tượng		Hệ số			Định mức vốn NSTW hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực	Thôn ĐBK	Tổng số	Khu vực	Thôn ĐBK		
24	Xã Đồng Lương	III	10	60	50	10	34.204	
25	Xã Văn Phú	III	13	63	50	13	35.915	
26	Xã Giao An	III	10	60	50	10	34.204	
27	Xã Yên Khương	III	8	58	50	8	33.064	Xã biên giới
28	Xã Yên Thắng	III	9	59	50	9	33.634	
29	Xã Thiết Ống	III	20	70	50	20	39.905	
30	Xã Văn Nho	III	17	67	50	17	38.194	
31	Xã Điền Quang	III	29	79	50	29	45.035	
32	Xã Quý Lương	III	24	74	50	24	42.185	
33	Xã Cổ Lũng	III	22	72	50	22	41.045	
34	Xã Pù Luông	III	19	69	50	19	39.335	
35	Xã Hóa Quý	III	10	60	50	10	34.204	
36	Xã Thanh Phong	III	16	66	50	16	37.624	
37	Xã Thanh Quân	III	20	70	50	20	39.905	
38	Xã Thanh Kỳ	III	14	64	50	14	36.484	
39	Xã Luận Thành	III	14	64	50	14	36.484	
40	Xã Tân Thành	III	16	66	50	16	37.624	
41	Xã Thắng Lộc	III	12	62	50	12	35.344	
42	Xã Xuân Chinh	III	13	63	50	13	35.915	
43	Xã Bát Mọt	III	8	58	50	8	33.064	Xã biên giới
44	Xã Yên Nhân	III	6	56	50	6	31.924	
45	Xã Lương Sơn	III	4	54	50	4	30.784	
46	Xã Vạn Xuân	III	8	58	50	8	33.064	
47	Xã Mường Mìn	III	5	55	50	5	31.354	Xã biên giới
48	Xã Linh Sơn	III	13	63	50	13	35.915	
49	Xã Bá Thước	III	8	58	50	8	33.064	
50	Xã Nguyệt Ấn	III	18	68	50	18	38.764	
51	Xã Thành Vinh	III	7	57	50	7	32.494	
52	Xã Thạch Quảng	III	5	55	50	5	31.354	
53	Xã Như Xuân	III	5	55	50	5	31.354	
54	Xã Thượng Ninh	III	7	57	50	7	32.494	
55	Xã Xuân Bình	III	13	63	50	13	35.915	

STT	Xã	Đối tượng		Hệ số			Định mức vốn NSTW hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực	Thôn ĐBKK	Tổng số	Khu vực	Thôn ĐBKK		
56	Xã Xuân Thái	III	6	56	50	6	31.924	
57	Xã Thọ Bình	III	15	65	50	15	37.055	
58	Xã Ngọc Trạo	II		40	40		22.803	
59	Xã Thạch Bình	II		40	40		22.803	
60	Xã Yên Thọ	II		40	40		22.803	
61	Xã Thường Xuân	II	7	47	40	7	26.793	
62	Xã Minh Sơn	II		50	50		28.504	An toàn khu
63	Xã Điền Lư	II		40	40		22.803	
64	Xã Ngọc Lặc	II		40	40		22.803	
65	Xã Thạch Lập	II	2	42	40	2	23.943	
66	Xã Ngọc Liên	II		50	50		28.504	An toàn khu
67	Xã Kiên Thọ	II		40	40		22.803	
68	Xã Cẩm Tân	II		40	40		22.803	
69	Xã Vân Du	II		40	40		22.803	
70	Xã Xuân Du	II	1	41	40	1	23.373	
71	Xã Mậu Lâm	II		40	40		22.803	
72	Xã Cẩm Tú	II		40	40		22.803	
73	Xã Cẩm Thạch	II	1	41	40	1	23.373	
74	Xã Cẩm Vân	II		40	40		22.803	
75	Xã Sao Vàng	I		30	30		17.102	
76	Xã Cẩm Thủy	I		30	30		17.102	
77	Xã Kim Tân	I		30	30		17.102	
78	Xã Như Thanh	I		30	30		17.102	
II	XÃ CÒN LẠI (69 XÃ)						1.098.485	
79	Xã Các Sơn			25	25		14.251	
80	Xã Trường Lâm		1	26	25	1	14.822	
81	Xã Hà Trung			25	25		14.251	
82	Xã Hà Long			25	25		14.251	
83	Xã Triệu Lộc			25	25		14.251	
84	Xã Hậu Lộc			25	25		14.251	
85	Xã Hoằng Hóa			25	25		14.251	

STT	Xã	Đối tượng		Hệ số			Định mức vốn NSTW hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực	Thôn ĐBK	Tổng số	Khu vực	Thôn ĐBK		
86	Xã Hoàng Tiến			50	50		28.504	Biên giới biển
87	Xã Hoàng Thanh			50	50		28.504	Biên giới biển
88	Xã Hoàng Lộc			25	25		14.251	
89	Xã Hoàng Châu			25	25		14.251	
90	Xã Hoàng Sơn			25	25		14.251	
91	Xã Hoàng Phú			25	25		14.251	
92	Xã Hoàng Giang			25	25		14.251	
93	Xã Lưu Vệ			25	25		14.251	
94	Xã Quảng Yên			25	25		14.251	
95	Xã Quảng Ninh			50	50		28.504	Biên giới biển
96	Xã Quảng Bình			50	50		28.504	Biên giới biển
97	Xã Tiên Trang			50	50		28.504	Biên giới biển
98	Xã Nông Công			25	25		14.251	
99	Xã Trung Chính			25	25		14.251	
100	Xã Công Chính		1	26	25	1	14.822	
101	Xã Thiệu Hóa			25	25		14.251	
102	Xã Thiệu Quang			25	25		14.251	
103	Xã Yên Định			25	25		14.251	
104	Xã Quý Lộc			25	25		14.251	
105	Xã Định Tân			25	25		14.251	
106	Xã Thọ Xuân			25	25		14.251	
107	Xã Thọ Long			25	25		14.251	
108	Xã Xuân Hòa			25	25		14.251	
109	Xã Lam Sơn			25	25		14.251	
110	Xã Xuân Lập			25	25		14.251	
111	Xã Triệu Sơn			25	25		14.251	
112	Xã Tân Ninh			25	25		14.251	
113	Xã Đồng Tiến			25	25		14.251	
114	Xã Tống Sơn			25	25		14.251	
115	Xã Hoạt Giang			25	25		14.251	
116	Xã Lĩnh Toại			25	25		14.251	
117	Xã Đông Thành			25	25		14.251	

STT	Xã	Đối tượng		Hệ số			Định mức vốn NSTW hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực	Thôn ĐBK	Tổng số	Khu vực	Thôn ĐBK		
118	Xã Hoa Lộc			25	25		14.251	
119	Xã Vạn Lộc			50	50		28.504	Biên giới biển
120	Xã Nga Sơn			50	50		28.504	Biên giới biển
121	Xã Nga Thắng			25	25		14.251	
122	Xã Hồ Vương			25	25		14.251	
123	Xã Tân Tiến			50	50		28.504	Biên giới biển
124	Xã Nga An			25	25		14.251	
125	Xã Ba Đình			25	25		14.251	
126	Xã Quảng Ngọc			25	25		14.251	
127	Xã Quảng Chính			25	25		14.251	
128	Xã Thắng Lợi			25	25		14.251	
129	Xã Trường Văn			25	25		14.251	
130	Xã Thắng Bình			25	25		14.251	
131	Xã Tượng Lĩnh			25	25		14.251	
132	Xã Thiệu Tiến			25	25		14.251	
133	Xã Thiệu Toán			25	25		14.251	
134	Xã Thiệu Trung			25	25		14.251	
135	Xã Yên Trường			25	25		14.251	
136	Xã Yên Phú			25	25		14.251	
137	Xã Yên Ninh			25	25		14.251	
138	Xã Định Hòa			25	25		14.251	
139	Xã Thọ Lập			25	25		14.251	
140	Xã Xuân Tín			25	25		14.251	
141	Xã Vĩnh Lộc			25	25		14.251	
142	Xã Tây Đô			25	25		14.251	
143	Xã Biện Thượng			25	25		14.251	
144	Xã Thọ Ngọc			25	25		14.251	
145	Xã Thọ Phú			25	25		14.251	
146	Xã Hợp Tiến			25	25		14.251	
147	Xã An Nông			25	25		14.251	

Phụ lục số II: TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dan h m u c	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Hợp phần I	Hợp phần II	
A	TỔNG SỐ	3.561.760	3.561.760	2.138.986	1.422.774	
*	Trong đó:					
-	Hợp phần thứ nhất		2.138.986	2.138.986		Chi tiết có Phụ lục số III
-	Hợp phần thứ hai		1.422.774		1.422.774	Chi tiết có Phụ lục số IV
B	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHO CÁC XÃ		3.561.760	2.138.986	1.422.774	
1	Xã Mường Lát		33.634	5.000	28634	
2	Xã Mường Chanh		29.074	7.874	21200	
3	Xã Mường Lý		33.064	13300	19764	
4	Xã Nhi Sơn		31.924	7924	24000	
5	Xã Pù Nhi		34.204	14000	20204	
6	Xã Quang Chiểu		29.074	3500	25574	
7	Xã Tam Chung		31.924	14112	17812	
8	Xã Trung Lý		35.915	16000	19915	
9	Xã Hối Xuân		30.784	13184	17600	
10	Xã Nam Xuân		35.344	19000	16344	
11	Xã Thiên Phú		35.915	15000	20915	
12	Xã Hiền Kiệt		34.204	30000	4204	
13	Xã Phú Lệ		37.055	17000	20055	
14	Xã Trung Thành		37.055	15770	21285	
15	Xã Phú Xuân		34.204	9600	24604	
16	Xã Trung Sơn		31.354	14500	16854	
17	Xã Tam Lư		32.494	14000	18494	
18	Xã Quan Sơn		36.484	17200	19284	
19	Xã Trung Hạ		39.335	16000	23335	
20	Xã Na Mèo		33.634	14200	19434	
21	Xã Sơn Thủy		34.774	14600	20174	
22	Xã Sơn Điện		34.204	7000	27204	
23	Xã Tam Thanh		33.064	18600	14464	

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Hợp phần I	Hợp phần II	
24	Xã Đồng Lương		34.204	18000	16204	
25	Xã Văn Phú		35.915	10915	25000	
26	Xã Giao An		34.204	14204	20000	
27	Xã Yên Khương		33.064	8500	24564	
28	Xã Yên Thắng		33.634	8000	25634	
29	Xã Thiết Ống		39.905	16800	23105	
30	Xã Văn Nho		38.194	16103	22091	
31	Xã Điền Quang		45.035	28200	16835	
32	Xã Quý Lương		42.185	17685	24500	
33	Xã Cổ Lũng		41.045	17980	23065	
34	Xã Pù Luông		39.335	16500	22835	
35	Xã Hóa Quý		34.204	18000	16204	
36	Xã Thanh Phong		37.624	12000	25624	
37	Xã Thanh Quân		39.905	12500	27405	
38	Xã Thanh Kỳ		36.484	18000	18484	
39	Xã Luện Thành		36.484	12684	23800	
40	Xã Tân Thành		37.624	15.860	21.764	
41	Xã Thắng Lộc		35.344	14.900	20.444	
42	Xã Xuân Chinh		35.915	15.000	20.915	
43	Xã Bát Mọt		33.064	14.064	19.000	
44	Xã Yên Nhân		31.924	13.900	18.024	
45	Xã Lương Sơn		30.784	12.000	18.784	
46	Xã Vạn Xuân		33.064	13.940	19.124	
47	Xã Mường Mìn		31.354	13.002	18.352	
48	Xã Linh Sơn		35.915	7.500	28.415	
49	Xã Bá Thước		33.064	8.064	25.000	
50	Xã Nguyệt Ấn		38.764	11.000	27.764	
51	Xã Thành Vinh		32.494	13.000	19.494	
52	Xã Thạch Quảng		31.354	20.000	11.354	
53	Xã Như Xuân		31.354	27.500	3.854	
54	Xã Thượng Ninh		32.494	12.300	20.194	
55	Xã Xuân Bình		35.915	5.915	30.000	
56	Xã Xuân Thái		31.924	16.424	15.500	

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Hợp phần I	Hợp phần II	
57	Xã Thọ Bình		37.055	15.600	21455	
58	Xã Ngọc Trạo		22.803	11.000	11.803	
59	Xã Thạch Bình		22.803	18.738	4.065	
60	Xã Yên Thọ		22.803	9.728	13.075	
61	Xã Thường Xuân		26.793	7.293	19.500	
62	Xã Minh Sơn		28.504	10.000	18.504	
63	Xã Điền Lư		22.803	4.803	18.000	
64	Xã Ngọc Lặc		22.803	9.600	13.203	
65	Xã Thạch Lập		23.943	9.500	14.443	
66	Xã Ngọc Liên		28.504	14.500	14.004	
67	Xã Kiên Thọ		22.803	18.000	4.803	
68	Xã Cẩm Tân		22.803	10.000	12.803	
69	Xã Vân Du		22.803	15.000	7.803	
70	Xã Xuân Du		23.373	10.000	13.373	
71	Xã Mậu Lâm		22.803	19.800	3.003	
72	Xã Cẩm Tú		22.803	9.803	13.000	
73	Xã Cẩm Thạch		23.373	10.000	13.373	
74	Xã Cẩm Vân		22.803	9.600	13.203	
75	Xã Sao Vàng		17.102	6.000	11.102	
76	Xã Cẩm Thủy		17.102	10.530	6.572	
77	Xã Kim Tân		17.102	9.000	8.102	
78	Xã Như Thanh		17.102	4.202	12.900	
79	Xã Các Sơn		14.251	14.251		
80	Xã Trường Lâm		14.822	14.822		
81	Xã Hà Trung		14.251	14.251		
82	Xã Hà Long		14.251	14.251		
83	Xã Triệu Lộc		14.251	14.251		
84	Xã Hậu Lộc		14.251	14.251		
85	Xã Hoằng Hóa		14.251	14.251		
86	Xã Hoằng Tiến		28.504	28.504		
87	Xã Hoằng Thanh		28.504	28.504		
88	Xã Hoằng Lộc		14.251	14.251		
89	Xã Hoằng Châu		14.251	14.251		

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Hợp phần I	Hợp phần II	
90	Xã Hoàng Sơn		14.251	14.251		
91	Xã Hoàng Phú		14.251	14.251		
92	Xã Hoàng Giang		14.251	14.251		
93	Xã Lưu Vệ		14.251	14.251		
94	Xã Quảng Yên		14.251	14.251		
95	Xã Quảng Ninh		28.504	28.504		
96	Xã Quảng Bình		28.504	28.504		
97	Xã Tiên Trang		28.504	28.504		
98	Xã Nông Cống		14.251	14.251		
99	Xã Trung Chính		14.251	14.251		
100	Xã Công Chính		14.822	14.822		
101	Xã Thiệu Hóa		14.251	14.251		
102	Xã Thiệu Quang		14.251	14.251		
103	Xã Yên Định		14.251	14.251		
104	Xã Quý Lộc		14.251	14.251		
105	Xã Định Tân		14.251	14.251		
106	Xã Thọ Xuân		14.251	14.251		
107	Xã Thọ Long		14.251	14.251		
108	Xã Xuân Hòa		14.251	14.251		
109	Xã Lam Sơn		14.251	14.251		
110	Xã Xuân Lập		14.251	14.251		
111	Xã Triệu Sơn		14.251	14.251		
112	Xã Tân Ninh		14.251	14.251		
113	Xã Đồng Tiến		14.251	14.251		
114	Xã Tống Sơn		14.251	14.251		
115	Xã Hoạt Giang		14.251	14.251		
116	Xã Lĩnh Toại		14.251	14.251		
117	Xã Đông Thành		14.251	14.251		
118	Xã Hoa Lộc		14.251	14.251		
119	Xã Vạn Lộc		28.504	28.504		
120	Xã Nga Sơn		28.504	28.504		
121	Xã Nga Thắng		14.251	14.251		
122	Xã Hồ Vương		14.251	14.251		

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Hợp phần I	Hợp phần II	
123	Xã Tân Tiến		28.504	28.504		
124	Xã Nga An		14.251	14.251		
125	Xã Ba Đình		14.251	14.251		
126	Xã Quảng Ngọc		14.251	14.251		
127	Xã Quảng Chính		14.251	14.251		
128	Xã Thắng Lợi		14.251	14.251		
129	Xã Trường Văn		14.251	14.251		
130	Xã Thắng Bình		14.251	14.251		
131	Xã Tượng Lĩnh		14.251	14.251		
132	Xã Thiệu Tiến		14.251	14.251		
133	Xã Thiệu Toán		14.251	14.251		
134	Xã Thiệu Trung		14.251	14.251		
135	Xã Yên Trường		14.251	14.251		
136	Xã Yên Phú		14.251	14.251		
137	Xã Yên Ninh		14.251	14.251		
138	Xã Định Hòa		14.251	14.251		
139	Xã Thọ Lập		14.251	14.251		
140	Xã Xuân Tín		14.251	14.251		
141	Xã Vĩnh Lộc		14.251	14.251		
142	Xã Tây Đô		14.251	14.251		
143	Xã Biện Thượng		14.251	14.251		
144	Xã Thọ Ngọc		14.251	14.251		
145	Xã Thọ Phú		14.251	14.251		
146	Xã Hợp Tiến		14.251	14.251		
147	Xã An Nông		14.251	14.251		

Phụ lục số III: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢI NGÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TỈNH THANH HÓA (HỢP PHẦN THỨ NHẤT)

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
	TỔNG						2.849.892	2.138.986	699.045	11.861	2.138.986	
1	Xã Mường Lát						5.000	5.000			5.000	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đường, hệ thoát nước từ quốc lộ 15c đi thôn Chiềng công và khu sản xuất Suối Đục	UBND xã Mường Lát	Tuyến đường Từ quốc lộ 15c đi thôn Chiềng Công và khu sản xuất suối đục, hiện tại mới cứng hoá bê tông đường 500m, còn 1,7 km đang là đường đất, chưa có hệ thống thoát nước. Việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa tuyến đường là rất cần thiết, giúp phục vụ việc đi lại của 120 hộ dân.	Xã Mường Lát	Bê tông hoá mới khoảng 1,2 km đường b mặt = 5-9m tùy hiện trạng	2026-2030	5.000	5.000			5.000	HPI-ND01
2	Xã Mường Chanh						7.874	7.874			7.874	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đập kênh mương ái xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Tuyến kênh mương tưới cho bản Cang, bản Na Hào và các vùng sản xuất lân cận với diện tích phục vụ sản xuất nông nghiệp 86,8ha; hiện nay đã xuống cấp bị hư hỏng đất tràn vào lòng kênh gây ách tắc lòng kênh	Bản Cang, bản Na Hào, Xã Mường Chanh	Chiều dài tuyến kênh 6,3km Kích thước 0,9 x 0,8m	2026-2030	7.874	7.874			7.874	HPI-ND02
3	Xã Mường Lý						13.300	13.300			13.300	
1.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ trạm y tế đi UBND xã Mường Lý.	UBND xã Mường Lý	Hiện trạng tuyến đường này đã xuống cấp nghiêm trọng; mặt đường bê tông nhỏ hẹp, không đồng nhất, sau nhiều năm sử dụng đã bị xuống cấp, nứt gãy, nhiều ổ gà lớn. Để đáp ứng nhu cầu đi lại an toàn của các hộ dân, thúc đẩy giao thương, nâng cao giá trị chuỗi sản xuất nông, lâm nghiệp, việc đầu tư là cần thiết	Bản Nàng	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,1km.Bnền = 5,0m; B mặt = 3,5m	2026-2030	8.500	8.500			8.500	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đường giao thông nội bản Muống 1, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Hiện trạng đường có bề mặt nhỏ, đường đất, chưa có hệ thống thoát nước mặt và hệ thống rãnh dọc. Là trục giao thông quan trọng đóng vai trò kết nối trực tiếp các hộ đến nhà văn hóa, khu thể thao của bản cũng như kết nối đến trung tâm xã	Bản Muống	Tổng chiều dài khoảng 1,3 km, Bnền = 4,0m; B mặt = 3,0m	2026-2030	4.800	4.800			4.800	HPI-ND01
4	Xã Nhi Sơn						8.000	7.924	76		7.924	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước vào khu sản xuất bán Tén Chè (bản Pá Hộc cũ), xã Nhi Sơn.	UBND xã Nhi Sơn	Tuyến đường giao thông từ QL15C đến khu sản xuất Bản Pá Hộc gồm 02 tuyến có tổng chiều dài là 3,3Km, hiện trạng đường đất gây khó khăn cho nhân dân trong đi lại, vận chuyển nông sản 70 hộ dân là đồng bào DTTS	Bản Pá Hộc	Tổng chiều dài khoảng 3300m, chiều dày 18cm; rãnh thoát nước hình thang	2026-2030	5.000	4.954	46		4.954	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước vào khu sản xuất bán Chim (bản Kéo Hượn cũ), xã Nhi Sơn.	UBND xã Nhi Sơn	Tuyến đường giao thông suối Song đến suối Khuỷ có chiều dài là 2Km, hiện trạng đường đất gây khó khăn cho nhân dân trong đi lại, vận chuyển nông sản 50 hộ dân là đồng bào DTTS	Bản Kéo Hượn	Chiều dài khoảng 2000m dày 18cm	2026-2030	3.000	2.970	30		2.970	HPI-ND01
5	Xã Pù Nhi						14.000	14.000			14.000	
1.1	Nối tiếp đường Na Tao đi bản Com xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Tuyến đường Na Tao đi bản com là tuyến đường độc đạo đi từ bản Na Tao vào bản com, phục vụ cho khoảng 186 hộ dân bản Com và nhân dân xung quanh đi lại, hiện nay tuyến đường qua nhiều năm sử dụng nên đã tuyến đường đã xuống cấp nghiêm trọng	Bản Com, xã Pù Nhi	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,8 km. Bđường = Bmặt+Blề= 3m+2x0.5m=4.m.	2026-2030	8.000	8.000			8.000	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông và cầu trần từ sân bóng bản Cá Tóp đi vào khu sản xuất	UBND xã Pù Nhi	Tuyến đường hiện là đường đất, phục vụ đi lại và canh tác cho khoảng 97 hộ dân bản Cá Tóp đi lại vào tuyến đường này rất nhiều, mỗi khi mưa bão tuyến đường hay bị ngập, lụt	Bản Cá Tóp, xã Pù Nhi	Làm đập tràn và Đồ bê tông hóa chiều dài khoảng 1,5 km, Bđường = Bmặt+Blề= 3.5m+2x0.5m=4.5m.	2026-2030	6.000	6.000			6.000	HPI-ND01
6	Xã Quang Chiêu						3.500	3.500			3.500	
1.1	Đập Ho He Mông	UBND xã Quang Chiêu	Hệ thống kênh tưới được cải tạo (bê tông hóa, hiện đại hóa) giúp giảm thất thoát nước, nâng cao hiệu suất sử dụng, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản cho bà con	Bản Mông	Xây đập dài khoảng 20 mét	2026-2030	3.500	3.500			3.500	HPI-ND02
7	Xã Tam Chung						14.112	14.112			14.112	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu cứng Mường Lát đi cầu Kha Khoài, bản Lát xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Tuyến đường từ cầu cứng Mường Lát đi cầu Kha Khoài thuộc bản Lát, xã Tam Chung đã xuống xấp xỉ nghiêm trọng, bề mặt đường bị nứt gãy, nhiều vị trí hình thành ổ trâu, ổ gà thường xuyên ứ đọng nước đặc biệt vào mùa mưa gây khó khăn khi tham gia giao thông. Tuyến đường có nhiều vị trí dốc nhưng bề mặt đường hư hỏng, gồ ghề nguy cơ mất an toàn cho người dân khi tham gia giao thông. Do trên địa bàn xã thường xuyên có mưa lũ kéo dài, dòng chảy nước mới sâu vào các vị trí ngập trũng dẫn đến tuyến đường bị hư hỏng nặng thêm	Bản Lát	Nâng cấp khoảng 1,5 km đường giao thông. Quy mô mặt cắt ngang: Bmặt:=5- 6m; Bnền= 6-7m; rãnh thoát nước dọc 2 bên; đèn chiếu sáng	2026-2030	14.112	14.112			14.112	HPI-ND01
8	Xã Trung Lý						16.000	16.000			16.000	
1.1	Đường nội đồng bản Khăm (Khăm 2 cũ), xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Đảm bảo đi lại thuận tiện, phát triển sản xuất; giao thương hàng hoá	Bản Khăm, xã Trung Lý	Tổng chiều dài khoảng 2 km, Bm=3m, Bn=4m, kê chống sạt lở taluy âm	2026-2030	7.000	7.000			7000	HPI-ND01
1.2	Đường lên bia tưởng niệm liệt sĩ xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Đảm bảo đi lại thuận tiện	Bản Táo, xã Trung Lý	Tổng chiều dài khoảng 0,2 km, Bm=5m, Bn=4m, kê chống sạt lở taluy âm	2026-2030	1.800	1.800			1.800	HPI-ND01
1.3	Xây mới hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung bản Táo (Khu Táo 3)	UBND xã Trung Lý	Có nước sinh hoạt cho nhân dân sử dụng, đảm bảo sức khoẻ, ổn định đời sống	Bản Táo, xã Trung Lý	Xây dựng mới tuyến đường ống dẫn nước và các bể chứa cấp nước cho 167 hộ	2026-2030	5.000	5.000			5.000	HPI-ND10
1.4	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Nà Ôn, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Có nước sinh hoạt cho nhân dân sử dụng, đảm bảo sức khoẻ, ổn định đời sống	Bản Nà Ôn, xã Trung Lý	Xây dựng mới tuyến đường ống dẫn nước và các bể chứa cấp nước cho 64 hộ	2026-2030	2.200	2.200			2.200	HPI-ND10
9	Xã Hồi Xuân						13.184	13.184			13.184	
1.1	Nâng cấp đường yên ngựa đi Bá Thước	UBND xã Hồi Xuân	Tuyến đường liên xã đi Bá Thước, phục vụ đi lại cho bà con nhân dân, nhằm phát triển kinh tế, xã hội, du lịch địa phương, hiện trạng đã hư hỏng, xuống cấp	Xã Hồi Xuân	Tổng chiều dài khoảng 4km, Bm từ 3-5m	2026-2030	8.400	8.400			8.400	HPI-ND01
1.2	Xây mới Đập và hệ thống dẫn nước tưới tiêu bản Huổi Luông (thôn Khó cũ, xã Hồi Xuân.	UBND xã Hồi Xuân	Đập hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp nặng, hệ thống mương dẫn bằng đất, không đáp ứng nhu cầu tưới cho 6,5 ha đất sản xuất nông nghiệp của bà con nhân dân thôn Khó	Thôn Khó, xã Hồi Xuân	Tuyến đường ống dài khoảng 0,6 km; xây mới đập dài khoảng 8m	2026-2030	1.500	1.500			1.500	HPI-ND10
1.3	Xây mới đập và hệ thống dẫn nước tưới tiêu Bản Xuân Phú, xã Hồi Xuân (bản Cang cũ).	UBND xã Hồi Xuân	Hệ thống đập và mương tưới chưa có, không đáp ứng nhu cầu tưới cho 4,5 ha đất sản xuất nông nghiệp của bà con nhân dân bản Cang	Bản Cang, xã Hồi Xuân	Tuyến đường ống dài khoảng 0,55 km; xây mới đập dài khoảng 8m	2026-2030	1.684	1.684			1.684	HPI-ND10

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Xây mới hệ thống dẫn nước tưới tiêu bán Phú Nghiêm (pọng Ka me cũ), xã Hồi Xuân)	UBND xã Hồi Xuân	Hệ thống mương dẫn nước bằng đất không đáp ứng nhu cầu tưới cho 10,5 ha đất sản xuất nông nghiệp của bà con nhân dân bán Pọng Ka me	Bán Pọng Kame, xã Hồi Xuân	Tuyến đường ống dài khoảng 1,8 km;	2026-2030	1.600	1.600			1.600	HPI-ND10
10	Xã Nam Xuân						19.000	19.000			19.000	
1.1	Nâng cấp đường lên Hồ Pha Đay bán Bút xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Hiện trạng đường bê tông xuống cấp, hẹp, chưa đảm bảo các tiêu chí về hạ tầng giao thông. Tuyến đường nối giữa hai khu du lịch của bán, việc đầu tư là cần thiết nhằm đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ đi lại và phát triển kinh tế - xã hội địa phương	Xã Nam Xuân	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài khoảng 3,5 Km, Bm=3,0m; Rãnh dọc gia cố	2026-2030	14.000	14.000			14.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đập mương Căn chết đồng Xôm bán Cùm xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Phục vụ diện tích tưới tiêu khoảng 8ha, hiện đã xuống cấp không tích được nước phục vụ tưới tiêu	Bán Cùm, xã Nam Xuân	Chiều dài đập khoảng 20m, mương 2000 m	2026-2030	2.100	2.100			2.100	HPI-ND02
1.3	Xây mới nước sinh hoạt tập trung bán Khang xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Hệ thống nước sinh hoạt chưa có, người dân sử dụng nước khe, mố; xây dựng mới để phục vụ cho gần 100 hộ dân	Bán Khang, xã Nam Xuân	Đập đầu nguồn, tuyến ống khoảng 4,0km, bể lắng bể chứa 04 bể	2026-2030	2.900	2.900			2.900	HPI-ND10
11	Xã Thiên Phú						15.000	15.000			15.000	
1.1	Đập mương suối Cang, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Mương đất chưa đáp ứng nhu cầu tưới cho 25ha đất sản xuất nông nghiệp của bà con nhân dân (hơn 200 hộ) của 02 bán Cang và bán Háng	Cang	Xây mới đập và khoảng 01 Km mương	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND02
1.2	Sửa chữa đập, mương Nà Nua bán Nam Động, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Đập và mương đã hư hỏng nặng, có một số đoạn mương đất chưa đáp ứng nhu cầu tưới cho 20ha đất sản xuất nông nghiệp của bà con nhân dân của bán Nam Động	Bán Nam Động	Sửa chữa đập, mương tưới tiêu tổng chiều dài khoảng 4km	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND02
1.3	Nước sinh hoạt tập trung bán Cang, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Công trình nước sinh hoạt tập trung bị xuống cấp, cần sửa chữa nâng cấp để phục vụ cấp nước cho các hộ dân trong bán	Bán Cang	Xây mới đập và khoảng 2km đường ống nước phục vụ cho 74 hộ	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND10
1.4	Nước sinh hoạt tập trung bán Na chiềng, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Công trình nước sinh hoạt tập trung bị xuống cấp, cần sửa chữa nâng cấp để phục vụ cấp nước cho các hộ dân trong bán	Bán Na chiềng	Sửa chữa đường ống nước sinh hoạt phục vụ 85 hộ dân tổng chiều dài khoảng 2,5km	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND10
1.5	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt bán Nam Động	UBND xã Thiên Phú	Bán có gần 180 hộ, hiện tại các hộ đang dùng ống nước để lấy nước từ mố để sinh hoạt, đường nước hư hỏng. Chiều dài	Bán Nam Động	Bán có gần 180 hộ, hiện tại các hộ đang dùng ống nước để lấy nước từ mố để sinh hoạt, đường nước hư hỏng. Chiều dài khoảng 4 km.	2026-2030	3.500	3.500			3.500	HPI-ND10
12	Xã Hiền Kiệt						30.000	30.000			30.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Công trình nước sạch sinh hoạt cho nhân dân bản Lóp, bản Bó, xã Hiền Kiệt	UBND xã Hiền Kiệt	Nước sạch sinh hoạt cấp cho 02 bản, (bản lóp, bản bó), xã Hiền Kiệt là rất cần thiết, vì hiện tại nhân dân các bản chưa có nước sạch để sinh hoạt, đang phải tự phục vụ và đi lấy nước ở nơi khác về sinh hoạt cho khoảng 1600 người.	Xã Hiền Kiệt	Tuyến chính khoảng 7 km, các tuyến nhánh, phụ có chiều dài khoảng 10km; phục vụ cho hơn 1.600 nhân khẩu	2026-2030	14.000	14.000			14.000	HPI-ND10
1.2	Cải tạo, xây dựng mới đập, mương thủy lợi từ bản Pheo (đập Keo Nác) đi bản Bó và các tuyến khác xã Hiền Kiệt, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Hiền Kiệt	Xây dựng mới mương thủy lợi từ pheo (đập Keo Nác) đi bản Bó, bản Chại, xã Hiền Kiệt, là rất cần thiết, vì hiện tại nhân dân các bản chưa có nước để phục vụ tưới để canh tác phục vụ giao cấy mà hiện tại nhân dân đang tự túc các phương tiện, điều kiện và nhờ vào thiên nhiên để lấy nước phục vụ sản xuất và canh tác 60 ha đất lúa nước.	Xã Hiền Kiệt	Nâng cao cao trình đỉnh đập có chiều dài khoảng L = 40.0m; xử lý đoạn mương qua vách đá có tổng chiều dài khoảng 1,5 km; Xây mới tuyến T2 có chiều dài khoảng 11,5 km	2026-2030	16.000	16.000			16.000	HPI-ND02
13	Xã Phú Lệ						17.120	17.000		120	17.000	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ ngã 3 tỉnh lộ 521C đi bản Hang, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Đoạn đường nằm trên tuyến đường xã Sại - Hang kết nối trung tâm xã Phú Lệ (cũ) với bản Đuôm, bản Hang phục vụ nhu cầu đi lại của hơn 140 hộ, 638 khẩu và kết nối phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng bản Hang; Được đầu tư xây dựng năm 2011 nhiều hạng mục hiện nay xuống cấp: mặt đường rộng 3,5m; gia cố lề bê tông rộng 1m hư hỏng sinh lún, bong tróc, ổ gà; nhiều cị trí ta luy taluy dương sạt lở vùi lấp rãnh thoát nước dọc, đập tràn thường xuyên bị ngập lụt vào mùa mưa tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người và phương tiện lưu thông trên tuyến. Việc đầu tư xây dựng mở rộng nâng cấp đoạn đường trên là hết sức cần thiết	Bản Hang, xã Phú Lệ	Chiều dài tuyến khoảng 1 km; mặt đường BTXM rộng 5,5m; Lề 0,5m; hệ thống rãnh bê tông thoát nước dọc, cống thoát nước	2026-2030	7.050	7.000		50	7.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ đầu cầu treo bản Chiềng Ôn, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Tuyến đường giao thông bản Chiềng nằm trên tuyến đường xã từ bản Chiềng đi Suối Tôn, phục vụ nhu cầu đi lại của 5 bản, hơn 570 hộ, được đầu tư xây dựng năm 2000 hiện nay hư hỏng mặt đường, bong tróc, nhiều ổ gà, không có rãnh thoát nước dọc	Bản Chiềng Ôn, xã Phú Lệ	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường dài khoảng 1,5 km, Chiều rộng mặt đường Bm = 3,5m, rãnh thoát nước chịu lực	2026-2030	5.520	5.500		20	5.500	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đập, mương Bản Chăng Páng, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Hiện trạng mương xây dựng từ năm 1994, tuyến mương phục vụ tưới 10ha ruộng Bản Páng, việc đầu tư xây dựng mương Bản Páng là rất cần thiết	Bản Chăng Páng, xã Phú Lệ	Cải tạo, sửa chữa đập dài 12m, tuyến mương Chiều dài khoảng 2 km.	2026-2030	4.550	4.500		50	4.500	HPI-ND02
14	Xã Trung Thành						16.600	15.770	830		15.770	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Chiềng - Tang Say, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thanh	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,6km; hiện trạng đoạn Km0+00 - Km0+650 mặt đường láng nhựa rộng 4-5m, mặt đường đã xuống cấp nhiều điểm mặt đường bị bong chóc, ổ gà, ổ trâu; mặt khác hệ thống thoát nước chưa có gây ngập úng cục bộ mỗi khi có mưa lớn; Đoạn Km0+650 - Km2+600 là đường đất rộng 3-4m, nền đường lồi lõm, trơn trượt, lầy lội mỗi khi trời mưa	Xã Trung Thành	đường dài khoảng 2,6Km, nền đường Bn=4,0m; mặt đường Bm=3,0m; lề đường Blề=2x0,5m; Riêng đoạn Km0+00 - Km0+650 sửa chữa nền, mặt đường hiện có đảm bảo Bm=4-5m.	2026-2030	16.600	15.770	830		15.770	HPI-ND01
15	Xã Phú Xuân						9.600	9.600			9.600	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ Bán Phé đi bán Mí, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Đường bê tông xuống cấp, nhiều đoạn đứt gãy; chật hẹp không an toàn khi lưu thông; Phục vụ cho 190 đi lại của bán Phé và Mí, lưu thông hàng hóa, đường duy nhất kết nối với các bán khác	Bán Phé	Chiều dài khoảng 2,5 km, làm đường Bê tông	2026-2030	9.600	9.600			9.600	HPI-ND01
16	Xã Trung Sơn						14.500	14.500			14.500	
1.1	Xây mới công trình Nước sinh hoạt bán Ta Bán	UBND xã Trung Sơn	Hiện nay, công trình cấp nước sinh hoạt tại bán Ta Bán chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, đặc biệt trong mùa khô thường xảy ra tình trạng thiếu nước. Việc đầu tư xây mới công trình nước sinh hoạt là cần thiết nhằm bảo đảm cung cấp nước sạch, ổn định cho Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ sức khỏe cộng đồng	Bán Ta Bán	tổng chiều dài tuyến hơn 4km Xây dựng 1 hệ thống thu nước, các bể lắng lọc và hệ thống ống dẫn nước	2026-2030	5.500	5.500			5.500	HPI-ND10
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông bán Ta Bán	UBND xã Trung Sơn	Tuyến đường giao thông bán Ta Bán là tuyến đường phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và giao thương của Nhân dân trong bán. Sau thời gian đưa vào sử dụng, mặt đường đã xuất hiện nhiều vị trí bong tróc, xuống cấp; hệ thống rãnh thoát nước bị xói mòn, hư hỏng; một số cống thoát nước trên tuyến không còn đảm bảo khả năng tiêu thoát nước	Bán Ta Bán	chiều dài khoảng 1,5 km, Bề rộng nền đường: 4,5 m, Bề rộng mặt đường: 3,5 m	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp đường, xây mới rãnh chịu lực hai bên tuyến đường khu trung tâm xã.	UBND xã Trung Sơn	Tuyến đường khu trung tâm xã là khu vực tập trung nhiều cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở kinh doanh và là nơi tổ chức chợ phiên định kỳ, lưu lượng người và phương tiện tham gia giao thông lớn. Hiện nay mặt đường nhiều vị trí thấp trũng, bề rộng nền đường hạn chế, chưa có hệ thống thoát nước đồng bộ nên thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng khi có mưa lớn, ảnh hưởng đến giao thông, sinh hoạt và hoạt động buôn bán của Nhân dân	Bản Páo	Chiều dài tuyến khoảng 350 m - Bề rộng : 6 m, Bề rộng mặt đường: 5 m	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND01
1.4	Sửa chữa tuyến đường từ đầu cầu Co Me đến trạm kiểm lâm Trung Sơn bản Chiềng, xã Trung Sơn.	UBND xã Trung Sơn	Tuyến đường giao thông từ đầu cầu Co Me đến trạm Kiểm lâm Trung Sơn là tuyến đường phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và giao thương của Nhân dân trong bản. Sau thời gian đưa vào sử dụng, mặt đường đã xuất hiện nhiều vị trí bong tróc, xuống cấp; hệ thống rãnh thoát nước bị xói mòn, hư hỏng; một số cống thoát nước trên tuyến không còn đảm bảo khả năng tiêu thoát nước	Bản Chiềng	chiều dài tuyến khoảng 800 m, Bề rộng nền đường: 6 m, Bề rộng mặt đường: 5 m	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND01
17	Xã Tam Lư						14.000	14.000			14.000	
1.1	Đầu tư mới công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cụm bản Hậu, bản Tỉnh, xã Tam Lư.	UBND xã Tam Lư	Đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 497 hộ và 06 cơ quan đơn vị gồm UBND xã, 03 đơn vị trường học và 01 trạm y tế, gần 4.000 khẩu. Đã được đầu tư năm 2004 hiện nay đã xuống cấp không sử dụng được.	Bản Hậu, bản Tỉnh	Xây dựng mới đập dâng nước kết hợp bể thu nước đầu nguồn. Hệ thống tuyến đường ống HDPE có chiều dài khoảng 16km, các bể chứa nước tập trung; Dọc tuyến dự kiến bố trí 08 cáp treo qua suối, khoảng 15 bể chứa nước tập trung	2026-2030	14.000	14.000			14.000	HPI-ND10
18	Xã Quan Sơn						17.352	17.200	152		17.200	
1.1	Cải tạo hệ thống giao thôn nội thôn bản Ngam, xã Quan Sơn	UBND xã Quan Sơn	Phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện của người dân (69 hộ, 370 khẩu) và người dân trên địa bàn xã, thực hiện hoàn thành tiêu chí giao thông, mặt đường bề tổng xuống cấp nghiêm trọng	Xã Quan Sơn	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài khoảng L= 1,0 Km; Mặt đường BTXM M250, Bm=5m;	2026-2030	4.825	4.800	25		4.800	HPI-ND01
1.2	Nước sinh hoạt tập trung khu Bìn, Hẹ Bản Tân Thành	UBND xã Quan Sơn	Cấp nước sinh hoạt cho 200 hộ, 954 khẩu khu Bìn, Hẹ, hiện đã xuống cấp nghiêm trọng	Xã Quan Sơn	Xây mới đập đầu nguồn, tuyến ống chiều dài khoảng 8,0km	2026-2030	8.421	8.400	21		8.400	HPI-ND10

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Cải tạo hệ thống giao thôn nội thôn Bản Quan Sơn, xã Quan Sơn	UBND xã Quan Sơn	Phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện của người dân (20 hộ, 64 khẩu) và người dân trên địa bàn xã, thực hiện hoàn thành tiêu chí giao thông	xã Quan Sơn	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài khoảng L= 0,45 Km; Mặt đường BTXM M250, Bm=5m;	2026-2030	4.105	4.000	105		4.000	HPI-ND01
19	Xã Trung Hạ						16.000	16.000			16.000	
1.1	Cầu suối Cánh bản Din, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Cầu suối Cánh bắc qua suối Cánh thuộc địa phận bản Din xã Trung Hạ, cầu được đầu tư xây dựng năm 2013 với chiều dài khoảng 12m, rộng 5m. Năm 2025, do ảnh hưởng của mưa bão, cầu bị nước lũ làm sập và cuốn trôi hoàn toàn, , việc lưu thông tiềm ẩn nguy cơ cao mất an toàn, đặc biệt là vào mùa mưa bão.	Xã Trung Hạ	Xây dựng mới cầu dân sinh dài khoảng 15m, rộng 5m	2026-2030	6.000	6.000			6.000	HPI-ND01
1.2	Đường nội vùng bản Lợi xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Đường GT được đầu tư bằng nguồn vốn do người dân đóng góp từ năm 2013, hiện nay mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng gây mất an toàn cho người dân khi tham gia giao thông.	Xã Trung Hạ	Đầu tư nâng cấp đường dài khoảng 0,5km, rộng 4m và hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường liên thôn bản Xầy - Chiềng Xầy xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Hiện trạng hiện nay đang là đường đất, cầu tạm do vậy gây khó khăn cho khoảng 120 hộ dân tại 2 bản Xầy - Chiềng Xầy khi tham gia giao thông	Xã Trung Hạ	dài khoảng 350m, rộng 4m và xây dựng cầu dân sinh dài khoảng 10m, rộng 4m	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND01
1.4	Cải tạo, nâng cấp đường nội vùng bản Din, xã Trung Hạ - Giai đoạn 2	UBND xã Trung Hạ	Đường nội vùng bản Din, xã Trung Hạ được đầu tư xây dựng từ năm 2006, qua nhiều lần duy tu bảo dưỡng hiện nay đã xuống cấp, việc nâng cấp đường để đảm bảo an toàn cho người dân khi tham gia giao thông đồng thời đảm bảo mỹ quan khu trung tâm xã	Xã Trung Hạ	Cải tạo, nâng cấp khoảng 850m đường và hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	3.500	3.500			3.500	HPI-ND01
20	Xã Na Mèo						14.200	14.200			14.200	
1.1	Nước SH tập trung Na Mèo, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Na Mèo	Đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho A dân quân thường trực và 58 hộ dân với khoảng 395 nhân khẩu.Đã được đầu tư năm 2002 hiện nay đã hư hỏng hoàn toàn.	Bản Na Mèo, xã Na Mèo	Xây dựng mới đập dâng nước kết hợp bể thu nước đầu nguồn. Hệ thống tuyến đường ống HDPE chiều dài khoảng 8km, các bể chứa nước tập trung	2026-2030	11.000	11.000			11.000	HPI-ND10
1.2	Cải tạo, sửa chữa đập, nương Ché Lầu, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Na Mèo	Đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho 68 hộ dân với khoảng 326 nhân khẩu bản người Mông.Đã được đầu tư năm 2006 hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp và không có nước sinh hoạt cho một số hộ chưa kéo đến	Bản Ché Lầu, xã Na Mèo	Xây dựng mới đập dâng nước kết hợp bể thu nước đầu nguồn. Hệ thống tuyến đường ống HDPE có chiều dài khoảng 2km, các bể chứa nước tập trung .	2026-2030	3.200	3.200			3.200	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
21	Xã Sơn Thủy						14.600	14.600			14.600	
1.1	Nước sạch sinh hoạt tập trung bản Muổng (khu cóc)	UBND xã Sơn Thủy	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Muổng (khu cóc) được đầu tư xây dựng từ năm 2008, để nay công trình đã hư hỏng toàn bộ, không có khả năng cấp nước, các hộ dân sinh sống trong khu vực phải tự lấy các nguồn nước từ các khe, suối nhỏ để sinh hoạt dẫn đến nguồn nước không đảm bảo phục vụ sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là vào mùa khô thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu nước sinh hoạt	Xã Sơn Thủy	Gồm các bể và đường ống, đập cấp nước cho 63 hộ dân	2026-2030	4.900	4.900			4.900	HPI-ND10
1.2	Hệ thống đường ống cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bản Mùa Xuân (gồm 02 khu: Mùa Xuân và Xía Nọi) xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Công trình cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại Mùa Xuân (gồm 02 khu: Mùa Xuân và Xía Nọi) được đầu tư từ năm 2011, đến nay đã hư hỏng nghiêm trọng không thể cấp nước tưới ruộng, hoa màu, nhân dân phải tự khắc phục bằng hình thức kéo đường ống dẫn nước từ khe suối về	Xã Sơn Thủy	Xây dựng hệ thống đường ống D110; D90 dẫn nước với chiều dài khoảng 9,0 km.	2026-2030	4.900	4.900			4.900	HPI-ND02
1.3	Đập, mương Na Ha bản Xuân Thành (khu Khà) xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Hiện nay công trình chưa được quan tâm đầu tư, để cung cấp nước tưới cho khoảng 8,0ha đất lúa nhân dân phải tự đắp đập bằng đá hộc và đào mương đất để dẫn về tưới cho đất lúa. Tuy nhiên, vào mùa mưa lũ nước dâng cao, chảy xiết thường xuyên phá vỡ đập tạm của nhân dân, dẫn đến việc thiếu nước tưới cho đất lúa của nhân dân, giảm năng suất, dẫn đến tình trạng thiếu đói trên địa bàn	Xã Sơn Thủy	Xây dựng đập dâng với chiều rộng 20m, kiên cố tuyến mương tưới với chiều dài khoảng L=1.500m	2026-2030	4.800	4.800			4.800	HPI-ND02
22	Xã Sơn Điện						7.050	7.000		50	7.000	
1.1	Nước sinh hoạt tập trung bản Xuân Sơn xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân, làm giảm bệnh tật, cải thiện môi trường, góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và an ninh trật tự xã hội trên địa bàn, phục vụ nước sinh hoạt cho 202 hộ/942 khẩu và 02 điểm trường MN và Tiểu học Xuân Sơn	Bản Xuân Sơn	Xây dựng mới đập dâng nước kết hợp bể thu nước đầu nguồn + Hệ thống tuyến đường ống HDPE kết hợp ống kẽm có chiều dài khoảng 5,0km, các bể chứa nước tập trung	2026-2030	7.050	7.000		50	7.000	HPI-ND10
23	Xã Tam Thanh						18.600	18.600			18.600	
1.1	Đầu tư xây mới mương tưới tiêu nội đồng khu Bôn, bản Thanh Bình, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	hiện trạng mương đang là mương đất gây thất thoát nước tưới từ đầu nguồn, không bảo đảm nước tưới trong quá trình canh tác phục vụ tưới cho 7ha	Khu Bôn, bản Thanh Bình	Xây mới mương quy mô dài khoảng 1km: thành cao khoảng 0,6m;	2026-2030	1.300	1.300			1.300	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Đầu tư xây mới mương tưới khu Phe, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	hiện trạng đoạn mương còn lại đang là mương đất nối tiếp với đoạn đã đầu tư xây mới, không đảm bảo nước tưới cho 12ha	Khu Phe, bản Thanh Sơn	Xây mới mương quy mô dài khoảng 0,2km: khẩu độ 0,5m; thành cao khoảng 0,6m	2026-2030	700	700			700	HPI-ND02
1.3	Đầu tư xây mới mương tưới khu Kham, bản Thanh Bình xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	hiện trạng mương đang là mương đất gây thất thoát nước tưới từ đầu nguồn, không bảo đảm nước tưới trong quá trình canh tác, tưới cho 6ha	Khu Kham, bản Thanh Bình	Xây mới mương quy mô dài khoảng 2km: khẩu độ 0,5m; thành cao khoảng 0,6m	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND02
1.4	Tu sửa mương Na Lá - Na Cha khu Pa, bản Thanh Lâm , xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Hệ thống mương đã xây dựng nhiều năm trước, hư hỏng nhiều không bảo đảm nước tưới cho khoảng 7ha	Khu Pa, bản Thanh Lâm	sửa chữa thành mương, đáy mương hư hỏng, xây mới những vị trí hư hỏng hoàn toàn khoảng 0,6km	2026-2030	1.200	1.200			1.200	HPI-ND02
1.5	Đầu tư xây dựng mương tưới tiêu từ suối Lây Cát, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	hiện trạng đoạn mương còn lại đang là mương đất nối tiếp với đoạn đã đầu tư xây mới, không đảm bảo nước tưới	Khu Na Ấu, bản Thanh Sơn	Xây mới mương quy mô dài khoảng 2km: khẩu độ 0,5m; thành cao khoảng 0,6m;	2026-2030	2.400	2.400			2.400	HPI-ND02
1.6	Xây dựng hệ thống nước sạch khu Bôn, bản Thanh Bình, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Hiện trạng bản chưa có điểm sử lý nước sạch, người dân chủ yếu dùng nước trực tiếp từ các suối không đảm bảo vệ sinh, dễ phát sinh lây nhiễm bệnh từ nguồn nước chưa được sử lý. Sau khi đầu tư xây dựng đường ống, bể chứa sẽ cung cấp cho 129 hộ nhân dân khu Bôn, bản Thanh Bình.	Khu Bôn, bản Thanh Bình	xây dựng đường ống chiều dài khoảng 7km dẫn từ suối về bể xử 3 bể xử lý	2026-2030	5.500	5.500			5.500	HPI-ND10
1.7	Xây dựng hệ thống nước sạch khu Na Ấu, bản Thanh Sơn, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	hiện trạng bản chưa có điểm sử lý nước sạch, người dân chủ yếu dùng nước trực tiếp từ các suối không đảm bảo vệ sinh, dễ phát sinh lây nhiễm bệnh từ nguồn nước chưa được sử lý. Sau khi đầu tư xây dựng đường ống, bể chứa sẽ cung cấp cho 111 hộ nhân dân khu Na Ấu, bản Thanh Sơn.	Khu Na Ấu, bản Thanh Sơn	xây dựng đường ống chiều dài khoảng 7km dẫn từ suối về bể xử 2 bể xử lý	2026-2030	5.500	5.500			5.500	HPI-ND10
24	Xã Đồng Lương						18.000	18.000			18.000	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường thôn Tân Thủy đến thôn Tân Bình	UBND xã Đồng Lương	Bảo đảm đi lại thuận lợi, an toàn giao thông; chống sạt lở tại khu vực Dốc Cây En và bảo vệ kết cấu công trình.	Tân Thủy đến thôn Tân Bình	Tổng chiều dài khoảng 3,5km rộng khoảng 7,5m, mở rộng rãnh thoát nước 2 bên đường; Rọ đá, kè bê tông chống sạt lở đất, đá đoạn dốc Cây En	2026-2030	13.000	13.000			13.000	HPI-ND01
1.2	Xây mới Đập, mương Tổng; Nâng cấp sửa chữa đập mương Bến Trong thôn Tân Sơn	UBND xã Đồng Lương	Bảo đảm nguồn nước tưới tiêu, phục vụ sản xuất	Thôn Tân Sơn	Tổng chiều dài tuyến kênh và đập là dài khoảng 2,2 km, đập chiều dài khoảng 25m	2026-2030	5.000	5.000			5.000	HPI-ND02
25	Xã Văn Phú						11.000	10.915	85		10.915	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường và tràn liên hợp khu tái định cư bản Tam Ván với đường bản Lọng đi Ván Nho	UBND xã Ván Phú	Giao thương và đi lại thuận tiện, kết nối giao thông của các hộ dân trên khu Tái định cư bản Lọng cũ với các khu dân cư khác trên tuyến đường 530B và giao thương với xã Ván Nho	Xã Ván Phú	dài khoảng 0,6km, nền đường rộng 5,5m, mặt đường rộng 4,5m, hệ thống thoát nước dọc, ngang đường và các công trình phụ trợ; 01 tràn qua suối Lọng	2026-2030	8.000	7.915	85		7.915	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp đường giao thông bản Phá xã Ván Phú	UBND xã Ván Phú	Giao thương và đi lại thuận tiện, kết nối giao thông từ bản phá đến khu trung tâm xã và giao thương với các cụm khu dân cư khác trong xã và ngoài xã	Xã Ván Phú	tuyến đường dài khoảng 02km, nền đường rộng 5,5m, mặt đường rộng 4,5m. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND01
26	Xã Giao An						15.000	14.204	796		14.204	
1.1	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Chiềng Poọng	UBND xã Giao An	Là tuyến đường liên kết vùng sản xuất, trao đổi hàng hóa phát triển kinh tế xã hội của thôn xã Giao An Hiện trạng là đường bê tông, đất xuống cấp	Xã Giao An	Khoảng 3,1 km; kết cấu mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước nước bằng BT	2026-2030	7.500	7.000	500		7.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo đường giao thông thôn Chiềng Nang	UBND xã Giao An	Là tuyến đường liên kết vùng sản xuất, trao đổi hàng hóa phát triển kinh tế xã hội của thôn xã Giao An Hiện trạng là đường bê tông, đất xuống cấp	Xã Giao An	Khoảng 2,3 km; kết cấu mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước nước bằng BT	2026-2030	5.500	5.204	296		5.204	HPI-ND01
1.3	Xây mới mương Chiềng Poọng	UBND xã Giao An	Là vùng cung cấp nước tưới liên kết vùng sản xuất, lúa nước. Hiện trạng mương đất, đá khoảng 350m xuống cấp, mương bê tông khoảng 200 m bị thủng lủng đáy hư hỏng	Xã Giao An	Chiều dài tuyến khoảng 550m kênh BTXM, và các cửa chia nước	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND02
27	Xã Yên Khương						8.500	8.500			8.500	
1.1	Đường giao thông từ nhà ông Kéo đến tuyến bản Xắng Hắng	UBND xã Yên Khương	Hiện là đường đất, Việc ĐTXD đường GTNT không những đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân mà còn tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, tăng thu nhập và giảm nghèo nông thôn	Bản Xắng Hắng	chiều dài khoảng 2,0 km; kết cấu mặt đường bê tông xi măng, dày khoảng 18-20cm	2026-2030	6.000	6.000			6.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp và mở rộng đường và tràn từ nhà ông Lương Văn Phúc đi khu Na Me bà Xã	UBND xã Yên Khương	Hiện đường Bt xuống cấp nghiêm trọng. Việc ĐTXD đường GTNT không những đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân mà còn tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, tăng thu nhập và giảm nghèo nông thôn	Bản Xã	Tổng chiều dài khoảng 0,7km Đường BT mác 250, dày 20cm	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND01
28	Xã Yên Thắng						8.000	8.000			8.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Dự án: Đường giao thông nội thôn bản Văn Ngoài	UBND xã Yên Thắng	Việc ĐTXD đường GTNT không những đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân mà còn tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn, tạo nền tảng ổn định chính trị - xã hội. Hiện trạng là đường bê tông đã xuống cấp nghiêm trọng	Bản Văn Ngoài	Cải tạo khoảng 3,2 km đường giao thông nội bản Văn Ngoài, kết cấu BT, dày 18-20cm	2026-2030	8.000	8.000			8.000	HPI-ND01
29	Xã Thiết Ống						17.100	16.800	300		16.800	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên thôn từ thôn Quyết Thắng đi thôn Mường Ống, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông, tăng tính kết nối khu vực, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo trong vùng	Xã Thiết Ống	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B; Chiều dài khoảng 3km; lắp đặt 01 đoạn cống dài 5-7m.	2026-2030	5.408	5.208	200		5.208	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Đồng Tâm xã Thiết Ống (đoạn từ nhà ông Nguyễn Công Thành đến hộ ông Nguyễn Công Tiến)	UBND xã Thiết Ống	Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông, tăng tính kết nối khu vực, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo trong vùng	Xã Thiết Ống	Đầu tư xây mới, bê tông hóa tuyến đường dân sinh rộng 5m, dài khoảng 450m	2026-2030	1.150	1.150			1.150	HPI-ND01
1.3	Xây mới đường tràn thôn Cha, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Xây mới đập tràn thôn Cha đi thôn Khung đảm bảo an toàn cho nhân dân trên địa bàn dự án	Xã Thiết Ống	Nâng cao mặt đập và khoảng 100m đường giao thông 02 đầu đập tràn cos 3,5-4,5m; Lắp đặt, Mở rộng cống thoát nước có chiều dài 20-25m qua tràn đảm bảo tiêu thoát lũ, nâng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương	2026-2030	4.300	4.200	100		4.200	HPI-ND02
1.4	Xây dựng mới mương Thung thôn Thiết Giang, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp nước tưới phục vụ cho đất nông nghiệp, nước sinh hoạt góp phần giảm bớt khó khăn cho nhân dân	Xã Thiết Ống	Xây mới mương bê tông với chiều dài khoảng 1200 m mương, chiều rộng mặt mương khoảng 0,4-0,5m.	2026-2030	1.875	1.875			1.875	HPI-ND02
1.5	Xây dựng mới mương Cáo Chặng thôn Thiết Sơn, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp nước tưới phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.	Xã Thiết Ống	Xây mới mương bê tông với chiều dài khoảng 1500 m mương;	2026-2030	2.338	2.338			2.338	HPI-ND02
1.6	Xây dựng mới mương Dòm, thôn Cha, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp nước tưới phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.	Xã Thiết Ống	Xây mới mương bê tông với chiều dài khoảng 1300 m;	2026-2030	2.029	2.029			2.029	HPI-ND02
30	Xã Văn Nho						16.341	16.103	238		16.103	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội thôn từ nhà Ông Thủy đến Na Pén thôn Văn Tiến	UBND xã Văn Nho	Tuyến đường hiện tại một phần là đường bê tông cũ đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều đoạn là đường đất, đường nhỏ hẹp, lầy lội vào mùa mưa, gây khó khăn lớn cho việc đi lại và vận chuyển nông sản của các hộ dân. Việc đầu tư xây nâng cấp nhằm đảm bảo đảm giao thông thuận lợi cho 422 hộ dân thôn Văn Tiến với các thôn lân cận	Thôn Văn Tiến	chiều dài khoảng 1.000 m bê tông giao thông NT, cấp Bm=3,5 m; Bn=5,5m	2026-2030	2.743	2.714	29		2.714	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội thôn từ nhà Ông Nhuận đi Hồ bo dưới thôn Văn Thành	UBND xã Văn Nho	Tuyến đường hiện tại đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều đoạn là đường đất, đường nhỏ hẹp, lầy lội vào mùa mưa, gây khó khăn lớn cho việc đi lại và vận chuyển nông sản của hộ dân.tư xây nâng cấp nhằm đảm bảo đảm giao thông thuận lợi cho 525 hộ dân thôn Văn Thành kết nối với các thôn lân cận	Thôn Văn Thành	Chiều dài khoảng 1150 m, bê tông giao thông NT Bm=3,5 m; Bn=5,5 m; (Cầu dài 6m, rộng 4m)	2026-2030	3.099	3.099			3.099	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ngã ba thôn Văn Thành đi Thôn Văn Tiến	UBND xã Văn Nho	Tuyến đường hiện tại đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều đoạn là đường đất, đường nhỏ hẹp, lầy lội vào mùa mưa, gây khó khăn lớn cho việc đi lại và vận chuyển nông sản của hộ dân.tư xây nâng cấp nhằm đảm bảo đảm giao thông thuận lợi cho 947 hộ dân thôn Văn Thành - Văn Tiến kết nối với các thôn lân cận	Thôn Văn Thành và thôn Văn Tiến	Chiều dài khoảng 3.200 m, bê tông giao thông NT, Bm=3,5 m; Bn=5,5 m.	2026-2030	8.209	8.000	209		8.000	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, cải tạo đường giao nội đồng từ Km07 đến Na Tăm Bo Hiềng	UBND xã Văn Nho	Tuyến đường hiện trạng đã xuống cấp, mặt đường nứt vỡ, bong tróc, một số đoạn bị lún cục bộ; đang còn nhiều đoạn là đường đất gây khó khăn trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhằm bảo đảm giao thông an toàn cho 484 hộ dân thôn Bo Hiềng	Thôn Bo Hiềng	Chiều dài khoảng 850 m, bê tông giao thông NT, Bm=3,5 m; Bn=5,5 m	2026-2030	2.290	2.290			2.290	HPI-ND01
31	Xã Diên Quang						28.200	28.200			28.200	
1.1	Đường giao thông thôn Thượng Tiến, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Hiện trạng Đường đất L=0,8km; 1,4km đường bê tông đã xuống cấp hư hỏng. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp là cần thiết nhằm bảo đảm giao thông thông suốt cho 423 hộ dân thôn Thượng Tiến, tạo điều kiện vận chuyển hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội	Thôn Thượng Tiến	Cải tạo, nâng cấp, Chiều dài khoảng 2,2km đường bê tông giao thông NT cấp Bn=3,5m; Bm=5m; Bỏ sung 02 cống 5,4m; 2,4m	2026-2030	6.500	6.500			6.500	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Đường giao thông thôn Quang Liên, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Hiện trạng Đường đất; (L1: 500m; L2: :1000m; L3: 800m); Việc đi lại gặp nhiều khó khăn. Việc sửa chữa, nâng cấp nhằm bảo đảm giao thông thuận lợi cho 407 hộ dân thôn Quang Liên	Thôn Quang Liên	Chiều dài khoảng 2,3km đường bê tông giao thông NT cấp Bn=3,5m; Bm=5m	2026-2030	6.000	6.000			6.000	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Thượng Tiến đi thôn Thượng Diên, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Hiện trạng Đường bê tông Bm=3m đã xuống cấp hư hỏng. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhằm bảo đảm nhu cầu đi lại cho 446 hộ dân thôn Thượng Tiến, tăng cường kết nối với tỉnh lộ 518E và các xã lân cận như xã Thiết Ống, xã Thạch Lập, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	Thôn Thượng Tiến	Chiều dài khoảng 2km đường nhựa; Bn=5m; Bm=6m;	2026-2030	7.000	7.000			7.000	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông thôn Diên Sơn, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Hiện trạng Đường đất L=0,8km; các tuyến đường Bê tông (L1=0,5km; Bm=2,5m) (L2:=0,4km Bm=2m) đã xuống cấp; hư hỏng nặng. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhằm bảo đảm giao thông an toàn cho 385 hộ dân thôn Diên Sơn, tạo điều kiện phát triển sản xuất, hoàn thiện hạ tầng giao thông và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.	Thôn Diên Sơn	Chiều dài khoảng 1,7km: L1=0,5km; L2=1,2km đường bê tông giao thông NT cấp Bn=3,5m; Bm=5m	2026-2030	4.500	4.500			4.500	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Tiên Quang (đoạn từ nhà ông Hà Mai Vực, thôn Hồ Quang cũ đi dốc Châm), xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Hiện trạng Tuyến đường hiện trạng là đường bê tông Bm = 3m đã xuống cấp, nhiều vị trí bị gãy, ổ gà, gồ ghề. Việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa tuyến đường là rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hoá của 421 hộ dân và kết nối xã lân cận, góp phần xây dựng nông thôn mới	Thôn Tiên Quang	Chiều dài khoảng 1km, đường giao thông nông thôn cấp B: Bn = 5m, Bm = 3,5m, Bìê = 2x0,75m. Công trình thoát nước dọc và ngang đường; kê mái ta luy đá học chống sạt lở 100m	2026-2030	4.200	4.200			4.200	HPI-ND01
32	Xã Quý Lương						18.500	17.685	815		17.685	
1.1	Đường giao thông nội thôn thôn Lương Thắng (thôn Són cũ), xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng là đường đất đã xuống cấp, ảnh hưởng 120 hộ dân mùa mưa bão; sau khi dự án được đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối các khu dân cư, đảm bảo đi lại cho bà con nhân dân mùa mưa bão	Thôn Lương Thắng, xã Quý Lương	Đường BTXM chiều dài khoảng 1,5Km, Bn=6m, mặt khoảng =3,5m, hệ thống thoát nước + 03 tràn kết hợp rãnh thoát nước	2026-2030	7.700	7.300	400		7.300	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống mương Trung Thủy (thôn Chòm Mót cũ), Xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng tuyến mương xây dựng từ năm 2001, hiện tại đã hư hỏng nặng do mưa bão; sau khi dự án được đầu tư góp phần chủ động điều tiết, tích trữ và phân phối nguồn nước phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Thôn Trung Thủy, xã Quý Lương	Chiều dài tuyến kênh dài khoảng 2km	2026-2030	5.100	5.000	100		5.000	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp, sửa chữa Đường giao thông thôn Lương Trung đi thôn Lương Sơn (thôn Quang Trung đi thôn Phú Sơn cũ), xã Quý Lương	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng là tuyến đường BTXM + đường nhựa đã xuống cấp, hệ thống rãnh hư hỏng gây ngập lụt cục bộ cho nhân dân (ước tính 150 hộ bị ảnh hưởng trên toàn tuyến); dự án sau khi được đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối các khu dân cư, đảm bảo đi lại cho bà con nhân dân mùa mưa bão	Thôn Lương Trung và thôn Lương Sơn, xã Quý Lương	Tuyến đường dài khoảng 1,0km, nền đường 7m, mặt đường rộng 6m, rãnh thoát nước và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	5.700	5.385	315		5.385	HPI-ND01
33	Xã Cổ Lũng						17.980	17.980			17.980	
1.1	Đường và cống thoát nước, thôn Hiêu (thôn Khuyn cũ), xã Cổ Lũng.	UBND xã Cổ Lũng	Chiều dài đoạn tuyến vào khu dân cư thôn Khuyn khoảng 200m bị mưa lũ cuốn trôi, cụ bộ trên trục dọc tuyến có một số điểm nền đường bị nứt gãy, bong tróc với chiều dài khoảng 100m. Mùa mưa lũ đến nếu không có các biện pháp gia cố thì các hộ dân khu vực cuối thôn và bà con từ trung tâm thôn khuyn đi vào khu vực sản xuất sẽ bị chia cắt khi mưa lũ. Việc đầu tư hạng mục bờ kè, tường chắn và mặt đường bê tông là hết sức cần thiết	Thôn Hiêu xã Cổ Lũng	Đầu tư tuyến đường có chiều dài khoảng 0,3km. Công trình thoát nước dọc và ngang đường, hệ thống kè hoặc tường chắn chống sạt trượt và ổn định nền đường dài khoảng 70m	2026-2030	3.050	3.050			3.050	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Đốc (khu Na Héo, thuộc địa phận thôn Lác cũ), xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Đây là đường liên thôn giữa thôn Đốc và thôn Lác (cũ), hiện trạng đường đã hư hỏng, xuống cấp, nứt gãy có chiều rộng Bm = 2,0m nên không đảm bảo theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn. Vì vậy việc đầu tư tuyến đường là cần thiết để đảm bảo việc lưu thông phương tiện và vận chuyển hàng hoá giao thương của bà con.	Thôn Đốc, xã Cổ Lũng	Tuyến đường có chiều dài khoảng 0,5km. Có Bn = 5m, Bm = 3,5m, thoát nước dọc và ngang đường	2026-2030	2.570	2.570			2.570	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Bó Nứa, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Hiện trạng là đường đất có chiều rộng nền khoảng 3,5 - 5mm. Việc đầu tư tuyến đường là cần thiết để đảm bảo lưu thông thuận tiện cho 20 hộ dân khu dân cư Đoàn Khàn khi mùa mưa lũ về, giúp đảm bảo an toàn tính mạng, góp phần xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh quốc phòng trong khu vực.	Thôn Bó Nứa	Tuyến đường có chiều dài khoảng 0,45 km. Có Bn = 5m, Bm = 3,5m, Bllê = 2x0,75m; tường chắn, thoát nước dọc và ngang đường	2026-2030	2.570	2.570			2.570	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Đường giao thông thôn Lũng Cao, xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	Hiện trạng là đường bê tông có chiều rộng nền khoảng từ 3,5 - 5m, mặt đường bê tông rộng khoảng từ 2,5 đến 3m. Việc đầu tư tuyến đường là cần thiết để đảm bảo lưu thông thuận tiện cho bà con khi mùa mưa lũ về, góp phần xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh quốc phòng trong khu vực.	Thôn Lũng Cao	Tuyến đường có chiều dài khoảng 0,35 km. Có Bn = 5m, Bm = 3,5m, Bllê = 2x0,75m. Gia cố tường chắn, thoát nước dọc và ngang đường	2026-2030	2.570	2.570			2.570	HPI-ND01
1.5	Sửa chữa, Nâng cấp mương đập Cao, thôn Lũng Cao (thôn Cao cũ), xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	Việc đầu tư tuyến mương là cần thiết để đảm bảo tưới tiêu cho 15ha đất sản xuất nông nghiệp của hai thôn (thôn Cao 10ha; thôn Nang 5ha). Hiện 300m mương xây đá học đã xuống cấp, rò rỉ đáy và không giữ được nước và 270m là mương đất bị sạt lở nhiều đoạn	Thôn Lũng Cao, xã Cỏ Lũng	Kiên cố hóa tuyến mương có chiều dài khoảng 0,57km	2026-2030	1.550	1.550			1.550	HPI-ND02
1.6	Sửa chữa, Nâng cấp Mương đập Chiềng Vang thôn Lũng Cao (thôn Nang cũ), xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	Việc đầu tư tuyến mương là cần thiết để đảm bảo tưới tiêu cho 28ha đất sản xuất nông nghiệp của thôn Lũng Cao (trước đây thuộc địa phận thôn Nang) Hiện 350m là mương đất bị sạt lở nhiều đoạn và 200m mương BT bị hư hỏng	Thôn Lũng Cao, xã Cỏ Lũng	Kiên cố hóa tuyến mương dài khoảng 0,55km bằng bê tông	2026-2030	1.550	1.550			1.550	HPI-ND02
1.7	Sửa chữa, Nâng cấp Mương đập Bai Tùng thôn Mường Khoòng (thôn Phìa cũ), xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	Việc đầu tư tuyến mương là cần thiết để đảm bảo tưới tiêu cho 30ha đất sản xuất nông nghiệp của hai thôn (thôn Phìa 16,35ha; thôn Lọng 13,65ha) sau sát nhập là thôn Mường Khoòng Hiện 900m là mương xây đá học đã xuống cấp, rò rỉ đáy	Thôn Mường Khoòng, xã Cỏ Lũng	Kiên cố hóa tuyến mương dài khoảng 0,9km bằng bê tông	2026-2030	2.570	2.570			2.570	HPI-ND02
1.8	Sửa chữa đập, mương thôn Đốc (thôn Lác cũ), xã Cỏ Lũng	UBND xã Cỏ Lũng	Việc đầu tư xây dựng đập, mương thôn Lác là cần thiết để đảm bảo tưới tiêu cho 12ha đất lúa (trước đây là địa phận thôn Lác, thôn Đốc) sau sát nhập là thôn Đốc Hiện tại đập xây bằng đá học do nhân dân địa phương tự xây dựng, mương đá học xuống cấp	Thôn Đốc, xã Cỏ Lũng	Xây mới đập có kích thước khoảng (L= 35m, H= 3m) và tuyến mương tưới dài khoảng 0,7km.	2026-2030	1.550	1.550			1.550	HPI-ND02
34	Xã Pù Luông						16.500	16.500			16.500	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường chữ S, thôn Đôn, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Tuyến đường chữ S, thôn Đôn là tuyến giao thông quan trọng phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân và kết nối các điểm du lịch trên địa bàn. Tuyến đường có địa hình đồi núi, nhiều khúc cua gấp, độ dốc lớn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông,Tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp nghiêm trọng, mức độ hư hỏng ước khoảng 80%	Thôn Đôn, xã Pù Luông	Tổng chiều dài khoảng 2,02 km; Dự kiến Bề rộng mặt đường Bm = 3,50 m; bề rộng nền đường Bn = 5,00 m; hệ thống thoát nước, gia cố taluy và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	10.000	10.000			10.000	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Kho Mường, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Là đường dân sinh, mặt đường đất, nền đường hẹp, chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ. Vào mùa mưa, mặt đường thường xuyên trơn trượt, lầy lội, việc đi lại của Nhân dân gặp nhiều khó khăn; các phương tiện ô tô khó tiếp cận khu dân cư, ảnh hưởng đến vận chuyển hàng hóa, nông sản, nhu yếu phẩm và phục vụ các nhu cầu thiết yếu của người dân.	Thôn Kho Mường	Chiều dài khoảng 3,5 km; bề rộng mặt đường Bm = 3,00 m; bề rộng nền đường Bn = 4,00 m; hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	6.500	6.500			6.500	HPI-ND01
35	Xã Hóa Quý						18.000	18.000			18.000	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Đàm cũ (nay là thôn Hóa Quý 3), xã Hoá Quý	UBND xã Hóa Quý	Hiện trạng là đường bê tông rộng 2,5m, đã bị bong tróc, xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa (nông, lâm sản như sắn, mía, keo và nguyên vật liệu xây dựng) và nhu cầu đi lại của nhân dân.	Xã Hóa Quý	Đầu tư khoảng 2 km đường và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	8.000	8.000			8.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo kênh mương nội đồng thôn Hoá Quý 1 (thuộc thôn Thanh Xuân và Đông Xuân cũ), xã Hóa Quý	UBND xã Hóa Quý	Hiện trạng là các đoạn kênh xây và kênh đất nối tiếp, nhiều chỗ đã bị rò rỉ, bị vỡ thành mương, sụt lún, không đảm bảo khả năng tưới tiêu. Vì vậy, cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình để phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho 86,8 ha lúa và hoa màu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, phát triển kinh tế xã hội của địa phương	Xã Hóa Quý	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến kênh thủy lợi với chiều dài khoảng 4km	2026-2030	6.000	6.000			6.000	HPI-ND02
1.3	Kênh Mương thôn Hợp Thành cũ (nay là thôn Bình Lương 2)	UBND xã Hóa Quý	Hiện trạng là các đoạn kênh xây và kênh đất nối tiếp, nhiều chỗ đã bị vỡ thành mương, sụt lún, không đảm bảo khả năng phục vụ tưới tiêu. Vì vậy, cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình để phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho 84 ha lúa và hoa màu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, phát triển kinh tế xã hội của địa phương	Xã Hóa Quý	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến kênh thủy lợi với chiều dài khoảng 2km	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND02
36	Xã Thanh Phong						12.000	12.000			12.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây mới và cải tạo đường nội thôn xuân Phong, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Tuyến đường bê tông 0,4km đã xuống cấp nghiêm trọng và 0,8 km tuyến đường đất chưa được đầu tư vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến việc đi lại, sản xuất và an toàn giao thông của nhân dân trong thôn. Tuyến đường này phục vụ vận chuyển (khoảng 200ha keo, sắn và kết nối giao thông phục vụ đi lại của hơn 100 hộ dân trong thôn)	Xã Thanh Phong	Đổ lớp bê tông bù vênh khoảng 0,4 km. Mở mới khoảng 0,8 km đường mặt đường 4,0m, nền đường 5m, đồng bộ hệ thống thoát nước dọc	2026-2030	7.000	7.000			7.000	HPI-ND01
1.2	Xây mới mương dẫn nước tưới tiêu đồng học, thôn Tân Thành xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Để đáp ứng phục vụ như cầu tưới tiêu, sản xuất cho cách Đồng Học Thôn Tân Thành, xã Thanh Phong với diện tích hơn 10 ha lúa và hoa màu các loại. Hiện trạng là kênh đất	Xã Thanh Phong	Xây mới mương dẫn nước khoảng 0,8km	2026-2030	1.550	1.550			1.550	HPI-ND02
1.3	Xây mới mương dẫn nước Hón Quế, thôn Đoàn Trung, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Đầu tư xây mới để đáp ứng phục vụ như cầu tưới tiêu, sản xuất cho cách đồng Làng Kha, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa với diện tích hơn 16,0 ha lúa và hoa màu khác các loại. Hiện trạng là mương đất	Xã Thanh Phong	Xây mới mương dẫn nước Hón Quế chiều dài khoảng 0,7km	2026-2030	1.450	1.450			1.450	HPI-ND02
1.4	Xây mới Bai Khe Kẹm và sửa chữa mương dẫn nước khe Kẹm thôn Tân Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Phong	Đầu tư xây mới Bai giữ nước và sửa chữa mương dẫn nước khe Kẹm thôn Tân Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa, để đáp ứng phục vụ như cầu tưới tiêu, sản xuất cho cách đồng Làng Kha, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa với diện tích hơn 18,0 ha lúa và hoa màu khác các loại	Xã Thanh Phong	Xây mới bai Khe Kẹm dài khoảng 45m, sửa chữa Mương dẫn nước 0,8km	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND02
37	Xã Thanh Quân						12.500	12.500			12.500	
1.1	Xây dựng đường giao thông từ thôn Thanh Đông (Đoạn từ Thanh Thủy đi Đồng Phổng)	UBND xã Thanh Quân	Mặt đường hiện trạng là đường đất nhiều ổ voi, ổ gà lớn, gây mất an toàn giao thông và cản trở việc đi lại của nhân dân, đặc biệt là vào mùa mưa bão. Là tuyến đường độc đạo kết nối mọi hoạt động dân sinh, mà còn là sợi dây kết nối bền chặt, tạo đà cho sự lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế nông, lâm sản của địa phương	Xã Thanh Quân	Đường BTXM mặt rộng 4,5m, nền rộng 5,5m, dài khoảng 2 Km	2026-2030	7.500	7.500			7.500	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đập dâng và kênh mương đầu mố vào khu sản xuất Thanh Bình, thôn Thanh Xuân, xã Thanh Quân	UBND xã Thanh Quân	Hiện trạng rãnh kênh đất, nhiều đoạn bị bồi lắng, sạt lở, vùi lấp. Đập đất đầu nguồn do nhân dân trong vùng tự xây dựng rất nhỏ hẹp, đến nay trải qua nhiều mùa mưa bão con đập đã xuống cấp, hư hỏng khá nặng, nguy cơ bị vỡ đập khá cao	Xã Thanh Quân	Đập dài khoảng 20m. Mương KT 60x60 cm, dài khoảng 2 Km	2026-2030	3.500	3.500			3.500	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp hệ thống kênh mương Quần 2, thôn Thanh Mạnh, xã Thanh Quân	UBND xã Thanh Quân	Đập đất đầu nguồn do nhân dân trong vùng tự xây dựng rất nhỏ hẹp. Hiện trạng rãnh kênh đất, nhiều đoạn bị bồi lắng, sạt lở, vùi lấp	Xã Thanh Quân	Thân đập BTXM dài khoảng 15m; Mương dài khoảng 400 m	2026-2030	1.500	1.500			1.500	HPI-ND02
38	Xã Thanh Kỳ						18.000	18.000			18.000	
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn Thanh Quang – Tân Quang – Khe Cát, xã Thanh Kỳ, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thanh Kỳ	Phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất của 300 hộ với 1350 nhân khẩu của Nhân dân thôn Thanh Quang, Tân Quang, Khe Cát. Hiện trạng đường nhựa, mặt 3,5m đã xuống cấp, hư hỏng	Thôn Tân Quang, Thanh Quang, Khe Cát	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến có chiều dài khoảng 3,7km; Chiều rộng nền đường Bn=5,0m; chiều rộng mặt đường Bm=3,5m, hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	18.000	18.000			18.000	HPI-ND01
39	Xã Luận Thành						13.952	12.684	1.268		12.684	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường, tràn từ nhà ông Đỗ Duy Nam đến khe nhưộng, Xóm 1- Thôn Thành Thắng	UBND xã Luận Thành	Tuyến đường là lối đi duy nhất kết nối khoảng 30 hộ dân chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số với trung tâm thôn, Hiện trạng tuyến đường chủ yếu là đường đất, mặt đường nhỏ hẹp, nền đường thấp, chưa được đầu tư kết cấu mặt đường và hệ thống thoát nước đồng bộ. Trên tuyến có Khe Nhưộng chảy qua nhưng hiện chưa được đầu tư công trình vượt suối kiên cố.	Thôn Thành Thắng	Chiều dài khoảng 1,9km, đường bê tông , Bn=4,5m, mặt đường rộng 3,5m, lề =2x0,5m	2026-2030	7.700	7.000	700		7.000	HPI-ND01
1.2	Cải tạo nâng cấp đường, tràn hón Hét, Xóm 3 Thôn Tiến Hưng 2(cũ) đi xóm 4 thôn Thành Thắng (cũ)	UBND xã Luận Thành	là tuyến giao thông dân sinh có vai trò kết nối các khu dân cư, phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển nông, lâm sản và giao lưu kinh tế - xã hội của Nhân dân trong khu vực. Hiện nay, tuyến đường chủ yếu là đường đất, mặt đường nhỏ hẹp, nền đường thấp, chưa được đầu tư kết cấu mặt đường và hệ thống thoát nước đồng bộ. Trên tuyến có tràn Hón Hét, tuy nhiên công trình đã xuống cấp	Thôn Thành Thắng	Chiều dài khoảng 1,0km, đường bê tông , Bn=4,5m, mặt đường rộng 3,5m, lề =2x0,5m	2026-2030	6.252	5.684	568		5.684	HPI-ND01
40	Xã Tân Thành						15.860	15.860			15.860	
1.1	Tuyến đường nội thôn đoạn từ Hồ Na Cuông đi xã Thượng Ninh	UBND xã Tân Thành	Tuyến đường đất hiện nay mặt đường đã xuống cấp, nhiều đoạn hư hỏng, lầy lội vào mùa mưa gây . Đây là tuyến giao thông kết nối quan trọng giữa xã Tân Thành và xã Thượng Ninh. Dự án hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất (200ha đất lâm nghiệp, 14ha đất nông nghiệp), nâng cao đời sống nhân dân (trực tiếp 20 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thôn Thành Lâm)	Thôn Thành Lâm, xã Tân Thành	Chiều dài tuyến khoảng 1km, Rộng nền đường 5m; Chiều rộng mặt đường 3,5m	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Đường giao thông từ nhà đường 519B (Yên Mỹ) đi Bãi Ngap	UBND xã Tân Thành	Tuyến đường đất hiện nay mặt đường đã xuống cấp, nhiều đoạn hư hỏng, lầy lội vào mùa mưa gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Dự án hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất (70 ha đất lâm nghiệp, 6 ha đất nông nghiệp), nâng cao đời sống nhân dân (trực tiếp 100 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thôn Thành Lâm)	Thôn Thành Lâm, xã Tân Thành	Chiều dài tuyến khoảng 1,3 km, Rộng nền đường 5m; Chiều rộng mặt đường 3,5m	2026-2030	5.360	5.360			5.360	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông từ nhà ông Thành đi đến nhà Ông Tuyên thôn Thành Sơn	UBND xã Tân Thành	Tuyến đường đất hiện nay mặt đường đã xuống cấp, nhiều đoạn hư hỏng, lầy lội vào mùa mưa gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Dự án hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất (180ha đất lâm nghiệp, 3ha đất nông nghiệp), nâng cao đời sống nhân dân (trực tiếp 19 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thôn Thành Sơn)	Thôn Thành Sơn	Chiều dài tuyến khoảng 1 km, Rộng nền đường 5m; Chiều rộng mặt đường 3,5m	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông từ thôn Yên Mỹ ra đường 519B thôn Thành Năng	UBND xã Tân Thành	Tuyến đường đất hiện nay mặt đường đã xuống cấp, nhiều đoạn hư hỏng, lầy lội vào mùa mưa gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Dự án hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất (160 ha đất lâm nghiệp, 6 ha đất nông nghiệp), nâng cao đời sống nhân dân (trực tiếp 68 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thôn Yên Mỹ, Thành Năng)	Thôn Yên Mỹ	Chiều dài tuyến khoảng 0,6 km, Rộng nền đường 5m; Chiều rộng mặt đường 3,5m; Chiều rộng lề đất 0,75m	2026-2030	2.500	2.500			2.500	HPI-ND01
41	Xã Thăng Lộc						15.000	14.900	100		14.900	
1.1	Sửa chữa, cải tạo đập dâng và xây dựng mới hệ thống kênh mương Nà Háng, thôn Xem Đót, xã Thăng Lộc.	UBND xã Thăng Lộc	Mương thủy lợi Nà Háng là mương đất, nhiều đoạn bị sạt lở, bồi lấp; đập ngăn nước xuống cấp, không bảo đảm cấp nước tưới. Việc đầu tư cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới là cần thiết nhằm bảo đảm tưới tiêu chủ động, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.	Xã Thăng Lộc	Cải tạo 01 đập dâng; xây dựng mới khoảng 1,7 km kênh mương bê tông cốt thép; khoảng 60 m mương vượt suối bằng BTCT đặt trên hệ thống trụ bê tông cốt thép cao khoảng 6,0 m	2026-2030	5.000	4.950	50		4.950	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Mở mới tuyến đường giao thông liên thôn từ làng Mùòng, thôn Pà Cầu đi thôn Xuân Lộc	UBND xã Thăng Lộc	Hiện người dân đi lại trên tuyến đường tự mở, nhỏ hẹp, chưa được đầu tư xây dựng nên việc đi lại, vận chuyển nông sản còn nhiều khó khăn. Việc đầu tư mở mới tuyến đường là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.	Xã Thăng Lộc	Mở mới khoảng 1,5 km đường giao thông liên thôn; nền đường rộng 6,5 m, mặt đường bê tông xi măng rộng 4,0 m, rãnh dọc và các công trình phụ trợ đồng bộ.	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND01
1.3	Sửa chữa nâng cấp đập bai Lung và đầu tư xây dựng mương thủy lợi Bai Lung thôn Chiềng	UBND xã Thăng Lộc	Đập Bai Lung và hệ thống mương thủy lợi đã xuống cấp, không bảo đảm tích, điều tiết và dẫn nước phục vụ tưới tiêu. Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp đập và xây dựng mới hệ thống mương là cần thiết nhằm bảo đảm nguồn nước tưới ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.	Xã Thăng Lộc	Sửa chữa, nâng cấp 01 đập Bai Lung; xây dựng mới khoảng 843 m mương, đập tam đan BTCT	2026-2030	3.000	3.000			3.000	HPI-ND02
1.4	Sửa chữa nâng cấp Bai Nạp và đầu tư xây dựng mương thủy lợi Bai Nạp thôn Chiềng xã Thăng Lộc.	UBND xã Thăng Lộc	Kênh mương hiện đã xuống cấp, kênh đất thất thoát nước lớn, không đảm bảo tưới tiêu. Việc nâng cấp, kiên cố hóa là cần thiết để phục vụ sản xuất nông nghiệp ổn định.	Xã Thăng Lộc	Sửa chữa, nâng cấp 01 đập Bai Nạp; kiên cố hóa khoảng 1.676 m kênh mương bằng bê tông cốt thép, có tam đan BTCT,	2026-2030	4.000	3.950	50		3.950	HPI-ND02
42	Xã Xuân Chinh						15.000	15.000			15.000	
	Cải tạo sửa chữa đường từ xã Vạn Xuân đi xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Đoạn tuyến đường dài khoảng 5 km đã xuống cấp, mặt đường nhựa hư hỏng tại nhiều vị trí (nứt, bong tróc, ổ gà), gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là cần thiết nhằm bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn	xã Xuân Chinh	Đầu tư Cải tạo sửa chữa khoảng 5 Km đường với Bm đường láng nhựa rộng 3,5m, 2Km rãnh bê tông; chiều rộng nền đường Bn=6m, mặt đường Bm=3,5m	2026-2030	15.000	15.000			15.000	HPI-ND01
43	Xã Bát Mọt						15.000	14.064	936		14.064	
	Xây mới tuyến Đường Nội thôn Hón-Cạn từ nhà Hà Tuyên Quang đến QL 47	UBND xã Bát Mọt	là tuyến đường thôn, đường đất, hai đầu tuyến đường qua suối không đảm bảo an toàn cho người dân khi đi lại vào mùa mưa lũ, tuyến đường Đường giao thông phục vụ cho 70 hộ dân	Thôn Cạn (cũ), xã Bát Mọt	Khoảng 2km, mặt bê tông rộng 4m, 2 cầu tràn, 1 cống bản	2026-2030	15.000	14.064	936		14.064	HPI-ND01
44	Xã Yên Nhân						13.900	13.900			13.900	
1.1	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thủy lợi thôn Khong, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Công trình thủy lợi thôn Khong, xã Yên Nhân được đầu tư xây dựng cách đây đã lâu, tuyến kênh hiện tại bằng gạch xây đã hư hỏng; tuyến ống nhựa HDPE và một số vị trí kênh bị sạt lở gây ách tắc dòng chảy, vì vậy không cung cấp đủ nước về ruộng cho bà con canh tác.	Thôn khong	Làm mới tràn xả thừa, tuyến kênh BTCT, L=430m. Làm mới cầu máng, L=66m. Làm mới kè rọ đá bảo vệ đoạn kênh bị sạt lở, L=30m.	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thủy lợi thôn Chiềng, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Công trình thủy lợi thôn Chiềng, xã Yên Nhân được đầu tư xây dựng cách đây đã lâu, tuyến kênh hiện tại bằng gạch xây đã hư hỏng; tuyến ống thép và trụ đỡ ống bị hoen gỉ, nứt gãy, một số vị trí bị sạt lở gây ách tắc dòng chảy, vì vậy không cung cấp đủ nước về ruộng cho bà con canh tác	Thôn Chiềng	Làm mới tràn xả thừa, tuyến kênh BTCT, L=210m. Làm mới tuyến ống thép, L=60m. Làm mới kè rọ đá bảo vệ đoạn kênh bị sạt lở, L=42m.	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND02
1.3	Đường giao thông Na Léch	UBND xã Yên Nhân	Việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của Nhân dân, góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông địa phương	Thôn Chiềng	Xây dựng tuyến kè chống sạt lở có chiều dài khoảng 700 m, kết hợp gia cố mái bờ và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	5.000	5.000			5.000	HPI-ND01
1.4	Đường giao thông Na Chao	UBND xã Yên Nhân	Việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của Nhân dân, góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông địa phương	Thôn Mỹ	Xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn bề tổng xi măng dài khoảng 1,0 km, mặt đường rộng 4,0 m,	2026-2030	2.900	2.900			2.900	HPI-ND01
1.5	Đường giao thông Tá Hạng vào Báng giao	UBND xã Yên Nhân	Việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của Nhân dân, góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông địa phương	Thôn Lừa	Xây dựng tuyến đường giao thông dài khoảng 1,0 km, mặt đường rộng 4,0 m, cùng hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND01
45	Xã Lương Sơn						12.000	12.000			12.000	
1.1	Đường liên thôn Minh Quang - Minh Ngọc (đoạn từ hồ Đào lạc đi thôn Minh Ngọc)	UBND xã Lương Sơn	Đoạn đường hiện trạng là đường đất rộng khoảng 3,5 m, là đường giao thông kết nối giữa thôn Minh Ngọc cũ và thôn Minh Quang cũ (Nay dự kiến sáp nhập thôn là thôn Ngọc Quang), phục vụ nhu cầu đi lại của trên 200 hộ dân trong thôn	Thôn Ngọc Quang, xã Lương Sơn	Đầu tư làm mới tuyến đường bê tông chiều dài khoảng 1,5km, bề nền khoảng 6,5m, bề mặt khoảng 4,5 - 5 m	2026-2030	5.000	5.000			5.000	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông cụm 1, cụm 2 thôn Lương Thiện, xã Lương Sơn	UBND xã Lương Sơn	Đoạn đường hiện trạng là đường đất rộng khoảng 3,5-4 m, nhiều đoạn tuyến chưa được cứng hoá, nhiều đoạn là đường đất, xuống cấp hư hỏng nặng, phục vụ nhu cầu đi lại cho khoảng 195 hộ.	Thôn Lương Thiện, xã Lương Sơn	Đầu tư làm mới tuyến đường bê tông chiều dài khoảng 2,3 km, bề nền khoảng 6,5m, bề mặt khoảng 4,5 - 5 m	2026-2030	7.000	7.000			7.000	HPI-ND01
46	Xã Vạn Xuân						15.000	13.940	1.060		13.940	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Cải tạo, nâng cấp đập mương Mương xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Vạn Xuân	Đập bị trôi, hỏng không sử dụng được; Hệ thống mương xuống cấp nghiêm trọng; hơn 1,5km là mương đất chưa được đầu tư; Hệ thống tưới tiêu cho gần 128 hecta lúa và hoa màu trên địa bàn xã	Xã Vạn Xuân	Bọc lại thân đập cũ, nối dài thêm khoảng 25m Làm mới vai tả đập bằng BTCT M250 thương, hạ lưu 2 bên khoảng 80m Cải tạo tuyến đường thi công, kết hợp quản lý vận hành vào đầu đập. nâng cấp các công trình phụ trợ, kết hợp đường ống HDPE dẫn nước, chiều dài khoảng 1,1km	2026-2030	10.000	9.450	550		9.450	HPI-ND02
1.2	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Công Thương (thôn Thác Làng và thôn Công Thương cũ), xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Các hộ gia đình không thể đào giếng để sử dụng, chi phí tự kéo đường dây từ nguồn nước mố tốn kém nhiều kinh phí để lấy nước sinh hoạt; Thôn Thác Làng cũ chưa đượ đầu tư; thôn Công Thương cũ đã được đầu tư nhưng hệ thống hư hỏng không còn khả năng sử dụng	Xã Vạn Xuân	Thôn Thác Làng cũ: 01 đập dâng đầu nguồn + 01 bể đầu nguồn; Khoảng 1,8Km Đường ống HDPE ,dự kiến xây dựng 04 bể tập trung Thôn Công Thương cũ: 01 đập dâng đầu nguồn + 01 bể đầu nguồn; Khoảng 2,5 Km Đường ống HDPE, dự kiến xây dựng 08 bể tập trung	2026-2030	5.000	4.490	510		4.490	HPI-ND10
47	Xã Mường Mìn						14.970	13.002	1.968		13.002	
1.1	Nước sạch sinh hoạt tập trung bản Yên, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Nước sạch sinh hoạt tập trung bản Yên, xã Mường Mìn chưa được đầu tư xây dựng; người dân phải tự lắp đường ống từ các mố nước gần đó để dẫn nước về dùng nên phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết tự nhiên và không đảm bảo về chất lượng; Dự án đảm bảo NSH cho 143 hộ dân với khoảng 686 nhân khẩu	Bản Yên, xã Mường Mìn	Xây dựng đập dâng đầu nguồn, bể thu; hệ thống đường ống HDPE cấp NSH có chiều dài khoảng 3.2km; bố trí bể lắng đầu nguồn, 07 bể chứa tập trung đảm bảo cung cấp đủ nước cho 143 hộ dân	2026-2030	3.520	3.470	50		3.470	HPI-ND10
1.2	Xây dựng mới Đập, mương Nà On bản Yên, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Đập, mương hư hỏng nặng, nhiều đoạn bị gãy, sạt, bồi lắng lòng kênh do đó không thể dẫn nước tưới cho 8.5ha đất lúa nước thuộc bản Yên, xã Mường Mìn	Bản Yên, xã Mường Mìn	Xây dựng mới đập đầu nguồn có chiều dài khoảng 28.0m có kết cấu bê tông cốt thép M200, đá 1x2; Tuyến kênh dài 550m, kích thước kênh (0.45x0.5)m, kết cấu BT M200, đá 1x2	2026-2030	3.400	3.370	30		3.370	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây dựng mới đập, tuyến mương Pạng bản Mìn, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Mường Mìn	Đập, mương hư hỏng nặng, nhiều đoạn bị gãy, sạt, bồi lắng lòng kênh do đó không thể dẫn nước tưới cho 10.5ha đất lúa nước thuộc bản Yên, xã Mường Mìn	Bản Mìn, xã Mường Mìn	Xây dựng mới đập đầu nguồn có chiều dài khoảng 35.0m có kết cấu bê tông cốt thép M200, đá 1x2; Tuyến kênh dài 1500m, kích thước kênh (0.45x0.5)m, kết cấu BT M200, đá 1x2	2026-2030	5.550	5.500	50		5.500	HPI-ND02
1.4	Dự án: Nâng cấp cải tạo đường nội thôn Bản Chiềng	UBND xã Mường Mìn	Thực hiện đủ tiêu chí NTM về giao thông góp phần phát triển, nâng cao NTM kiểu mẫu trong giai đoạn mới, có 68 hộ, 272 nhân khẩu	bản Chiềng	chiều dài tuyến khoảng 1,5km	2026-2030	2.500	662	1.838		662	HPI-ND01
48	Xã Linh Sơn						7.500	7.500			7.500	
1.1	Xây mới tuyến đường giao thông từ nhà Lê Công Thành đến nhà bà Quách Thị Nải thôn Chiềng Ban 2, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Hiện trạng đang là đường bê tông + đường đất, trơn trượt khi mưa, đi lại khó khăn; khi đầu tư sẽ là tuyến đường liên kết vùng sản xuất, trao đổi hàng hóa để PTKT xã hội xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	Chiều dài tuyến đường khoảng 1,2 Km, Bm=4m, làm rãnh thoát nước địa điểm có nhà dân	2026-2030	4.000	4.000			4.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, xây mới ngõ số 2 thôn Oi, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Linh Sơn	Hiện trạng đang là đường bê tông + đường đất, trơn trượt khi mưa, đi lại khó khăn, Thôn thuộc vùng DTTS & MN, thôn ĐBKk, ; khi đầu tư sẽ là tuyến đường liên kết vùng sản xuất, trao đổi hàng hóa để PTKT xã hội của thôn	Xã Linh Sơn	Đường BTXM, Cấp A, mặt đường dày 18-22 cm, chiều dày lớp móng cát gia cố xi măng 16-18 cm; L=0,8 Km, Bm=4m	2026-2030	1.500	1.500			1.500	HPI-ND01
1.3	Xây mới hệ thống nước sinh hoạt tập trung tại bản Cây	UBND xã Linh Sơn	Thôn thuộc vùng DTTS & MN, thôn ĐBKk, hiện chưa có công trình cấp nước cho 139 hộ, 573 người, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hiện trạng chưa có	Xã Linh Sơn	Gồm bể chứa và đường ống dẫn nước	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND10
49	Xã Bá Thước						8.200	8.064		136	8.064	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Chiềng Ai đi thôn Hạ Trung	UBND xã Bá Thước	Tuyến đường liên kết từ thôn Chiềng Ai đến thôn Hạ Trung. Hiện trạng tuyến đường bê tông, đường đất đã xuống cấp, nền đường bong tróc, vào mùa mưa lũ	xã Bá Thước	Dài khoảng 3 km; BM=4m; Bn=6m, rãnh thoát nước; bê tông		8.200	8.064		136	8.064	HPI-ND01
50	Xã Nguyệt Ấn						11.000	11.000			11.000	
1.1	Nâng cấp và mở rộng tuyến đường giao thông làng Châm đi làng Rềnh, xã Nguyệt Ấn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Nguyệt Ấn	Tuyến đường dài khoảng 1,5km, mặt đường rộng 3,5-5m, do bê tông năm 2017, hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, mặt đường bong tróc 60%; đường giao thông kết nối các thôn Phùng Sơn, Làng Rềnh, làng Bứa, Nguyệt Sơn, làng lau và văn chuyển nông lâm sản.	Xã Nguyệt Ấn	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,5km; Bn=7m, Bm=4,5m .	2026-2030	11.000	11.000			11.000	HPI-ND01
51	Xã Thành Vinh						14.500	13.000	1.500		13.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Thượng Quang đi thôn Mặc Hèo (Đoạn từ dốc Thượng Quang đến khu hạ tầng dân cư thôn Mặc Hèo), xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thành Vinh	Hiện trạng là đường bê tông rộng 2m xuống cấp. Giúp kết nối giao thương cho khoảng 556 hộ dân của 2 thôn Thượng Quang và Mặc Hèo và gần 1000 học sinh trường Mầm non Thành Minh 2, Tiểu học Thành Minh 2, giảm chi phí vận chuyển nông sản, thúc đẩy sản xuất, xóa đói giảm nghèo bền vững	Thôn Thượng Quang, thôn Mặc Hèo, xã Thành Vinh	Đường giao thông cấp B miền núi với tổng chiều dài tuyến khoảng 2,6Km	2026-2030	10.500	10.000	500		10.000	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Lộc Phụng 1 (Từ QL217B đi cầu phao Thành Vinh), xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thành Vinh	Giúp kết nối giao thương giữa xã Thành Vinh và xã Thạch Bình, giảm chi phí vận chuyển nông sản, thúc đẩy sản xuất, xóa đói giảm nghèo bền vững (hiện trạng Đường nhựa 3,5m đã xuống cấp)	Thôn Lộc Phụng 1, xã Thành Vinh	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường có chiều dài khoảng 1km	2026-2030	4.000	3.000	1.000		3.000	HPI-ND01
52	Xã Thạch Quảng						20.000	20.000			20.000	
1.1	Đầu tư sửa chữa nâng cấp xây dựng công trình: Tuyến đường Từ đường HCM bà Lan Thao đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyến thôn Quảng Giang	UBND xã Thạch Quảng	Kết nối dân cư Nông trường với thôn Quảng Giang khoảng gần 400 hộ dân, thuận tiện cho các cháu học sinh đi học trường tiểu học 2, khu trung tâm nhà văn hóa thôn. Hiện trạng khoảng 600m đường bê tông đầu tư năm 2013, mặt đường 3 m đã hư hỏng xuống cấp; Khoảng 400 m đường đất	Xã Thạch Quảng	Chiều dài khoảng 1,0 km; Xây dựng rãnh dọc thoát nước đoạn qua khu dân cư chiều dài khoảng 400m	2026-2030	6.500	6.500			6.500	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường từ đường HCM nhà ông Sáng Quyền thôn Lâm Thành đến ngã ba Góc Gạo thôn Tượng Phong	UBND xã Thạch Quảng	Là tuyến đường huyết mạch kết nối giữa thôn Tượng Phong, Lâm Thành khoảng hơn 400 hộ dân, thuận tiện cho việc đi lại của người dân, công nhân, học sinh là tuyến đường kết nối trục đường HCM. Hiện trạng 2,5km đường đất và 1km đường bê tông gãy nát, xuống cấp	Xã Thạch Quảng	Chiều dài khoảng 3,5 Km (nâng cấp mở rộng 1km, làm mới 2,5km); nền đường rộng 6,5 m; mặt đường 5 m; Làm rãnh dọc thoát nước đoạn khu dân cư chiều dài khoảng 1,5 Km;	2026-2030	13.500	13.500			13.500	HPI-ND01
53	Xã Như Xuân						30.500	27.500	3.000		27.500	
1.1	Nâng cấp đường giao thông thôn Mỹ Ré xã Như Xuân (Khu Thanh Yên Cũ)	UBND xã Như Xuân	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,2 km được đầu tư xây dựng 2016 là đường bê tông mặt đường 3m phục vụ đi lại cho 250 hộ dân của 2 thôn là thôn Thanh Yên Thịnh và thôn Mỹ Ré xã Như Xuân là tuyến đường kết nối giữa đường Hồ Chí Minh với đường 520D đến nay đã xuống cấp mặt đường bong tróc, nhiều ổ gà hệ thống thoát nước dọc bằng đất đã bị vùi lấp	Xã Như Xuân	Chiều dài khoảng 1,2 km; chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	7.000	6.500	500		6.500	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp đường 15A cũ đoạn thôn Xuân Chính, đi thôn Xuân Thịnh xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,5km được đầu tư xây dựng 2016 là đường bê tông mặt đường 3 m, phục vụ đi lại cho 250 hộ dân của 2 thôn là thôn Yên Thịnh và thôn Xuân chính xã Như Xuân đến nay đã xuống cấp mặt đường bong tróc, nhiều ổ gà mặt đường bê tông hư hỏng kháng 85%, hệ thống thoát nước dọc bằng đất đã bị vùi lấp khả năng thoát nước kém nên việc đầu tư là cần thiết	Xã Như Xuân	Chiều dài khoảng 2,5 km; chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	8.500	7.500	1.000		7.500	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp đường giao thông thôn Yên Thắng đi 520D xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,3 km được đầu tư xây dựng 2010 là đường láng nhựa mặt đường 3m, phục vụ đi lại cho 150 hộ dân của thôn Tân thắng xã Như Xuân là tuyến đường kết nối giữa đường đường 520D vào các kn cư thôn Tân Thắng đến nay đã xuống cấp mặt đường bong tróc, nhiều ổ gà hệ thống thoát nước dọc bằng đất đã bị vùi lấp khả năng thoát nước kém nên việc đầu tư là cần thiết	Xã Như Xuân	Chiều dài khoảng 1,3 km; chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	7.000	6.500	500		6.500	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp đường giao thông thôn Quế Phú, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Như Xuân	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2 km được đầu tư xây dựng 2015 là đường nhựa mặt đường 3m, phục vụ đi lại cho 100 hộ dân của thôn Quế Phú xã Như Xuân là tuyến đường kết nối giữa đường Hồ Chí Minh vào các khu dân cư thôn Quế Phú đến nay đã xuống cấp mặt đường bong tróc, nhiều ổ gà, mặt đường hư hỏng xuống cấp khoảng 75%, hệ thống thoát nước dọc bằng đất đã bị vùi lấp khả năng thoát nước kém	Xã Như Xuân	Chiều dài khoảng 2 km; chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	8.000	7.000	1.000		7.000	HPI-ND01
54	Xã Thượng Ninh						12.300	12.300			12.300	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ thôn Vân Tiến đi trạm Kiểm Lâm, thôn Vân Tiến, xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	Kết nối đường Cơ động 1 với đường tỉnh ĐT 520D, kết nối thôn Vân Tiến, Vân Thành và Vân Thượng xã Thượng Ninh, hiện trạng Mặt đường bê tông 3m, hư hỏng nặng	Xã Thượng Ninh	Khoảng 1,5km, cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A	2026-2030	5.700	5.700			5.700	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Rẫy Dầu xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thượng Ninh	Kết nối đường thôn Khe Khoai và thôn Đồng Minh, thôn Đức Thắng, hiện trạng Đường đất, nền đường 3m	Xã Thượng Ninh	Khoảng 0,8km, cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A	2026-2030	2.200	2.200			2.200	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Xuân Thượng - Tiến Thành xã Thượng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thượng Ninh	Kết nối trung tâm xã đến Trung tâm thôn Tiến Thành, phục vụ bà con trong thôn Tiến Thành và học sinh trong thôn đến trường được thuận lợi, hiện trạng mặt đường bê tông 3 m, hư hỏng nặng	Xã Thượng Ninh	Khoảng 0,8km, cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A	2026-2030	2.200	2.200			2.200	HPI-ND01
1.4	Cải tạo, sửa chữa Đập cây khế, xã Thượng Ninh	UBND xã Thượng Ninh	Phục vụ tưới tiêu 6 ha diện tích đất lúa, hiện trạng Chưa có, Bờ đập đất được đắp bằng các bao tải cát , chiều rộng lòng suối 32m	Xã Thượng Ninh	Xây mới đập dâng và kênh mương	2026-2030	2.200	2.200			2.200	HPI-ND02
55	Xã Xuân Bình						6.000	5.915	85		5.915	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông thôn Xuân Hòa, xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Xuân Bình	Các tuyến đường chính liên thôn và hoàn thành chương trình NTM. Đường bê tông đã bị hư hỏng, xuống cấp, hẹp	Thôn Xuân Hòa, xã Xuân Bình	Chiều dài khoảng 1500m và rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	6.000	5.915	85		5.915	HPI-ND01
56	Xã Xuân Thái						16.514	16.424	90		16.424	
1.1	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông khu dân cư thôn Đồng Yên (thuộc thôn Đồng Lườn cũ, đoạn từ cầu Đồng Lườn TL505B đến khe Quốc Huy TL505B), xã Xuân Thái	UBND Xã Xuân Thái	Hiện trạng đường BT đã hư hỏng, ổ gà, ổ voi nghiêm trọng, mặt bê tông gãy vỡ khoảng 85 % gây mất an toàn giao thông, nhất là vào mùa mưa khó khăn trong vận chuyển nông sản của hơn 150 hộ dân thôn Đồng Yên	Xã Xuân Thái	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3,2 km. Chiều rộng nền 7m; chiều rộng mặt 5m	2026-2030	10.633	10.580	53		10.580	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp Mố nước tự chảy thôn Thanh Xuân, xã Xuân Thái (nay là thôn Xuân Vinh)	UBND Xã Xuân Thái	Hiện trạng mố nước đã xuống cấp như bề thu nước bị hư hỏng, đường ống dẫn nước bị rò rỉ, bồi lấp, một số hạng mục bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở và quá trình sử dụng lâu dài. Điều này làm giảm lưu lượng và chất lượng nước cấp, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt và sức khỏe của hơn 70 hộ dân thôn Thanh Xuân	Xã Xuân Thái	Cải tạo, nâng cấp khu vực đầu mối thu nước (mố nước), cải tạo bề lắng, bề lọc, bể chứa nước. Thay thế, lắp đặt một số đường ống dẫn nước bị hư hỏng; Sửa chữa, gia cố các vị trí đường ống đi qua khu vực có nguy cơ sạt lở, xói lở hoặc bị hư hỏng	2026-2030	1.508	1.500	8		1.500	HPI-ND02
1.3	Cải tạo, nâng cấp hồ, đập, và hệ thống mương tưới thôn Hồng Sơn (thôn Đồng Cốc cũ) xã Xuân Thái	UBND Xã Xuân Thái	Hiện trạng công trình đã xuống cấp như thân đập bị xói lở, mái đập sạt lún cục bộ, cống lấy nước hư hỏng, tràn xả lũ bị bồi lấp, xuống cấp, hệ thống kênh mương bị nứt vỡ, sạt lở, rò rỉ, bồi lắng làm giảm khả năng dẫn nước và gây thất thoát nước lớn. Không đủ tưới cho 15 ha diện tích đất nông nghiệp	Xã Xuân Thái	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa và đập Gia cố thân đập, mái thượng lưu, mái hạ lưu và đỉnh đập, gia cố nền đập và các vị trí hư hỏng, sửa chữa cống lấy nước, cống xả cạn, tràn xả lũ và các công trình điều tiết và sửa chữa các tuyến kênh, mương chính và mương nhánh	2026-2030	4.373	4.344	29		4.344	HPI-ND02
57	Xã Thọ Bình						17.600	15.600	2.000		15.600	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường giao thông trục chính xã Thọ Bình. Hạng mục: Tuyến đường từ thôn 21 cũ đi thôn Bao Lâm cũ	UBND xã Thọ Bình	Hiện trạng đường cấp phối đã hư hỏng, biến dạng, sụt lún, ổ gà, ổ voi nghiêm trọng chiếm khoảng 95% diện tích bề mặt; mùa mưa lầy lội, gập sâu gây mất an toàn giao thông và cô lập hoàn toàn việc đi lại, vận chuyển nông sản của hơn 1.000 hộ dân thuộc xã Bình Sơn cũ và xã Thọ Sơn cũ	Xã Thọ Bình	Tổng chiều dài tuyến khoảng 3.800m. Bền = 7,5m; Bmặt = 5,5m	2026-2030	17.600	15.600	2.000		15.600	HPI-ND01
58	Xã Ngọc Trạo						12.000	11.000	1.000		11.000	
1.1	Đường giao thông từ thôn Ngọc Tâm đi thôn Ngọc Thành đi đường Thành Thọ, Thành An, Thành Tâm, xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Tuyến đường được đầu tư từ lâu; Trong đó có 1,5Km là đường đất, 1Km là đường bê tông nhỏ hẹp đã xuống cấp1,0Km là đường bê tông có Bn=5m; Bm=2,5m; mặt đường nhỏ hẹp, bị sinh lún, xuống cấp, hư hỏng gây khó khăn cho việc đi lại của 300 hộ dân thôn Ngọc Tâm, Ngọc Thành	Xã Ngọc Trạo	Tổng chiều dài tuyến khoảng 2,5Km; Bn=7m; Bm=5,5m	2026-2030	12.000	11.000	1.000		11.000	HPI-ND01
59	Xã Thạch Bình						20.820	18.738	2.082		18.738	
1.1	Xây dựng đường giao thông từ thôn Đồng Hương đi thôn Tân Sơn, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Hiện trạng đường đất; gây khó khăn cho giao thông đi lại và sản xuất của hơn 300 hộ dân trên địa bàn các thôn Đồng Hương, Tân Sơn	Xã Thạch Bình	Đầu tư xây dựng khoảng 1,7km đường GTNT, bề rộng mặt đường khoảng 4,5m, hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	6.620	5.958	662		5.958	HPI-ND01
1.2	Xây dựng đường giao thông từ thôn Bàng phú đi thôn Liên Sơn, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Hiện trạng mặt đường hư hỏng, xuống cấp; gây khó khăn trong việc đi lại của khoảng 450 hộ dân; sau khi được đầu tư đảm bảo nhu cầu đi lại, thúc đẩy giao thương hàng hóa,phát triển liên kết vùng	Xã Thạch Bình	Đầu tư xây dựng khoảng 1,2km đường GTNT, bề rộng mặt đường khoảng 5,5m, hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	7.700	6.930	770		6.930	HPI-ND01
1.3	Đường giao thông thôn Thạch Yến, xã Thạch Bình	UBND xã Thạch Bình	Hiện trạng mặt đường hư hỏng, xuống cấp; gây khó khăn trong việc đi lại của khoảng 350 hộ dân; sau khi được đầu tư đảm bảo nhu cầu đi lại, thúc đẩy giao thương hàng hóa,phát triển liên kết vùng	Xã Thạch Bình	Đầu tư xây dựng khoảng 1,3km đường GTNT, bề rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	6.500	5.850	650		5.850	HPI-ND01
60	Xã Yên Thọ						10.243	9.728	515		9.728	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ NVH thôn Xuân Tiến đến thôn Xuân Thọ	UBND xã Yên Thọ	Là tuyến đường liên thôn đã được xây dựng từ nhân dân đóng góp xây dựng NTM phục vụ đi lại cho 147 hộ với 643 nhân khẩu; Tuyến đường có chiều dài khoảng 1km, mặt đường bằng bê tông, có chiều rộng 3m, hiện nay nhiều vị trí đã xuống cấp, tuyến đường chưa có hệ thống rãnh thoát nước	Thôn Xuân Tiến	Tổng chiều dài khoảng 1 km; cải tạo, mở rộng mặt đường 3,5m; nền đường 5m	2026-2030	2.950	2.800	150		2.800	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Công làng Yên Lạc đến Ngã ba Thôn Tân Xuân	UBND xã Yên Thọ	Là tuyến đường huyết mạch liên thôn đã được xây dựng từ Nhân dân đóng góp xây dựng NTM của xã từ năm 2019 phục vụ đi lại cho Nhân dân 02 thôn Ao Mè, Tân Tiến với khoảng 304 hộ, 1.384 nhân khẩu ; Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,1m, mặt đường bằng Bê tông có bề rộng 3m; hiện nay mặt đường nhiều vị trí đã bị hư hỏng; mặt đường nhỏ chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại của Nhân dân	Thôn Yên Lạc và Tân Xuân	Tổng chiều dài khoảng 2,1 km; cải tạo, mở rộng mặt đường 3,5m; nền đường 5m	2026-2030	7.293	6.928	365		6.928	HPI-ND01
61	Xã Thường Xuân						7.800	7.293	507		7.293	
1.1	Đường giao thông thôn Thống Nhất 2	UBND xã Thường Xuân	Tuyến đường nối giữa 2 khu dân cư hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, gây mất an toàn giao thông cho nhân dân, đây là tuyến đường kết nối giao thông của 700 hộ dân trong vùng	Thôn Thống Nhất 2	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,0 km.	2026-2030	2.800	2.593	207		2.593	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hóa thôn Thanh Trung 2 đi Thôn Đồng Xuân (cũ)	UBND xã Thường Xuân	Tuyến đường hiện là đường đất gây mất an toàn gây khó khăn cho việc cơ giới hóa, đây là tuyến đường kết nối giao thông của 500 hộ dân trong vùng	Thôn Thanh Trung 2	Tổng chiều dài tuyến khoảng 2km	2026-2030	5.000	4.700	300		4.700	HPI-ND01
62	Xã Minh Sơn						10.300	10.000	300		10.000	
1.1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông thôn Minh Thái, xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	mặt đường hiện trạng là đường đất còn nhỏ hẹp Vì vậy đề từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa và từng bước thực hiện xóa đói giảm nghèo, củng cố kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng việc đầu tư là cần thiết	Thôn Minh Thái, xã Minh Sơn	Mặt đường bê tông với tổng chiều dài khoảng 1,6 km. Xây dựng bổ sung đồng bộ hệ thống cống thoát nước ngang, rãnh thoát nước dọc tại một số vị trí sung yếu.	2026-2030	5.150	5.000	150		5.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn đoạn qua thôn Liên Minh	UBND xã Minh Sơn	mặt đường hiện trạng là đường đất còn nhỏ hẹp Vì vậy đề từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa và từng bước thực hiện xóa đói giảm nghèo, củng cố kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng việc đầu tư là cần thiết	Thôn Liên Minh, xã Minh Sơn	Mặt đường bê tông xi măng với chiều dài khoảng 1km. chiều rộng nền đường Bn= 5.0m, chiều rộng mặt đường Bm= 3.5m - Xây dựng bổ sung đồng bộ hệ thống cống thoát nước ngang, rãnh thoát nước dọc tại một số vị trí sung yếu.	2026-2030	5.150	5.000	150		5.000	HPI-ND01
63	Xã Diên Lư						4.803	4.803			4.803	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường giao thông thôn Riềng đi thôn Diên Giang, xã Diên Lư	UBND xã Diên Lư	Tuyến đường liên kết từ thôn Diên Tiến đi thôn Song Giang được đầu tư sẽ giúp cho 400 hộ dân được lợi, đảm bảo việc đi lại an toàn cho người dân trong mùa mưa lũ, đồng thời đồng bộ với các trục đường lớn khác, tăng tính kết nối liên vùng, liên xã, góp phần xây dựng nông thôn mới	Xã Diên Lư	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,0km có chiều rộng nền đường Bn=6,5m; chiều rộng mặt đường bê tông Bm=4,5m; chiều rộng lề đường 2x0,75m = 1,5m; công trình thoát nước	2026-2030	2.000	2.000			2.000	HPI-ND01
1.2	Kênh mương nội đồng thôn Côn, xã Diên Lư, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Diên Lư	Đảm bảo đủ lượng nước chủ động cho khoảng 11ha đất nông nghiệp, tăng vụ, từ đó nâng cao sản lượng nông sản và thu nhập cho người nông dân	Xã Diên Lư	Nâng cấp tuyến kênh mương với tổng chiều dài 2,0km có bxxh=40x50cm, kết hợp đường ống HDPE	2026-2030	2.803	2.803			2.803	HPI-ND02
64	Xã Ngọc Lặc						9.600	9.600			9.600	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Cầu Gãy, thôn Thanh Bình, xã Thúy Sơn	UBND xã Ngọc Lặc	Hiện trạng công trình đã hư hỏng nặng, mất an toàn cho người tham gia giao thông của hơn 400 hộ dân trong thôn và vùng lân cận, đặc biệt là mùa mưa bão, Đầu tư xây dựng sẽ Bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa lũ; nâng cao năng lực tưới tiêu; chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; góp phần phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Thôn Thanh Bình, xã Ngọc Lặc	Đầu tư xây dựng khoảng 50m cầu, kết cấu BTCT và đường vận hành	2026-2030	7.300	7.300			7.300	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp đập thủy lợi thôn Trung Sơn, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Hiện trạng là đập đất, không an toàn công trình trong mùa mưa lũ; khi xây dựng sẽ nâng cao năng lực tưới tiêu; chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; góp phần phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Thôn Trung Sơn, xã Ngọc Lặc	11m + 7 m đập. Kè mái thượng lưu: Gia cố mái ta luy phía thượng lưu đập, Gia cố mái ta luy phía hạ lưu đập; Cải tạo tràn	2026-2030	2.300	2.300			2.300	HPI-ND02
65	Xã Thạch Lập						10.000	9.500	500		9.500	
1.1	Đầu tư xây dựng cầu qua suối Bia Bàn đi vào cụm dân cư số 5 thôn Đồ Sơn, xã Thạch Lập	UBND xã Thạch Lập	Hiện trạng chưa có cầu, vào mùa mưa nước suối chảy siết làm chia cắt cụm dân cư số 5 với phần còn lại của thôn khiến chia cắt giao thông đi lại, gây nguy hiểm, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân. Việc đầu tư dự án là vô cùng cấp thiết để giúp kết nối giao thông cho 26 hộ dân trong cụm dân cư số 5 với phần còn lại của thôn.	Thôn Đồ Sơn	Cầu cứng kết cấu bê tông cốt thép, 02 nhịp chiều rộng mặt cầu 5m, chiềudài 40m và đoạn đường bê tông để vượt nổi	2026-2030	10.000	9.500	500		9.500	HPI-ND01
66	Xã Ngọc Liên						15.225	14.500	725		14.500	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường giao thông từ thôn Ngọc Minh đi thôn Đoàn Kết, xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Ngọc Liên	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,2km; hiện trạng là đường cấp phối và đường đất nền đường rộng 3,5-5m, đầu tuyến và cuối tuyến nối tiếp vào đường BT hiện trạng rộng 3m; hệ thống thoát nước chưa được đầu tư mỗi khi trời mưa nước chảy tràn mặt đường gây xói mòn, đường trơn trượt, ngập cục bộ gây khó khăn cho việc đi lại của nhân dân.	Xã Ngọc Liên	Đầu tư nâng cấp tuyến đường dài khoảng 2,2Km, nền đường Bn=6,0m; mặt đường Bm=5,0m; cống thoát nước ngang và rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	12.075	11.500	575		11.500	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến mương chính và các tuyến mương nội đồng của Hồ Gốc Chuối	UBND xã Ngọc Liên	Đập gốc chuỗi được đầu tư từ lâu, chưa có hệ thống mương dẫn nước từ đập ra ngoài đồng, dẫn tới việc lấy nước của bà con nhân dân gặp khó khăn. Việc đầu tư xây dựng hệ thống mương dẫn nước là hết sức cần thiết.	Xã Ngọc Liên	Đầu tư xây dựng hệ thống cống, mương thoát nước phục vụ tưới tiêu cho bà con nhân dân, chiều dài khoảng 745m.	2026-2030	3.150	3.000	150		3.000	HPI-ND02
67	Xã Kiên Thọ						20.650	18.000	2.650		18.000	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ thôn Thọ Phú đi thôn Phúc Thịnh, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Hiện trạng 0,9km đầu tuyến nền, mặt đường là đường đất, nền đường rộng 12 m, chiều dài 0,9 km và 0,6 km mặt đường BTXM xuống cấp khoảng 80%. Dự án góp phần nâng cao khả năng thoát lũ, giảm thiểu tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão, phục vụ cho sản xuất, của 143 hộ dân của thôn Phúc Thịnh và 152 hộ dân của thôn Phùng Minh.	Xã Kiên Thọ	Đầu tư xây dựng khoảng 1,5km, đường BTXM Bmặt 7,5m, Bnền 9,5m; rãnh thoát nước đồng bộ.	2026-2030	8.250	7.300	950		7.300	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông thôn Phùng Minh, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Hiện trạng 1,2km nền, mặt đường là đường cấp phối đá dăm và đường BTXM đã xuống cấp; mặt đường hư hỏng từ 80-90%; nền đường 7,5m. Là tuyến đường giao thông phục vụ cho sản xuất, bảo đảm an ninh nội bộ, phát triển kinh tế - xã hội của khoảng 300 hộ dân thôn Phùng Minh.	Xã Kiên Thọ	Chiều dài khoảng 1,2km, đường BTXM, Bmặt 5,5m, Bnền 7,5m; rãnh thoát nước đồng bộ.	2026-2030	5.400	4.700	700		4.700	HPI-ND01
1.3	Tu sửa, nâng cấp hồ Nam, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Hiện trạng, tuyến đường giao thôn kết hợp quản lý vận hành xuống cấp 90%; cầu qua tran kết hợp QLVH bị hư hỏng, xuống cấp, kè mái thượng lưu hư hỏng; lòng hồ bị bồi lắng đất, đá ảnh hưởng đến dung tích chứa nước, nhà van điều tiết và tuyến kênh xuống cấp, hư hỏng. Là công trình hồ chứa nước, phục vụ sản xuất, diện tích vùng tưới 63,5ha.	Xã Kiên Thọ	Cải tạo, nâng cấp đường GT kết hợp quản lý vận hành, cải tạo nhà van điều tiết, cải cầu QLVH, gia cố mái taluy thượng lưu và sửa đập chứa kênh tưới bị hư hỏng	2026-2030	4.000	3.450	550		3.450	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Nâng cấp hồ Thành Công, xã Kiên Thọ	UBND xã Kiên Thọ	Hiện trạng, tuyến đường giao thôn kết hợp quản lý vận hành xuống cấp 80%; chưa được đầu tư cầu qua tràn kết hợp QLVH, chưa kê mái thượng lưu hư hỏng; lòng hồ bị bồi lắng hướng đến dung tích chứa nước. Là công trình hồ chứa nước, phục vụ sản xuất, diện tích vùng tưới 22ha.	Xã Kiên Thọ	Nâng cấp đường GT kết hợp quản lý vận hành, cải tạo nhà van điều tiết, xây mới cầu QLVH, gia cố mái taluy thượng lưu, gia cố mái hạ lưu đập và sửa chữa kênh tưới	2026-2030	3.000	2.550	450		2.550	HPI-ND02
68	Xã Cẩm Tân						12.200	10.000	2.200		10.000	
1.1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn từ thôn Hoàng Vĩnh đi Phúc Mỹ xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	Hiện trạng là đường Bê tông xuống cấp, bong tróc và đứt gãy. Dự án được đầu tư và hoàn thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu và phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác các nguồn tài nguyên và tiềm năng sẵn có của địa phương, kích thích sản xuất và tiêu thụ nông sản;	Xã Cẩm Tân	Chiều dài khoảng 2,7km đạt tiêu chuẩn đường giao thông cấp A	2026-2030	8.000	6.000	2.000		6.000	HPI-ND01
1.2	Xây dựng hệ thống đối nối nước sạch sinh hoạt từ Nhà máy nước sạch Cẩm Vân đi xã Cẩm Tân	UBND xã Cẩm Tân	Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân trong các tháng mùa khô và đảm bảo chất lượng nước nhằm nâng cao sức khoẻ chonhân dân trên địa bàn xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	Xây dựng hệ thống tuyến đường ống dẫn tới các hộ dân với chiều dài khoảng 5,0km	2026-2030	4.200	4.000	200		4.000	HPI-ND10
69	Xã Vân Du						16.750	15.000	1.750		15.000	
1.1	Đường giao thông thôn Thạch Lỗi đi thôn Ngọc Động, xã Vân Du	UBND xã Vân Du	Tuyến đường trục chính nối 02 thôn chiều dài khoảng 2km phục vụ đi lại của 456 hộ dân thuộc 02 thôn, trong đó có 0,6km đường đất lầy lội, nhỏ hẹp và 1,4km đường BT được đầu tư đã lâu, hiện bị xuống cấp, nứt vỡ mặt, không đáp ứng nhu cầu đi lại và đảm bảo ATGT	Xã Vân Du	Đường BTXM, chiều dài khoảng 2,0km	2026-2030	8.000	7.200	800		7.200	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Đồng Phú đi thôn Bái Đàng, xã Vân Du	UBND xã Vân Du	Tuyến đường phụ vụ đi lại, vận chuyển hàng hóa ra trung tâm xã và kết nối với QL217B của 352 hộ dân thuộc 02 thôn được đầu tư đã lâu, mặt đường nhỏ hẹp, hiện bị xuống cấp, nứt vỡ mặt, không đáp ứng nhu cầu đi lại và đảm bảo ATGT	Xã Vân Du	Đường BTXM chiều dài khoảng 2,5Km	2026-2030	8.750	7.800	950		7.800	HPI-ND01
70	Xã Xuân Du						12.000	10.000	2.000		10.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường giao thông từ tỉnh lộ 514 đi thôn 9, thôn 12 xã Xuân Du	UBND xã Xuân Du	Tuyến đường này do nhân dân đóng góp đầu tư xây dựng từ năm 2014 đến nay mặt đường bị bong tróc, nhiều ổ voi, ổ gà và nhiều đoạn bị nứt gãy, sụt lún, gây chia cắt vào mùa mưa lũ ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế của nhân dân chưa đáp ứng phục vụ nhu cầu đi lại của 2 thôn gồm thôn 9 và thôn 12 xã Xuân Du với 350 hộ gia đình thường xuyên đi lại.	Xã Xuân Du	Tổng chiều dài khoảng 2,5km; Bm=4,5m, Bn=6,5m	2026-2030	12.000	10.000	2.000		10.000	HPI-ND01
71	Xã Mậu Lâm						19.800	19.800			19.800	
1.1	Nâng cấp tuyến đường dân sinh khu dân cư làng đồi thôn Phú Sơn	UBND xã, Mậu Lâm	Tuyến Đường này hiện trạng là đường đất, là tuyến đường giao thông dân sinh của trên 50 hộ dân, tuy nhiên vào mùa mưa tầm 80mm - 120mm là nước ngập đường đi lại thường xuyên bị ngập lụt, dẫn đến các hộ dân bị chia cắt, cô lập nhiều ngày ảnh hưởng đến việc đi lại lao động, sản xuất của nhân dân, các cháu học sinh đi học...	Thôn Phú Sơn, Mậu Lâm	Chiều dài tuyến khoảng 2,00km nền mặt đường đảm bảo Bn= 6,5m, mặt đường Bm= 3,5m và xây dựng mới cầu dân sinh rộng khoảng 6,5m dài khoảng 20m, xử lý nền yếu và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	15.150	15.150			15.150	HPI-ND01
1.2	Dự án tuyến đường từ Khe Sinh đi thôn Phú Phụng 4	UBND xã Mậu Lâm	Hiện trạng là đường đất. Tuyến đường này là tuyến giao thông nối tiếp đi lại của 2 thôn Phú Phụng 4 và Khe Sinh với gần 300 hộ dân sinh sống, tuy nhiên hiện nay xuống cấp, có đoạn là đường đất thường xuyên bị cô lập chia cắt khi trời mưa	Thôn Khe Sinh, Phú Phụng 4, xã Mậu Lâm	Chiều dài tuyến khoảng 1,5 km nền mặt đường đảm bảo Bn= 6,5m, mặt đường Bm= 3,5m, lề đường Bl=2x1,5m	2026-2030	4.650	4.650			4.650	HPI-ND01
72	Xã Cẩm Tú						10.500	9.803	697		9.803	
1.1	Đường giao thông thôn Giang Hồng, thôn Giang Trung, xã Cẩm Tú	UBND xã Cẩm Tú	Hiện trạng Nền, mặt đường nhỏ hẹp, đã hư hỏng xuống cấp, có đoạn đường nhỏ hẹp đi bên cạnh ruộng lúa, cos đường cao hơn khoảng 1m. Khi đầu tư xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nói riêng và của xã Cẩm Tú nói chung.	Thôn Giang Hồng, thôn Giang Trung	chiều dài khoảng 1,1km đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014	2026-2030	5.500	5.003	497		5.003	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông thôn Quý Tiến, xã Cẩm Tú	UBND xã Cẩm Tú	Nền, mặt đường nhỏ hẹp, đã hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng, Khi đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nói riêng và của xã Cẩm Tú nói chung. Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của xã Cẩm Tú, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng cho địa phương	Thôn Quý Tiến	mở rộng đường giao thông kết hợp rãnh thoát nước, chiều dài khoảng 1,4km đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014	2026-2030	5.000	4.800	200		4.800	HPI-ND01
73	Xã Cẩm Thạch						11.500	10.000	500	1.000	10.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đường đi khu dân cư thôn Vân Thung xã Cẩm Thạch		Hiện trạng: Đường hẹp 2m, thấp, sạt lở hai bên đường; mặt đường vỡ nứt, cầu bán sỏi mòn, thấp. Để đảm bảo thông suốt, không bị chia cắt, cô lập 49 hộ dân, 220 khẩu (trong đó có 150 người già và trẻ em) và khu vực sản xuất nông nghiệp có diện tích khoảng 80ha; đồng thời chủ động trong công tác phòng chống lụt bão (PCLB),	Xã Cẩm Thạch	Đường giao thông có chiều dài khoảng 600m, Bm=6,5m, Bn=5,5m, Cầu chiều dài L =24 m; Bc=7,0m;	2026-2030	9.000	8.000	200	800	8.000	HPI-ND01
1.2	Đập Mỏ Thốn, xã Cẩm Thạch	UBND xã Cẩm Thạch	Đập Mỏ Thốn xây dựng năm 1998, diện tích lưu vực 1,2km2, tưới trực tiếp cho hơn 35ha đất nông nghiệp và cấp nước cho 4 bai đập hạ lưu 25ha, là nguồn nước sinh hoạt cho hơn 160 hộ sống lân cận, do ảnh hưởng cơn bão số 5 và số 10 năm 2025, chân đập bị lũng xói toàn bộ, tiêu năng bị xói trôi hơn 2/3 tiêu năng	Xã Cẩm Thạch	Sửa chữa đập dài khoảng 38m, cao 2,6m, chiều rộng mặt đập tràn là 1,5m,	2026-2030	2.500	2.000	300	200	2.000	HPI-ND02
74	Xã Cẩm Vân						10.000	9.600		400	9.600	
1.1	Đầu nối Nước sạch tập trung 2 thôn xã Cẩm Vân (Cẩm Yên cũ)	UBND xã Cẩm Vân	Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho nhân trong các tháng mùa khô và đảm bảo sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, hiện bà con đang dùng nước giếng khoan không đảm bảo vệ sinh cấp cho 926 hộ dân với khoảng 4.154 nhân khẩu	Thôn Cẩm Yên ,thôn Yên Duyệt; thôn Thanh Sơn, thôn Cẩm Châu	chiều dài tuyến chính khoảng 8.5 km từ nhà máy nước Cẩm Vân và khoảng 7.0 km đường ống nhánh dẫn tới các khu dân cư	2026-2030	10.000	9.600		400	9.600	HPI-ND10
75	Xã Sao Vàng						20.000	6.000	14.000		6.000	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47 đi đường đôi Cánh hàng không	UBND xã Sao Vàng	Tuyến đường hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng, mặt đường xuất hiện nhiều vị trí hư hỏng như nứt, lún, bong tróc, ổ gà, ổ voi, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác và tuổi thọ công trình. Đặc biệt, nền đường tại một số đoạn đã bị suy giảm cường độ chịu lực, gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông	Xã Sao Vàng	Mặt đường thấm nhựa, bù vênh trên mặt đường cũ với chiều dài khoảng 1,80km. - Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước 1 bên và vị trí có khu dân cư với chiều dài 1,80km, kích thước 400x600mm,	2026-2030	20.000	6.000	14.000		6.000	HPI-ND01
76	Xã Cẩm Thủy						11.700	10.530	1.170		10.530	
1.1	Kiên cố hóa Kênh tưới khu đồng thôn Song, thôn Từ Niêm, thôn Phong Ý và thôn Dương Đình Huệ, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Cẩm Thủy	Kênh tưới các khu đồng thuộc thôn Song, thôn Từ Niêm, thôn Phong Ý và thôn Dương Đình Huệ trước đây được xây dựng bằng đất cũ. Hiện đã bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng rất lớn đến việc tưới nước cho 80ha đất sản xuất nông nghiệp	Thôn Song, thôn Từ Niêm, thôn Phong Ý và thôn Dương Đình Huệ, xã Cẩm Thủy	Kiên cố hóa kênh cũ ở các khu đồng bằng các tuyến kênh bê tông có khẩu độ BxH=(0,6x0,8)m; tổng chiều dài các tuyến kênh khoảng 1,3km.	2026-2030	2.500	2.250	250		2.250	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, cải tạo Kênh tưới nội đồng thôn Gia Dụ, xã Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Cẩm Thủy	Kênh xây cũ được xã đầu tư từ hơn 20 năm trước, trong quá trình sử dụng đã bị sạt lở xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo để tưới nước cho 60ha đất sản xuất nông nghiệp	Thôn Gia Dụ, xã Cẩm Thủy	Kiên cố hóa kênh cũ ở các khu đồng bằng các tuyến kênh bê tông có khẩu độ BxH=(0,4x0,6m,tổng chiều dài các tuyến kênh khoảng 1,2km.	2026-2030	2.200	1.980	220		1.980	HPI-ND02
1.3	Xây dựng đập dâng và hệ thống kênh dẫn nước đập Gò Lý, thôn Ngọc Linh, xã Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thủy	Đập dâng bị sạt lở, không đảm bảo tích nước dẫn vào kênh và kênh dẫn bị sập đổ nhiều đoạn, không đáp ứng được việc cấp nước cho hơn 60ha đất sản xuất cây nông nghiệp và nước phục vụ dân sinh	Thôn Ngọc Linh, xã Cẩm Thủy	Xây mới Đập dâng mặt cắt kiểu đập tràn thực dụng B= 2x10,0m, sau đập dẫn ra tuyến kênh tưới, chiều dài kênh khoảng 1.000m	2026-2030	7.000	6.300	700		6.300	HPI-ND02
77	Xã Kim Tân						10.108	9.000	1.108		9.000	
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp tại thôn Hoàng Thành, xã Kim Tân	UBND xã Kim Tân	Hiện tại là đường đất, đây tuyến đường giao thông quan trọng phục vụ trực tiếp cho việc đi lại và các hoạt động sản xuất nông nghiệp của thôn Hoàng Thành với diện tích sản xuất khoảng 40 ha , tuyến đường trên kết nối khu dân cư thôn Hoàng Thành với tuyến đê Tả sông Bưởi, khi xảy ra sự cố đê điều, tuyến đường sẽ là trục giao thông chính để huy động lực lượng, phương tiện, vật tư tại chỗ để tham gia ứng, cứu hộ đê.	Xã Kim Tân	Đầu tư xây dựng khoảng 2 km đường kết cấu mặt BTXM, nền đường từ 6m-5m, mặt đường 3m - 4,5m	2026-2030	4.837	4.500	337		4.500	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường giao thông phục vụ đi lại và sản xuất nông nghiệp tại thôn Thủ Chính, xã Kim Tân	UBND xã Kim Tân	Hiện tại là đường đất, chưa được đầu tư xây dựng Thôn Thủ Chính là thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã Kim Tân, có diện tích sản xuất nông nghiệp 35 ha với các cây trồng chủ lực như lúa (10) và mía (25 ha).Do đó, việc đầu tư nâng cấp tuyến đường tại thôn Thủ Chính là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, và công tác phòng, chống thiên tai.	Xã Kim Tân	Đầu tư mới khoảng 2 km đường kết cấu mặt BTXM, nền đường từ 6m-5m, mặt đường 3m - 4,5m	2026-2030	5.271	4.500	771		4.500	HPI-ND01
78	Xã Như Thanh						4.800	4.202	598		4.202	
1.1	Cải tạo nâng cấp đường phục vụ sản xuất thôn Hải Ninh và thôn Hải Tiến	UBND xã Như Thanh	Tuyến đường hiện trạng có chiều dài 1.500m, mặt đường là đường đất rộng 3m phụ vụ sản xuất cho 39ha, xứ đồng thuộc 2 thôn Hải Ninh và Hải tiến	Thôn Hải Ninh, thôn Hải Tiến	Khoảng 1,5 km đường bê tông, Chiều rộng mặt 4m.	2026-2030	4.800	4.202	598		4.202	HPI-ND01
79	Xã Các Sơn						21.000	14.251	6.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây mới cầu Trung đoàn và nâng cấp đường giao thông hai đầu cầu tại thôn Thanh Nam, xã Các Sơn	UBND xã Các Sơn	Cầu được xây dựng từ những năm 1980, khẩu độ Bm 3 m xuống cấp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng và nguy hiểm cho người dân đi lại trong thôn, nhất là mùa mưa lũ	Thôn Thanh Nam xã Các Sơn	Quy mô cầu Chiều dài L=12m; Bmặt = 7,5 m; nâng cấp đường 2 đầu cầu mỗi bên khoảng 250m, mặt khoảng 3,5m	2026-2030	6.000	4.800	1.200		4.800	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo đường Tôn Hiến Thành đoạn cầu ông Tam đến giáp phường Hải Lĩnh	UBND xã Các Sơn	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,2km; hiện trạng mặt đường nhỏ hẹp từ 3-4m, qua nhiều năm sử dụng, mặt đường đã xuống cấp nhiều điểm mặt đường bị bong chóc, ổ gà, ổ trâu gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông	Thôn Hùng Sơn, xã Các Sơn	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 2,2km chiều rộng mặt đường ≥ 4,5m; chiều rộng nền đường ≥ 6,5m. Mặt đường bằng bê tông nhựa	2026-2030	12.000	7.051	4.949		7.051	HPI-ND01
1.3	Kênh tưới nội đồng thôn Thống nhất	UBND xã Các Sơn	Hiện trạng là mương đất rất khó khăn trong việc tưới cho khoảng 30 ha diện tích trồng lúa thuộc thôn Thống Nhất (cũ)	Thôn Song xã Các Sơn	Chiều dài tuyến khoảng 1500m; KT kênh bxxh= (0,6x0,6)m; kênh BTXM đá 1x2 M200, đáy dày 15cm	2026-2030	3.000	2.400	600		2.400	HPI-ND02
80	Xã Trường Lâm						20.250	14.822	5.428		14.822	
1.1	Đầu tư cải tạo, sửa chữa tuyến đường và hệ thống mương tiêu thoát nước dân cư từ đường 2B đến nhà thờ giáo xứ Minh Thanh thôn Trường Thanh, xã Trường Lâm	UBND xã Trường Lâm	Hiện trạng là nền mặt đường bê tông rộng Bmđ=3m, kết cấu bề mặt bê tông cũ bị nứt lún, bong tróc và mài mòn. 2 bên đường là nhà dân chưa có hệ thống mương thoát nước, không tạo được dòng chảy gây ứ đọng trên bề mặt đường làm hư hỏng kết cấu nền đường. Với số hộ dân nằm khu vực gần nhà thờ giáo xứ hơn 500 hộ, vị trí kết nối đến đường 2B rất xa, điều này cũng gây bất cập cho việc đi lại, đồng thời ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt và kinh doanh của người dân.	Thôn Trường Thanh	Tuyến mương tiêu nước B600 nắp kín dọc 2 bên đường là kết cấu BTCT với tổng chiều dài khoảng 1600m. Nền mặt đường thảm bê tông nhựa, mở rộng mặt đường Bmđ=6,5m với tổng chiều dài khoảng 1160m	2026-2030	12.500	9.171	3.329		9.171	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, mở rộng các tuyến đường giao thông và mương tiêu nước thôn Quyết Thắng, xã Trường Lâm.	UBND xã Trường Lâm	Hiện trạng mặt đường với chiều rộng Bmđ=3m. Nền mặt đường là đường đất bị hư hỏng, xuất hiện nhiều hố sâu trên mặt đường (ổ gà, nứt lún, đọng nước) sau những trận mưa lớn do chưa có hệ thống mương tiêu thoát nước gây rủi ro an toàn cho người tham gia giao thông, điểm đầu nối lưu thông đường dân sinh chưa được liên kết chặt chẽ với đường giao thông liên thôn	Thôn Quyết Thắng	Tuyến đường mở rộng mặt đường thảm bê tông nhựa dày 12cm, chiều rộng mặt đường Bmđ=5m có tổng chiều dài khoảng 1.440m. Tuyến mương nắp kín 1 bên là kết cấu BTCT với tổng chiều dài L=130m.	2026-2030	7.750	5.651	2.099		5.651	HPI-ND01
81	Xã Hà Trung						16.100	14.251	1.849		14.251	
1.1	Kiến cổ tuyến Mương 19/5	UBND xã Hà Trung	Tiêu sản xuất và dân sinh khoảng trên: 410ha cho các thôn Sơn Thành, Hà Đông, Hà Ninh	Xã Hà Trung	Khoảng: L = 2,5 km, B = 5,5m.	2026-2030	16.100	14.251	1.849		14.251	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
82	Xã Hà Long						35.900	14.251	21.649		14.251	
1.1	Kiên cố đường Giao thông từ trụ sở Công An xã đi đê sông Hoạt xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Là tuyến đường giao thông quan trọng kết nối các thôn Song Nga, Trạng Sơn, Đà Sơn ra đến Quốc lộ 217B và xã Hoạt Giang. Phục vụ giao thông đi lại trực tiếp cho gần 1500 hộ dân. Tuy nhiên hiện nay mặt đường bê tông nhỏ hẹp đã bong tróc, nứt gãy nhiều chỗ, hai bên đường chưa có rãnh thoát nước, hệ thống hạ tầng chưa đồng bộ	Thôn Song Nga, Trạng Sơn	Xây dựng đường giao thông từ đê sông Hoạt đi trụ sở UBND xã Hà Bắc cũ với chiều dài tuyến khoảng 01km, mặt đường bê tông nhựa, rãnh thoát nước dọc tuyến, chiều rộng phần xe chạy 5,5m	2026-2030	9.000	3.800	5.200		3.800	HPI-ND01
1.2	Kiên cố đường Giao thông từ nhà Văn hóa thôn Hoàng Yên đi thôn Chánh Lộc xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Tuyến đường có nhiệm vụ kết nối giao thông chiến lược trực tiếp các thôn Hoàng Yên, thôn Chánh Lộc trên địa bàn xã Hà Long. Hiện trạng Đường đất, gia cố cấp phối và bê tông một vài đoạn. Mặt đường nhỏ, hẹp từ 3-3,5m	Thôn Hoàng Yên, thôn Chánh Lộc	Kiên cố, mở rộng nền mặt đường với chiều rộng mặt từ 5,5m; chiều dài tuyến hơn khoảng 1,3km	2026-2030	8.800	3.451	5.349		3.451	HPI-ND01
1.3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ Đầu thôn Đà Sơn (thôn Mỹ Dương cũ) đi Trạm bơm Hà Giang II, xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Tuyến Kênh tưới tiêu từ đầu thôn Đà Sơn đi trạm bơm Hà Giang II có nhiệm vụ tưới, tiêu trực tiếp cho hơn gần 100 ha diện tích sản xuất khu vực thôn Đà Sơn và một phần thôn Quan Chiêm. Tuyến kênh hiện trạng là kênh đất, bị bồi lắng và sạt lở mái kênh thường xuyên mỗi khi đến mùa mưa bão, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác vận hành và quản lý tuyến kênh.	Thôn Đà Sơn (thôn Mỹ Dương cũ)	Kiên cố tuyến kênh với chiều dài gần khoảng 1km, Bề rộng đáy kênh (từ 3-5)m; cứng hóa bờ kênh kết hợp đường quản lý vận hành	2026-2030	9.000	3.500	5.500		3.500	HPI-ND02
1.4	Kiên cố kênh từ đường Vòng thôn Trạng Sơn đến kênh Địa Ngang thôn Song Nga xã Hà Long, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hà Long	Tuyến Kênh tưới tiêu khu vực thôn Song Nga đi đường Vòng có chiều dài khoảng 1,5km; có nhiệm vụ tưới, tiêu trực tiếp cho hơn gần 100 ha diện tích sản xuất khu vực thôn Song Nga và Trạng Sơn. Tuyến kênh hiện trạng là kênh đất, bị bồi lắng và sạt lở mái kênh thường xuyên mỗi khi đến mùa mưa bão, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác vận hành và quản lý tuyến kênh.	Thôn Song Nga, Trạng Sơn	Kiên cố tuyến kênh với chiều dài gần khoảng 0,8km, Bề rộng đáy kênh (từ 3-5)m; cứng hóa bờ kênh kết hợp đường quản lý vận hành	2026-2030	9.100	3.500	5.600		3.500	HPI-ND01
83	Xã Triệu Lộc						19.000	14.251	4.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ thôn Châu Lộc đi cầu Bái Sen xã Triệu Lộc	UBND xã Triệu Lộc	Thôn Quyết Thắng có tổng số 217 hộ, với 917 nhân khẩu, không có tuyến đường chính kết nối với trung tâm xã và các vùng phụ cận, việc đi lại của nhân dân lâu nay chủ yếu là trên đê Sông Mã để đi vào khu trung tâm xã. Hiện tại tuyến đường với kết cấu mặt bê tông chiều dày 15-20cm, rộng trung bình 3-4 m không có hệ thống rãnh thoát nước. Hiện tại mặt bê tông đã bong tróc tạo thành nhiều ổ gà lớn khó khăn cho nhân dân di chuyển	Thôn Quyết Thắng và Phú Minh	Tổng chiều dài khoảng 2,6 Km, Nâng cấp mở rộng nền, mặt đường rộng 4,5m đến 5m và rãnh thoát nước	2026-2030	14.500	11.251	3.249		11.251	HPI-ND01
1.2	Kiên cố tuyến kênh tưới, tiêu nội đồng thôn Đại Lộc, xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Triệu Lộc	Thôn Ngọc Trì có bãi bồi ven sông Mã với diện tích đất canh tác khoảng gần 10 ha. Tuy nhiên, hiện nay trên toàn bộ diện tích đất này không có hệ thống tưới dẫn đến không thể phát triển trồng cây hàng hóa tập trung mang lại hiệu quả cao, nhân dân canh tác hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, nhiều hộ gia đình đầu tư trồng cây hàng hóa phải dùng biện pháp thủ công để đảm bảo nước tưới	Thôn Ngọc Trì, xã Triệu Lộc	Kiên cố tuyến kênh tưới có chiều dài khoảng 850m bằng kênh xây B40, kiên cố tuyến kênh tiêu có chiều dài L2=600 bằng kênh xây hớ B100.	2026-2030	4.500	3.000	1.500		3.000	HPI-ND02
84	Xã Hậu Lộc						30.540	14.251	16.289		14.251	
1.1	Mở rộng nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 10 đến đường QL10- Phạm Bành, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hậu Lộc	Đường lán nhựa rộng 3,5 m chưa đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; hiện trạng đã xuống cấp; phục vụ thường xuyên đi lại cho hơn 100 hộ dân; Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn xã.	Xã Hậu Lộc	Chiều dài khoảng 0,6 Km, có quy mô Bn=6m, Bm=5,0m	2026-2030	3.200	1.500	1.700		1.500	HPI-ND01
1.2	Tuyến Đường từ Quốc Lộ 10 đi Nhà ông Hoa Cờ, thôn Trần Phú, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hậu Lộc	Đường bê tông rộng Btb = 2,5 m, chưa đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; hiện trạng đã xuống cấp; kết nối đường Quốc lộ 10 với đường Phạm Bành mới phục vụ đi lại cho người dân trên địa bàn xã; Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn xã.	Xã Hậu Lộc	Chiều dài tuyến dự kiến khoảng 1,1km, rộng 5.0 m, nền đường rộng 6.0 m	2026-2030	7.790	3.951	3.839		3.951	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp tuyến đường từ Quốc Lộ 10 (ngã 3 công làng thôn Trần Phú) đến Ngã 4 thôn Mỹ Lộc, xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hậu Lộc	Đường bê tông rộng 3 m, chưa đáp ứng tiêu chuẩn tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; hiện trạng đã xuống cấp; đường liên thôn từ thôn Trần Phú đi thôn Mỹ Lộc, phục vụ dân cư trong thôn đi lại; Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn xã.	Xã Hậu Lộc	Chiều dài tuyến dự kiến khoảng 1,8km, rộng 5.5 m, nền đường rộng 6.5 m	2026-2030	13.550	5.800	7.750		5.800	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Chí Hiền đoạn từ QL10 đến ngõ 26 đường Nguyễn Chí Hiền và đoạn từ ngã tư đầu nhà máy may IVORY đến hết nhà máy may IVORY	UBND xã Hậu Lộc	Hiện trạng mặt đường bê tông hiện trạng đã xuống cấp hư hỏng. Đồng thời nâng cao khả năng chịu tải, chống hư hỏng của tuyến đường. Phục vụ nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế xã hội của Nhân dân trên địa bàn xã.	Xã Hậu Lộc	Tổng chiều dài khoảng 500 m, Bm =5m,	2026-2030	6.000	3.000	3.000		3.000	HPI-ND01
85	Xã Hoằng Hóa						21.200	14.251	6.949		14.251	
1.1	Đầu tư xây dựng kênh chân rết N22 từ thôn Đăng Cao đến thôn Đăng Trung, xã Hoằng Hóa	UBND xã Hoằng Hóa	Đảm bảo tưới cho khoảng 100ha đất nông nghiệp các thôn Đăng Cao, Đăng Trung Kênh hiện trạng là kênh xây gạch lẫn kênh đất, đã hư hỏng, xuống cấp	xã Hoằng Hóa	Chiều dài khoảng 1,8km; BxH = 0,6x0,7m	2026-2030	9.000	6.300	2.700		6.300	HPI-ND02
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và xây dựng tuyến kênh tưới từ Tỉnh lộ 510 đến kênh N22, xã Hoằng Hóa	UBND xã Hoằng Hóa	Đảm bảo tưới, tiêu cho khoảng 120ha đất nông nghiệp xã Hoằng Đồng cũ Kênh hiện trạng là kênh xây gạch lẫn kênh đất, đã hư hỏng, xuống cấp	xã Hoằng Hóa	Chiều dài khoảng 0,6km; KT kênh BxH = 0,6x0,7m; đường BT nội đồng Bm = 4,0m	2026-2030	6.400	4.480	1.920		4.480	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐH.HH16 xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Hóa	Hoàn thiện hạ tầng giao thông, đảm bảo ATGT cho khoảng 500 hộ dân thôn Lê Lợi 1 và các hộ dân lân cận	xã Hoằng Hóa	Chiều dài khoảng 0,4km, Bm = 5,0-7,5m	2026-2030	5.800	3.471	2.329		3.471	HPI-ND01
86	Xã Hoằng Tiến						45.000	28.504	16.496		28.504	
1.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông thôn thôn Ngọc Chuế.(đoạn từ đường ĐH.HH13 đến cuối thôn Chuế 1 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Hiện trạng rộng từ 2,5-5m bằng bê tông, hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, do thôn nằm sát chân núi, vào mùa mưa bão, lượng nước tập trung từ đỉnh và sườn núi đổ xuống tuyến đường rất lớn và chảy xiết, làm hư hỏng mặt đường nhanh chóng gây khó khăn và mất an toàn cho 157 hộ dân với nhân khẩu gần 500 người dân đi lại trong mùa mưa bão	Xã Hoằng Tiến	Nâng cấp, mở rộng đường chiều dài khoảng 1,5Km, chiều rộng nền đường tối thiểu Bn=5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu Bm=3,5m, hệ thống thoát nước dọc, ngang và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.000	5.700	3.300		5.700	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ đường công làng ĐH.HH13 qua nhà văn hóa đến cuối thôn Chuế 2 cũ)	UBND xã Hoằng Tiến	Hiện trạng rộng từ 3,5-5m bằng bê tông, hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, do thôn nằm sát chân núi, vào mùa mưa bão, lượng nước tập trung từ đỉnh và sườn núi đổ xuống tuyến đường rất lớn và chảy xiết, làm hư hỏng mặt đường nhanh chóng gây khó khăn và mất an toàn cho 145 hộ dân với nhân khẩu gần 640 người của toàn bộ thôn Chuế 2 đi lại trong mùa mưa bão	Xã Hoằng Tiến	Nâng cấp, mở rộng đường chiều dài khoảng 1,5Km, chiều rộng nền đường tối thiểu Bn=5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu Bm=3,5m hệ thống thoát nước dọc, ngang và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.000	5.700	3.300		5.700	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn Ngọc Chuế (đoạn từ ĐH.HH13 qua trường TH và THCS đến cuối thôn Chuế 2 cũ)	UBND xã Hoàng Tiễn	Hiện trạng rộng từ 2,5-5m bằng bê tông, hiện xuống cấp nghiêm trọng; Mặt đường bong tróc, lồi lõm, gây khó khăn và mất an toàn lớn cho việc đi lại của nhân dân, đặc biệt là các em học sinh và giáo viên hàng ngày đến trường	Xã Hoàng Tiễn	Nâng cấp, mở rộng đường chiều dài khoảng 1,5Km, chiều rộng nền đường tối thiểu Bn=5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu Bm=3,5m hệ thống thoát nước dọc, ngang và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.000	5.700	3.300		5.700	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông thôn Trường Phúc đến đường ĐH.HH 24 (thôn 4 cũ)	UBND xã Hoàng Tiễn	Tuyến đường có vai trò đặc biệt quan trọng, là trục giao thông huyết mạch đảm bảo khả năng đi lại của toàn bộ nhân dân trong thôn gồm 100 hộ dân với gần 500 nhân khẩu. Tuy nhiên, hiện trạng tuyến đường là đường đất rộng từ 3,0-4m đang bị xuống cấp nghiêm trọng, mặt đường nhỏ hẹp, lồi lõm và lầy lội	Xã Hoàng Tiễn	Nâng cấp, mở rộng đường chiều dài khoảng 1,5Km, chiều rộng nền đường tối thiểu Bn=5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu Bm=3,5m. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đường và một số hạng mục phụ trợ khác	2026-2030	9.000	5.700	3.300		5.700	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn Giang Sơn, Liên Minh, Đại Trường và Linh Trường	UBND xã Hoàng Tiễn	Hiện trạng rộng từ 2,0-5m bằng bê tông, là trục giao thông huyết mạch, đóng vai trò là xương sống liên kết toàn bộ hệ thống dân cư gồm hơn 450 hộ dân với 1.800 nhân khẩu và các vùng sản xuất của xã Hoàng Tiễn. Hiện nay, do mật độ dân cư đông đúc, tuyến đường đang phải gánh chịu lưu lượng giao thông rất lớn nhưng hiện trạng lại bị xuống cấp nghiêm trọng	Xã Hoàng Tiễn	Nâng cấp, mở rộng đường chiều dài khoảng 1,5Km, chiều rộng nền đường tối thiểu Bn=5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu Bm=3,5m, Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đường và một số hạng mục phụ trợ khác	2026-2030	9.000	5.704	3.296		5.704	HPI-ND01
87	Xã Hoàng Thanh						40.964	28.504	6.405	6.055	28.504	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Lê Lợi, xã Hoàng Thanh; hạng mục: Nền, mặt đường, rãnh thoát nước	UBND xã Hoàng Thanh	Đây là tuyến đường quan trọng kết nối đường tỉnh lộ 510B với thôn Lê Lợi thôn lân cận với tổng số 728 hộ với 3.570 nhân khẩu; tuyến đường này phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân, đến nay đã hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng	Xã Hoàng Thanh	chiều dài tuyến khoảng 1,1km, mặt đường thảm nhựa rộng 3,5m, rãnh thoát nước chịu lực rộng 0,5m	2026-2030	11.670	8.121	1.799	1.750	8.121	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đại Long, xã Hoằng Thanh; HM: Cải tạo nền đường, rãnh thoát nước các tuyến trong thôn	UBND xã Hoằng Thanh	Là tuyến đường chính phục vụ trực tiếp đời sống dân sinh cho các ngư dân Thôn Đại Long các thôn lân cận với 860 hộ dân và 4.995 nhân khẩu. Đây còn là tuyến đường giao thông quan trọng kết nối với các vùng nhằm thu hút khách du lịch. Hiện nay tuyến đường này đã bị hư hỏng nặng, xuất hiện nhiều ổ gà, ổ voi gây mất an toàn cho lưu thông.	Xã Hoằng Thanh	Chiều dài tuyến khoảng 1320m: Mặt đường thảm nhựa 4m: Rãnh thoát nước KT Bxh = 0.4x0.5m	2026-2030	11.626	8.100	1.871	1.655	8.100	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường GTNT, hệ thống rãnh thoát nước các tuyến thôn Xuân Phú xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Thanh	là tuyến đường chính phục vụ trực tiếp đời sống dân sinh cho các ngư dân thôn Xuân Phú và các thôn lân cận khoản 736 hộ với 3.950 nhân khẩu. Đây còn là tuyến đường giao thông quan trọng kết nối với các vùng nhằm thu hút khách du lịch. Hiện nay tuyến đường này đã bị hư hỏng nặng, xuất hiện nhiều ổ gà, ổ voi gây mất an toàn cho lưu thông.	Xã Hoằng Thanh	chiều dài khoảng 1236 m.bề rộng mặt đường theo hiện trạng từ 2,5m-4,5m, rãnh thoát nước một bên b=0,4m	2026-2030	5.250	3.630	833	787	3.630	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đoạn từ trạm y tế Hoằng Ngọc đến nhà văn hóa thôn 6 xã Hoằng Thanh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoằng Thanh	Đây là tuyến đường quan trọng kết nối các thôn đến trạm y tế phục vụ đời sống; sức khoẻ cho nhân dân 602 hộ với 2.165 nhân khẩu đến nay đã hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng;	Xã Hoằng Thanh	Nâng cấp tuyến đường có chiều dài khoảng 670 m; - Mặt đường rộng trung bình từ 5,50m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, rãnh thoát nước đồng bộ và các hạng mục phụ trợ □	2026-2030	12.418	8.653	1.902	1.863	8.653	HPI-ND01
88	Xã Hoằng Lộc						18.000	14.251	3.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường và làm rãnh thoát nước tuyến đường trục chính thôn Bọt Trung	UBND xã Hoằng Lộc	Hiện trạng tuyến đường chủ yếu là đường bê tông đã xuống cấp, nhiều vị trí hư hỏng nguy cơ gây mất an toàn giao thông; chưa được đầu tư hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ Là tuyến đường trục chính của thôn giúp kết nối giao thương đi lại cho nhân dân thôn Bọt trung.	Xã Hoằng Lộc	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,58km. Chiều rộng nền = 5,0m; chiều rộng mặt = 3,5m và hệ thống thoát nước đồng bộ	2026-2030	8.000	6.551	1.449		6.551	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Đường giao thông, mương nội đồng và cải tạo nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước trong khu dân cư thôn 7, thôn 8.	UBND xã Hoàng Lộc	Là tuyến mương phục vụ tưới cho khoảng 32,5ha đất sản xuất nông nghiệp của 02 thôn. Hiện trạng hầu hết là mương đất bị bồi lắng, ách tắc dòng chảy, điều tiết nước không hiệu quả, phần còn lại đã được đầu tư bằng tấm bê tông đến nay đã xuống cấp. Tuyến đường giao thông có mặt đường bong tróc, lồi lõm ổ gà, gây khó khăn trong việc đi lại của nhân dân	Xã Hoàng Lộc	Tổng chiều dài tuyến khoảng 2,8km. Chiều rộng nền đường 5,0m; chiều rộng mặt đường 3,5m; khoảng 0,6km rãnh thoát nước tấm đan và đồng bộ hệ thống mương nội đồng	2026-2030	10.000	7.700	2.300		7.700	HPI-ND01
89	Xã Hoàng Châu						18.500	14.251	4.249		14.251	
1.1	Tuyến đường giao thông thôn Hồng Nhuệ 1 (đoạn từ đường ĐH.HH16 đến nhà ông Giảng)	UBND xã Hoàng Châu	Hiện trạng mặt đường là bê tông cũ chỉ rộng 2,5m, đã xuống cấp hư hỏng, bề mặt hẹp, không đảm bảo nhu cầu giao thông của nhân dân. Là tuyến đường nối trực tiếp vào đường huyện DHHH16 và toàn bộ khu dân cư thôn Hồng Nhuệ 1 và là tuyến đường chủ chốt trong việc phòng chống bão lụt trên địa bàn xã.	Xã Hoàng Châu	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến có chiều dài khoảng 420m. Mặt đường thảm bê tông nhựa, bề rộng mặt đường đạt 5,5m,	2026-2030	5.500	4.400	1.100		4.400	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ thôn Đình Long đi thôn Ngọc Long, xã Hoàng Châu	UBND xã Hoàng Châu	Mặt đường BTXM hiện trạng rộng khoảng 3m đã xuống cấp, hư hỏng nặng, ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tham gia giao thông của người dân. Là tuyến đường kết nối chính thôn Phong Châu và thôn Chung Sơn phục vụ đi lại và giao thương hàng hóa	Xã Hoàng Châu	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến có chiều dài khoảng 460m. Mặt đường thảm bê tông nhựa, bề rộng mặt đường đạt 7,5m.	2026-2030	4.000	3.200	800		3.200	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, mở rộng đường số 01 thôn Châu Phong (Thôn Châu Phong đi thôn Chung Sơn), xã Hoàng Châu	UBND xã Hoàng Châu	Hiện trạng đường láng nhựa, chỉ rộng 2,5-3m; Kết cấu mặt đường xuống cấp nghiêm trọng, nhiều vị trí lồi lõm mất an toàn giao thông. Là tuyến đường kết nối giao thông giữa thôn Đình long và Ngọc Long	Xã Hoàng Châu	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến có chiều dài khoảng 426m: Mặt đường thảm bê tông nhựa, bề rộng mặt đường đạt 7,5m.	2026-2030	5.500	4.400	1.100		4.400	HPI-ND01
1.4	Dự án: Nâng cấp,cải tạo đường số HC4 thôn Châu Lộc , xã Hoàng Châu	UBND xã	Cứng hóa đường giao thông để đi lại thuận tiện, thúc đẩy phát triển KI-XH địa phương. Mặt đường láng nhựa xuống cấp với Bm=3,5-5,5 m;	Châu Lộc, xã Hoàng Châu	Đầu tư xây dựng tuyến đường khoảng 461m, bao gồm cải tạo nền đường thảm nhựa, rãnh thoát nước	2026-2030	3.500	2.251	1.249		2.251	HPI-ND01
90	Xã Hoàng Sơn						22.000	14.251	7.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường liên thôn từ thôn Đông Bình đến thôn Trung Xuân, xã Hoàng Sơn, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hoàng Sơn	Tuyến đường hiện nay nhỏ, mặt đường hư hỏng, xuống cấp, chưa có hệ thống thoát nước đồng bộ. Đây là tuyến đường chính kết nối 02 thôn với khoảng 1014 hộ dân, để đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, phát triển kinh tế xã hội và đáp ứng công tác phòng chống bão lụt, cứu hộ cứu nạn thì việc đầu tư là rất cần thiết	Thôn Đông Bình, Thôn Trung Xuân, xã Hoàng Sơn	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài tuyến chính khoảng 1,4 km; các tuyến nhánh phục vụ phòng chống thiên tai và dân sinh với tổng chiều dài khoảng 1,6 km; Đầu tuyến Thôn Đông Bình, cuối tuyến Thôn Trung Xuân. Quy mô mặt cắt ngang: Bm=3,5-7,5m; Hạng mục: Nền, mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ;	2026-2030	18.000	11.451	6.549		11.451	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, kiên cố hoá kênh nội đồng thôn Bản Thành, xã Hoàng Sơn	UBND xã Hoàng Sơn	Hiện trạng kênh đất, thường xuyên bị bồi lắng, chưa đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho khoảng 35,6 ha đất nông nghiệp.	Thôn Bản Đình, Bản Thành, xã Hoàng Sơn	Nâng cấp, kiên cố hoá kênh nội đồng và các công trình trên kênh có chiều dài khoảng 0,5km kích thước BxH khoảng 1,5m x 1,2m và các công trình trên kênh	2026-2030	4.000	2.800	1.200		2.800	HPI-ND02
91	Xã Hoàng Phú						45.000	14.251	30.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông (Nối từ MB 103 xã Hoàng Kim cũ đi MB 132 xã Hoàng Quý cũ, chạy dọc phía Tây từ công ty DEHAN đến nhà máy Z11)	UBND xã Hoàng Phú	Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường là cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương	Xã Hoàng Phú	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường giao thông chiều dài khoảng L= 0,75 km, chiều rộng hiện trạng là 2,5m, nâng cấp, mở rộng mặt đường lên 20,5m	2026-2030	30.000	9.751	20.249		9.751	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Xa Vệ đi thôn Xa Vệ 4	UBND xã Hoàng Phú	Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường là cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương	Xã Hoàng Phú	Nâng cấp, cải tạo mở rộng tuyến đường giao thông chiều dài khoảng L= 1,0 km, chiều rộng hiện trạng là 2,5m, nâng cấp, mở rộng mặt đường lên 5,5m, hệ thống mương thoát nước kẹp bên hông phía Tây, mương rộng 2,5m, bê tông, mặt đường thảm nhựa	2026-2030	15.000	4.500	10.500		4.500	HPI-ND01
92	Xã Hoàng Giang						24.000	14.251	9.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Hệ thống kênh tiêu, trạm bơm tiêu Hợp - Giang	UBND xã Hoằng Giang	Mùa mưa bão năm 2025 (bão số 5, số 10) trên địa bàn xã Hoằng Giang xảy ra ngập úng, đặc biệt tại các thôn Quý Thọ, Hợp Đông, Trinh Thọ. Hệ thống kênh tiêu úng chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu thoát nước, gây thiệt hại nặng về hoa màu, sản xuất nông nghiệp của nhân dân.	Xã Hoằng Giang	Hệ thống kênh tiêu: Chiều dài tuyến khoảng 700m; khẩu độ BxH=350x120cm. - Trạm bơm tiêu: Công suất 2.000 m3/h.	2026-2030	24.000	14.251	9.749		14.251	HPI-ND02
93	Xã Lưu Vệ						51.700	14.251	37.449		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo kênh Tân Phong 2, đoạn từ đường Thanh Niên đến Trạm cảnh sát giao thông, thôn Chính Trung, xã Lưu Vệ		Tuyến kênh đã xuống cấp hư hỏng, nhiều vị trí tường mương đã đổ xuống lòng mương. Khẩu độ mương bé, ảnh hưởng đến lưu lượng dòng chảy, gây ngập úng cho các khu dân cư khi mưa lớn xảy ra		Tổng chiều dài tuyến kênh khoảng 1.700m. BxH trung bình = 3 x 1,5m.		32.000	8.800	23.200		8.800	HPI-ND02
1.2	Đầu tư xây dựng đường từ QL 1A đến đường Đức Ninh (qua thôn Chính Trung và Xuân Yên), xã Lưu Vệ		Tuyến đường hiện trạng có mặt cắt bé, đã xuống cấp trầm trọng, gây khó khăn và nguy hiểm cho người dân khi tham gia giao thông		Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 1.150 m, hệ thống rãnh thoát nước dọc tuyến đường, Đầu tư một số hạng mục đảm bảo vận hành và an toàn giao thông.		19.700	5.451	14.249		5.451	HPI-ND01
94	Xã Quảng Yên						30.000	14.251	15.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường từ Cầu Trào xã Quảng Yên đi Quảng Ngọc	UBND xã Quảng Yên	Tuyến đường từ Cầu Trào xã Quảng Yên đi Quảng hợp có chiều dài khoảng 2.0m. Hiện trạng tuyến là đường nhựa đã xuống cấp, nhiều vị trí hư hỏng, gây khó khăn cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa. Hệ thống rãnh thoát nước trong khu vực chưa được đầu tư đồng bộ, khả năng thoát nước hạn chế, thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ vào mùa mưa.	Xã Quảng Yên	chiều dài khoảng 2 km với Bm=7,5 và Bn=9m . - Bổ sung kẻ dọc bờ sông	2026-2030	30.000	14.251	15.749		14.251	HPI-ND01
95	Xã Quảng Ninh						45.422	28.504	16.918		28.504	
1.1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Ninh-Nhân-Hải qua nhà văn hóa thôn 4 đến đồng Cồn xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Hiện tại là đường rải nhựa, xuống cấp lồi lõm,chấp vá, nhiều vị trí hư hỏng nặng, ô gà, chưa có hệ thống thoát nước, gây khó khăn đi lại cho nhân dân trong khu vực	Thôn 4, xã Quảng Ninh	Chiều dài khoảng 1,1km. Bề rộng nền đường Bn = 6,5 - 8,0m , Bề rộng mặt đường Bm = 5,0 – 5,5m, và hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.800	8.000	1.800		8.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Xây dựng mương tiêu nước từ Trạm Bơm đi đường 4A xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Hiện đang là mương đất có nhiều chỗ bị sạt lở ảnh hưởng đến dòng chảy ảnh hưởng đến việc cấp nước cho hệ thống cấp nước cho trạm bơm cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho hơn 100ha đất 2 lúa và một lúa một màu	Thôn Đai, xã Quảng Ninh	Mương thoát nước có tổng chiều dài khoảng 1965m với kích thước mương 1,0x1,1m, 8 cống qua đường	2026-2030	11.996	10.000	1.996		10.000	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà Ông Kiều thôn 4 đến Chùa Phật Tổng Ninh Nhân Hải, xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Tuyến đường hiện tại bề mặt trung bình 2,5m; chiều dài 1,1km nối giữa 3 thôn thôn 3,4 và thôn 5 đến các trường tiểu học, trung học sơ sở , phục vụ cho 800 hộ dân, khoảng 4.00 nhân khẩu; nó bị hư hỏng nhiều, bề mặt đường nứt gãy tạo ra các ổ gà gây ảnh hưởng việc đi lại của bà con	Thôn Nhân Hùng , xã Quảng Ninh	Chiều dài khoảng 1,1km.Bề rộng nền đường Bn = 7,0 - 11,0m, Bề rộng mặt đường Bm = 7,0 – 9,0m, hệ thống thoát nước mặt đồng bộ	2026-2030	10.000	8.000	2.000		8.000	HPI-ND01
1.4	Tuyến đường nhựa từ UBND Quảng Nhân cũ đến nhà ông Trần Văn Thụ thôn 6 xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ninh	Tuyến đường nhựa từ UBND Quảng Nhân cũ đến nhà ông Trần Văn Thụ thôn 6 bề mặt trung bình 4m nó bị hư hỏng nhiều, bề mặt đường nứt gãy tạo ra các ổ gà gây ảnh hưởng việc đi lại của bà con; giải quyết vấn đề đi lại cho bà con nông dân, ổn định đời sống nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội xã Quảng Ninh nói riêng nói chung	Thôn 6, xã Quảng Ninh	Chiều dài khoảng 1,04km, rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	13.626	2.504	11.122		2.504	HPI-ND01
96	Xã Quảng Bình						40.000	28.504	11.496		28.504	
1.1	Dự án: Đầu tư nâng cấp đường giao thông Lưu - Bình, đoạn từ Tỉnh lộ 511 đi Quốc lộ 1A, xã Quảng Bình. Hạng mục: Nền, mặt đường, điện chiếu sáng.	UBND xã Quảng Bình	Hiện nay, tuyến đường xuất hiện tình trạng lún nền đường, có nhiều ổ trâu, hư hỏng nghiêm trọng, thường xuyên đọng nước và đây là tuyến đường có lưu lượng người và phương tiện tham gia giao thông lớn, đặc biệt là các cháu học sinh THPT trên địa bàn xã hàng ngày đến trường bằng tuyến đường này	xã Quảng Bình	Chiều dài khoảng 1,5 km, quy mô phục vụ từ 2 đến 4 làn xe, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	40.000	28.504	11.496		28.504	HPI-ND01
97	Xã Tiên Trang						41.205	28.504	12.701		28.504	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường Đường 257 kéo dài. Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn từ thôn Đông Tiên đến thôn Đông Hải; đoạn trước chợ Quảng Nham, xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tiên Trang	Tuyến đường xây dựng đã đầu, đã xuống cấp, chấp vá, nhiều vị trí hư hỏng nặng, ổ gà, chưa có hệ thống thoát nước, gây khó khăn đi lại cho khoảng 3,500 nhân khẩu trong vùng	Xã Tiên Trang	Chiều dài toàn tuyến khoảng L=1,53km; chiều rộng dự kiến khoảng R =5,5-7,5m	2026-2030	8.005	5.603	2.402		5.603	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Kênh tiêu từ thôn Lọc Thắng đến thôn Đông Tiến, xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tiên Trang	Kênh tiêu từ thôn Lọc Thắng đến thôn Đông Tiến đang là bờ đất tự nhiên, thường xuyên bị tắc nghẽn dòng chảy gây ngập úng; không đồng bộ với hai đầu kênh đã được bê tông hóa; nhiều vị trí bị sạt lở, đất bồi làm tắc dòng chảy của kênh gây khó khăn, và không đảm bảo cho khoảng 130ha đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư	Xã Tiên Trang	Tổng chiều dài tuyến là khoảng 751m, Kích thước đoạn 1 là (2,5x2)m, đoạn 2 là (2x1,5)m Lâm đường dân sinh đoạn 2 của mương, chiều dài L= 418m, rộng 4m	2026-2030	16.000	11.200	4.800		11.200	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp đường 4B xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: nâng cấp, cải tạo mặt đường; xây rãnh toát nước đoạn từ nhà ông Quang Thủy thôn Tiên Phong đến giáp địa phận xã Quảng Lộc cũ	UBND xã Tiên Trang	Đường láng nhựa, cạp mở rộng lề đường bằng vữa xi măng cát hoặc bê tông xi măng đá 1x2. Xuống cấp nghiêm trọng	Xã Tiên Trang, tỉnh Thanh Hóa	Chiều dài tuyến đường L=1,33km mặt đường 7,5m, có rãnh hai bên	2026-2030	17.200	11.701	5.499		11.701	HPI-ND01
98	Xã Nông Cống						20.358	14.251	6.107		14.251	
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn tại thôn Lê Xá 2, xã Nông Cống	UBND xã Nông Cống	Đây là tuyến đường giao thông chính thôn Lê Xá 2, xã Nông Cống, phục vụ nhu cầu giao thông đi lại và sản xuất của 624 hộ dân, với chiều dài khoảng 3,5km. Hiện trạng tuyến đường được gia cố bằng bê tông với chiều dài khoảng 1km, còn lại đang là cấp phối, chiều rộng mặt Bm=3,5m. Mặt bê tông bị vỡ, nứt nhiều đoạn	UBND xã Nông Cống	Chiều dài L = 3500m, Bm=5,5m, Bn=6,5m	2026-2030	10.258	7.181	3.077		7.181	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn từ tỉnh lộ 525 đến các khu dân cư thôn Cung Điền, xã Nông Cống	UBND xã Nông Cống	Đây là tuyến đường giao thông chính nối đường TL525 đến khu dân cư thôn Cung Điền, xã Nông Cống, phục vụ nhu cầu giao thông đi lại và sản xuất của 475 hộ dân trong thôn. Hiện trạng tuyến đường được gia cố bằng bê tông với chiều dài khoảng 0,8km, còn lại đang là cấp phối, chiều rộng mặt Bm=3,0m Mặt bê tông bị vỡ, nứt nhiều đoạn	UBND xã Nông Cống	Chiều dài L = 2000m, Bm=5,5m, Bn=6,5m	2026-2030	6.300	4.410	1.890		4.410	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn Bái Đa, xã Nông Cống	UBND xã Nông Cống	Đây là tuyến đường giao thông chính trên địa bàn thôn Bái Đa, xã Nông Cống, phục vụ nhu cầu giao thông đi lại và sản xuất của 215 hộ dân trong thôn, với chiều dài khoảng 1,0km. Hiện trạng tuyến đường được gia cố bằng bê tông và cấp phối, chiều rộng mặt Bm=3,0m. Mặt bê tông bị vỡ	UBND xã Nông Cống	Chiều dài L = 1000m, Bm=5,5m, Bn=6,5m	2026-2030	3.800	2.660	1.140		2.660	HPI-ND01
99	Xã Trung Chính						25.000	14.251	10.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây dựng tuyến đường giao thông thôn Tân Sơn, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Hiện trạng tuyến đường giao thông thôn Tân Sơn dài khoảng 1,5km có bề rộng mặt đường chỉ từ 2,0 - 2,5 m, không đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Đồng thời, cao độ nền đường thấp hơn khu vực xung quanh nên thường xuyên bị ngập úng khi mưa lớn hoặc vào mùa mưa lũ, gây khó khăn cho giao thông, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn	Thôn Tân Sơn, xã Trung Chính	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường chiều dài khoảng 1,5km; bề rộng mặt đường B=5,0m; mặt đường bê tông xi măng	2026-2030	10.000	6.000	4.000		6.000	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa mặt đường và xây dựng tuyến rãnh thoát nước đường trục chính thôn Hồi Cù, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Tuyến đường trục chính thôn Hồi Cù (trước đây là thôn Phú Quý) với chiều dài khoảng 1,0 km là tuyến giao thông chính phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt và vận chuyển hàng hóa của hơn 200 hộ dân trong thôn. Hiện nay, mặt đường đã xuống cấp, xuất hiện nhiều vị trí hư hỏng, gây khó khăn cho việc lưu thông và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.	Thôn Hồi Cù, xã Trung Chính	Chiều dài tuyến khoảng 1,0km Đầu tư nâng cấp cải tạo tuyến đường hiện trạng, bề rộng B=5,0m, mặt đường bê tông xi măng - Xây mới và cải tạo hệ thống rãnh thoát nước dọc 2 bên	2026-2030	6.000	3.451	2.549		3.451	HPI-ND01
1.3	Xây dựng tuyến rãnh thoát nước thôn Hoàng Sơn, xã Trung Chính	UBND xã Trung Chính	Hiện nay, khu dân cư thôn Hoàng Sơn chưa được đầu tư hệ thống rãnh thoát nước đồng bộ, không có điểm tiêu thoát nước tập trung nên nước thải sinh hoạt chủ yếu tự chảy trên các tuyến đường và khu dân cư. Tình trạng này gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan nông thôn, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh dịch bệnh và tác động trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của hơn 500 hộ dân	Thôn Hoàng Sơn, xã Trung Chính	Đầu tư xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc 2 bên đường bằng bê tông cốt thép, chiều rộng B=40÷60cm; chiều dài khoảng 3,0km	2026-2030	9.000	4.800	4.200		4.800	HPI-ND01
100	Xã Công Chính						20.200	14.822	4.178	1.200	14.822	
1.1	Đầu tư xây dựng tuyến đường dân sinh kết hợp phục vụ sản xuất từ thôn Hậu Sơn đi thôn Cự Phú	UBND xã Công Chính	Hiện trạng tuyến đường nhỏ hẹp, bề tổng 1,5m đã xuống cấp qua khu dân cư với chiều dài khoảng 2km, tuyến đường kết nối vào khu sản xuất trồng rừng và khu dân cư. Hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa xã Công Chính, kết nối hơn 300 ha diện tích vùng nguyên liệu rừng, tạo điểm nhấn về Nông Nghiệp sạch cũng như các mô hình Nông nghiệp điển hình của xã.	Xã Công Chính	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường có chiều dài khoảng 4km (Chiều rộng nền Bn=9m, chiều rộng mặt đường Bm=2x3,5m; chiều rộng lề đất Bld=0,5x2m)	2026-2030	14.000	10.571	2.429	1.000	10.571	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Kênh mương nội đồng thôn Sơn Thành đi Phú Đa	UBND xã Công Chính	Hoàn thiện mạng lưới thủy lợi trên địa xã Công Chính, phục vụ sản xuất cho 55ha diện tích lúa của thôn Sơn Thành và thôn Phú Đa. Đáp ứng sự mong đợi của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong xã, đồng thời thuận lợi cho việc thúc đẩy sự phát triển về kinh tế xã hội của khu vực	Xã Công Chính	Xây dựng mới kênh bê tông kích thước 60x70, dài khoảng 2,2km	2026-2030	6.200	4.251	1.749	200	4.251	HPI-ND02
101	Xã Thiệu Hóa						18.700	14.251	4.449		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đi đê sông Cầu Chày nối Đình làng tại thôn Thiệu Long, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Hóa	Tuyến đường có chiều dài khoảng 700m; hiện trạng mặt đường nhỏ hẹp từ 3-4m, qua nhiều năm sử dụng, mặt đường đã xuống cấp nhiều điểm mặt đường bị bong chóc, ổ gà, ổ trâu gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông;	Xã Thiệu Hóa	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 800m chiều rộng mặt đường ≥ 4,5m; chiều rộng nền đường ≥ 6,5m. Hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	6.200	4.921	1.279		4.921	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đầu làng thôn Tra Thôn đến đầu làng thôn Minh Thượng, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Hóa	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,65km; hiện trạng mặt đường nhỏ hẹp từ 2-4m, qua nhiều năm sử dụng, mặt đường đã xuống cấp nhiều điểm mặt đường bị bong chóc, ổ gà, ổ trâu gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông	Xã Thiệu Hóa	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 1,65Km, chiều rộng mặt đường ≥ 4,5m; chiều rộng nền đường ≥ 6,5m; hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	12.500	9.330	3.170		9.330	HPI-ND01
102	Xã Thiệu Quang						25.800	14.251	11.549		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ nhà canh đê Sông Mã đến cổng Doãng nô Thiệu Thịnh, xã Thiệu Quang.	UBND xã Thiệu Quang	Là trục giao thông dọc đạo, đóng vai trò kết nối trực tiếp các hộ dân trong khu vực với trung tâm hành chính xã và hành lang kinh tế động lực dọc tuyến đê Sông Mã. Hiện trạng tuyến đường này đã xuống cấp nghiêm trọng mặt đường bê tông xi măng sau nhiều năm sử dụng đã bị bong tróc, hìnhthành nhiều ổ voi, ổ gà lớn gây mất an toàn giao thông.Với chiều rộng mặt đường hạn chế chỉ khoảng 4,0m, tuyến đường không còn đáp ứng được năng lực thông hành.	Xã Thiệu Quang	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông hiện trạng dài khoảng 1km, mặt đường rộng 5,5m	2026-2030	8.000	5.600	2.400		5.600	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Trạm Y tế đến cổng làng Châu Trướng, xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Thiệu Quang	Kết nối trực tiếp thôn Nhân Cao (811 hộ, 3080 khẩu) và Khu phố Chí Cường (849 hộ, 2940 khẩu) đến trung tâm hành chính của xã và khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, tạo điều kiện thu hút lao động trong KCN, đáp ứng nhu cầu đi lại hiện nay tuyến đường đã xuống cấp, mặt đường bê tông rộng trung bình 2,5m÷3,5m đã nứt vỡ, mặt đường nhỏ, hẹp xuống cấp trầm trọng	Xã Thiệu Quang	Tổng chiều dài khoảng 1,6km; mặt đường rộng 5,5m, lề đường 2x0,5m và các công trình hạ tầng khác trên tuyến.	2026-2030	9.800	6.860	2.940		6.860	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ đường Thống Nhất đến thôn Phú Khánh xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Thiệu Quang	Tuyến đường từ đường Thống Nhất đến thôn Phú Khánh là tuyến đường liên thôn quan trọng của xã, liên kết các thôn Phú Khánh (350 hộ, 1458 khẩu) , Chấn Long (655 hộ, 2700 khẩu) và Quán Xá (477 hộ, 1835 khẩu) Tuy nhiên, hiện nay tuyến đường đã xuống cấp, mặt đường bê tông rộng trung bình 2m÷3m đã nứt vỡ, mặt đường nhỏ, hẹp xuống cấp trầm trọng	Xã Thiệu Quang, tỉnh Thanh Hóa	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông hiện hiện trạng dài khoảng 1,5km; rộng 5,5m,	2026-2030	8.000	1.791	6.209		1.791	HPI-ND01
103	Xã Yên Định						21.300	14.251	7.049		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Duyên Thượng 1, thôn Duyên Thượng 2 xã Yên Định,	UBND xã Yên Định	Hiện trạng tuyến đường có mặt đường bê tông xi măng với chiều rộng trung bình 3,5m, nền đường rộng trung bình 6,5m. Do thời gian đầu tư đã lâu cùng với lưu lượng xe với tải trọng lớn đi lại nhiều dẫn đến phần lớn mặt đường đã hư hỏng nặng; xuất hiện nhiều vị trí sụt lún, sinh lầy, ô gà làm ảnh hưởng việc đi lại, giao thương của nhân dân	Xã Yên Định	Tổng chiều dài khoảng 1,65km - Chiều rộng nền đường B _{nền} = 6,5m; chiều rộng mặt đường B _{mặt} = 5,0m	2026-2030	15.000	10.251	4.749		10.251	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Vực Phác, xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Yên Định	Hiện trạng tuyến đường có mặt đường bê tông xen lẫn đường cấp phối đá dăm và đường nền đất, nhiều vị trí đã bị vỡ nát, bong tróc, bề rộng mặt đường xe chạy hẹp (từ 3,5-4,0m) chưa đảm bảo kết nối thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, phát triển KTXH, hệ thống rãnh thu nước không đồng bộ và liên tục, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước mặt đường và dân cư 2 bên	Xã Yên Định	Tuyến đường có tổng chiều dài khoảng, L = 1.150m(gồm 4 đoạn). Bề rộng nền đường B _n = 3,5 -:- 11,0m, Bề rộng mặt đường B _m = 3.50m -:-11,0m	2026-2030	6.300	4.000	2.300		4.000	HPI-ND01
104	Xã Quý Lộc						20.000	14.251	5.749		14.251	
1.1	Đường giao thông từ đê sông Mã đi thôn 10, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quý Lộc	Là tuyến giao thông quan trọng phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân thôn 10; thôn có 554 hộ dân, diện tích sản xuất và khu vực phục vụ khoảng 220 ha. Hiện chưa được đồng bộ, chưa đáp ứng đi lại và vận chuyển của nhân dân trong vùng	Thôn 10, xã Quý Lộc	Tuyến đường có chiều dài khoảng 2,5km; Bề rộng nền đường B _n = 9.0 -:- 11.5m, Bề rộng mặt đường B _m = 5.50m	2026-2030	20.000	14.251	5.749		14.251	HPI-ND01
105	Xã Định Tân						19.700	14.251	5.449		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp đường giao thông liên thôn từ Đình làng Kênh thôn đi thôn Tân long, xã Định Tân	UBND xã Định Tân	Hiện trạng đường mới chỉ do cấp phối, mặt đường nhiều ổ gà, gây ảnh hưởng tới giao thông đi lại của khoảng 1.600 người dân; Dự kiến tiếp tục xây dựng với quy mô: Dài 1,8 km, rộng 0,8m; Đỗ nhựa toàn bộ mặt đường	Xã Định Tân	Chiều dài toàn tuyến khoảng L=1,8 km; chiều rộng khoảng R = 8m	2026-2030	15.000	11.000	4.000		11.000	HPI-ND01
1.2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường giao thông Ái thôn đi thôn Vệ Thôn, xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Định Tân	Hiện trạng mặt đường đất; gây khó khăn trong việc đi lại của khoảng 3.500 người dân; sau khi được đầu tư đảm bảo nhu cầu đi lại, thúc đẩy giao thương hàng hóa,phát triển liên kết vùng	Xã Định Tân	Chiều dài toàn tuyến khoảng L=1,7 km; chiều rộng khoảng R = 5,5m	2026-2030	4.700	3.251	1.449		3.251	HPI-ND01
106	Xã Thọ Xuân						28.860	14.251	14.609		14.251	
1.1	Đường từ Đường tỉnh 507 đi cầu Tây, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Hiện trạng tuyến đường có mặt đường rộng (3,5-4,5)m, nền đường rộng (4,5-8,0)m; kết cấu mặt đường láng nhựa và đang bắt đầu lún lõm, bong tróc, ổ gà; ngoài ra tuyến đường này cũng trùng thấp, hệ thống thoát nước dọc và ngang tuyến chưa hoàn chỉnh nên thường xuyên bị ngập khi mưa lớn gây chia cắt giao thông làm ảnh hưởng đến đi lại của nhân dân và nguy cơ gây mất ATGT	Thôn Lư Khánh Thượng và Lư Khánh Đông, xã Thọ Xuân	Chiều dài tuyến khoảng L= 2,25km. Bề rộng mặt đường Bm= 5,5m, lề đường Bl = 2x1,0m, nền đường Bn = 7,50m, rãnh thoát nước đồng bộ và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.290	6.251	3.039		6.251	HPI-ND01
1.2	Đường từ cầu Trường Giang thôn Quần Kênh 1 đi Thôn Quân Kênh 2, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Hiện trạng tuyến đường có mặt đường rộng (4,0-5,0)m, nền đường rộng (5,5-7,5)m; kết cấu mặt đường láng nhựa và đang bắt đầu lún lõm, bong tróc, ổ gà; mặt đường xuất hiện nhiều ổ gà và bụi, ngoài ra tuyến đường này nằm trong tuyến đường Quốc phòng kết nối sân bay Sao Vàng với trạm Rada Xuân Trường, xã Thọ Xuân	Thôn Quần Kênh 1 và Thôn Quân Kênh 2 cũ (nay là Thôn Xuân Giang 1)	Chiều dài tuyến khoảng 1,465km. Bề rộng mặt đường Bm = (5,5-7,0)m, lề đường Bl = 2x0,5m, nền đường Bn = (6,5-7,5)m, rãnh thoát nước đồng bộ và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.850	4.000	5.850		4.000	HPI-ND01
1.3	Đường Trần Quang Khải, đoạn từ cầu Trắng đi Quốc lộ 47C, xã Thọ Xuân	UBND xã Thọ Xuân	Hiện trạng tuyến đường có mặt đường rộng (4,0-5,0)m, nền đường rộng (6,5-8,0)m; kết cấu mặt đường láng nhựa và đang bắt đầu lún lõm, bong tróc, ổ gà; xuất hiện nhiều ổ gà và bụi làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân hai bên tuyến và tiềm ẩn nguy cơ gây mất ATGT	Thôn Xuân Phá 2 và thôn Xuân Phá 3, xã Thọ Xuân	Chiều dài tuyến khoảng 1,089km. Bề rộng mặt đường Bm = (5,5-7,0)m, lề đường Bl = 2x0,5m, nền đường Bn = (6,5-7,5)m, rãnh thoát nước đồng bộ và các công trình phụ trợ	2026-2030	9.720	4.000	5.720		4.000	HPI-ND01
107	Xã Thọ Long						22.400	14.251	8.149		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây mới Đường giao thông và kênh mương phát triển sản xuất thôn Làng Dừa, xã Thọ Long	UBND xã Thọ Long	Đường hiện trạng là bê tông rộng 2,5-3m, nền đường và mương đang là nền đất chưa đủ đáp ứng phục vụ cho việc đi lại phục vụ sản xuất nông nghiệp của 700 hộ dân với tổng diện tích đất nông nghiệp 350ha	Thôn Làng Dừa, xã Thọ Long	Tổng chiều dài đường GT khoảng 2,6 km; mặt đường BTXM Bm=3,5m; Tổng chiều dài kênh mương khoảng 2km	2026-2030	10.000	6.300	3.700		6.300	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo Đường giao thông và kênh mương phát triển sản xuất thôn Phúc Long xã Thọ Long	UBND xã Thọ Long	Đường hiện trạng rộng 2,5-3 m, Nền đường đã đổ bê tông, mương xây gạch nhưng đã bị xuống cấp 75%, Dự án phục vụ cho việc đi lại của 500 hộ dân thuộc thôn Phúc Long và tiêu thoát nước của hơn 300ha đất nông nghiệp.	Thôn Phúc Long	Tổng chiều dài khoảng 2,4km; mặt đường BTXM Bm= 3,5m; Tổng chiều dài kênh mương khoảng 1,5km	2026-2030	6.900	4.430	2.470		4.430	HPI-ND01
1.3	Xây mới Đường phát triển sản xuất từ đường nối 3QL đi khu dân cư Đồng Ái, thôn Làng Dừa	UBND xã Thọ Long	Tuyến đường giao thông có chiều dài 2km, Đường hiện trạng rộng 3,5m, bê tông xuống cấp. Nếu đầu tư sẽ phục vụ cho việc kết nối giao thông của 800 hộ dân thôn Làng Dừa, Mạnh Chư đi xã Thọ Xuân và phục vụ cho phát triển nông nghiệp của 370ha.	Thôn Mạnh Chư, Thôn Làng Dừa	Tổng chiều dài khoảng 2,0km; mặt đường BTXM Bm= 3,5m; dày 0,2m	2026-2030	5.500	3.521	1.979		3.521	HPI-ND01
108	Xã Xuân Hòa						18.500	14.251	4.249		14.251	
1.1	Nâng cấp tuyến đường đến Bà Phạm Thị Ngọc Trần thôn Thượng Vôi	UBND xã Xuân Hòa	Đây là tuyến đường dân sinh liên thôn từ Thượng Vôi đến Đông Thành, dân số 2 thôn khoảng 700 hộ, việc nâng cấp tuyến đường sẽ đảm bảo đi lại, phát triển kinh tế của khu vực; hiện tại đã hư hỏng, xuống cấp với bề rộng mặt đường bê tông từ 2,5 đến 3,5m, bề rộng nền đường 3,5 đến 6m	Thôn Thượng Vôi	Mở rộng mặt đường chiều dài khoảng 0,8km thành 4,5m; Một số vị trí cục bộ bố trí kè với tổng chiều dài khoảng 30m và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	4.000	3.000	1.000		3.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường bên trái tuyến kênh Nông Giang	UBND xã Xuân Hòa	Đây là tuyến đường liên thôn của 5 thôn Thọ Diên cũ, chiều dài tuyến 3,0km. Hiện trạng đường đa số là đường đất, Việc nâng cấp tuyến đường là hết sức quan trọng, đảm bảo nhu cầu đi lại, sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.	Thôn Tứ Tru, Thịnh Mỹ, Quân Đội	Tổng chiều dài khoảng 2,5km, bề tông mặt rộng 3,5m	2026-2030	6.000	4.451	1.549		4.451	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Thắng Lợi	UBND xã Xuân Hòa	Nâng cấp tuyến mương phục vụ tưới tiêu cho các xứ đồng thuộc thôn Thắng Lợi, Tuyến mương phục vụ diện tích sản xuất khoảng 40ha. Hiện tại Mương đất, bồi lắng, không đảm bảo công năng tưới tiêu, phục vụ sản xuất cho diện tích đất nông nghiệp các thôn	Xã Xuân Hòa	Xây mương bê tông kích thước 50x60, chiều dài khoảng 1,0km	2026-2030	2.500	2.000	500		2.000	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Phấn Thôn đi Hòa Giang	UBND xã Xuân Hòa	Nâng cấp tuyến mương phục vụ tưới tiêu cho các xứ đồng thuộc thôn Phấn Thôn, Tuyến mương phục vụ diện tích sản xuất khoảng 50ha. Hiện tại là Mương đất, bồi lắng, không đảm bảo công năng tưới tiêu,	Thôn Phấn Thôn	Xây mương bê tông kích thước 50x60, chiều dài khoảng 1,2 km	2026-2030	3.000	2.400	600		2.400	HPI-ND02
1.5	Nâng cấp Mương tưới, tiêu nội đồng Thôn Đông Phương Hồng đi Hòa Giang	UBND xã Xuân Hòa	Nâng cấp tuyến mương phục vụ tưới tiêu cho các xứ đồng thuộc thôn Phấn Thôn, Tuyến mương phục vụ diện tích sản xuất khoảng 40ha. Hiện tại là Mương xây nhỏ hẹp, đã hư hỏng, không đảm bảo công năng tưới tiêu	Thôn Đông Phương Hồng	Xây mương bê tông kích thước 50x60, chiều dài khoảng 1,2 km	2026-2030	3.000	2.400	600		2.400	HPI-ND02
109	Xã Lam Sơn						21.214	14.251	6.963		14.251	
1.1	Tuyến đường Nguyễn Nhữ Lãm đi Làng Ngọc xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Đây là Tuyến đường quan trọng liên kết trung tâm thôn Đoàn Kết với tuyến đường quốc lộ 47 với tổng số 220 hộ với 1000 nhân khẩu đến nay đã hư hỏng và xuống cấp nghiêm trọng	Xã Lam Sơn	Chiều dài tuyến khoảng 2Km; 800m thảm nhựa mặt đường rộng từ 5-6,5m, đoạn còn lại đổ BTXM rộng khoảng 4,5m	2026-2030	10.000	6.600	3.400		6.600	HPI-ND01
1.2	Mương tưới tiêu từ sử đồng Quai Vạc thôn 8 đi bờ sông Chu	UBND xã Lam Sơn	Đây là Tuyến mương phục vụ tiêu nước cho 200 hộ dân cư và tưới cho khoảng 40 ha lúa của thôn 8, hiện trạng đang là mương đất với chiều dài khoảng 1km	Xã Lam Sơn	Làm mới tuyến mương chiều dài khoảng 1km với kích thước BxH khoảng 0,8m x 1m	2026-2030	6.000	4.001	1.999		4.001	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường khu dân cư thôn Hữu Lễ 4 xã Lam Sơn	UBND xã Lam Sơn	Đây là tuyến đường liên thôn kết nối thôn Hữu Lễ 4 và thôn Hữu Lễ 1 với tổng số 200 hộ với 870 nhân khẩu đến nay đã xuống cấp và hư hỏng nghiêm trọng	Xã Lam Sơn	Thảm nhựa và rãnh thoát nước khu dân cư với chiều dài tuyến khoảng 500m; chiều rộng mặt đường khoảng 4-5m	2026-2030	5.214	3.650	1.564		3.650	HPI-ND01
110	Xã Xuân Lập						24.760	14.251	10.509		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47b đi Cống Nổ Đào; Tuyến từ QL47b đi thôn Thọ Tân, đi thôn Phong Mỹ	UBND xã Xuân Lập	Hiện các tuyến đường đã xuống cấp, khó khăn cho nhân dân trong đời sống sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.	Thôn Vinh Quang; thôn Thọ Tân; thôn Phong Mỹ, Xã Xuân Lập	Chiều dài tuyến khoảng L= 2,920m, quy mô Bn=4,5m, Bm=5,5m; xây mới mương tiêu nước cho thôn Phong Mỹ chiều dài 257m	2026-2030	8.760	7.008	1.752		7.008	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến mương tiêu từ Thọ Tân đi Phong Mỹ, đi thôn Thành Vinh	UBND xã Xuân Lập	Tuyến mương hiện trạng là kênh đất. Qua nhiều năm đưa vào sử dụng, do chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên và con người nên đã bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng rất lớn đến việc dẫn nước phục vụ nhân dân trên địa bàn và các vùng phụ cận. Vì vậy việc đầu tư xây dựng công trình là hết sức cần thiết	Thôn Thọ Tân, thôn Phong Mỹ và khu vực kết nối thôn Thành Vinh, xã Xuân Lập	Kênh tiêu dài khoảng 1,5 km, phía trên đỉnh mái bố trí giằng bê tông cốt thép.	2026-2030	6.000	4.800	1.200		4.800	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đường 3 quốc lộ nối đường 506C	UBND xã Xuân Lập	Tuyến đường đã xuống cấp, cần thiết nâng cấp, mở rộng để dễ cải thiện kết cấu hạ tầng, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân; kết nối 3 tuyến đường: tỉnh lộ 506b, 506c và đường nối 3 quốc lộ thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.	xã Xuân Lập	Chiều dài tuyến khoảng L=1020 m, quy mô Bn= 7-10 m, Bm= 8-12 m; rãnh thoát nước chịu lực 2 bên; mặt đường được bù vênh bằng CPDD loại 1 và thảm nhựa	2026-2030	10.000	2.443	7.557		2.443	HPI-ND01
111	Xã Triệu Sơn						23.750	14.251	9.499		14.251	
1.1	Nâng cấp cải tạo đường giao thông Lê Dốc, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Triệu Sơn	Tuyến đường Lê Dốc là tuyến giao thông phục vụ đi lại của Nhân dân, kết nối khu dân cư với khu sản xuất và các tuyến giao thông hiện có. Việc đầu tư nâng cấp nhằm hoàn thiện hạ tầng giao thông nông thôn, bảo đảm an toàn giao thông, thuận lợi vận chuyển hàng hóa, nông sản, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã.	Xã Triệu Sơn	Chiều dài khoảng 0,75km Bm=7m, bê tông nhựa	2026-2030	12.000	7.201	4.799		7.201	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp cải tạo kênh tưới Đồng Chòi, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Triệu Sơn	Đảm bảo tưới cho 145ha đất SXNN của 550 hộ dân thuộc địa bàn thôn Sơn Hà, xã Triệu Sơn	Xã Triệu Sơn	Chiều dài tuyến kênh hộp chữ nhật khoảng L=1200m; KT(0,8x1,05)	2026-2030	6.500	3.900	2.600		3.900	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp cải tạo kênh tưới Đồng Cúm, xã Triệu Sơn.	UBND xã Triệu Sơn	Công trình phục vụ tưới cho khoảng 125 ha đất canh tác nông nghiệp của các thôn Sơn Hà 1, Sơn Hà 2 và khu vực liên quan. Việc đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa tuyến kênh nhằm chủ động điều tiết nước tưới, hạn chế thất thoát, bảo đảm sản xuất nông nghiệp ổn định, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi	Xã Triệu Sơn	Chiều dài tuyến kênh hộp chữ nhật dài khoảng 1200m, Kích thước cơ bản BxH =(0,75x1,05)m	2026-2030	5.250	3.150	2.100		3.150	HPI-ND02
112	Xã Tân Ninh						18.500	14.251	4.249		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Hoà Yên đi Mã Bán, xã Tân Ninh	UBND xã Tân Ninh	Tuyến đường dài 0,9km là tuyến đường chính kết nối thôn Hoà Yên (945 hộ) và thôn Giáp (747 hộ). Đường có chiều rộng mặt đường nhỏ hẹp (3,5-4,5m), mặt đường láng nhựa đã xuống cấp, mặt đường nhiều ổ gà, ổ voi, gây rất nhiều khó khăn cho các phương tiện lưu thông trên tuyến, làm mất an toàn giao thông	Xã Tân Ninh	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 0,9km, nền đường rộng 9-10m, mặt đường rộng 7,5m thảm bê tông nhựa	2026-2030	13.000	10.000	3.000		10.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp cải tạo tuyến mương tưới từ kênh Nam đi đồng Cồn Chăn, thôn Hoà Yên, xã Tân Ninh	UBND xã Tân Ninh	Tuyến mương tưới cho các cánh đồng tại khu vực thôn Hoà Yên có 945 hộ, phục vụ tưới cho 60ha đất nông nghiệp tại thôn Hoà Yên. Hiện trạng tuyến mương là mương đất, gia cố bằng tấm lát bê tông đã được xây dựng cách đây hơn 20 năm. Hiện nay, một số đoạn đã bị sạt lở, bồi lắng, hư hỏng, gây khó khăn cho việc điều tiết nước sản xuất	Xã Tân Ninh	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh tưới, dài khoảng 3,0km. Xây mới mương kích thước BxH=(0,6x0,8)m.	2026-2030	5.500	4.251	1.249		4.251	HPI-ND02
113	Xã Đồng Tiến						23.000	14.251	8.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh tiêu Thịnh Vượng kết hợp xây dựng đường giao thông dọc kênh xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	Tuyến đảm nhận nhiệm vụ tiêu úng cho khoảng 350 ha đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư thuộc địa bàn các xã Đồng Lợi (cũ) và Khuyến Nông (cũ). Tuy nhiên, hiện nay phần lớn tuyến kênh vẫn là kênh đất, nhiều đoạn bị bồi lắng, sạt lở nghiêm trọng, mái kênh bị xâm thực, đặc biệt có những vị trí sạt lở đã ăn sâu sát khu dân cư, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người dân và công trình lân cận.	Xã Đồng Tiến	Chiều dài khoảng 1,05 km, khẩu độ kênh dự kiến B×H = 1,5 × 1,3m; đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông xi măng dọc tuyến kênh,chiều rộng mặt đường khoảng 4,5 m, nền đường 5,5m	2026-2030	23.000	14.251	8.749		14.251	HPI-ND02
114	Xã Tổng Sơn						24.000	14.251	9.749		14.251	
1.1	Cầu qua tràn hồ Vũng Dăm	UBND xã Tổng Sơn	Hiện nay tại vị trí tràn hồ Vũng Dăm đã xuống cấp, đặc biệt mặt tràn thấp mùa mưa bão bị ngập người dân không đi lại được. toàn bộ nhân dân gồm 160 hộ dân khu vực này không đi lại được. Vì vậy dự án nâng cấp cầu qua tràn hồ vũng dăm là cần thiết.	Thôn Bái Sậy	Đầu tư Cầu, chiều rộng dài 10m, dài 32m	2026-2030	8.400	6.000	2.400		6.000	HPI-ND01
1.2	Đường giao thông nông thôn đi thôn Tiên Sơn	UBND xã Tổng Sơn	Hiện nay tuyến đường đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều ổ gà, hệ thống thoát nước ách tắc, Công rãnh chưa có nắp đậy. Tuyến đường trực chính trong thôn phục vụ cho nhân dân đi lại, học sinh đi học.	Thôn Tiên Sơn	Tuyến đường dài khoảng 5km, Bm khoảng 3,5-5m	2026-2030	15.600	8.251	7.349		8.251	HPI-ND01
115	Xã Hoạt Giang						21.200	14.251	6.949		14.251	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Nhà văn hóa Vân Trụ đến giáp đường Thanh niên, xã Hoạt Giang	UBND xã Hoạt Giang	Tuyến đường kết nối giữa trung tâm xã Hoạt Giang cũ đi Bim Sơn; đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại chủ yếu cho hơn 500 hộ dân các thôn Vân Cẩm, Vân Trụ, Vân Thu, Vân Xá	Xã Hoạt Giang	Mở rộng, kiên cố hoá nền mặt đường, chiều dài khoảng 1,0km;Chiều rộng nền đường B = 6,5m; chiều rộng mặt đường Bmặt = 5,5m; đồng bộ rãnh thoát nước	2026-2030	8.200	5.500	2.700		5.500	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, cải tạo, tuyến đường và cầu dân sinh kết nối Quốc lộ 1 đi khu Công nghiệp và các trường học trên địa bàn xã Hoạt Giang.	UBND xã Hoạt Giang	Tuyến đường hiện hữu có mặt đường hẹp, kết cấu BTXM đã bị hư hỏng, xuất hiện nhiều vị trí sụt lún, ổ gà, cao độ thấp, thường xuyên bị ngập lụt khi có mưa. Dự án tạo hành lang kết nối an toàn, thông suốt giữa trục giao thông xương sống Quốc lộ 1 với KCN Hà Bình và các trường học trên địa bàn	Xã Hoạt Giang	chiều dài khoảng 700m, chiều rộng mặt đường 4,5m; xây dựng cầu mới thay thế cầu cũ, bề rộng cầu khoảng 6,5m	2026-2030	8.500	5.500	3.000		5.500	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Ngọc Sơn (nay là thôn Trung Sơn), xã Hoạt Giang; Hạng mục: rãnh thoát nước.	UBND xã Hoạt Giang	Hiện trạng Mặt đường bê tông xi măng đã xuống cấp; 2 bên đường chủ yếu là rãnh đất, 1 phần rãnh dân tự xây không có nắp đậy, Phục vụ tiêu thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa trong khu dân cư thôn Ngọc Sơn (gần 200 hộ dân), đảm bảo VSMT	Xã Hoạt Giang	Tổng chiều dài khoảng 1,4km và hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	4.500	3.251	1.249		3.251	HPI-ND01
116	Xã Lĩnh Toại						17.800	14.251	3.549		14.251	
1.1	Cải tạo, nâng cấp bê tông hóa đường giao thông nông thôn và hệ thống rãnh thoát nước thôn Vân Cô, xã Lĩnh Toại	UBND xã Lĩnh Toại	Phục vụ giao thông đi lại và tiêu, thoát nước cho 239,3 ha đất của thôn Vân Cô. Hiện trạng: Mặt đường bê tông đã nứt gãy, sụt lún, xuống cấp, ảnh hưởng đến giao thông. Cần nâng cấp để đảm bảo an toàn và phục vụ đi lại, sản xuất của người dân.	xã Lĩnh Toại	Chiều dài tuyến khoảng 1,3 km. Chiều rộng nền khoảng 5,5m; chiều rộng mặt 4,5m. hệ thống thoát nước.	2026-2030	6.000	4.901	1.099		4.901	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương đoạn từ trạm bơm đến cống X; đoạn từ ngã tư đường đừ đi Núi Nga, xã Lĩnh Toại	UBND xã Lĩnh Toại	Tuyến mương phục vụ tưới, tiêu thoát nước khoảng 540 ha trên địa bàn 2 thôn. Hiện trạng: Các tấm bê tông nứt gãy, hư hỏng, mương sụt lún, xuống cấp, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.	xã Lĩnh Toại	Chiều dài tuyến mương khoảng 1,6 km. Chiều rộng từ 1,5m-2m.	2026-2030	9.600	7.350	2.250		7.350	HPI-ND02
1.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương đoạn từ đống 7 đi cầu Ván, xã Lĩnh Toại	UBND xã Lĩnh Toại	Tuyến mương phục vụ tưới, tiêu thoát nước khoảng 50 ha đất nông nghiệp. Hiện trạng: Các tấm bê tông nứt gãy, hư hỏng, mương sụt lún, xuống cấp, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp	xã Lĩnh Toại	Chiều dài tuyến mương khoảng 330m; chiều rộng khoảng 1,5 - 2m.	2026-2030	2.200	2.000	200		2.000	HPI-ND02
117	Xã Đông Thành						28.000	14.251	13.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp mở rộng đường kèp mương từ tỉnh lộ 526 đi nhà văn hóa thôn Thành Đông (xã Thành Lộc cũ)	UBND xã Đông Thành	Là tuyến đường giao thông huyết mạch kết nối giữa khu vực dân cư thôn Thành Đông, Thành Tây (dân số đến 5.000 người) đầu nối với ĐT 526, hiện tại đang bị sạt lở đất tại vị trí mái tatuy, nhiều điểm bị xói mòn, bong tróc, rất nguy hiểm cho việc đi lại của nhân dân. Đồng thời, tuyến mương đang là mương đất nên việc đảm bảo tiêu thoát nước phục vụ cho sản xuất và thoát nước mùa mưa bão là chưa đảm bảo	Xã Đông Thành	Mặt đường rộng khoảng 5m; mương lát tấm BT cao 1,5m; chiều dài tuyến khoảng 1km	2026-2030	6.000	3.000	3.000		3.000	HPI-ND01
1.2	Tuyến đường kèp mương từ nhà văn hóa thôn Thành Phú đi Mỹ Đông	UBND xã Đông Thành	Là tuyến đường kết nối giữa thôn Thành Phú (dân số đến 2.500 người), thôn La Mát kết nối đi thôn Thị Trang của xã Hậu Lộc. Tuyến đường được xây dựng đã từ rất lâu, mặt đường bê tông tương đối nhỏ, dẫn đến trên tuyến thường xuyên có những va chạm về giao thông, gây mất an toàn cho nhân dân khu vực. Đồng thời, tuyến đường còn tạo sự kết nối thông thương phát triển kinh tế liên kết giữa các xã	Xã Đông Thành	chiều rộng khoảng 3,5m, chiều dài khoảng 1,9km	2026-2030	4.000	2.000	2.000		2.000	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp tuyến đường từ đền Thiệu đi Phong Lộc, xã Đông Thành	UBND xã Đông Thành	Hệ thống đường giao thông dẫn đến đền cũng xuống cấp trầm trọng, một số đoạn còn sử dụng đường đất, Trên cơ sở ý kiến của cư tri, nhân dân trong vùng, tuyến đường không nhưng phục vụ việc đi lại của nhân dân mà còn là sự kết nối giao thông giữa 2 xã Phòng Lộc và Cầu Lộc đặc biệt vào mùa mưa bão còn là tuyến đường thiết yếu và đặc biệt quan trọng trong việc cứu trợ, di dân.	Xã Đông Thành	chiều rộng khoảng 3,5m, chiều dài khoảng 600m	2026-2030	5.000	2.751	2.249		2.751	HPI-ND01
1.4	Tuyến đường nối từ đê Trung ương đi chùa Thiệu, xã Đông Thành	UBND xã Đông Thành	Tăng cường kết nối GT giữa thôn Thiệu xá 1 và các thôn khác trên địa bàn xã, là tuyến đường phục vụ cho phát triển lễ hội truyền thống đặc trưng, hiện tại là đường bê tông xuống cấp nghiêm trọng	Xã Đông Thành	chiều rộng khoảng 3,5m, chiều dài khoảng 800m	2026-2030	2.000	1.000	1.000		1.000	HPI-ND01
1.5	Đường nối nhà văn hóa thôn Cầu Thôn đi nhà văn hóa thôn Cầu Tài	UBND xã Đông Thành	Tăng cường kết nối giao thông, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng giao thông tuyến đường kết nối giao thông giữa 2 thôn Cầu Tài và thôn Cầu Thôn	Xã Đông Thành	chiều rộng 3,5m, chiều dài khoảng 1,5km	2026-2030	6.000	3.000	3.000		3.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.6	Kè kênh B3 đoạn từ UBND xã Đông Lộc cũ đi kênh Phương Chi	UBND xã Đông Thành	Là tuyến mương tưới tiêu chính kết nối với kênh Phương Chi, phục vụ tưới tiêu cho toàn bộ diện tích sản xuất nông nghiệp của xã Đông Lộc, Cầu Lộc và Phong Lộc (cũ) (khoảng 400ha), đồng thời phục vụ cho việc tiêu thoát nước mùa mưa bão do vùng dân cư sát đê Trung ương	Xã Đông Thành	chiều rộng mương khoảng 1,5m; dài 800m	2026-2030	2.500	1.250	1.250		1.250	HPI-ND02
1.7	Nâng cấp, kiên cố hóa tuyến mương tiêu trạm bơm Kỳ Sơn, Phong Lộc cũ	UBND xã Đông Thành	Là tuyến mương tiêu, phục vụ cho hơn 300 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp xã Phong Lộc và Cầu Lộc (cũ). Hiện tại là tuyến mương đất đã bị sạt lở, xói mòn nhiều điểm, nhân dân thường xuyên bồi đắp. đặc biệt sau mỗi mùa mưa bão, tuyến mương gần như bị sạt lở rất nhiều, gây tắc nghẽn dòng chảy và khó khăn trong công tác tiêu thoát nước.	Xã Đông Thành	Chiều rộng mương khoảng 2m, sâu 1m, chiều dài khoảng 800m	2026-2030	2.500	1.250	1.250		1.250	HPI-ND02
118	Xã Hoa Lộc						16.500	14.251	2.249		14.251	
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn từ đường tỉnh lộ 526 đến Cầu Ông Vinh kênh 19/5	UBND xã Hoa Lộc	Đề kết nối 3 thôn (Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3) với 400 hộ dân và phục vụ sản xuất cho 55ha của xã Hoa Lộc	Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3	khoảng 1,25km; chiều rộng mặt đường 5m; chiều rộng nền đường 6m. Điểm đầu từ đường tỉnh lộ 526; điểm cuối Cầu ông Vinh	2026-2030	6.000	5.300	700		5.300	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến đường phục vụ sản xuất từ Cầu dừa đến Đập trắng rào	UBND xã Hoa Lộc	Đề kết nối 5 thôn (Thôn Hoa Phú, Đông Phú, Cao Xá, Thôn 4, Thôn 3) với diện tích sản xuất 75ha của xã Hoa Lộc	Thôn Hoa Phú, Thôn Đông Phú	khoảng 1,5km; chiều rộng mặt đường 5m; chiều rộng nền đường 7m. Điểm đầu từ Cầu dừa; điểm cuối Đập trắng rào	2026-2030	6.500	5.551	949		5.551	HPI-ND01
1.3	Xây dựng tuyến mương tưới tiêu phục vụ sản xuất từ đường 526B đi đến đầu làng thôn Phú Mỹ	UBND xã Hoa Lộc	Phục vụ sản xuất cho 45ha	Thôn Phú Mỹ	khoảng 0,85km; chiều rộng 1m; chiều cao 1m. Điểm đầu từ đường 526B; điểm cuối đầu làng thôn Phú Mỹ	2026-2030	4.000	3.400	600		3.400	HPI-ND01
119	Xã Vạn Lộc						35.000	28.504	6.496		28.504	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông từ ngõ Lội đê biển đi qua chùa Vích đến đê sông thôn Tân Lộc, xã Vạn Lộc	UBND xã Vạn Lộc	Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, kết nối liên kết giữa tuyến đê biển với các thôn trong xã, tạo điều kiện phát triển kinh tế. Ngoài ra tuyến đường đi qua khu di tích lịch sử Quốc gia chùa Vích, làm tăng khả năng kết nối, giới thiệu về văn hoá bản sắc của khu di tích được thuận lợi.	Xã Vạn Lộc	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,2Km, mặt đường rộng từ 4,5 đến 7,5m (Trong đó có 300m đường đôi trước chùa Vích). Hệ thống rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ	2026-2030	10.000	8.000	2.000		8.000	HPI-ND01
1.2	Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông, kết hợp hệ thống kênh mương từ đường 526 đến đường bộ ven biển thôn Đông Thành, xã Vạn Lộc	UBND xã Vạn Lộc	Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, kết nối liên kết giữa đường bộ Ven biển với đường tỉnh lộ 526, tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho các phương tiện tham gia giao thông thúc đẩy lưu thông hàng hoá, phát triển sản xuất, tạo điều kiện phát triển kinh tế.	Xã Vạn Lộc	Tuyến đường giao thông có chiều dài khoảng 0,6km, mặt rộng từ 5,0 đến 7,5m. Làm hệ thống kênh mương chịu lực bằng BTCT, hệ thống kê đá bờ kênh.Hệ thống rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ	2026-2030	10.000	9.000	1.000		9.000	HPI-ND01
1.3	Dự án: Xây dựng hệ thống kênh mương tiêu thoát nước từ cống ông Ngoan đến cống ông Hoàn	UBND xã Vạn Lộc	Hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, phục vụ chống ngập, lụt cho 200ha đất sản xuất nông nghiệp, đồng thời tiêu dân sinh cho các thôn Ninh Phú, Đông Hải, Yên Hòa	Xã Vạn Lộc	Xây dựng mới hệ thống kênh mương bằng bê tông và BTCT chiều dài khoảng 1,1 km, chiều rộng lòng mương thông thủy 10m	2026-2030	15.000	11.504	3.496		11.504	HPI-ND02
120	Xã Nga Sơn						35.600	28.504	7.096		28.504	
1.1	Nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng từ thôn Trung Đoài đi thôn Mỹ Hưng xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Nền mặt đường	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Là tuyến đường phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của nhân dân thôn Đoài Tiến với diện tích khoảng 80 ha đất canh tác.Hiện nay, tuyến đường chủ yếu là đường đất, mặt đường nhỏ hẹp, đặc biệt trong mùa mưa thường xảy ra tình trạng lầy lội, đọng nước, gây cản trở lưu thông và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp	Thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn	Đầu tư xây dựng mới, tổng chiều dài tuyến khoảng 1,6km. Kết cấu mặt đường BTXM, chiều rộng nền đường 6,0m; mặt đường 3,5m.	2026-2030	8.000	6.900	1.100		6.900	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp đường giao thông tuyến đường trục Đông - Tây thôn Bạch Hùng xã Nga Sơn; Hạng mục: Rãnh thoát nước	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Hiện nay, hệ thống thoát nước dọc tuyến chưa được đầu tư đồng bộ, khả năng tiêu thoát nước còn hạn chế, thường xảy ra tình trạng ứ đọng nước trên mặt đường và khu dân cư trong mùa mưa, ảnh hưởng đến giao thông, vệ sinh môi trường và đời sống sinh hoạt của Nhân dân.	Thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn	Đầu tư xây dựng mới hệ thống rãnh, tổng chiều dài tuyến khoảng 1,4km.	2026-2030	10.000	7.900	2.100		7.900	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp đường giao thông từ Trạm bơm số 2 Nga Bạch đi tỉnh lộ 524, thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Hiện nay là đường cấp phối, chưa được đầu tư bê tông hóa. Đây là tuyến đường có vai trò quan trọng trong việc kết nối khu sản xuất nông nghiệp với hệ thống giao thông của địa phương, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển vật tư sản xuất và tiêu thụ nông sản của Nhân dân.	Thôn Bạch Hùng, xã Nga Sơn	Đầu tư xây dựng mới, tổng chiều dài tuyến khoảng 0,9km. Kết cấu mặt đường BTXM, chiều rộng nền đường 6,0m; mặt đường 3,5m.	2026-2030	6.500	5.400	1.100		5.400	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Đoài, Trung Đức xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ Đông trường Mầm non Nga Trung đi ao Ông Tuấn	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Là tuyến kênh đất, chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hóa. Đây là tuyến kênh có vai trò quan trọng trong việc dẫn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp khoảng 18ha và thoát nước cho khu vực dân cư trên địa bàn; Trong quá trình sử dụng, tuyến kênh thường xuyên xảy ra tình trạng sạt lở mái kênh, bồi lắng lòng kênh, cỏ dại phát triển gây ách tắc dòng chảy, làm giảm khả năng dẫn và tiêu thoát nước.	Thôn Trung Đoài, Trung Đức xã Nga Sơn	Đầu tư kênh xây gạch không nung, có giằng bằng BTCT, Chiều dài 0,8 Km mương xây Kích thước 1,4x1,0m	2026-2030	4.000	3.000	1.000		3.000	HPI-ND02
1.5	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ trường THPT Nga Sơn đi Trạm bơm số 3	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Là tuyến kênh đất, chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hóa. Đây là tuyến kênh có vai trò quan trọng trong việc dẫn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp khoảng 25ha; Trong quá trình sử dụng, tuyến kênh thường xuyên xảy ra tình trạng sạt lở mái kênh, bồi lắng lòng kênh, cỏ dại phát triển gây ách tắc dòng chảy, làm giảm khả năng dẫn và tiêu thoát nước.	Thôn Trung Đoài, xã Nga Sơn	Kiên cố hóa kênh với tổng chiều dài khoảng 0,6Km mương xây Kích thước 1,0x1,0m	2026-2030	2.800	2.000	800		2.000	HPI-ND02
1.6	Nâng cấp tuyến Kênh mương nội đồng thôn Trung Bắc, xã Nga Sơn; Hạng mục: Xây mới tuyến kênh từ Láng Nhén đi ao ông Phát	Ban QLDA ĐTXD xã Nga Sơn	Là tuyến kênh đất, có vai trò quan trọng trong việc dẫn nước tiêu phục vụ khoảng 30 ha đất sản xuất nông nghiệp và thoát nước cho khu dân cư thôn Trung Bắc cùng các thôn lân cận. Tuy nhiên, sau thời gian dài khai thác, tuyến kênh đã xuống cấp, nhiều đoạn bị bồi lắng, lòng kênh thu hẹp, nền đáy tồn tại lớp bùn lắng dày, khả năng dẫn và tiêu thoát nước không còn đáp ứng yêu cầu, thường xuyên xảy ra úng ngập cục bộ khi có mưa lớn.	Thôn Trung Bắc, xã Nga Sơn	Kiên cố hóa kênh với tổng chiều dài khoảng 0,6Km, mương xây Kích thước 1,4x1,0m; xử lý nền đất yếu	2026-2030	4.300	3.304	996		3.304	HPI-ND02
121	Xã Nga Thắng						26.000	14.251	11.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Bê tông hóa đường phục vụ sản xuất (Đồng Động) thôn Vân Hoàn	UBND xã Nga Thắng	Cầu qua kênh 1,5m (nhỏ) đã sụp đổ cầu; tuyến đường đất dài 0,8 Km, lầy lội vào mùa mưa rất khó khăn trong vận chuyển phục vụ sản xuất cho 50 ha của 246 hộ thôn Trung Thành và thôn Vân Hoàn.	Thôn Vân Hoàn	Chiều dài tuyến khoảng 0,8Km; Mặt BTXM rộng 3,5m, xây cầu qua kênh dài 12m rộng 3,5m	2026-2030	6.000	4.100	1.900		4.100	HPI-ND01
1.2	Bê tông hóa đường phục vụ sản xuất từ tỉnh lộ 524 đi kênh Sao Sa thôn Vy Mỹ	UBND xã Nga Thắng	Tuyến đường đất, lầy lội vào mùa mưa rất khó khăn trong vận chuyển phục sản xuất cho 50 ha của 241 hộ thôn Vân Hoàn và thôn Vy Mỹ.	Thôn Vy Mỹ	Chiều dài khoảng 0,8 Km, Mặt đường BTXM M250 rộng 4 m	2026-2030	4.000	2.000	2.000		2.000	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp kênh từ trạm bơm Nga Thắng đi UBMTTQ xã đi kênh Khiếu Hữu Kiều	UBND xã Nga Thắng	Kênh xây đã xuống cấp, thấm dột, sập đổ khó khăn trong điều tiết nước; kênh phục vụ 200ha của 925 hộ dân của thôn Thượng, Thôn Giáp, thôn Xa Liễn	Thôn Thượng, Thôn Giáp, thôn Xa Liễn	Kênh xây khoảng 1,7km; b*h = 0,8*0,8	2026-2030	6.000	3.200	2.800		3.200	HPI-ND02
1.4	Cải tạo, nâng cấp kênh từ tỉnh lộ 524 đi trang trại Nga lĩnh	UBND xã Nga Thắng	Kênh xây đã xuống cấp, thấm dột, sập đổ khó khăn trong điều tiết nước; kênh phục vụ 100ha của 468 hộ của thôn Hội Kê, Thôn Giải Uẩn, thôn Đồng Đội, thôn Báo Văn	Thôn Hội Kê, Thôn Giải Uẩn, thôn Đồng Đội	Kênh xây khoảng 2,5km; b*h = 0,8*0,8	2026-2030	6.000	2.951	3.049		2.951	HPI-ND02
1.5	Cải tạo, nâng cấp kênh từ sau ông Viễn đi kênh Sao Sa	UBND xã Nga Thắng	Kênh xây đã xuống cấp, thấm dột, sập đổ khó khăn trong điều tiết nước; kênh phục vụ 60ha của 254 hộ của thôn Đồng Thành 1, Đồng Thành 2 và thôn Lợi Nhân	Thôn Đồng Thành	Kênh xây khoảng 0,8km; b*h = 0,8*0,7	2026-2030	4.000	2.000	2.000		2.000	HPI-ND02
122	Xã Hồ Vương						16.800	14.251	2.549		14.251	
1.1	Xây dựng tuyến đường giao thông và kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp đoạn từ đường Hồ Vương đi Chân Thông, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Hiện trạng là kênh đất và đường đất. Để đáp ứng nhu cầu đi lại, phục vụ sản xuất của nhân dân Thôn Kim Thành và hàn thiện hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất cho khu vực 90ha đất canh tác 02 vụ; phòng chống thiên tai, bão lụt thì việc đầu tư là cần thiết	Xã Hồ Vương	Chiều dài Tuyến đường: khoảng 1,10 km Kết cấu mặt đường: BTXM Chiều dài Tuyến kênh: khoảng 1,0 km	2026-2030	7.000	5.600	1.400		5.600	HPI-ND01
1.2	Xây dựng tuyến đường giao thông phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp đoạn từ Ngõ Ông Tuyên đi Sông Quán, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Hiện trạng là đường đất. Để đáp ứng nhu cầu đi lại, phục vụ sản xuất của nhân dân Thôn Giáp Ngoại; đồng thời, hoàn thành tiêu chí giao thông xây dựng Nông thôn mới năm 2026, việc đầu tư hệ thống giao thông đồng bộ, hoàn chỉnh là cần thiết	Xã Hồ Vương	Chiều dài Tuyến: khoảng 0,80 km Kết cấu mặt đường: BTXM	2026-2030	2.400	2.120	280		2.120	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng đoạn từ Cửa chùa Bạch Tượng đi Trạm bơm số 2, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Hiện trạng là đường đất. Để đáp ứng nhu cầu đi lại, phục vụ sản xuất của nhân dân Thôn Giáp Ngoại; đồng thời, hoàn thành tiêu chí giao thông xây dựng Nông thôn mới năm 2026, việc đầu tư hệ thống giao thông đồng bộ, hoàn chỉnh là cần thiết	Xã Hồ Vương	Chiều dài Tuyến: khoảng 0,85 km Kết cấu mặt đường: BTXM	2026-2030	2.500	2.200	300		2.200	HPI-ND01
1.4	Xây dựng tuyến kênh tưới nội đồng thôn Ngoại 1, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Hiện tại là kênh đất. Để hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp cho diện tích 68ha đất canh tác 2 vụ, phòng chống thiên tai, bão lụt; đồng thời, hoàn thành tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới năm 2026 thì việc đầu tư là cần thiết	Xã Hồ Vương	Chiều dài Tuyến: khoảng 0,80 km Kết cấu: Kênh xây gạch vữa XM Diện tích tưới: 75 ha	2026-2030	2.400	2.131	269		2.131	HPI-ND02
1.5	Xây dựng tuyến kênh tưới nội đồng thôn Nội 1, xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Hồ Vương	Hiện tại là kênh đất. Để hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp cho diện tích 68ha đất canh tác 2 vụ, phòng chống thiên tai, bão lụt; đồng thời, hoàn thành tiêu chí thủy lợi xây dựng nông thôn mới năm 2026 thì việc đầu tư là cần thiết	Xã Hồ Vương	Chiều dài Tuyến: khoảng 0,85 km Kết cấu: Kênh xây gạch vữa XM Diện tích tưới: 68 ha	2026-2030	2.500	2.200	300		2.200	HPI-ND02
123	Xã Tân Tiến						36.500	28.504	7.996		28.504	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường trục xã Tân Tiến đi đê Ngự Hàm III (Đạn từ nhà ông Viêt đi đê Ngự Hàm III) xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Tuyến đường phục vụ cho công tác PCLB, Tìm kiếm CN, CH, kết nối với trung tâm xã và đảm bảo giao thông đi lại và phục vụ sản xuất khoảng 27ha đất nông nghiệp	Thôn 7	Chiều dài tuyến khoảng 1,50km, Mặt đường rộng 3,5m, kết hợp rãnh thoát nước qua khu dân cư và các hạng mục phụ trợ trên tuyến	2026-2030	6.000	4.704	1.296		4.704	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ nhà ông Tự đi đường sông Ngang xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Tuyến đường phục vụ giao thông đi lại cho 427 hộ dân và 1.117 khẩu, kết nối khu dân cư ra nhà văn hoá thôn và phục vụ sản xuất khoảng 20ha đất nông nghiệp. Hiện nay, đường bê tông đã xuống cấp nghiêm trọng. Mặt đường nhỏ B=1-1,50m. Lề đường trái tuyến sạt lở cần phải kê gia cố	Thôn 3	Chiều dài tuyến khoảng 0,70km, Mặt đường rộng 3,5m và kê một số vị trí sạt lở bên trái đường và các hạng mục phụ trợ trên tuyến	2026-2030	5.000	4.000	1.000		4.000	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối giữa đường đi công Trường Sơn và đường đi công Bộ Đội (Đoạn từ nhà bà Hoa đi công Bộ Đội) xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Tân Tiến	Hiện trạng là đường đất, đây là tuyến đường phục vụ giao thông đi lại cho 213 hộ dân và 815 khẩu và phục vụ sản xuất khoảng 35ha đất nông nghiệp. Để đảm bảo phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế, việc đầu tư là cần thiết	Thôn 5	Chiều dài tuyến khoảng 0,40km; mặt đường rộng 3,5m, và các hạng mục phụ trợ trên tuyến	2026-2030	2.500	2.000	500		2.000	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Xây dựng mới kênh tiêu sông 10 Nga Tiến xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Kênh xây từ nhà ông Điền đến nhà ông Trang thôn 6	UBND xã Tân Tiến	Hiện trạng là Kênh đất, mặt cắt nhỏ hẹp, sạt lở hai bên bờ kênh; lòng kênh bồi lắng. Do đó, để hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phòng chống thiên tai, bão lũ; nâng cao năng lực tiêu thoát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực dân cư hai bên bờ kênh thì việc đầu tư là cần thiết	Thôn 6	Chiều dài Tuyến: khoảng 0,80 km Kết cấu: Kênh BTCT Diện tích tiêu thoát: khoảng 200 ha (khu vực dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp)	2026-2030	8.000	6.300	1.700		6.300	HPI-ND02
1.5	Xây dựng mới kênh tiêu sông 10 Nga Tân xã Tân Tiến tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Kênh xây từ sông Tân Hưng đến sông Hưng Long	UBND xã Tân Tiến	Hiện trạng là Kênh đất, mặt cắt nhỏ hẹp, sạt lở hai bên bờ kênh; lòng kênh bồi lắng. Do đó, để hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, phòng chống thiên tai, bão lũ; nâng cao năng lực tiêu thoát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực dân cư hai bên bờ kênh thì việc đầu tư là cần thiết	Thôn 8, Thôn 9, Thôn 10	Chiều dài Tuyến: khoảng 1,70 km. Kết cấu: Kênh BTCT, gia cố nền. Diện tích tiêu thoát: khoảng 350 ha (khu vực dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp)	2026-2030	15.000	11.500	3.500		11.500	HPI-ND02
124	Xã Nga An						18.877	14.251	4.626		14.251	
1.1	Cải tạo, nâng cấp bê tông hóa tuyến đường giao thông từ TL.524 đến đường liên thôn thôn Quang Minh	UBND xã Nga An	Tuyến đường liên kết trung tâm 3 thôn và Công ty Sản xuất dây xuất khẩu, kết nối trung tâm 3 thôn với tuyến Tỉnh lộ 524 và trung tâm xã	Xã Nga An	Chiều dài tuyến khoảng 1,3 Km; Mặt rộng 4.5m Bố trí các cống ngang trên tuyến.	2026-2030	5.460	4.200	1.260		4.200	HPI-ND01
1.2	Cải Tạo Nâng Cấp, bê tông hóa tuyến đường giao thông Từ Cống Đức đến Cống Luân (Thôn Phú Thịnh, xã Nga An)	UBND xã Nga An	Tuyến đường liên kết trung tâm 3 thôn và khu sản xuất, kết nối trung tâm 3 thôn với tuyến Tỉnh lộ 524 và Khu di tích lịch sử Mai An Tiêm; Nhà Thờ Chính Nghĩa	Xã Nga An	Chiều dài khoảng 2 Km, Mặt đường rộng 3.5m; Bố trí các cống ngang trên tuyến	2026-2030	7.800	6.000	1.800		6.000	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp đập mương tưới tiêu (Từ Cống Sơn Thôn Quang Minh đến Ngõ Điền Thôn Nhân Sơn)	UBND xã Nga An	Hệ thống mương xuống cấp nghiêm trọng; Hệ thống tưới tiêu cho gần 200 hecta lúa và hoa màu trên địa bàn xã	Xã Nga An	Kiên cố hóa 1,45 km kênh. Kích thước mương: 1mx1m, Bố trí các cống tưới trên mương). Lắp đặt tấm đan BTCT trên kênh qua các ngã 3, ngã 4	2026-2030	5.617	4.051	1.566		4.051	HPI-ND02
125	Xã Ba Đình						20.000	14.251	5.749		14.251	
1.1	Dự án: Sửa chữa nâng cấp tuyến Kênh B3 xã Ba Đình	UBND xã Ba Đình	Kênh B3 xã Ba Đình, xây dựng từ năm 1999 lấy nước từ kênh cấp 1 Bắc Trạm bơm Xa Loan. Chiều dài kênh 2,0km, kết cấu bằng bê tông tấm lát. Kênh có nhiệm vụ tưới tiêu cho diện tích khoảng 150 ha đất nông nghiệp của xã Ba Đình. Sau nhiều năm đưa vào sử dụng, hiện nay khóa mái kênh bị bung vỡ, bờ kênh bị xói lở, tấm lát bị sạt trượt, sập gãy	Xã Ba Đình	Tổng chiều dài tuyến khoảng 2000m, kích thước Bxh = 1,2x1,4m	2026-2030	10.000	7.500	2.500		7.500	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Đường giao thông nội đồng xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục: Tuyến đường Cổng Tré (xã Ba Đình cũ)	UBND xã Ba Đình	Hiện đang là đường bê tông, mặt đường nhỏ hẹp, bề tông bị nứt gãy, nền đường bị sụt lún rất khó khăn cho việc đi lại của nhân dân. Mặt đường thấp nên mùa mưa thường xuyên bị ngập lụt.	Xã Ba Đình	Tổng chiều dài khoảng 2,0 km, chiều rộng mặt đường 3,5m, nền đường 4,5m	2026-2030	10.000	6.751	3.249		6.751	HPI-ND01
126	Xã Quảng Ngọc						18.830	14.251	4.579		14.251	
1.1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ thôn Tam Uy đi thôn Thăng Phú xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ngọc	Tuyến đường có chiều dài khoảng 760m; hiện trạng mặt đường láng nhựa rộng 3,5m, nền đường rộng 5-6m, mặt đường nhỏ hẹp, qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, nhiều điểm mặt đường bị bong chóc, ổ gà, sinh lầy, ổ trâu gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông	Thôn Tam Uy, xã Quảng Ngọc	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 760m, Bn=6,5m; mặt đường Bm=5,5m; Mặt đường bằng bê tông nhựa, 4 công bản qua đường KĐ: 1-5.4m; đoạn qua khu dân cư làm rãnh dọc kín	2026-2030	9.400	7.520	1.880		7.520	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ ngã tư Anh Phương thôn Ngọc Bình đi đê Sát Trước thôn Ngọc Đối xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Quảng Ngọc	Tuyến đường dài khoảng 1,3km; Hiện trạng là đường bê tông xuống cấp, hư hỏng nặng và đường đất. Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, tạo thuận lợi cho việc đi lại và kết nối giao thông tạo điều kiện cho xã Quảng Ngọc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo và hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.	Thôn Ngọc Bình, xã Quảng Ngọc	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài khoảng 1,3km, nền đường Bn=6m; mặt đường Bm=5m, Mặt đường bằng bê tông nhựa	2026-2030	9.430	6.731	2.699		6.731	HPI-ND01
127	Xã Quảng Chính						20.500	14.251	4.649	1.600	14.251	
1.1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, rãnh thoát nước tuyến đường Ngã ba Bưu điện - ngã tư ông Trị thôn Kỳ Khôi (nay thôn Nga Khê)	UBND xã Quảng Chính	Đây là tuyến đường huyết mạch giao thông kết nối với UBND xã, trường học và giao thương buôn bán và kết nối với các xã lân cận. Đồng thời, phù hợp với các định hướng phát triển của xã về phát triển kinh tế ; văn hoá, xã hội; đất đai, môi trường; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội đặc biệt là phát triển lĩnh vực dịch vụ, thương mại và đáp ứng mong mỏi, nguyện vọng của nhân dân	Xã Quảng Chính	Chiều dài khoảng 1,3km; Chiều rộng nền đường B.nền = 8.5m, B.mặt = 7.5m, B.lề = 2x0.5m	2026-2030	8.500	6.000	1.700	800	6.000	HPI-ND01
1.2	Xây mới hệ thống Kênh mương nội đồng thôn Phú Cường (nay là thôn Hòa Trường)	UBND xã Quảng Chính	Đây là tuyến kênh đất, chưa được đầu tư kiến cố hóa nên thường xuyên bị sạt lở, bồi lắng gây cản chở dòng chảy, khó khăn trong việc dẫn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất 200 ha lúa thôn Hòa Trường, xã Quảng Chính với gần 560 hộ	Xã Quảng Chính	dài khoảng 1.500m BXH=1,0*1,2m	2026-2030	8.000	6.000	1.600	400	6.000	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Đầu tư nâng cấp tuyến đường từ trước Trường THCS Quảng Chính-Cồn Miên thôn Thanh Xuân, xã Quảng Chính (nay thôn Xuân Đa)	UBND xã Quảng Chính	Đây là tuyến đường đất với mặt đường rộng 5 m	Xã Quảng Chính	Chiều dài khoảng 1 km; Chiều rộng nền đường B.nền = 7.0m, B.mặt = 6.0m	2026-2030	4.000	2.251	1.349	400	2.251	HPI-ND01
128	Xã Thăng Lợi						37.000	14.251	22.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Mương cấp 3, xã Thăng Lợi, tỉnh Thanh Hoá	UBND Xã Thăng Lợi	Từ trạm bơm Lò Thố đến mương Huyện là một trong những trục giao thông thủy lợi nội đồng xương sống, đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp của xã Thăng Lợi, chịu trách nhiệm cấp nước tưới trực tiếp cho khoảng 100 ha diện tích đất trồng lúa. Tuy nhiên, hiện nay công trình đã xuống cấp nghiêm trọng	Thôn Cồn Sơn, Yên Quà 1, Yên Quà 2	Chiều dài khoảng 1,5km. Kích thước thông thủy BxH=120x150cm	2026-2030	7.000	5.600	1.400		5.600	HPI-ND02
1.2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Đại Hưng Hưng, xã Thăng Lợi	UBND Xã Thăng Lợi	Tuyến đường giao thông nông thôn thôn Đại Hưng là tuyến đường liên thôn có vai trò quan trọng trong hệ thống giao thông của xã Thăng Lợi (kết nối thôn Đông Hưng với thôn Yên Nông trước đây). Tuyến đường có chiều dài khoảng 1 km; nền đường rộng khoảng 4,5 m; mặt đường bê tông xi măng rộng 2,5 m; được xây dựng từ nhiều năm trước. Qua thời gian khai thác, kết cấu mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng	Thôn Đại Hưng	Chiều dài tuyến khoảng 1.000 m Chiều rộng nền đường: Bn=6,5m; chiều rộng mặt đường Bm=5,5m	2026-2030	5.000	4.000	1.000		4.000	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn lên đê Bà Triệu và kênh Lê Mã Lương, xã Thăng Lợi	UBND xã Thăng Lợi	- Đường giao thông nông thôn lên Đê Bà Triệu và Kênh Lê Mã Lương là tuyến giao thông quan trọng phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân thôn Yên Thượng - Qua nhiều năm khai thác, công trình không được đầu tư cải tạo, nâng cấp nên hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng. Hiện trạng công trình cho thấy tuyến đường đã xuống cấp đặc biệt nghiêm trọng	Thôn Yên Thượng	Chiều dài tuyến khoảng 2,4km, rãnh thoát nước đồng bộ và các hạng mục phụ trợ	2026-2030	25.000	4.651	20.349		4.651	HPI-ND01
129	Xã Trường Văn						26.000	14.251	10.449	1.300	14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã ba Cồn Đá đi Công chào Trường Giang xã Trường Văn, tỉnh Thanh hóa	UBND xã Trường Văn	Tuyến đường là trục giao thông chính của xã, kết nối TL.525 với các khu dân cư, vùng sản xuất và làng nghề trên địa bàn xã Trường Văn. Hiện nay, tuyến đường đã xuống cấp, mặt đường hư hỏng, không bảo đảm an toàn giao thông, ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	xã Trường Văn	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông nông thôn dài khoảng 2,4km, chiều rộng nền khoảng Bn= 7 -8 m, chiều rộng mặt khoảng Bm= 5,5m, đồng bộ hệ thống thoát nước	2026-2030	13.500	7.130	5.695	675	7.130	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh tưới, tiêu nội đồng đoạn từ Chi giang 8 đi đê tả Thị Long xã Trường Văn	UBND xã Trường Văn	Tuyến kênh tưới, tiêu nội đồng đoạn từ Chi Giang 8 đến đê tả Thị Long, xã Trường Văn hiện đã xuống cấp, Hiện trạng là tuyến kênh đất không đáp ứng yêu cầu cấp, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Xã Trường Văn	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh hiện trạng L= 2,7 km bằng kết cấu kênh tấm lát bê tông,	2026-2030	12.500	7.121	4.754	625	7.121	HPI-ND02
130	Xã Thăng Bình						20.000	14.251	5.749		14.251	
1.1	Đường giao thông từ khu dân cư Ốc thôn đi Ngự thôn Đại Bản, xã Thăng Bình, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thăng Bình	Tuyến đường dự kiến đầu tư có tổng chiều dài khoảng 1,1 km. Hiện trạng tuyến có khoảng 0,35 km đã được đầu tư bằng bê tông xi măng với mặt đường rộng 3,0 m, tuy nhiên sau thời gian khai thác đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều vị trí mặt đường bị nứt, gãy, bong tróc, gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa. Đoạn còn lại dài khoảng 0,75 km hiện vẫn là đường nội đồng, chưa được đầu tư xây dựng, không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chưa đáp ứng yêu cầu kết nối giao thông trong khu vực.	Xã Thăng Bình	Quy mô đường chiều dài khoảng 1,1km. Có quy mô có Bm=7,5m, Bn=10,5m.	2026-2030	20.000	14.251	5.749		14.251	HPI-ND01
131	Xã Tượng Lĩnh						30.500	14.251	16.249		14.251	
1.1	Nâng cấp đường giao thông Kén đi Bồng Sơn	UBND xã Tượng Lĩnh	Rất cần thiết. Hiện trạng mặt đường Xuống cấp gây khó khăn trong việc đi lại của khoảng nhân dân Thôn Kén đi thôn Cát Vinh và thôn Bồng Sơn; sau khi được đầu tư nâng cấp đảm bảo nhu cầu đi lại.	Xã Tượng Lĩnh	Chiều dài tuyến khoảng 1,7km, mặt đường bê tông xi măng Bn=6,5m, Bm=5,5m	2026-2030	10.000	7.000	3.000		7.000	HPI-ND01
1.2	Kênh mương tưới tiêu từ ông Hùng Nghệ đi Kênh Đầm Trối thôn Nga Long xã Tượng Lĩnh	UBND xã Tượng Lĩnh	Hiện là kênh tấm lát đã bị hư hỏng và xuống cấp, không phục vụ đủ tưới tiêu cho khu vực 150ha cánh đồng thôn Nga Long, thôn vịnh quang nên việc đầu tư là rất cần thiết.	Xã Tượng Lĩnh	Chiều dài tuyến khoảng 1,5km. Kích thước 0,9m*0,8m có nắp đậy	2026-2030	5.500	3.850	1.650		3.850	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp mở rộng tuyến Đường giao thông từ Quốc lộ 47 Nghi sơn Sao Vàng đi thôn Kén kết nối hành lang đê	UBND xã Tượng Lĩnh	Rất cần thiết. Hiện trạng mặt đường Xuống cấp gây khó khăn trong việc đi đường Quốc lộ 47qua đường sắt kết nối hành lang đê; sau khi được đầu tư nâng cấp đảm bảo nhu cầu đi lại.	UBND xã Tượng Lĩnh	Chiều dài tuyến 2,1km, hạng mục phụ trợ	2026-2030	15.000	3.401	11.599		3.401	HPI-ND01
132	Xã Thiệu Tiến						36.500	14.251	22.249		14.251	
1.1	Dự án nâng cấp cải tạo đường từ nhà văn hóa thôn Thành Thượng đi thôn Thành Sơn và đường tỉnh lộ 506B	UBND xã Thiệu Tiến	Tuyến đường chính nối liền giữa các thôn Thiệu Thành, Thành Tiến và Đức Giang ra tỉnh lộ 506 B và trụ sở UBND xã Thiệu Tiến, phục dân sinh và phát triển kinh tế. Hiện nay, mặt đường bê tông rộng 4 m bị nứt vỡ, sụp lún nhiều đoạn, chưa có rãnh thoát nước, đã xuống cấp nghiêm trọng	Thôn Thiệu Thành, Lam Vỹ	Tổng chiều dài khoảng 2,3 km; gồm mặt đường, rãnh thoát nước qua khu dân cư thôn Thành Sơn và thôn Thành Thượng, điện chiếu sáng; mặt đường rộng 5,5 m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa	2026-2030	17.000	6.500	10.500		6.500	HPI-ND01
1.2	Dự án nâng cấp, cải tạo đường qua trụ sở Đảng ủy xã từ kênh Nam đi đê tả sông Chu	UBND xã Thiệu Tiến	Đây là tuyến đường liên thôn Phúc Lộc và Quan Trung, hiện nền đường bê tông bị nứt vỡ, sụt lún nhiều đoạn. Để đảm bảo phục dân sinh và phát triển kinh tế thì việc đầu tư là cần thiết	Thôn Quan Trung	Dài khoảng 0,64 km; gồm mặt đường, vỉa hè, rãnh thoát nước và điện chiếu sáng. Đoạn từ Kênh Nam đến trụ sở Đảng ủy mặt đường rộng 7,5 m; đoạn còn lại rộng 5,7 m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa. Rãnh thoát nước 2 bên. Đoạn còn vỉa hè lát gạch Tezazo, trồng cây xanh, điện chiếu sáng.	2026-2030	9.500	3.800	5.700		3.800	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo đường từ ngã ba Tân Bình đi nhà văn hóa thôn Chấn Xuyên	UBND xã Thiệu Tiến	Tuyến đường trục chính liên thôn Tân Bình và Chấn Xuyên, đây là tuyến đường giao thông độc đạo nối thôn Chấn Xuyên với các khác trên địa bàn xã Thiệu Tiến phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế. Hiện nay, đoạn ngoài khu dân cư rộng 5,5m trong đó gia cố bằng bê tông rộng 2,5m, đã xuống cấp, đứt gãy nhiều đoạn	Thôn Tân Bình, Chấn Xuyên	Dài khoảng 2,0 km; gồm mặt đường và rãnh thoát nước. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa	2026-2030	10.000	3.951	6.049		3.951	HPI-ND01
133	Xã Thiệu Toán						22.100	14.251	7.849		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp, cải tạo Kênh tưới khu đồng Máng Ông Phòng và khu đồng Dân Vượng, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Kênh cũ đã xây dựng bằng gạch xây, trát vừa tam hợp, đáy đổ bê tông, thời gian xây dựng cách hơn 30 năm. Qua nhiều năm đưa vào sử dụng, đã bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng rất lớn đến việc tưới nước cho 80ha đất sản xuất nông nghiệp thôn Toán Ty, thôn Dân Chính và thôn Dân Vượng	Thôn Toán Ty, thôn Dân Chính và thôn Dân Vượng, xã Thiệu Toán	Thay thế kênh xây cũ khu đồng Máng Ông Phòng bằng Kênh bê tông, với kích thước BxH = (0,5x0,6)m; chiều dài khoảng 1,2km. - Thay thế kênh xây cũ khu đồng Dân Vượng bằng kênh bê tông, với kích thước BxH = (0,4x0,4)m; chiều dài khoảng 0,4km.	2026-2030	2.500	1.700	800		1.700	HPI-ND02
1.2	Nâng cấp, cải tạo cầu Thái Ninh Thái Bình, xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Là cầu kết nối Thôn Thái Ninh và thôn Thái Sơn, hiện trạng là cầu bê tông do xã xây dựng đã lâu, mặt cầu đã hư hỏng xuống cấp, mặt cầu rộng 4,0m không đủ để các phương tiện cơ giới lưu thông 2 chiều. Về mùa mưa mặt cầu đang thấp hơn mực nước lũ, gây mất an toàn cho nhân dân, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và nhu cầu phát triển kinh tế	Thôn Thái Ninh, xã Thiệu Toán	Xây dựng mới cầu Thái Ninh bằng BTCT, BTCT ĐƯL + Cầu dầm bản BTCT ĐƯL 2 nhịp 15m, tổng chiều dài nhịp L=30,0m. + Bề rộng cầu B=0,5+7,0+0,5=8,0m;	2026-2030	14.000	9.000	5.000		9.000	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, sửa chữa Mương tưới Thôn Đồng Tiến xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Toán	Mương tưới Đồng Tiến, điểm đầu nối với kênh Bắc đang phục vụ tưới cho 50 ha lúa nước của thôn Đồng Tiến. Hiện trạng là kênh xây gạch, đá. Qua nhiều năm đưa vào sử dụng, do chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên và con người nên đã bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng rất lớn đến việc dẫn nước phục vụ nhân dân trên địa bàn	Thôn Đồng Tiến, xã Thiệu Toán	- Thay thế mương xây cũ bằng Kênh bê tông, với kích thước BxH = (0,5x0,6)m; độ dốc đáy kênh i = 0,0002; chiều dài khoảng 1,2km:	2026-2030	5.600	3.551	2.049		3.551	HPI-ND02
134	Xã Thiệu Trung						26.900	14.251	12.649		14.251	
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh lộ 515B đi thôn 4, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường để đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn, hoàn thiện mạng lưới giao thông theo các quy hoạch được duyệt, tiến tới hoàn thiện tiêu chí giao thông xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới thông minh	Thôn 4, xã Thiệu Lý cũ	Đường BTN có bề rộng mặt 5,5m, chiều dài khoảng 0,4km	2026-2030	6.200	3.750	2.450		3.750	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, cải tạo Kênh tiêu khu đồng Thiệu Lý cũ xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Đầu tư xây dựng kênh để đảm bảo cho việc tiêu thoát nước cho 90ha đất sản xuất nông nghiệp khu đồng thôn 2 xã Thiệu Lý cũ	Thôn 2 xã Thiệu Lý cũ nay là xã Thiệu Trung	Xây dựng kênh lát tấm hình thang B = 1,0m, h = 1,2m, mái kênh m = 1,0;G418 chiều dài tuyến kênh khoảng 0.8km.	2026-2030	2.700	1.800	900		1.800	HPI-ND02
1.3	Nâng cấp, cải tạo kênh tưới thôn 2, thôn 4 (xã Thiệu Lý cũ), xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Đầu tư xây dựng kênh để đảm bảo cho việc tưới, tiêu nước cho 40ha đất sản xuất nông nghiệp khu đồng thôn 2 và thôn 4	Xã Thiệu Lý cũ	Xây dựng kênh bê tông hình chữ nhật, bề rộng khoảng 50-60cm; chiều dài tuyến kênh khoảng 1,0km.	2026-2030	2.500	1.700	800		1.700	HPI-ND02
1.4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn từ đường tỉnh lộ 515 đi khu phố Ba Chè, xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến đường để đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn, hoàn thiện mạng lưới giao thông theo các quy hoạch được duyệt, tiến tới hoàn thiện tiêu chí giao thông xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới thông minh	Khu phố Ba Chè	Đường BTN có bề rộng mặt 4.0-6,0m, rãnh thoát nước, chiều dài khoảng 1,0km	2026-2030	13.000	5.301	7.699		5.301	HPI-ND01
1.5	Nâng cấp, cải tạo kênh tưới Thôn 1, thôn 2, thôn 3 (xã Thiệu Viên cũ), xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thiệu Trung	Đầu tư xây dựng kênh để đảm bảo cho việc tưới, tiêu nước cho 100ha đất sản xuất nông nghiệp khu đồng thôn 1, 2, và thôn 3, 6	Xã Thiệu Viên cũ	Xây dựng kênh bê tông hình chữ nhật, bề rộng khoảng 50-60cm; chiều dài tuyến kênh khoảng 1,6km.	2026-2030	2.500	1.700	800		1.700	HPI-ND02
135	Xã Yên Trường						22.000	14.251	7.749		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường tỉnh lộ 518 đi thôn Yên Trung 2, xã Yên Trung	UBND xã Yên Trường	Hiện trạng mặt đường cấp phối đá dăm đã xuống cấp, hư hỏng; hệ thống thoát nước dọc chưa được đầu tư đồng bộ. Đây là tuyến đường có vai trò quan trọng trong việc kết nối thôn Yên Trung 2 với trung tâm xã, các khu dân cư và các vùng sản xuất lân cận.	Xã Yên Trường	Tổng chiều dài khoảng 1,7km, chiều rộng mặt đường trung bình 5,5m	2026-2030	10.000	7.251	2.749		7.251	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Tân Phong, xã Yên Trường	UBND xã Yên Trường	Hiện trạng đoạn Km0–Km1+100 là mặt đường láng nhựa rộng khoảng 3,5 m, nhiều vị trí đã xuống cấp; hệ thống thoát nước dọc chưa được đầu tư đồng bộ nên thường xuyên xảy ra ngập úng, ảnh hưởng đến giao thông và sản xuất nông nghiệp. Đoạn Km1+100–Km1+700 có mặt đường bê tông xi măng rộng khoảng 3,0 m đã xuất hiện nhiều vị trí nứt vỡ, hư hỏng.	Xã Yên Trường	Tổng chiều dài khoảng 1,7 km, chiều rộng mặt đường trung bình 5,5m	2026-2030	12.000	7.000	5.000		7.000	HPI-ND01
136	Xã Yên Phú						30.000	14.251	15.749		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Xuân Trường đi thôn Mỹ Quan, xã Yên Phú	UBND xã Yên Phú	Tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Xuân Trường đi thôn Mỹ Quan, xã Yên Phú là tuyến đường chính kết nối thôn Xuân Trường với trung tâm xã Yên Tâm (cũ). Tuyến đường đã được đầu tư xây dựng từ lâu hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều vị trí mặt đường bị bong tróc, sinh lún, ổ gà; hai bên tuyến chưa có hệ thống rãnh thoát nước nên thường xuyên xảy ra tình trạng đọng nước trên mặt đường	Thôn Xuân Trường - xã Yên Phú	* Nâng cấp khoảng 2,0 km đường thành quy mô: - Nền đường rộng 7,0m, mặt đường rộng 5,5m, lề rộng 2x0,75m	2026-2030	15.000	7.130	7.870		7.130	HPI-ND01
1.2	Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã từ thôn Trinh Lộc, xã Yên Phú đi thôn 3, xã Yên Trường	UBND xã Yên Phú	Tuyến đường có chiều dài khoảng 1,6 km, mặt đường nhựa rộng khoảng 3,5 m hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều vị trí mặt đường bị bong tróc, sinh lún, ổ gà; hai bên tuyến chưa có rãnh thoát nước nên thường xảy ra đọng nước tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông.	Xã Yên Phú, xã Yên Trường	* Nâng cấp 1,6 km đường thành quy mô: - Nền đường rộng 7,0m, mặt đường rộng 5,5m, lề rộng 2x0,75m mặt đường gồm 1 lớp bê tông nhựa dày 6cm trên lớp móng cấp phối đá dăm	2026-2030	15.000	7.121	7.879		7.121	HPI-ND01
137	Xã Yên Ninh						18.500	14.251	4.249		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Hanh Cát xã Yên Ninh	UBND xã Yên Ninh	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,5km với điểm đầu tuyến giao với đường cứu hộ cứu nạn thôn Hanh Cát đi về tả sông Cầu Cháy, điểm cuối là thôn Châu Thôn.	Xã Yên Ninh	Chiều dài khoảng 1,5km, chiều rộng mặt đường trung bình 3,5m, hệ thống rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác.	2026-2030	4.000	3.000	1.000		3.000	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Yên Thịnh 1, xã Yên Ninh.	UBND xã Yên Ninh	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,2km với điểm đầu tuyến giao với đường cứu hộ cứu nạn thôn 3 xã Yên Thịnh cũ, điểm cuối là thôn 4 (nay là thôn Yên Thịnh 2)	Xã Yên Ninh	Chiều dài khoảng 1,2km, chiều rộng mặt đường trung bình 5m, hệ thống rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác.	2026-2030	5.000	3.751	1.249		3.751	HPI-ND01
1.3	Đầu tư, nâng cấp kênh tưới thôn Châu thôn xã Yên Ninh.	UBND xã Yên Ninh	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,5km với điểm đầu tuyến giao với tuyến kênh tưới Nam sông Mã, điểm cuối là xứ đồng thôn Châu Thôn 1, Châu Thôn 2 (nay là thôn Châu Thôn) phục vụ tưới cho diện tích 170 ha đất sản xuất Nông nghiệp của thôn Châu Thôn 1, Châu thôn 2 xã Yên Lạc cũ (nay là thôn Châu Thôn xã Yên Ninh)	Xã Yên Ninh	Chiều dài khoảng 1,5km, các công trình trên kênh và các công trình phụ trợ khác.	2026-2030	4.000	3.100	900		3.100	HPI-ND02

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Đầu tư, nâng cấp kênh tưới thôn Yên Thịnh 1 xã Yên Ninh.	UBND xã Yên Ninh	Tổng chiều dài tuyến khoảng 0,9 km với điểm đầu tuyến giao với tuyến kênh tưới Trạm bơm Vân Đức, điểm cuối giáp với đất sản xuất nông nghiệp xã Xuân Lập. Phục vụ tưới cho diện tích 50 ha đất sản xuất Nông nghiệp của thôn 2 và thôn 3 xã Yên Thịnh cũ (nay là thôn Yên Thịnh 1 xã Yên Ninh)	Xã Yên Ninh	Chiều dài khoảng 0,9km, các công trình trên kênh và các công trình phụ trợ khác.	2026-2030	2.000	1.600	400		1.600	HPI-ND02
1.5	Đầu tư, nâng cấp kênh tưới thôn Trịnh Xá xã Yên Ninh.	UBND xã Yên Ninh	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,2 km với điểm đầu tuyến Trạm bơm Yên Ninh, điểm cuối là khu vực đất sản xuất nông nghiệp thôn Trịnh Xá 1, Bích Động (nay là thôn Trịnh Xá). Phục vụ tưới cho diện tích 40 ha đất sản xuất Nông nghiệp của thôn Trịnh Xá 1, thôn Bích Động xã Yên Ninh cũ (nay là thôn Trịnh Xá xã Yên Ninh)	Xã Yên Ninh	Chiều dài khoảng 1,2km, các công trình trên kênh và các công trình phụ trợ khác.	2026-2030	3.500	2.800	700		2.800	HPI-ND02
138	Xã Định Hòa						28.500	14.251	14.249		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL516C mới qua trụ sở UBND xã Định Hòa đi đê sông Cầu Chày	UBND xã Định Hòa	Kết nối tuyến đường ĐT.516C đi Thiệu Quang với trung tâm xã Định Hòa; Kết nối khu Di tích lịch sử Quốc gia, Kết nối giao thông nông thôn các thôn Thung Thôn, thôn Phang Thôn, thôn Đắc Trí với khoảng hơn 2000 hộ dân	Xã Định Hòa	Chiều dài khoảng 4,05km. Mặt đường thảm BT nhựa, rộng từ 7m trở lên	2026-2030	28.500	14.251	14.249		14.251	HPI-ND01
139	Xã Thọ Lập						24.500	14.251	10.249		14.251	
1.1	Đường giao thông đoạn nối tuyến 506B đến 506D xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa	UBND xã Thọ Lập	- Là tuyến đường kết nối giao thông từ đường 506B đến đường 506D xã Thọ Lập tỉnh Thanh Hóa. Là tuyến đường trung tâm kết nối trụ sở UBND và trụ sở Đảng ủy, vừa phục vụ giao thông trong địa bàn xã, vừa phục vụ kết nối giao thông giữa các xã trong vùng.	Xã Thọ Lập	Chiều dài toàn tuyến khoảng 2,5km, mặt đường từ 5m đến 7m, bê tông nhựa, rãnh thoát nước qua khu dân cư, điện chiếu sáng	2026-2030	24.500	14.251	10.249		14.251	HPI-ND01
140	Xã Xuân Tín						18.500	14.251	4.249		14.251	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ Cầu Mọ đi ngã ba Đập Mọ thôn 1 xã Xuân Tín	UBND xã Xuân Tín	Hiện đã xuống cấp, mặt đường hư hỏng, nứt vỡ, không đáp ứng nhu cầu lưu thông.Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của khoảng 300–500 hộ dân, tạo điều kiện vận chuyển nông sản, đặc biệt là quả dứa và các sản phẩm nông nghiệp của địa phương	Thôn 1	Đầu tư xây dựng dự án với quy mô chiều dài 1.3 km, có MCN: Bnền=7,0m, Bmặt =5,0m, Blề=2x1m.	2026-2030	5.500	4.351	1.149		4.351	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cổng chào Phú Lịch đến điểm giao đường nối cầu nha – Xuân Lập.	UBND xã Xuân Tín	Hiện đã xuống cấp, mặt đường hư hỏng, nứt vỡ, không đáp ứng nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa.Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường là cần thiết nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của khoảng 300–500 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển nông sản và hàng hóa, kết nối đồng bộ với tuyến đường Cầu Nha – Xuân Lập,	Thôn 5	Tổng chiều dài khoảng 1 km, có MCN: Bnền=7,0m, Bmặt =5,0m, Blề=2x1m	2026-2030	5.000	4.000	1.000		4.000	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ dải tường niệm liệt sỹ Quảng Phú xã Xuân Tín đến điểm giao đường đi xã Yên Phú.	UBND xã Xuân Tín	Hiện đã xuống cấp, mặt đường hư hỏng, nứt vỡ, gây khó khăn cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường là cần thiết nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của khoảng 400–600 hộ dân, kết nối thuận lợi giữa xã Xuân Tín với xã Yên Phú	Thôn 3; 4	Tổng chiều dài khoảng 1.2km, Bnền=7,0m, Bmặt =5,0m, Blề=2x1m	2026-2030	5.000	3.500	1.500		3.500	HPI-ND01
1.4	Xây dựng tuyến mương tưới Đồng Hậu Thôn 9 xã Xuân Tín	UBND xã Xuân Tín	Tuyến mương tưới Đồng Hậu, thôn 9, xã Xuân Tín dài1,3 km, rộng 0,8 m đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều vị trí nứt vỡ, rò rỉ, bồi lắng, làm giảm khả năng dẫn nước và thoát nước. Việc đầu tư xây dựng tuyến mương nhằm bảo đảm cấp nước tưới ổn định cho 50 ha đất trồng lúa của khoảng 120–150 hộ dân	Thôn 9	Tổng chiều dài khoảng 1,3 km, bề rộng 1,0m.	2026-2030	3.000	2.400	600		2.400	HPI-ND02
141	Xã Vĩnh Lộc						22.300	14.251	8.049		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL.522 đi thôn 7	UBND xã Vĩnh Lộc	Tuyến đường giao thông từ TL.522 đi thôn 7 là tuyến giao thông chính kết nối các thôn của xã Vĩnh Hưng cũ. Hiện trạng tuyến đường là đường đất kết hợp bê tông xi măng qua nhiều năm khai thác sử dụng hiện nay đã hư hỏng, xuống cấp, tiềm ẩn mất an toàn giao thông. Một số đoạn mặt cắt ngang đường nhỏ hẹp không đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.	Xã Vĩnh Lộc	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 1,3km, chiều rộng 2,5-5m	2026-2030	7.300	4.751	2.549		4.751	HPI-ND01
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ khu phố Thành Nhân đi khu phố Cao Mật	UBND xã Vĩnh Lộc	Tuyến đường từ khu phố Thành Nhân đi khu phố Cao Mật là tuyến đường giao thông chính của các khu phố Thành Nhân, Cao Mật, Nhân Lộ. Hiện trạng tuyến đường là đường bê tông xuống cấp trầm trọng, ảnh hưởng đến việc đi lại và giao thương hàng hóa của người dân trên địa bàn.	Khu phố Thành Nhân, Cao Mật, Nhân Lộ	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 1,5km, chiều rộng 3-5m, rãnh thoát nước đồng bộ	2026-2030	15.000	9.500	5.500		9.500	HPI-ND01
142	Xã Tây Đô						18.900	14.251	4.649		14.251	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện đường giao thông Mỏ Lội, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Tây Đô	Là tuyến giao thông huyết mạch, chủ yếu cho nhân dân 7 thôn trên địa bàn xã Tây Đô. Hiện nay, mặt đường bê tông xi măng, bề rộng Bm = 3,5m, nứt gãy, sụt lún, xuống cấp nghiêm trọng, việc đầu tư là cần thiết nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, quy mô chưa đạt chuẩn, thiếu đồng bộ và khả năng kết nối hạn chế; đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển; thúc đẩy phát triển KT-XH, xây dựng nông thôn mới. □	Thôn Tiến Ích 2, xã Tây Đô	Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,07Km; bề rộng mặt đường Bm = 5,5m, bề rộng vỉa hè Bvh = 2x2,0m.	2026-2030	5.000	3.700	1.300		3.700	HPI-ND01
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quan Nhân, xã Tây Đô	UBND xã Tây Đô	Là tuyến giao thông huyết mạch, chủ yếu cho nhân dân thôn dân tộc Quan Nhân. Hiện nay, mặt đường bê tông xi măng, bề rộng Bm = 3,5m, nứt gãy, sụt lún, xuống cấp nghiêm trọng. Việc đầu tư là cần thiết nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, quy mô chưa đạt chuẩn, thiếu đồng bộ và khả năng kết nối hạn chế; bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, thích ứng với điều kiện thời tiết,đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển; thúc đẩy phát triển KT-XH, xây dựng nông thôn mới	Thôn Quan Nhân, xã Tây Đô	Tổng chiều dài tuyến khoảng 2,4Km; bề rộng mặt đường Bm = 5,5m, lề đường Bl = 2x0,5m.	2026-2030	5.000	3.811	1.189		3.811	HPI-ND01
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đền Tam Tổng đi về sông Mã, xã Tây Đô, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Tây Đô	Là tuyến đường liên thôn Phố Mới, Thổ Phụ; đồng thời, đi qua di tích lịch sử đền Tam Tổng; tuy nhiên, hiện nay mặt đường bê tông xi măng, bề rộng Bm = 3,5m, nứt gãy, sụt lún, xuống cấp nghiêm trọng. Việc đầu tư là cần thiết nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, quy mô chưa đạt chuẩn, thiếu đồng bộ và khả năng kết nối hạn chế; bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, thích ứng với điều kiện thời tiết,đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển; thúc đẩy phát triển KT-XH, xây dựng nông thôn mới.	Thôn Phố Mới, thôn Thổ Phụ, xã Tây Đô	Tổng chiều dài tuyến khoảng 0,9Km; bề rộng mặt đường Bm = 5,5m. Rãnh thoát nước hai bên đường Bxh = 0,5*0,5m	2026-2030	5.100	3.700	1.400		3.700	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương từ thôn Tiến Ích 2 đến thôn Cẩm Hoàng 2	UBND xã Tây Đô	Hiện trạng: Một phần là mương đất, một phần là mương xây thô sơ từ lâu. Hiện nay, tuyến mương đã bị sạt lở, bồi lấp. Để đảm bảo tưới phục vụ sản xuất cho 80ha (dự kiến tăng lên 200ha trong giai đoạn tới) trồng cây ngô ngọt thì việc đầu tư xây dựng là cần thiết nhằm hoàn thiện hạ tầng thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.	Thôn Tiến Ích 2, thôn Cẩm Hoàng, xã Tây Đô	Tổng chiều dài khoảng 1,8Km, kích thước BxH = 0,6 x 0,8m	2026-2030	3.800	3.040	760		3.040	HPI-ND02
143	Xã Biện Thượng						26.662	14.251	12.411		14.251	
1.1	Đường từ điểm trường Mầm non Vĩnh Hùng đến nhà văn hoá thôn Đồng Mực kết nối với tuyến đường đi xã Ngọc Trạo	UBND xã Biện Thượng	Đây là tuyến đường trục chính nối các khu dân cư của Thôn miền núi Đồng Mực với dân số khoảng 1.263 nhân khẩu với các khu vực thôn lân cận, đồng thời là tuyến đường phục vụ con em trong thôn đến điểm trường MN Vĩnh Hùng, hạn chế các nguy cơ khi phải tham gia giao thông trên Quốc lộ 217. Hiện trạng tuyến đường, mặt bê tông đã được đầu tư từ lâu, nay đã nứt gãy, bong chóc, tạo thành nhiều hố, ổ trâu, ổ gà	Thôn Đồng Mực, xã Biện Thượng	Tổng chiều dài khoảng 1,9km, Mặt đường bê tông xi măng kết hợp bê tông nhựa	2026-2030	6.856	4.200	2.656		4.200	HPI-ND01
1.2	Tuyến đường từ ngã ba đi nhà văn hoá Xóm Mới đến nhà ông Vũ Văn Sỹ, xã Biện Thượng	UBND xã Biện Thượng	Đây là tuyến đường duy nhất kết nối gần 200 nhân khẩu từ nhà văn hoá Xóm Mới với trung tâm xã và các khu vực lân cận. Đồng thời cũng là tuyến đường phục vụ sản xuất nông nghiệp đối với khu vực canh tác khoảng 100 ha. Hiện trạng hiện trạng mặt bê tông đã nứt gãy ở tất cả các vị trí, nhiều điểm sụt lún, không đảm bảo an toàn giao thông và gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.	Thôn Việt Yên, xã Biện Thượng	chiều dài tuyến khoảng 1,8km, chiều rộng mặt đường 4m dày 20cm.	2026-2030	6.226	4.051	2.175		4.051	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ thôn Đoài đi thôn Trung, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Biện Thượng	Đây là tuyến đường kết nối các thôn ven chân núi của xã Vĩnh Thịnh cũ với khu vực trung tâm, tuyến đường cũng đi qua các xứ đồng canh tác nông nghiệp chính của xã, với diện tích khoảng 400 ha. Mặt đường nhựa hiện trạng đã xuống cấp với nhiều điểm bong mặt nhựa, tạo thành nhiều ổ voi, ổ gà, mỗi khi mưa nước đọng các hố nước càng mở rộng, làm tình trạng nền đường ngày càng xuống cấp, việc đi lại trong sinh hoạt, sản xuất ngày càng khó khăn.	Thôn Đoài, Thôn Trung, xã Biện Thượng	Chiều dài tuyến khoảng 1,4 km (trên tuyến bao gồm 1 cầu qua kênh). Quy mô đường bê tông nhựa; chiều rộng mặt đường 5m.	2026-2030	13.580	6.000	7.580		6.000	HPI-ND01
144	Xã Thọ Ngọc						21.000	14.251	6.749		14.251	
1.1	Mở rộng nâng cấp đường giao thông thôn Xuân Thọ đi thôn Thọ Cường đến UBND xã Thọ Ngọc (Giai đoạn 1).	UBND xã Thọ Ngọc	Hiện trạng tuyến đường mới có nền đá cấp phối, chưa đảm bảo kết nối thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, phát triển KTXH, mặt khác tuyến đường sau nhiều năm sử dụng không được đầu tư nâng cấp đã xuất hiện nhiều vị trí đã bị vỡ nát, bong tróc, sụt lún nền, ổ voi, ổ gà	Xã Thọ Ngọc	Tổng chiều dài tuyến đường khoảng: L = 1,5 km; Bn = 8,0 - 9,0m, Bm = 6,0 – 7,0m, rãnh thoát nước đồng bộ.	2026-2030	21.000	14.251	6.749		14.251	HPI-ND01
145	Xã Thọ Phú						20.492	14.251	6.241		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL.47 đi nhà ông Giáp, thôn Kịch Tiến, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Tuyến đường đã được nhân dân hiến đất mở đường, do đó việc nâng cấp, mở rộng để dễ cải thiện kết cấu hạ tầng, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân và kết nối với trung tâm xã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; là tiêu chí quan trọng trong chương trình xây dựng nông thôn mới, giúp địa phương đạt được các tiêu chí phát triển bền vững;	Thôn Kịch Tiến, xã Thọ Phú	Chiều dài tuyến L=500m, quy mô Bn=7,5m, Bm=5,5m;	2026-2030	3.950	2.750	1.200		2.750	HPI-ND01
1.2	Xây dựng cầu Đại Vàng qua Sông Nhôm, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Cầu Đại Vàng qua sông Nhôm kết nối 2 xã Thôn Tân cũ và xã Thọ Dân cũ nay thuộc xã Thọ Phú. Cầu bê tông xây dựng đã lâu, bề rộng mặt cầu 2,5m, chiều dài 26m, bề rộng không đủ để các phương tiện cơ giới lưu thông. Về mùa mưa mặt cầu đang thấp hơn mực nước lũ, gây mất an toàn cho nhân dân, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và nhu cầu phát triển kinh tế hiện nay cũng như trong tương lai.	Thôn Đại Vàng, xã Thọ Phú	Xây cầu mới BTCT có khẩu độ 3x8,68m, tổng chiều dài L=26m; Bề rộng cầu B=0,5+5,5+0,5=6,5m; vuốt nối hai bên đầu cầu	2026-2030	6.800	4.700	2.100		4.700	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông thôn Đường Thượng, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Tuyến đường xây dựng đã lâu, bề rộng mặt đường nhỏ hẹp, mặt đường chỉ rộng (2,0-3,0)m chưa đảm bảo bề rộng để các phương tiện cơ giới lưu thông hai chiều được thuận tiện, nhân dân đi lại rất khó khăn, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và nhu cầu phát triển kinh tế hiện nay cũng như trong tương lai.	thôn Đường Thượng, xã Thọ Phú	Đường BTXM có bề rộng mặt (5,5-6,5)m, rãnh thoát nước dọc tuyến và các công trình phụ trợ khác, chiều dài khoảng 0,6km	2026-2030	2.792	1.951	841		1.951	HPI-ND01
1.4	Nâng cấp kênh tưới C5/6 thôn Quan Thành, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Kênh tưới C5/6 đoạn từ K5+200-K6+200, xã Thọ Phú hiện trạng là kênh đất. Qua nhiều năm đưa vào sử dụng, do chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên và con người nên đã bị hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng rất lớn đến việc dẫn nước phục vụ nhân dân trên địa bàn và các vùng phụ cận.	Thôn Quan Thành, xã Thọ Phú	Kênh tưới dài khoảng 1,0km: Có mặt cắt hình thang, đáy kênh đổ bê tông tại chỗ, mái lát bằng tấm lát bê tông cốt thép đúc sẵn, kích thước tấm lát 500 x 500 x 60mm, phía trên đỉnh mái bố trí giằng bê tông cốt thép.	2026-2030	3.950	2.750	1.200		2.750	HPI-ND02
1.5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nối ĐT.515C đi đường xã ĐX 05, thôn Hoành Suối, xã Thọ Phú	UBND xã Thọ Phú	Tuyến đường đã được nhân dân hiến đất mở đường, do đó việc nâng cấp, mở rộng để cải thiện kết cấu hạ tầng, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân và kết nối với trung tâm xã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; là tiêu chí quan trọng trong chương trình xây dựng nông thôn mới, giúp địa phương đạt được các tiêu chí phát triển bền vững;	Thôn Hoành Suối, xã Thọ Phú	Chiều dài tuyến khoảng 600m, quy mô Bn=6,5m, Bm=6,5m; mặt đường được bù vênh bằng CPDD loại 1 trên mặt đường cũ; cạp lề mở rộng nền mới và đổ bê tông M250 dày 25cm; tường kê ao một số vị trí	2026-2030	3.000	2.100	900		2.100	HPI-ND01
146	Xã Hợp Tiến						17.300	14.251	3.049		14.251	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Đường liên Thôn Tân Thắng 1 - Tân Thắng 2 đi thôn Tâm Tiến, xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa.	UBND xã Hợp Tiến	Là trục đường liên thôn phục vụ dân sinh kết hợp sản xuất nông nghiệp quan trọng của xã, phục vụ cho nhu cầu giao thương, sản xuất nông nghiệp cho gần 700 hộ dân các thôn Tâm Tiến, thôn Tân Thắng 1, thôn Tân Thắng 2; Tuyến đường có chiều dài 1,2km; hiện nay vẫn là mặt đường cấp phối đá dăm rộng 2,5m, thường xuyên ngập, lụt, lầy lội khi trời mưa to, không đảm bảo được nhu cầu đi lại của bà con nhân dân	Xã Hợp Tiến	Đề xuất đầu tư tuyến đường có chiều dài 1,2km; mở rộng mặt cắt đường 6,5m; đổ bê tông mặt đường rộng 5,5m.	2026-2030	5.800	4.800	1.000		4.800	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, cải tạo Đường liên thôn Trung Thành - Châu Cương đi đường tỉnh TL.514 và quốc lộ 47B.	UBND xã Hợp Tiến	Là trục đường giao thông chính của các thôn Trung Thành, Châu Cương, Lai Triều đi quốc lộ QL.47B, phục vụ nhu cầu đi lại cho khoảng hơn 1000 hộ dân ở các thôn Lai Triều, Châu Cương, Trung Thành; Tuyến đường dài khoảng 2,3km, trong đó 1,4km đã được đầu tư mặt đường bê tông rộng từ (2,5-3,5)m; còn 0,9km đang là đoạn đường đất rải đá dăm, có tổng chiều rộng mặt cắt khoảng 3,5m, nay đã xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo cho nhu cầu giao thông khi trời mưa, bão.	Xã Hợp Tiến	Đề xuất cải tạo, nâng cấp đoạn đường đất rải đá dăm có chiều dài 0,9km; mở rộng mặt cắt đường 6,5m; đổ bê tông mặt đường rộng 5,5m.	2026-2030	5.800	4.800	1.000		4.800	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp, cải tạo Đường trục chính thôn Đông Thành - thôn Liên Châu.	UBND xã Hợp Tiến	Là đoạn đường liên thôn Đông Thành - thôn Liên Châu, phục vụ dân sinh kết hợp sản xuất nông nghiệp của hơn 200 hộ dân thôn Đông Thành và hơn 150 hộ dân thôn Liên Châu, hiện trạng đoạn đường vẫn là cấp phối đá dăm, chưa được cứng hóa mặt đường, chiều dài đoạn đường khoảng 1,2km, chiều rộng mặt cắt đường khoảng 3,5-4,5m đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, rất khó khăn trong việc đi lại khi trời mưa bão.	Xã Hợp Tiến	Đề xuất cải tạo, nâng cấp đoạn đường đất rải cấp phối đá dăm có chiều dài 1,2km; mở rộng mặt cắt đường 6,5m; đổ bê tông mặt đường rộng 5,5m.	2026-2030	5.700	4.651	1.049		4.651	HPI-ND01
147	Xã An Nông						19.000	14.251	4.749		14.251	
1.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Cầu Ai Liên đến đường Nghi Sơn - Sao Vàng	UBND xã An Nông	Tuyến đường hiện trạng là đường cấp phối, mặt đường nhỏ hẹp, thường xuyên lầy lội vào mùa mưa, bụi vào mùa khô, gây khó khăn cho việc đi lại, vận chuyển nông sản và kết nối với tuyến đường Nghi Sơn - Sao Vàng. Việc đầu tư sẽ hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn giao thông và từng bước hoàn thiện tiêu chí giao thông trong xây dựng nông thôn mới.	Xã An Nông	Chiều dài khoảng 300 m; nền đường 6,0 m; mặt đường bê tông xi măng rộng 5,0 m, và đồng bộ hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	2.500	1.876	624		1.876	HPI-ND01

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ hộ ông Thắm đến đê sông Hoàng	UBND xã An Nông	Tuyến đường dài khoảng 1,2 km là tuyến giao thông chính phục vụ đi lại của Nhân dân và vận chuyển nông sản. Hiện trạng mặt đường bê tông rộng khoảng 2,5 m đã xuống cấp, bong tróc trên 60%, không đáp ứng nhu cầu lưu thông của phương tiện cơ giới. Việc đầu tư sẽ bảo đảm kết nối giao thông, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai và tạo điều kiện phát triển kinh tế địa phương.	Xã An Nông	Chiều dài khoảng 1.200 m; mở rộng nền đường 6,5 m; mặt đường bê tông xi măng rộng 3,5 m, và đồng bộ hệ thống rãnh thoát nước	2026-2030	7.700	5.775	1.925		5.775	HPI-ND01
1.3	Nâng cấp mương tưới kết hợp tiêu nước từ thôn Hoà Triều đến thôn Nga Nha, xã An Nông, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã An Nông	Hệ thống kênh mương hiện nay là mương đất, bị bồi lắng, sạt lở, thất thoát nước lớn, chưa đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc đầu tư kiên cố hóa kênh mương sẽ nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, giảm thất thoát nước, chủ động tưới tiêu cho diện tích đất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất cây trồng và thích ứng với biến đổi khí hậu.đảm bảo cung cấp nước tưới cho khoảng 90,0ha,	Thôn Hoà Triều, thôn Nga Nha, xã An Nông	Xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp, có chiều dài khoảng 5.0 km ; Tuyến chính b=(0,8-1,0)m h=(1-1,2)m; Tuyến nhánh bxb=(0,45x0,5)m	2026-2030	8.800	6.600	2.200		6.600	HPI-ND02

Phụ lục số IV: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030
TỈNH THANH HÓA (HỢP PHẦN THỨ HAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
I	TỔNG						1.445.168	1.422.774	13.120	9.274	1.422.774	
1	Xã Mường Lát						28.634	28.634			28.634	
1.1	Xây mới nhà văn hoá Thôn Mường Lát, xã Mường Lát	UBND xã Mường Lát	Thôn Mường Lát được sáp nhập từ thôn 1, thôn 2, thôn 3 và thôn 4, với tổng số 580 hộ dân. Sau sáp nhập, nhà văn hóa cũ không còn đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân.	Thôn Mường Lát, xã Mường Lát	Khoảng 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.000	7.000			7.000	HPH-ND4
1.2	Xây mới nhà văn hóa Thôn Na Khả, xã Mường Lát	UBND xã Mường Lát	Thôn Na Khả được sáp nhập từ thôn Buôn và thôn Na Khả, với tổng số 268 hộ dân. Sau sáp nhập, nhà văn hóa hiện có không còn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân.	Thôn Na Khả, xã Mường Lát	Khoảng 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.3	Đầu tư, nâng cấp nhà trường niệm Bác Hồ và Đoàn quân Tây Tiến và các hạng mục phục trợ, xã Mường Lát	UBND xã Mường Lát	Thôn Na Khả được sáp nhập từ thôn Buôn và thôn Na Khả, với tổng số 268 hộ dân. Sau sáp nhập, nhà văn hóa hiện có không còn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân.	Xã Mường Lát	Xây dựng nhà sàn trường niệm; cải tạo tháp trường niệm Đoàn quân Tây Tiến; Làm mới phù điêu đá Đoàn quân Tây Tiến và các hạn mục phụ trợ	2026 - 2030	8.634	8.634			8.634	HPH-ND4
1.4	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng từ QL15C đi cầu treo Piềng Mòn (cũ)	UBND xã Mường Lát	Nhằm phục vụ tuần tra, kiểm soát biên giới, kịp thời xử lý các tình huống, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Là con đường kết nối giữa QL15C đi cầu treo Piềng Mòn.	Xã Mường Lát	Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường có chiều dài khoảng 2,5 km và các hạng mục thoát nước dọc, thoát nước ngang đồng bộ theo quy mô được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2026 - 2030	8.000	8.000			8.000	HPH-ND7
2	Xã Trung Lý						19.915	19.915			19.915	
1.1	Xây mới nhà văn hoá bản Khăm và các hạng mục phụ trợ, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Nhà văn hóa hiện có chỉ đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không còn phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của nhân dân hiện nay là 191 hộ.	Bản Khăm, xã Trung Lý	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.979	4.979			4.979	HPH-ND4
1.2	Xây mới nhà văn hoá bản Cánh Cộn và các hạng mục phụ trợ, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Nhà văn hóa hiện có chỉ đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không còn phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của nhân dân hiện nay là 187 hộ.	Bản Cánh Cộn, xã Trung Lý	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.978	4.978			4.978	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây dựng Nhà văn hoá bán Táo, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Nhà văn hóa hiện có chi đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không còn phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của nhân dân hiện nay là 295 hộ.	Bản Táo, xã Trung Lý	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.980	4.980			4.980	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hoá bán Pá Búa và các hạng mục phụ trợ, xã Trung Lý	UBND xã Trung Lý	Nhà văn hóa hiện có chi đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không còn phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của nhân dân hiện nay là 189 hộ.	Bản Pá Búa, xã Trung Lý	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.978	4.978			4.978	HPH-ND4
3	Xã Nhi Sơn						24.000	24.000			24.000	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Trường PT DTBT tiểu học Nhi Sơn (điểm trường Lốc Há), xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Trường tiểu học Nhi Sơn điểm trường bản Lốc Há được xây dựng năm 2012 đến nay các hạng mục đã xuống cấp, nhiều vị trí tường bong tróc, rêu, mái nhà nhiều vị trí bị dột. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có nhà bếp và nhà ăn cho học sinh.	Bản Lốc Há, xã Nhi Sơn	Xây mới bếp và nhà ăn học sinh; cải tạo nhà lớp học 03 phòng, nhà ở công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá bán Tén Chè, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Nhà văn hoá bán Cật hiện 60 chỗ ngồi hiện đã xuống cấp, nhiều hạng mục và chưa có như tường rào, nhà vệ sinh. Cải tạo nhà văn hoá nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhà dân bản Cật cũng như đảm bảo an toàn mùa mưa lũ.	Bản Tén Chè, xã Nhi Sơn	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá 60 chỗ ngồi, đường vào nhà văn hóa 30m, sân nhà văn hóa; xây mới các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND4
1.3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá bán Bản Chim, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Nhà văn hoá bán Chim hiện 60 chỗ ngồi hiện đã xuống cấp, nhiều hạng mục và chưa có như tường rào, nhà vệ sinh. Cải tạo nhà văn hoá nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhà dân bản Cật cũng như đảm bảo an toàn mùa mưa lũ.	Bản Chim, xã Nhi Sơn	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá 60 chỗ ngồi, đường vào nhà văn hóa 30m, sân nhà văn hóa; xây mới các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND4
1.4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực trung tâm văn hoá xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Trung tâm văn hoá xã là nơi tổ chức các hội nghị, hoạt động văn hoá, văn nghệ của xã. Hiện tại đang có nguy cơ cao sạt lở đất vào mùa mưa. Hiện trạng đã có khoảng 20m kè chống sạt lở. Vị trí xây dựng hạng mục nằm trong quy hoạch của xã và không phải giải phóng mặt bằng.	Xã Nhi Sơn	Kè chống sạt lở với chiều dài 80m, chiều cao 3m	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND6
1.5	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thuộc bản Chim, xã Nhi Sơn	UBND xã Nhi Sơn	Đây là khu vực có nguy cơ cao sạt lở đất vào mùa mưa gây ảnh hưởng đến an toàn tính mạng của nhân dân, Số hộ có nguy cơ ảnh là 27 hộ. Vị trí xây dựng hạng mục nằm trong quy hoạch của xã.	Bản Chim, xã Nhi Sơn	Kè chống sạt lở với chiều dài 100m, chiều cao 25m.	2026 - 2030	15.000	15.000			15.000	HPH-ND6
4	Xã Pù Nhi						20.204	20.204			20.204	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp trường mầm non Pù Nhi (điểm trường Pha Đén), xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Xã thuộc khu vực miền núi đặc biệt khó khăn. Một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột do xây dựng lâu năm bị hư hỏng, xuống cấp hoặc chưa được đầu tư xây dựng.	Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	Xây khu nhà 01 tầng (01 phòng học, 01 phòng công vụ giáo viên); xây dựng cổng chào và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	2.500	2.500			2.500	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp trường mầm non Pù Nhi (điểm trường Cá Nọi), xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Cơ sở vật chất của điểm trường đã được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp trầm trọng. Việc đầu tư nâng cấp điểm trường là rất cần thiết. Giúp đảm bảo cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu dạy và học của trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT	Bản Cá Nọi, Xã Pù Nhi	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng công vụ giáo viên; 01 giếng khoan và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	4.204	4.204			4.204	HPH-ND1
1.3	Sửa chữa nhà văn hoá Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Bản Pha Đén, xã Pù Nhi có 167 hộ, 839 nhân khẩu, nhà văn hóa là nơi tổ chức các hoạt động hội họp, văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao của Nhân dân. Tuy nhiên, hạng mục chưa có tường rào bảo vệ và các hạng mục phụ trợ đồng bộ, ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo vệ tài sản và tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng tường rào nhà văn hóa bản Pha Đén là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn, hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở và nâng cao hiệu quả sử dụng hạng mục.	Bản Pha Đén, xã Pù Nhi	Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	1.500	1.500			1.500	HPH-ND4
1.4	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gần với an ninh quốc phòng từ bản Na Tao đi bản Đông Ban, xã Pù Nhi - Giai đoạn 1: Nâng cấp, mở rộng đường Na Tao đi vào tổ 3 Bản Na Tao, xã Pù Nhi	UBND xã Pù Nhi	Hiện nay tuyến đường đã bị xuống cấp nghiêm trọng do ảnh hưởng của mưa, bão, nhiều đoạn bị đứt gãy, sạt trượt ảnh hưởng rất lớn đến giao thông, đi lại của người dân,Việc đầu tư xây dựng nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn, đảm bảo đi lại thuận tiện, an toàn cho nhân dân.	Bản Na Tao, bản Đông Ban, xã Pù Nhi	Chiều dài tuyến đường 3 km	2026 - 2030	12.000	12.000			12.000	HPH-ND7
5	Xã Mường Chanh						21.200	21.200			21.200	
1.1	Xây mới nhà văn hoá và hạng mục phụ trợ Bản Cang xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Bản Cang được sáp nhập từ bản Cang và bản Ni Him, với tổng số 207 hộ dân. Nhà văn hóa hiện có quy mô nhỏ, chỉ đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không đủ sức chứa và không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa cộng đồng của nhân dân sau sáp nhập.	Bản Cang Xã Mường Chanh	Nhà văn hóa 180 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Xây mới nhà văn hoá và hạng mục phụ trợ Bản Na Hào, xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Bản Na Hào được sáp nhập từ bản Piêng Cật, Na Hào và bản Bồng, với tổng số 205 hộ dân. Nhà văn hóa hiện có quy mô nhỏ, chỉ đáp ứng khoảng 60 chỗ ngồi, không đủ sức chứa và không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa cộng đồng của nhân dân sau sáp nhập.	Bản Na Hào, xã Mường Chanh	Nhà văn hóa 180 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND4
1.3	Kè chống sạt lở bảo vệ trạm y tế xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Hiện nay, đồi đất giáp nhà trạm đã bị sạt lở; khối lượng đất sạt lở vào nhà trạm cao 1/2 nhà; rất nguy hiểm dễ gây nguy hiểm cho cán bộ, nhân dân thăm, khám. Việc đầu tư xây dựng tuyến kè là rất cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo an toàn cho cán bộ và nhân dân	Xã Mường Chanh	Kè bảo vệ khuôn viên Trạm Y tế với chiều dài khoảng 45 m, chiều cao kè khoảng 5 m.	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND6
1.4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Nà Ban, xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Nhân dân sinh sống tại khu vực này có nguy cơ bị đất, đá sạt lở gây nguy hiểm cho người dân. Xây dựng tuyến kè nhằm đảm bảo an toàn cho 21 hộ dân có nguy cơ bị sạt lở	Bản Nà Ban Xã Mường Chanh	Kè taluy dương khu dân cư chiều dài khoảng 120 m, chiều cao trung bình khoảng 7 m.	2026 - 2030	13.200	13.200			13.200	HPH-ND6
6	Xã Quang Chiêu						25.574	25.574			25.574	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiêu (khu lè Pù Đừa) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiêu	Trường Mầm non khu lè Pù Đừa, xã Quang Chiêu hiện có nhiều hạng mục như phòng học, mái tôn, nhà vệ sinh, công và hàng rào đã xuống cấp, hư hỏng, ảnh hưởng đến công tác dạy và học, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho giáo viên và học sinh, đặc biệt trong mùa mưa bão. Vì vậy, việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa trường và các hạng mục phụ trợ là cần thiết.	Khu Pù Đừa	Cải tạo sửa chữa 2 phòng học, phòng chờ, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ , tổng diện tích sàn khoảng 200m²	2026 - 2030	1.500	1.500			1.500	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiêu (khu lè Con Dao) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiêu	Trường Mầm non khu lè Con Dao, xã Quang Chiêu hiện có 03 phòng học và các hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, ảnh hưởng đến công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa hạng mục là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn, hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.	Bản Con Dao	Cải tạo sửa chữa 01 phòng học, các hạng mục phụ trợ và hoàn thiện đồng bộ hạng mục, tổng diện tích khoảng 90m2	2026 - 2030	1.200	1.200			1.200	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiêu (khu lẻ Cúm) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiêu	Trường Mầm non khu lẻ Cúm, xã Quang Chiêu hiện có nhiều hạng mục như phòng học, mái tôn, nhà vệ sinh, công và hàng rào đã xuống cấp, ảnh hưởng đến công tác dạy và học, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho giáo viên và học sinh, đặc biệt trong mùa mưa bão. Vì vậy, việc đầu tư là cần thiết	Khu Cúm	Cải tạo, sửa chữa 01 phòng học, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ, tổng diện tích khoảng 90m2	2026 - 2030	1.200	1.200			1.200	HPH-ND1
1.4	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm Non xã Quang Chiêu (khu lẻ Pong) và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quang Chiêu	Điểm trường Mầm non khu Pong, xã Quang Chiêu là nơi học tập của trẻ em trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, nhiều hạng mục của trường như phòng học, mái che, sân trường, công, hàng rào và các hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, ảnh hưởng đến công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng. Vì vậy, việc đầu tư nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non khu Pong là cần thiết	Khu Pong	Cải tạo, sửa chữa 4 phòng học, lợp mái tôn chống nắng và các hạng mục phụ trợ, tổng diện tích sàn khoảng 300m2	2026 - 2030	2.100	2.100			2.100	HPH-ND1
1.5	Bảo tồn bản văn hoá truyền thống bản Púng, xã Quang Chiêu	UBND xã Quang Chiêu	Bản Púng, xã Quang Chiêu là địa bàn còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa còn thiếu, không gian sinh hoạt cộng đồng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa và phát triển du lịch cộng đồng. Vì vậy, việc đầu tư Dự án Bảo tồn bản văn hóa truyền thống bản Púng là cần thiết	Bản Púng	Xây dựng Nhà trưng bày, bảo tồn văn hóa dân tộc Thái; Xây dựng Nhà vệ sinh công cộng; Sân nền; Sân tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	6.500	6.500			6.500	HPH-ND4
1.6	Kè chống sạt lở bảo tồn Bản văn hoá truyền thống bản Suối Tút, xã Quang Chiêu	UBND xã Quang Chiêu	Nhằm khắc phục tình trạng sạt lở, đảm bảo an toàn cho khu bảo tồn bản văn hóa truyền thống bản Suối Tút; hoàn thiện hệ thống thoát nước, bảo vệ hạ tầng và tạo điều kiện bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Dao.	Bản Suối Tút	Xây dựng kè chống sạt lở chiều dài khoảng 40m đảm bảo an toàn cho khu bảo tồn bản văn hóa truyền thống bản Suối Tút và xây dựng hệ thống thoát nước từ tuyến kè xuống.	2026 - 2030	3.074	3.074			3.074	HPH-ND6

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.7	Đường khu vực biên giới phục vụ dân sinh gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng thôn Suối Tút, xã Quang Chiêu	UBND xã Quang Chiêu	Nhằm phục vụ tuần tra, kiểm soát biên giới, kịp thời xử lý các tình huống, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Là con đường kết nối giữa 02 bản cũ với nhau (hiện nay là 1 bản) rút ngắn khoảng cách từ 5km xuống còn gần 2km.	Thôn Suối Tút	Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường có chiều dài khoảng 2,0 km và các hạng mục phụ trợ đồng bộ theo quy mô được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2026 - 2030	10.000	10.000			10.000	HPH-ND7
7	Xã Tam Chung						17.812	17.812			17.812	
1.1	Kè chống sạt lở và xây mới công tường rào Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Ôn), xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Trường Tiểu học Tam Chung, điểm trường Ôn hiện chưa có tường kè chống sạt lở, công và tường rào, trong khi khu vực này thường xảy ra sạt lở vào mùa mưa, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho cơ sở vật chất và học sinh. Việc đầu tư xây dựng là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn, hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập ổn định, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.	Bản Ôn, xã Tam Chung	Xây dựng tuyến kè có chiều dài khoảng 150m; Công tường rào	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND6
1.2	Kè chống sạt lở và xây mới công, tường rào Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Tân - Tân Hương), xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Trường Tiểu học Tam Chung, điểm trường Tân Hương hiện chưa có tường kè chống sạt lở, công và tường rào, trong khi khu vực miền núi thường xảy ra sạt lở vào mùa mưa, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho cơ sở vật chất và học sinh. Việc đầu tư xây dựng là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn, hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập ổn định, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.	Bản Tân Hương, xã Tam Chung	Xây dựng tuyến kè có chiều dài khoảng 150m; Công tường rào	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND6
1.3	Trường tiểu học Tam Chung (điểm trường Pong), xã Tam Chung. Hạng mục: Xây dựng khuôn viên trường; công, tường rào và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	UBND xã Tam Chung	Trường Tiểu học Tam Chung, điểm trường Pong hiện còn thiếu công, tường rào, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến điều kiện dạy và học. Việc đầu tư xây dựng công, tường rào là cần thiết	Bản Pong, xã Tam Chung	Xây dựng khuôn viên trường; tường rào có chiều dài khoảng 200m và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	1.800	1.800			1.800	HPH-ND1
1.4	Xây dựng sân phục vụ văn hoá, thể thao Bản Suối Lóng, xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Sân văn hóa, thể thao bản Suối Lóng hiện đã xuống cấp, diện tích và điều kiện sử dụng chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Việc đầu tư xây dựng sân văn hóa, thể thao là cần thiết nhằm hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở	Bản Pom Khuông, xã Tam Chung	Xây mới sân thể thao với diện tích khoảng 1.200m2; Gồm các hạng mục: San lấp đất; Kè taluy; Xây dựng sân khấu; công trình phụ trợ	2026 - 2030	5.012	5.012			5.012	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.5	Xây dựng sân phục vụ văn hoá, thể thao Bản Cấn, xã Tam Chung	UBND xã Tam Chung	Sân văn hóa, thể thao bản Cấn hiện đã xuống cấp, diện tích và điều kiện sử dụng chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Việc đầu tư xây dựng sân văn hóa, thể thao là cần thiết nhằm hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở	Bản Cấn, xã Tam Chung	Xây mới sân thể thao với diện tích khoảng 1.200m2; Gồm các hạng mục: San đắp đất; Kè taluy; Xây dựng sân khấu; công trình phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
8	Xã Mường Lý						19.764	19.764			19.764	
1.1	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Mầm non bản Muổng (Muổng 1 cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Điểm trường hiện đã xuống cấp nghiêm trọng việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là rất cần thiết	Bản Muổng, xã Mường Lý	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 2 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.300	2.300			2.300	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Mầm non bản Chiềng Nua (Chà Lan cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Điểm trường hiện đã xuống cấp nghiêm trọng việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là rất cần thiết	Bản Chiềng Nua, xã Mường Lý	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 2 phòngvà các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	2.300	2.300			2.300	HPH-ND1
1.3	Nâng cấp cải tạo Điểm Trường Tiểu học bản Muổng (Muổng 1 cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Điểm trường hiện đã xuống cấp nghiêm trọng việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là rất cần thiết	Bản Muổng, xã Mường Lý	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 1 tầng 3 phòng; Đường nội bộ; Cổng tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	2.964	2.964			2.964	HPH-ND1
1.4	Nâng cấp, mở rộng Điểm Trường Mầm non bản Chiềng Nua (Chiềng Nua cũ), xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Điểm trường hiện đã xuống cấp nghiêm trọng việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là rất cần thiết	Bản Chiềng Nua, xã Mường Lý	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.800	5.800			5.800	HPH-ND1
1.5	Nâng cấp, mở rộng Điểm Trường Mầm non bản Sài Khao, xã Mường Lý	UBND xã Mường Lý	Điểm trường hiện đã xuống cấp nghiêm trọng việc đầu tư cải tạo, sửa chữa là rất cần thiết	Bản Sài Khao, xã Mường Lý	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.400	6.400			6.400	HPH-ND1
9	Xã Quan Sơn						19.652	19.284	368		19.284	
1.1	Trường THCS DTNT Quan Sơn, xã Quan Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, bếp ăn bán trú và hạng mục phụ trợ	UBND xã Quan Sơn	Cơ sở vật chất của Trường THCS DTNT Quan Sơn chưa đáp ứng nhu cầu quản lý, dạy học và sinh hoạt bán trú của khoảng 300 học sinh và 22 cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Xã Quan Sơn	Xây dựng mới nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng, bếp ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	7.368	7.000	368		7.000	HPH-ND1
1.2	Trường Mầm non Sơn Lư (điểm trường Tân Thành), xã Quan Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quan Sơn	Hiện nay, điểm trường chưa có nhà lớp học kiên cố, cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; một số hạng mục công trình đã xuống cấp, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy, học, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh và việc thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia	Bản Tân Thành, xã Quan Sơn	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	7.284	7.284			7.284	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Nhà Văn hóa bán Thanh Sơn và các mạng mục phụ trợ khác, xã Quan Sơn	UBND xã Quan Sơn	Thôn Thanh Sơn được sáp nhập từ Khu 4 và khu 5 với tổng số 327 hộ dân. Sau sáp nhập, nhà văn hóa hiện có không còn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân.	Bản Thanh Sơn, xã Quan Sơn	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
10	Xã Trung Hạ						23.335	23.335			23.335	
1.1	Trường Mầm non Trung Hạ (Khu Lang), xã Trung Hạ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Trung Hạ	Trường MN Trung Hạ - khu Lang hiện nay có dãy nhà cấp 4 bao gồm 03 phòng học, bếp ăn, nhà vệ sinh được đầu tư xây dựng từ những năm 1999-2000, nay đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường (có 4 nhóm trẻ với gần 80 học sinh học tại đây).	Xã Trung Hạ	Xây mới nhà lớp học 02 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.500	7.500			7.500	HPH-ND1
1.2	Kè chống sạt lở và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Tiến, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Do ảnh hưởng của mưa lũ năm 2025, một đoạn tường rào dài khoảng 40m và nhà vệ sinh học sinh trường TH Trung Tiến (tiếp giáp với dòng sông Lò) bị đổ sập và cuốn trôi. Hiện nay nhà trường đang quây lưới và cảnh báo tạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn rất cao, học sinh không có nhà vệ sinh. Do vậy, việc đầu tư Kè chống sạt lở và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Trung Tiến là rất cần thiết.	Xã Trung Hạ	Xây dựng kè sạt lở dài khoảng 60m, cao 10-12m, xây mới tường rào bị cuốn trôi dài khoảng 35m và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	11.835	11.835			11.835	HPH-ND6
1.3	Kè chống sạt lở bảo vệ Trường THCS Trung Tiến, xã Trung Hạ	UBND xã Trung Hạ	Do ảnh hưởng của mưa lũ năm 2025, một đoạn tường đất dài khoảng 50m, cao 8-10m phía sau nhà hiệu bộ trường THCS Trung Tiến bị sạt lở ảnh hưởng rất nhiều đến công tác dạy và học của nhà trường và rủi ro rất lớn; hơn nữa, năm 2026, trường THCS Trung Tiến đang phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia. Hiện nay nhà trường đang phải xử lý khắc phục tạm thời. Do vậy, việc đầu tư Kè chống sạt lở Trường THCS Trung Tiến là rất cần thiết.	Xã Trung Hạ	Xây dựng kè sạt lở dài khoảng 110m, cao 8-10m, chống sạt lở vào khu trường hợp hệ thống thoát nước, gia cố khuôn viên trường	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND6
11	Xã Na Mèo						19.434	19.434			19.434	
1.1	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa, khu thể thao bản Na Mèo, xã Na Mèo	UBND xã Na Mèo	Nhà văn hóa và khu thể thao bản Na Mèo hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều hạng mục bị hư hỏng, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của nhân dân.	Bản Na Mèo, xã Na Mèo	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa, khu thể thao bản và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nhà văn hóa bản Son, xã Na Mèo. Hạng mục: Xây dựng các hạng mục phụ trợ	UBND xã Na Mèo	Hiện nay Nhà văn hóa bản Na Pong cơ bản chưa có các hạng mục phụ trợ như sân, công, hàng rào, rãnh thoát nước và nhà vệ sinh, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động hội họp, sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.	Bản Son, xã Na Mèo	Xây dựng hạng mục phụ trợ như: sân, công, hàng rào, rãnh thoát nước và nhà vệ sinh	2026 - 2030	2.434	2.434			2.434	HPH-ND4
1.3	Kè chống sạt lở đường Tuần tra biên giới từ QL 217 đi Cha Khót, đoạn qua bản Xốp Huổi (bản Na Pong cũ) xã Na Mèo.	UBND xã Na Mèo	Khu vực hạng mục đã bị xói mòn nghiêm trọng; mái taluy âm bị sạt lở, phạm vi sạt lở đã ăn sâu vào nền đường, làm mất đường xuất hiện nhiều vết nứt, sụt lún, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông và ảnh hưởng đến việc đi lại của Nhân dân.	Bản Xốp Huổi, xã Na Mèo	Xây dựng kè chống sạt lở taluy âm, chiều dài L = 300m.	2026 - 2030	13.000	13.000			13.000	HPH-ND6
12	Xã Tam Lư						18.494	18.494			18.494	
1.1	Kè chống sạt lở bờ sông Lò bảo vệ Trường Phổ thông Dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học và THCS bản Hậu và khu dân cư lân cận, xã Tam lư	UBND xã Tam Lư	Khu vực bờ sông Lò đoạn qua Trường Phổ thông Dân tộc nội trú liên cấp Tiểu học và THCS bản Hậu đang xảy ra tình trạng sạt lở, đặc biệt trong mùa mưa lũ, có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến khuôn viên, cơ sở vật chất của nhà trường, các hộ dân lân cận và an toàn của cán bộ, giáo viên, học sinh, Nhân dân trong khu vực.	Bản Hậu, xã Tam Lư	Tổng chiều dài tuyến kè khoảng 350m	2026 - 2030	18.494	18.494			18.494	HPH-ND6
13	Xã Tam Thanh						14.464	14.464			14.464	
1.1	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Thanh Lâm và các hạng mục phụ trợ, xã Tam Thanh	UBND xã Tam Thanh	Khu vực hai bên bờ suối Cản có khoảng 30 hộ dân và 02 trường học, tiềm ẩn nguy cơ sạt lở do dòng chảy lớn khi mưa lũ, ảnh hưởng đến đất ở, nhà cửa, trường học và hạ tầng giao thông. Việc đầu tư xây dựng kè kết hợp cống thoát nước ngang đường là cần thiết nhằm bảo vệ dân cư, bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, đồng thời hạn chế xói lở và tăng khả năng tiêu thoát nước trong khu vực.	Thôn Thanh Lâm, Xã Tam Thanh	Xây dựng hạng mục chống sạt lở 2 bờ suối L = 800m và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	8.664	8.664			8.664	HPH-ND6
1.2	Cải tạo, sửa chữa các vị trí hư hỏng mặt đường và xây dựng kè chống sạt lở do thiên tai trên tuyến đường tuần tra biên giới từ trung tâm xã đến cột mốc H5 (giáp nước CHDCND Lào).	UBND xã Tam Thanh	Tuyến đường từ trung tâm xã Tam Thanh đến cột mốc H5 có vai trò quan trọng trong đi lại, sản xuất, giao thương, quản lý địa bàn và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Hiện tuyến đường đã xuống cấp, một số vị trí mặt đường hư hỏng và khoảng 06 vị trí taluy dương có nguy cơ sạt lở, đặc biệt khi mưa lớn, có thể gây mất an toàn và chia cắt giao thông. Vì vậy, việc đầu tư sửa chữa là cần thiết	Xã Tam Thanh	kè tường chắn các điểm nguy cơ sạt lở taluy dương (6 điểm), cải tạo mặt đường hư hỏng trên đoạn tuyến khoảng 8km	2026 - 2030	5.800	5.800			5.800	HPH-ND7

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
14	Xã Sơn Điện						27.204	27.204			27.204	
1.1	Trường mầm non Sơn Điện 1 (Khu Xuân Sơn), xã Sơn Điện. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Sơn Điện	Trường Mầm non Sơn Điện 1 (Khu Xuân Sơn) được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2016, gồm 4 phòng học lắp ghép và 01 hạng mục vệ sinh, phục vụ 68 học sinh và 10 giáo viên. Sau nhiều năm sử dụng, các hạng mục đã xuống cấp, mái bị dột, tường bong tróc, ẩm thấp, phòng học chật hẹp, không đảm bảo điều kiện chăm sóc, giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh.	Bản Xuân Sơn, Xã Sơn Điện	Xây dựng mới Nhà lớp học mầm non 03 phòng, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ.	2026 - 2030	3.300	3.300			3.300	HPH-ND1
1.2	Xây dựng mới nhà văn hoá bản Tân Nhài, xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Bản Tân Nhài là bản đặc biệt khó khăn của Xã Sơn Điện. Nhà văn hóa bản được xây dựng năm 2001, hiện đã xuống cấp, mái thấm dột, tường, trần và nền nhà hư hỏng, không bảo đảm điều kiện hội họp, sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, sau khi sắp xếp thôn, bản, quy mô nhà văn hóa hiện có không còn đáp ứng nhu cầu của 239 hộ. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng mới Nhà văn hóa bản Tân Nhài là cần thiết	Bản Tân Nhài, Xã Sơn Điện	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.952	5.952			5.952	HPH-ND4
1.3	Xây dựng mới nhà văn hoá bản Bun, xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Bản Tân Nhài là bản đặc biệt khó khăn của Xã Sơn Điện. Nhà văn hóa được xây dựng năm 2003, hiện đã xuống cấp, mái thấm dột, tường, trần, nền nhà hư hỏng, không bảo đảm điều kiện hội họp và sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, sau khi sắp xếp thôn, bản, nhà văn hóa hiện có không đáp ứng nhu cầu của 265 hộ. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng mới Nhà văn hóa bản Bun là cần thiết.	Bản Bun, Xã Sơn Điện	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.952	5.952			5.952	HPH-ND4
1.4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	UBND xã Sơn Điện	Bờ suối Sũa đoạn qua khu dân cư và trường học bản Xuân Sơn chưa được gia cố, thường xuyên xảy ra sạt lở vào mùa mưa, đe dọa an toàn của 15 hộ dân và các hạng mục công cộng như trường học, nhà văn hóa. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng kè chống sạt lở là cần thiết nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, bảo đảm an toàn cho các hạng mục hạ tầng và ổn định đời sống khu vực.	Bản Xuân Sơn, Xã Sơn Điện	Chiều dài tuyến kè khoảng 500m	2026 - 2030	12.000	12.000			12.000	HPH-ND6
15	Xã Mường Mìn						18.352	18.352			18.352	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây dựng hạng mục phụ trợ Trường mầm non Mường Mìn, xã Mường Mìn	UBND xã Mường Mìn	Đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo viên và học sinh dạy và học, đủ theo tiêu chuẩn về đạt chuẩn trường quốc gia về giáo dục	Bản Luốc Lâu, xã Mường Mìn	Xây dựng mới tường rào chiều dài 290m, sân trường và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	3.761	3.761			3.761	HPH-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa bản Bon và các hạng mục phụ trợ, xã Mường Mìn	UBND xã Mường Mìn	Nhà văn hóa bản Bon đã xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của 110 hộ dân (332 nhân khẩu).	Bản Bon, xã Mường Mìn	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa, diện tích 190m2 và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.238	2.238			2.238	HPH-ND4
1.3	Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư Pom Dựng, xã Mường Mìn	UBND xã Mường Mìn	Khu dân cư Pom Dựng có nguy cơ sạt lở, ảnh hưởng đến an toàn của 81 hộ dân (324 nhân khẩu).	Xã Mường Mìn	Xây dựng tuyến kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư Pom Dựng, chiều dài khoảng 1,5 km, đồng bộ các hạng mục phụ trợ.	2026 - 2030	12.353	12.353			12.353	HPH-ND6
16	Xã Sơn Thủy						20.174	20.174			20.174	
1.1	Trường Mầm non Sơn Thủy (Khu Khả), xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Điện trường Mầm non Khu Khả cách điểm trường chính khoảng 16km (hiện trạng là đường đất). Công trình Trường Mầm non Sơn Thủy (Khu Khả) được xây dựng từ những năm 2002 từ việc đóng góp vật liệu, nhân công của nhân dân. Quy mô nhà gỗ 01 phòng nhà lớp học và 01 phòng nhà công vụ giáo viên. Do thời gian sử dụng đã lâu, vật liệu xây dựng chủ yếu bằng ván gỗ nên công trình đã hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, có nguy cơ mất an toàn cho học sinh và giáo viên nhà trường.	Xã Sơn Thủy	Xây mới 02 phòng học, 01 phòng công vụ giáo viên, nhà kho, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1
1.2	Dự án bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia - lễ hội Mường Xía, xã Sơn Thủy	UBND xã Sơn Thủy	Lễ hội Mường Xía là lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc Thái, đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2022. Tuy nhiên, khuôn viên tổ chức lễ hội hiện chưa được đầu tư đồng bộ, không đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng và phục vụ Nhân dân, du khách. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng khuôn viên tổ chức Lễ hội Mường Xía là cần thiết	Xã Sơn Thủy	Xây dựng sân tổ chức lễ hội S=5.000 m2 (sân khấu, sân thể thao, sân bê tông, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, ...) đường vào sân lễ hội với chiều dài 280 m; kè chống sạt lở 200m; nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	17.174	17.174			17.174	HPH-ND4
17	Xã Hồi Xuân						17.600	17.600			17.600	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Nâng cấp Trường THCS Hồi Xuân, xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Trường THCS Hồi Xuân còn thiếu phòng học, một số hạng mục phụ trợ xuống cấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng khu phòng học 3 tầng, 12 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ nhằm bảo đảm điều kiện dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Hồi Xuân	Xây mới khu phòng học 3 tầng, 12 phòng học, khu nhà công vụ; Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục hạng mục đã xuống cấp nghiêm trọng.	2026 - 2030	10.000	10.000			10.000	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Trường Mầm non Hồi Xuân còn thiếu phòng học, một số hạng mục phụ trợ xuống cấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục mầm non và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa phòng học và các hạng mục phụ trợ nhằm bảo đảm điều kiện dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Hồi Xuân	Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, khu vực bếp ăn và các hạng mục phụ trợ.	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND1
1.3	Nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Quan Hóa, xã Hồi Xuân	UBND xã Hồi Xuân	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Quan Hóa hiện thiếu phòng học, một số hạng mục phụ trợ xuống cấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng, sửa chữa phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Hồi Xuân	Nâng cấp, sửa chữa các phòng học, khu ký túc xá, khu nhà ở giáo viên, khu vực bếp ăn và một số hạng mục hạng mục đã xuống cấp nghiêm trọng.	2026 - 2030	3.600	3.600			3.600	HPH-ND1
18	Xã Phú Xuân						24.604	24.604			24.604	
1.1	Trường Tiểu học Thanh Xuân (điểm trường Giá), xã Phú Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Phú Xuân	Phòng học và nhà hiệu bộ của Giáo viên đã hư hỏng, xuống cấp.	Bản Giá, xã Phú Xuân	Xây nhà lớp học 1 tầng 5 phòng học; sân chơi, nhà công vụ cho Giáo viên, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thanh Xuân (điểm trường bản Vui), xã Phú Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, nhà ở giáo viên,bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Phú Xuân	Điểm trường đã hư hỏng, xuống cấp. Đảm bảo môi trường học tập cho các cháu, bản cách xa điểm trường chính 10 km, qua đò.	Bản Vui, xã Phú Xuân	Xây nhà lớp học; sân chơi, nhà công vụ cho Giáo viên và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1
1.3	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Thanh Xuân, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Đảm bảo nhu cầu dạy và học của nhà trường, giúp xóa bỏ tình trạng làm việc tạm bợ, tạo tâm lý an tâm công tác.	Bản Thanh Xuân, xã Phú Xuân	Sửa chữa, cải tạo Nhà công vụ 300m2	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Vui, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Bản Vui, xã Phú Xuân	Nhà văn hóa 150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.5	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Giá, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Bản Giá, xã Phú Xuân	Nhà văn hóa 200 hồ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.6	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Giá, xã Phú Xuân	UBND xã Phú Xuân	Khu dân cư có vị trí nguy cơ sạt lở ảnh hưởng đến 45 hộ dân	Bản Giá, xã Phú Xuân	Chiều dài khoảng 600m	2026 - 2030	7.104	7.104			7.104	HPH-ND6
19	Xã Nam Xuân						16.344	16.344			16.344	
1.1	Sửa chữa, cải tạo trường Trung học cơ sở Nam Xuân, xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Đảm bảo điều kiện dạy và học cho trường Trung học cơ sở Nam Xuân. Hiện nay, một số hạng mục nhà lớp học và nhiều hiệu bộ đã hư hỏng, xuống cấp...	Xã Nam Xuân	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND1
1.2	Kè chống sạt lở bờ sông Luông, đoạn qua khu dân cư bản Phố Mới, xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân; đồng thời ổn định dân sinh, tham gia đi lại, lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế; bảo vệ tuyến đường.	Bản Phố Mới, xã Nam Xuân	Đoạn 1: Từ đầu khu dân cư đến hạ lưu mô cầu bê tông bắc qua sông Luông (Cầu Nam Tiến), chiều dài khoảng 150m. Đoạn 2: Từ thượng lưu mô cầu bê tông bắc qua sông Luông đến khu dân cư, chiều dài khoảng 350m	2026 - 2030	10.344	10.344			10.344	HPH-ND6
20	Xã Trung Thành						21.285	21.285			21.285	
1.1	Kè sạt lở ta luy âm bảo vệ khu dân cư bản Chiềng và trường MN Trung Thành, xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Hiện tại có hơn 10 hộ dân đang trực tiếp sinh sống tại khu vực cùng với đó là trường MN Trung Thành cũng bị nguy cơ ảnh hưởng cao nếu như không khắc phục kịp thời.đồng thời là tuyến duy nhất kết nối 3 bản Chiềng, Tang và Say	Bản Chiềng, Tang, Say, xã Trung Thành	Đổ bê tông chân móng, kè gió đá, làm lan can, hệ thống thoát nước chiều dài khoảng 80 m	2026 - 2030	11.985	11.985			11.985	HPH-ND6
1.2	Kè chống sạt lở ta luy dương bảo vệ khu dân cư bản Cá (nay là bản Tiến Thắng), xã Trung Thành	UBND xã Trung Thành	Hiện nay có 9 hộ dân đang sinh sống phía dưới ta luy âm, tuyến đường có nguy cơ cao bị ảnh hưởng nếu như không khắc phục kịp thời đồng thời đây là tuyến đường kết nối giao thông duy nhất của 2 bản từ Tân Lập ra Tiến Thắng và ra Trung tâm Xã	Bản Tiến Thắng, xã Trung Thành	Chiều dài dọc tuyến khoảng 40m, chiều cao khoảng 60m, phục vụ cho các hộ dân khoảng 300 hộ dọc tuyến từ Tân Lập ra Tiến Thắng và ra Trung tâm Xã	2026 - 2030	9.300	9.300			9.300	HPH-ND6
21	Xã Trung Sơn						16.854	16.854			16.854	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường Mầm non Trung Sơn, xã Trung Sơn. Hạng mục: Xây mới Phòng nghệ thuật và nhà công vụ	UBND xã Trung Sơn	Hiện nay trường Mầm non Trung Sơn còn thiếu một số hạng mục cơ sở vật chất theo quy định đối với trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó có phòng học nghệ thuật và nhà công vụ cho giáo viên	Bản Co Me, xã Trung Sơn	Nhà Công vụ, Phòng học mầm non và các hàng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND1
1.2	Trường Trung học cơ sở Trung Sơn, xã Trung Sơn. Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và nhà công vụ	UBND xã Trung Sơn	Hiện nay, trường có 05 phòng công vụ chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó, nhà trường chưa có nhà đa năng phục vụ các hoạt động thể dục, thể thao.	Bản Pao, xã Trung Sơn	Xây mới nhà công vụ và nhà đa năng	2026 - 2030	6.354	6.354			6.354	HPH-ND1
1.3	Nâng cấp nhà Nhà văn hóa bản Pao, xã Trung Sơn.	UBND xã Trung Sơn	Nhà văn hóa bản Pao đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa có kê chống sạt lở taluy âm, tường rào, cổng, nhà để xe và biển hạng mục, gây khó khăn trong quản lý, bảo vệ tài sản, giữ gìn cảnh quan và vệ sinh môi trường. Sau khi sáp nhập bản Pao và bản Pượn, quy mô dân cư tăng, diện tích sân hiện có không còn đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Bản Pao, xã Trung Sơn	Kê taluy âm, tường rào, sân bê tông và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	1.500	1.500			1.500	HPH-ND4
1.4	Mở rộng, nâng cấp, sửa chữa sân thể thao cộng đồng xã Trung Sơn	UBND xã Trung Sơn	Hiện nay đã có sân thể thao phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của Nhân dân, tuy nhiên mới chỉ được đầu tư mặt bằng cơ bản, chưa đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, còn thiếu nhiều hạng mục phụ trợ cần thiết. Cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động thể thao, giao lưu văn hóa, các sự kiện cộng đồng của địa phương.	Xã Trung Sơn	Mở rộng, nâng cấp, sửa chữa sân thể thao cộng đồng xã diện tích khoảng 3200 m2, gồm các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
22	Xã Hiền Kiệt						4.204	4.204			4.204	
1.1	Xây mới Nhà văn Hóa Bản lóp, xã Hiền Kiệt	UBND xã Hiền Kiệt	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Bản Lóp, xã Hiền Kiệt	Nhà văn hóa 220 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.204	4.204			4.204	HPH-ND4
23	Xã Phú Lệ						20.055	20.055			20.055	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Thanh (khu lè En) và các hạng mục phụ trợ, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ xuống cấp, hư hỏng do đó việc cải tạo lại nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ là rất cần thiết	Bản En, xã Phú Lệ	Cải tạo, sửa chữa 5 phòng học, 2 phòng ở giáo viên, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND1
1.2	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Phú Thanh (khu lè Uôn) và các hạng mục phụ trợ, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Đồn lớp khu En và khu Uôn chọn địa điểm khu Uôn là điểm trường khu lè mới cách khu chính 7km; Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ xuống cấp	Bản Uôn, xã Phú Lệ	Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học; Bếp ăn và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà lớp học 1 tầng 3 phòng, công tường rào, sân trường và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phú Sơn (khu lè Tai Giác), xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Nhà lớp học 3 phòng xuống cấp: Tường bong tróc, nền sứt lún nứt, cửa và hệ thống điện hư hỏng, trần nhà thấm dột; Tường rào tạm bằng tre luồng, sân bê tông hư hỏng sinh lún, bong tróc.	Bản Tai Giác, xã Phú Lệ	Xây mới nhà lớp học 1 tầng 3 phòng, công tường rào, sân	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND1
1.4	Xây mới nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Phú Lệ (khu lè Đuồm Hang), xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Nhà công vụ xây dựng năm 2014 do nhân dân XÃ Phú Lệ cũ đóng góp xây dựng, hiện xuống cấp sứt móng, tường nứt mái proximãng thấm dột không còn sử dụng được; Sân, công tường rào, nhà vệ sinh do du học sinh Singapore hỗ trợ xây dựng hiện nay xuống cấp, hư hỏng mất mỹ quan, nhà vệ sinh không còn sử dụng được	Bản Đuồm , xã Phú Lệ	Xây mới 4 phòng công vụ cho giáo viên, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND1
1.5	Kè chống sạt lở khu dân cư Bản Phú Sơn, xã Phú Lệ	UBND xã Phú Lệ	Trên địa bàn bản có 2 vị trí nguy cơ sạt lở ảnh hưởng đến hơn 30 hộ dân và đường nội thôn phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất của hơn 80 hộ dân bản Phú Sơn	Bản Phú Sơn, xã Phú Lệ	Tường chắn bê tông: Vị trí 1 dài 50m, cao 10m; Vị trí 2: dài 60m, cao 10m	2026 - 2030	5.555	5.555			5.555	HPH-ND6
24	Xã Thiên Phú						20.915	20.915			20.915	
1.1	Trường THCS Nam Động, xã Thiên Phú. Hạng mục: Xây dựng nhà Đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiên Phú	Trường THCS Nam Động hiện chưa có nhà đa năng, gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, văn hóa, văn nghệ, thể thao và các hoạt động tập thể cho học sinh. Việc đầu tư xây dựng nhà đa năng là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục và tạo môi trường học tập, rèn luyện an toàn, hiệu quả cho học sinh.	Bản Nam Động, xã Thiên Phú	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.500	6.500			6.500	HPH-ND1
1.2	Xây mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ bản Mường Kháng, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Sau khi sát nhập thôn, thôn Mường Kháng có 143, hiện tại nhà văn hóa thôn có diện tích bé , và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Bản Mường Kháng, xã Thiên Phú	150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.915	3.915			3.915	HPH-ND4
1.3	Xây mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ bản Na Chiềng, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Sau khi sát nhập thôn, thôn Na Chiềng có 241, hiện tại nhà văn hóa thôn có diện tích bé , và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Bản Na Chiềng, xã Thiên Phú	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ bản Nam Động, xã Thiên Phú	UBND xã Thiên Phú	Sau khi sát nhập thôn, thôn Nam Động có 341, hiện tại nhà văn hóa thôn có diện tích bé , và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Bản Nam Động, xã Thiên Phú	350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
25	Xã Quý Lương						24.500	24.500			24.500	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường Mầm non Lương Ngoại (khu chính), xã Quý Lương; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 1 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Quý Lương	Một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột do xây dựng lâu năm, hệ thống điện , thiết bị trong nhà hư hỏng	Thôn Lương Ngoại	Nhà lớp học 02 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.500	6.500			6.500	HPH-ND1
1.2	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Lương Thắng, xã Quý Lương.	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt cho người dân sau khi sáp nhập thôn (434 hộ)	Thôn Lương Thắng	Nhà văn hóa 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND4
1.3	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Lương Sơn, xã Quý Lương.	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt cho người dân sau khi sáp nhập thôn (398 hộ)	Thôn Lương Sơn	Nhà văn hóa 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Quý Sơn, xã Quý Lương.	UBND xã Quý Lương	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt cho người dân sau khi sáp nhập thôn (413 hộ)	Thôn Quý Sơn	Nhà văn hóa 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND4
26	Xã Thiết Ống						23.105	23.105			23.105	
1.1	Trường THCS Thiết Ống, xã Thiết Ống. Hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiết Ống	Trường THCS Thiết Ống hiện có 624 học sinh và 26 cán bộ, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có nhà hiệu bộ, một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp. Việc đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Thiết Ống	Nhà hiện bộ 02 tầng 6 phòng (Diện tích xây dựng khoảng 250 m2) và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	8.500	8.500			8.500	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thiết Ống, xã Thiết Ống: Xây dựng nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Thiết Ống	Trường Tiểu học Thiết Ống hiện có 733 học sinh; nhà hiệu bộ được xây dựng từ năm 1994 đã xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu sử dụng, cùng với một số hạng mục phụ trợ đã hư hỏng. Việc đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện quản lý, dạy học và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Thiết Ống	Nhà hiện bộ 02 tầng 6 phòng (Diện tích xây dựng khoảng 250 m2) và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	8.300	8.300			8.300	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hoá thôn Chiềng Ông, xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại thôn Chiềng Ông đã xuống cấp, diện tích và điều kiện sử dụng chưa đáp ứng nhu cầu của Nhân dân (381 hộ). Vì vậy, cần đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở và nâng cao đời sống Nhân dân.	Thôn Chiềng Ông, Xã Thiết Ống	Khoảng 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.800	4.800			4.800	HPH-ND4
1.4	Xây dựng nhà công vụ giáo viên trường THCS Thiết Kế xã Thiết Ống	UBND xã Thiết Ống	Trường THCS hiện có 225 học sinh, 16 giáo viên, trong đó có 09 giáo viên ở xa đang lưu trú tại trường, nhưng chưa có nhà công vụ nên điều kiện sinh hoạt còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến công tác giảng dạy. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng nhà công vụ giáo viên 01 tầng, 06 phòng và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu chỗ ở, giúp giáo viên yên tâm công tác, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Thiết Ống	Xây dựng nhà công vụ giáo viên 1 tầng 06 phòng; các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	1.505	1.505			1.505	HPH-ND1
27	Xã Văn Nho			Xã Văn Nho			22.091	22.091			22.091	
1.1	Trường THCS Văn Nho, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Cơ sở vật chất trường học hiện đang thiếu phòng học/phòng chức năng, các hạng mục đã cũ kỹ không đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học. Việc đầu tư nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng trường chuẩn quốc gia và đáp ứng tiêu chí Giáo dục trong Chương trình MTQG.	Xã Văn Nho	Xây mới Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học; phòng chức năng và nâng cấp công trình phụ trợ	2026 - 2030	6.075	6.075			6.075	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Cơ sở vật chất trường học hiện đang thiếu phòng học/phòng chức năng, các hạng mục đã cũ kỹ không đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học. Việc đầu tư nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng trường chuẩn quốc gia	Xã Văn Nho	Xây mới Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học; phòng chức năng và nâng cấp công trình phụ trợ	2026 - 2030	4.333	4.333			4.333	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Trường THCS Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Nâng cấp, cải tạo nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Cơ sở vật chất trường học hiện đang thiếu phòng học/phòng chức năng, các hạng mục đã cũ kỹ không đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học. Việc đầu tư nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng trường chuẩn quốc gia	Xã Văn Nho	Nâng cấp, cải tạo nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.057	2.057			2.057	HPH-ND1
1.4	Trường Mầm non Kỳ Tân, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Việc đầu tư nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng trường chuẩn quốc gia và đáp ứng tiêu chí Giáo dục trong Chương trình MTQG.	Xã Văn Nho	Xây bếp ăn và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.063	2.063			2.063	HPH-ND1
1.5	Trường mầm non Văn Nho, xã Văn Nho. Hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Văn Nho	Việc đầu tư nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng trường chuẩn quốc gia và đáp ứng tiêu chí Giáo dục trong Chương trình MTQG.	Xã Văn Nho	Xây bếp ăn và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.063	2.063			2.063	HPH-ND1
1.6	Xây mới nhà văn hóa thôn Văn Sơn, xã Văn Nho	UBND xã Văn Nho	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Văn Sơn có 368 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Văn Sơn, xã Văn Nho	Nhà văn hóa 400 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
28	Xã Pù Luông						22.835	22.835			22.835	
1.1	Xây dựng Nhà trưng bày, hệ thống điện chiếu sáng, biểu tượng làng nghề truyền thống Dệt thổ cẩm khu vực Lặn Ngoài, thôn Lũng Niêm	UBND xã Pù Luông	Khu vực Lặn Ngoài, thôn Lũng Niêm có nghề dệt thổ cẩm truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc Thái, có tiềm năng gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, hiện chưa có không gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm và hệ thống hạ tầng phục vụ quảng bá, khai thác giá trị nghề truyền thống. Việc đầu tư Nhà trưng bày, hệ thống điện chiếu sáng và biểu tượng làng nghề là cần thiết nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, quảng bá sản phẩm địa phương, tạo điểm nhấn du lịch và góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.	Thôn Lũng Niêm, xã Pù Luông	Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm diện tích sàn khoảng 250 m²; đầu tư hệ thống điện chiếu sáng, biểu tượng làng nghề, sân, đường nội bộ, bãi đỗ xe, cây xanh, cảnh quan và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác	2026 - 2030	6.335	6.335			6.335	HPH-ND4
1.2	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Thành Lâm, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Thành Lâm có 421 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Thành Lâm, xã Pù Luông	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Phố Đồn, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Phố Đồn có 375 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Phố Đồn, xã Pù Luông	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Lũng Niêm, xã Pù Luông	UBND xã Pù Luông	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Lũng Niêm có 482 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Lũng Niêm, xã Pù Luông	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
29	Xã Cổ Lũng						23.065	23.065			23.065	
1.1	Xây mới Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Sơn Bá Mười, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Sơn Bá Mười có 190 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Sơn Bá Mười, xã Cổ Lũng	Nhà văn hóa 150 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.200	4.200			4.200	HPH-ND4
1.2	Xây mới Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Lũng Cao, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Lũng Cao có 413 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Lũng Cao, xã Cổ Lũng	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND4
1.3	Xây mới Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Bó Nứa, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn Bó Nứa có 298 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện hữu có diện tích nhỏ, sức chứa hạn chế và cơ sở vật chất chưa đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao và tổ chức các hoạt động cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Bó Nứa, xã Cổ Lũng	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Mường Khoòng, xã Cổ Lũng	UBND xã Cổ Lũng	Đã có nhà văn hoá là nhà sàn, tuy nhiên đã xuống cấp, cần xây mới để đảm bảo đủ diện tích cho không gian sinh hoạt, hội họp của bà con nhân dân sau khi sát nhập thôn	Thôn Mường Khoòng, xã Cổ Lũng	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.5	Trường THCS Cổ Lũng, xã Cổ Lũng; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cổ Lũng	Trường THCS hạng mục nhà lớp học đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. Việc đầu tư sửa chữa là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Cổ Lũng	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.865	2.865			2.865	HPH-ND1
30	Xã Bá Thước						25.000	25.000			25.000	
1.1	Trường Tiểu học Ban Công (Khu chính), xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bá Thước	Trường Tiểu học Ban Công còn thiếu phòng học, phòng học bộ môn và một số hạng mục đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc đầu tư xây dựng nhà lớp học kết hợp phòng học bộ môn là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Chiềng Lau, xã Bá Thước	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	10.000	10.000			10.000	HPH-ND1
1.2	Trường Mầm non Cành Nàng, xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và khối phòng hỗ trợ học tập	UBND xã Bá Thước	Trường Mầm non Cành Nàng còn thiếu phòng học, phòng chức năng, một số hạng mục đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Việc đầu tư xây dựng là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và hướng tới đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Long Vân, xã Bá Thước	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học và khối phòng hỗ trợ học tập	2026 - 2030	5.200	5.200			5.200	HPH-ND1
1.3	Trường Mầm non Ban Công (Khu Cã), xã Bá Thước: Xây mới nhà lớp học, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bá Thước	Điểm trường Mầm non Ban Công (khu Cã) hiện đang sử dụng Nhà văn hóa thôn làm nơi chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; cơ sở vật chất thiếu thốn, xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu dạy học. Việc đầu tư xây dựng nhà lớp học, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm bảo đảm điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ, hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.	Thôn Cã, xã Bá Thước	Nhà lớp học 01 tầng 03 phòng, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.200	5.200			5.200	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Trường Mầm non Tân Lập, xã Bá Thước. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Bá Thước	Hiện tại, Cơ sở vật chất trường Mầm non Tân Lập đã xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Việc đầu tư xây dựng nhằm từng bước bảo đảm đủ phòng học, nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất trường học, phục vụ mục tiêu công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026–2030.	Thôn Tân Lập, xã Bá Thước	Nhà 2 tầng 4 phòng học	2026 - 2030	4.600	4.600			4.600	HPH-ND1
31	Xã Diên Quang						16.835	16.835			16.835	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Diên Hạ, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Trường Tiểu học Diên Hạ còn thiếu phòng học, phòng học bộ môn và một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông. Việc đầu tư xây dựng nhà 2 tầng 06 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục, giảm tình trạng thiếu phòng học và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Diên Quang	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, 06 phòng và các hạng mục phụ trợ phụ trợ	2026 - 2030	7.000	7.000			7.000	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Bùi Xuân Chúc, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Trường THCS Bùi Xuân Chúc hiện còn thiếu nhà hiệu bộ, một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy và tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Việc đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng quản lý, dạy học và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Diên Quang	Xây mới nhà chức năng 2 tầng, 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.335	5.335			5.335	HPH-ND1
1.3	Nhà văn hóa thôn Tiên Quang, xã Diên Quang	UBND xã Diên Quang	Sau sáp nhập, nhà văn hóa hiện có không còn đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân (421 hộ)	Bản Tiên Quang, xã Diên Quang	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
32	Xã Diên Lư						18.000	18.000			18.000	
1.1	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trung học cơ sở Diên Trung, xã Diên Lư	UBND xã Diên Lư	Trường THCS Diên Trung có 2 dãy phòng học 2 tầng 6 phòng học và các hạng mục phụ trợ đã được xây dựng từ năm 2000 và năm 2008, đến nay đã xuống cấp, hư hỏng, thấm dột không đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập của nhà trường. Vì vậy, việc đầu tư xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ là cần thiết	Thôn Giát, xã Diên Lư	Xây mới 3 tầng 09 phòng học và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	9.000	9.000			9.000	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Nhà lớp học trường Trung học cơ sở Ái Thượng, xã Diên Lư	UBND xã Diên Lư	Trường THCS Ái Thương hiện có 10 lớp với 357 học sinh, hiện các dãy nhà lớp học đã xuống cấp, hư hỏng, phòng học chật hẹp, không còn đáp ứng yêu cầu dạy và học. Việc đầu tư xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện giảng dạy, học tập, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Thung Tâm, xã Diên Lư	Xây mới 3 tầng 09 phòng học và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	9.000	9.000			9.000	HPH-ND1
32	Xã Giao An						20.000	20.000			20.000	
1.1	Trường Tiểu học Giao Thiện (khu Khụ), xã Giao An. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và hạng mục phụ trợ	UBND xã Giao An	Điểm trường TH Giao Thiện Khu Khụ phục vụ cho việc học của các em học sinh hai thôn Khụ 1 và Khụ 2 hiện nay đang thiếu lớp học và phòng học bộ môn và các hạng mục phụ khác	Thôn Khụ 2, xã Giao An	Dự kiến xây mới nhà lớp học 1 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND1
1.2	Trường TH và THCS Giao An, xã Giao An. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học chức năng	UBND xã Giao An	Trường Tiểu học và THCS Giao An được xây dựng từ năm 2003, đến nay cơ sở vật chất đã xuống cấp, chưa có nhà hiệu bộ và các phòng học chức năng theo quy định, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng học chức năng là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Giao An	Xây dựng mới khu nhà 2 tầng 9 phòng	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND1
1.3	Xây mới nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ và kè chống sạt lở trường Trung học cơ sở Giao Thiện	UBND xã Giao An	Hiện trạng nhà trường nằm trên sườn đồi có taluy cao và nguy cơ sạt vào trường lớp gây mất an toàn cho giáo viên và học sinh; GV và học sinh thiếu nhà tập đa năng	Thôn Poọng, xã Giao An	Kè 0,3 km; nhà đa năng diện tích khoảng 500m2 và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	9.000	9.000			9.000	HPH-ND1
33	Xã Đồng Lương						16.204	16.204			16.204	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú	
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã			Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác
1.1	Trường Mầm non Đồng Lương (Khu Thung), xã Đồng Lương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Đồng Lương	Trường Mầm non Đồng Lương khu Thung còn thiếu phòng học, một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non. Việc đầu tư xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Thung, xã Đồng Lương	Nhà 1 tầng 4 phòng; khuôn viên hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Đồng Lương (khu Thung), xã Đồng Lương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, phòng nghỉ giáo viên và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Đồng Lương	Trường Tiểu học Đồng Lương khu Thung còn thiếu phòng học, phòng học bộ môn, phòng nghỉ giáo viên và một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	Thôn Thung, xã Đồng Lương	Nhà 1 tầng 05 phòng; khuôn viên hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND1
1.3	Xây mới Nhà văn hóa-Khu thể thao và các hạng mục phụ trợ thôn Tân Thủy, xã Đồng Lương	UBND xã Đồng Lương	Sau khi sáp nhập 03 thôn (Tân Lập, Tân Bình và Tân Thủy), thôn Tân Lập có 550 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Tân Thủy, xã Đồng Lương	350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.602	4.602			4.602	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà văn hóa-Khu thể thao và hạng mục phụ trợ thôn Tân Tiến, xã Đồng Lương	UBND xã Đồng Lương	Sau khi sáp nhập 03 thôn (Tân Phong, Tân Tiến và Tân Thành), thôn Tân Phúc có 446 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Tân Tiến, xã Đồng Lương	350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.602	4.602			4.602	HPH-ND4
34	Xã Văn Phú						25.000	25.000			25.000	
1.1	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Chiềng Ngây, xã Văn Phú	UBND xã Văn Phú	Sau khi sáp nhập 03 thôn (Tiến, Buốc, Ngây), bản Tam Văn có 420 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Phá, xã Văn Phú	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.2	Xây mới nhà Văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Lâm Phú, xã Văn Phú	UBND xã Văn Phú	Sau khi sáp nhập 02 thôn (Cháo Phi, Tiến), bản Lâm Phú có 276 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Lâm Phú, xã Văn Phú	150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới Nhà Văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Nà Đang, xã Văn Phú	UBND xã Văn Phú	Hiện trạng nhà văn hóa đã có tường rào, sân, nhà vệ sinh, bếp ăn. Tuy nhiên Khu nhà văn hóa đã xuống cấp, cần xây mới đảm bảo điều kiện hoạt động	Thôn Nà Đang, xã Văn Phú	100 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Chiềng Đôn, xã Văn Phú	UBND xã Văn Phú	Sau khi sáp nhập 02 thôn (Poong, Đôn), bản Chiềng Đôn có 298 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Chiềng Đôn, xã Văn Phú	150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND4
1.5	Xây mới Nhà Văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Tam Văn, xã Văn Phú	UBND xã Văn Phú	Sau khi sáp nhập 03 thôn (Lọng, Cắm, Lót), bản Tam Văn có 383 hộ dân, trong khi nhà văn hóa hiện sử dụng lại từ khu văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.	Thôn Tam Văn, xã Văn Phú	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.6	Kè suối bản Tam Văn bảo vệ trường THCS Tam Văn	UBND xã Văn Phú	Do ảnh hưởng của mưa lũ năm 2025, một đoạn bờ suối bị sạt lở đất dài khoảng 70m, cao 5-7m phía sau nhà hiệu bộ trường THCS Tam Văn bị sạt lở ảnh hưởng rất nhiều đến công tác dạy và học của nhà trường và rủi ro rất lớn; Do vậy, việc đầu tư Kè chống sạt lở Trường THCS Trung Tiến là rất cần thiết.	Xã Văn Phú	Xây dựng tuyến kè dài khoảng 120m; Chiều cao tuyến 7,0m; Kè BTCT kết hợp với xây đá hộc	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND6
35	Xã Linh Sơn						28.415	28.415			28.415	
1.1	Xây dựng mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ Bản Trí Nang, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột do xây dựng lâu năm bị hư hỏng, xuống cấp	Thôn Trí Nang, xã Linh Sơn	300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.700	5.700			5.700	HPH-ND4
1.2	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ Thôn Quang Hiến, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột do xây dựng lâu năm bị hư hỏng, xuống cấp	Thôn Quang Hiến, xã Linh Sơn	300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.700	5.700			5.700	HPH-ND4
1.3	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Văn Hiến, xã Linh Sơn, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Linh Sơn	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Văn Hiến, xã Linh Sơn	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.700	5.700			5.700	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Quyết Thắng, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Quyết Thắng	300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.700	5.700			5.700	HPH-ND4
1.5	Xây mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ Thôn Lê Lợi, xã Linh Sơn	UBND xã Linh Sơn	Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô có 150 chỗ ngồi, diện tích hơn 200 m2, không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Lê Lợi, xã Linh Sơn	300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.615	5.615			5.615	HPH-ND4
36	Xã Yên Thắng						25.634	25.634			25.634	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường THCS Yên Thắng, xã Yên Thắng. Hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thắng	Trường THCS Yên Thắng còn thiếu nhà hiệu bộ, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Yên Thắng	Nhà Hiệu bộ 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND1
1.2	Trường TH Yên Thắng (khu Vần), xã Yên Thắng. Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thắng	Chưa có nhà đa năng, một số hạng mục hạng mục đã đầu tư từ lâu, xuống cấp	Xã Yên Thắng	Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND1
1.3	Xây mới nhà văn hoá - Khu thể thao và hạng mục phụ trợ thôn Ngam, xã Yên Thắng	UBND xã Yên Thắng	Sau khi sáp nhập thôn Ngam có 446 hộ. Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Ngam, xã Yên Thắng	Nhà văn hóa 350 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hoá - Khu thể thao và hạng mục phụ trợ thôn Tráng, xã Yên Thắng	UBND xã Yên Thắng	Sau khi sáp nhập thôn Tráng có 181 hộ. Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Tráng, xã Yên Thắng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.5	Xây mới nhà văn hoá - Khu thể thao và hạng mục phụ trợ thôn Vần, xã Yên Thắng	UBND xã Yên Thắng	Sau khi sáp nhập thôn Vần có 229 hộ. Hiện trạng nhà Văn hóa cũ đã xuống cấp, quy mô không đủ điều kiện sinh hoạt	Thôn Vần, xã Yên Thắng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.634	4.634			4.634	HPH-ND4
37	Xã Yên Khương						24.564	24.564			24.564	
1.1	Trường mầm non bán Mè Giàng, xã Yên Khương. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Khương	Trường Mầm non Bán Mè Giàng được xây dựng và đưa vào sử dụng từ nhiều năm, hiện một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột, hư hỏng; một số công trình phụ trợ chưa được đầu tư xây dựng, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	Bán Mè Giàng, xã Yên Khương	Xây mới nhà lớp học 3 phòng học, Cải tạo, sửa chữa 5 phòng học và các công trình phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND1
1.2	Nâng cấp sửa chữa Trường Mầm non bán Xăng Hăng, xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Trường Mầm non Bán Xăng Hăng được xây dựng và đưa vào sử dụng từ nhiều năm, hiện một số hạng mục đã xuống cấp, bị thấm dột, hư hỏng; một số công trình phụ trợ chưa được đầu tư xây dựng, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	Bán Xăng Hăng, xã Yên Khương	Cải tạo, sửa chữa 3 phòng học ; Xây mới nhà lớp học 3 phòng học, khu hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Xăng Hăng, xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Hiện nay, cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng của bản Xăng Hăng, xã Yên Khương đã xuống cấp, diện tích và điều kiện sử dụng chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động của Nhân dân, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và việc triển khai các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.	Bản Xăng Hăng, xã Yên Khương	250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Tứ Chiềng, xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Hiện nay, sau khi sáp nhập các bản cũ gồm Tứ Chiềng và Chiềng Nưa thành bản mới đặt tên là bản Tứ Chiềng với tổng diện tích 2.282ha và 345hộ, vị trí Nhà văn hóa được đặt tại bản Tứ Chiềng cũ. Tuy nhiên đối với cơ sở vật chất hiện có tại Nhà văn hóa cũ đã xuống cấp, diện tích sử dụng chỉ đáp ứng nhu cầu phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Vì vậy việc đầu tư nhà văn hoá mới là cần thiết	Bản Tứ Chiềng, xã Yên Khương	Khoảng 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
1.5	Kè bảo vệ khu dân cư bản Tứ Chiềng (Chiềng Nưa cũ), xã Yên Khương	UBND xã Yên Khương	Khu dân cư Bản Tứ Chiềng (bản Chiềng Nưa cũ), xã Yên Khương chịu tác động trực tiếp của dòng chảy trong mùa mưa lũ của năm 2025 dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, lượng mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn làm lưu lượng dòng chảy tăng đột biến, gây sới lở bờ suối ngày càng nghiêm trọng. Hiện tượng sạt lở đã làm thu hẹp quỹ đất, uy hiếp trực tiếp đến nhà văn hóa, nhà ở của các hộ dân, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đất sản xuất nông nghiệp và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người và tài sản.	Bản Tứ Chiềng, xã Yên Khương	Xây kè bảo vệ khu dân cư chiều dài 400m	2026 - 2030	3.064	3.064			3.064	HPH-ND6
39	Xã Ngọc Trạo						13.500	11.803	1.697		11.803	
1.1	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Eo Bàn và công trình phụ trợ, xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Sau sáp nhập, thôn Eo Bàn có 569 hộ. Hai nhà văn hóa của các thôn cũ có quy mô nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng; một số hạng mục đã xuống cấp, thấm dột và hư hỏng. Do đó, việc đầu tư xây mới Nhà văn hóa thôn Eo Bàn là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa của Nhân dân.	Thôn Eo Bàn, xã Ngọc Trạo	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	3.935	565		3.935	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Xây dựng mới nhà văn hoá Thôn Đồng Ngự và công trình phụ trợ, xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Sau sáp nhập, thôn Đồng Ngự có 352 hộ. Hai nhà văn hóa của các thôn cũ có quy mô nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng; một số hạng mục đã xuống cấp, thấm dột và hư hỏng. Do đó, việc đầu tư xây mới Nhà văn hóa thôn Đồng Ngự là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn hóa của Nhân dân.	Thôn Đồng Ngự, xã Ngọc Trạo	Khoảng 300 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	3.933	567		3.933	HPH-ND4
1.3	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Dũ Tiên và công trình phụ trợ, xã Ngọc Trạo	UBND xã Ngọc Trạo	Sau sáp nhập, thôn Dũ có 501 hộ, người. Ba nhà văn hóa của các thôn cũ có quy mô nhỏ, không đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân. Do đó, việc đầu tư xây mới Nhà văn hóa thôn Dũ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, cộng đồng sau sáp nhập.	Thôn Dũ Tiên, xã Ngọc Trạo	Khoảng 300 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	3.935	565		3.935	HPH-ND4
40	Xã Vân Du						8.816	7.803	1.013		7.803	
1.1	Xây dựng nhà lớp học bộ môn Trường THCS Vân Du, xã Vân Du	UBND xã Vân Du	Trường THCS Vân Du được xây dựng từ lâu sau nhiều năm sử dụng công trình đã xuống cấp nghiêm trọng, không thể cải tạo sửa chữa, đồng thời theo tiêu chuẩn ngành giáo dục thì còn thiếu các phòng phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn của nhà trường. Do đó, việc đầu tư xây mới nhà lớp học là rất cần thiết.	Xã Vân Du	Xây mới nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng	2026 - 2030	8.816	7.803	1.013		7.803	HPH-ND1
41	Xã Kim Tân						12.414	8.102	4.312		8.102	
1.1	Nâng cấp, cải tạo trường mầm non Thành Hưng, xã Kim Tân	UBND xã Kìn Tân	Trường Mầm non Thành Hưng sau nhiều năm đưa vào sử dụng một số hạng mục hạng mục đã xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và tiêu chuẩn quy định và tiêu chuẩn ngành. Hiện trạng nhà trường còn thiếu phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phục vụ hoạt động chuyên môn. Một số hạng mục đã xuống cấp hoặc được xây dựng từ lâu, diện tích chật hẹp, không đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt ngày càng tăng của trẻ.	Xã Kim Tân	Xây mới 05 phòng học kết hợp phòng lãnh đạo quản lý, phòng thư viện; nhà bếp ăn kết hợp kho bếp và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	12.414	8.102	4.312		8.102	HPH-ND1
42	Xã Thạch Bình						4.065	4.065			4.065	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường THCS Thạch Đồng, xã Thạch Bình. Hạng mục: xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	UBND xã Thạch Bình	Đảm bảo cơ sở vật chất cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh trong trường, nâng cao chất lượng dạy và học, tiến tới đưa giáo dục của Xã Thạch Bình theo hướng hiện đại	Xã Thạch Bình	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 4 phòng	2026 - 2030	4.065	4.065			4.065	HPH-ND1
43	Xã Thành Vinh						19.494	19.494			19.494	
1.1	Sửa chữa, cải tạo Trường Mầm non Thành Yên, xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	Trường Mầm non Thành Yên hiện còn thiếu 06 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy học. Các phòng học hiện có được xây dựng từ năm 2006, đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho giáo viên và học sinh, không đáp ứng yêu cầu dạy và học; Việc cải tạo trụ sở Thành Yên (cũ) thành trường mầm non để tránh lãng phí và an toàn cho học sinh và giáo viên của nhà trường	Xã Thành Vinh	Cải tạo trụ sở UBND xã Thành Yên cũ thành khối phòng hành chính quản trị/khối phụ trợ 2 tầng, 8 phòng; Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ khác.	2026 - 2030	10.450	10.450			10.450	HPH-ND1
1.2	Sửa chữa, cải tạo Trường Tiểu học Thành Mỹ, xã Thành Vinh	UBND xã Thành Vinh	Trường Tiểu học Thành Mỹ hiện hiện có 01 dãy nhà lớp học 1 tầng 5 phòng được xây dựng từ năm 2008 và 01 dãy nhà hiệu bộ xây dựng từ năm 2010; các hạng mục đã sử dụng nhiều năm, hiện xuống cấp nghiêm trọng, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho giáo viên và học sinh, không đáp ứng yêu cầu dạy và học; còn thiếu 07 phòng học, khu nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy học.	Xã Thành Vinh	Xây mới khối phòng 2T - 12P; sửa chữa, cải tạo nhà hiệu bộ 2T - 6P và các hạng mục phụ trợ khác.	2026 - 2030	9.044	9.044			9.044	HPH-ND1
44	Xã Thạch Quảng						11.354	11.354			11.354	
1.1	Kè chống sạt lở trường Tiểu học Thạch Lâm 2 và Trường Mầm non khu lẻ Thạch Lâm, xã Thạch Quảng	UBND xã Thạch Quảng	Khu vực Trường Tiểu học Thạch Lâm 2, Trường Mầm non khu lẻ Thạch Lâm có nguy cơ sạt lở, xói mòn, ảnh hưởng trực tiếp đến nền móng và an toàn các hạng mục trường học. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng kè chống sạt lở là cần thiết nhằm ổn định bờ, bảo vệ hạng mục, bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh và duy trì hoạt động dạy, học của nhà trường.	Xã Thạch Quảng	Chiều dài 300m = 150m x 2; kè đá học, chân móng BTCT + khung giằng chống xé tường BTCT	2026 - 2030	4.354	4.354			4.354	HPH-ND6

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Kè chống sạt lở trường THCS Thạch Lâm, xã Thạch Quảng	UBND xã Thạch Quảng	Khu vực Trường THCS Thạch Lâm có nguy cơ sạt lở, xói mòn, ảnh hưởng trực tiếp đến nền hạng mục nhà lớp học, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn và ảnh hưởng đến hoạt động dạy, học. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng kè chống sạt lở là cần thiết nhằm bảo vệ hạng mục, bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên và duy trì hoạt động của nhà trường.	Xã Thạch Quảng	Chiều dài khoảng 100m phía bờ suối; kè đá học, chân móng trụ giằng chống xé tường BTCT	2026 - 2030	7.000	7.000			7.000	HPH-II-ND6
45	Xã Cẩm Tú						13.700	13.000	700		13.000	
1.1	Trường Tiểu học Cẩm Quý, xã Cẩm Tú. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tú	Trường còn thiếu phòng học, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng nhà lớp học 2 tầng 06 phòng và các hạng mục phụ trợ nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.	Thôn Quý Thanh, xã Cẩm Tú	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.850	6.500	350		6.500	HPH-II-ND1
1.2	Trường Tiểu học Cẩm Giang, xã Cẩm Tú. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ	UBND xã Cẩm Tú	Trường còn thiếu phòng học, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng nhà lớp học 2 tầng 06 phòng và các hạng mục phụ trợ nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.	Thôn Giang Hồng 1, xã Cẩm Tú	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.850	6.500	350		6.500	HPH-II-ND1
46	Xã Cẩm Thủy						7.072	6.572	500		6.572	
1.1	Trường THCS Cẩm Sơn, xã Cẩm Thủy; Hạng mục: Xây mới các phòng quản lý hành chính, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Thủy	Khi dự án được quan tâm đầu tư xây dựng sẽ cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học cho giáo viên, học sinh của nhà trường	Xã Cẩm Thủy	Xây mới dãy nhà 2 tầng bao gồm: các phòng quản lý hành chính, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	3.500	500		3.500	HPH-II-ND1
1.2	Xây mới nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Ngọc Sơn, xã Cẩm Thủy	UBND xã Cẩm Thủy	Nhà văn hoá thôn Ngọc Sơn được xây dựng từ năm 2003,đã xuống cấp không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng của bà con nhân dân trong thôn.	Thôn Ngọc Sơn, xã Cẩm Thủy	Nhà văn hóa 150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.072	3.072			3.072	HPH-II-ND4
47	Xã Cẩm Tân						12.803	12.803			12.803	
1.1	Trường tiểu học Cẩm Tân; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tân	Nhà lớp học đã xuống cấp, các phòng học chức năng còn thiếu chưa đảm bảo cho việc dạy học. Đầu tư xây dựng cần thiết để phục vụ học tập cho học sinh.	Xã Cẩm Tân	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	9.500	9.500			9.500	HPH-II-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Trường THCS Cẩm Tân; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Tân	Nhà lớp học đã xuống cấp, các phòng học còn thiếu chưa đảm bảo cho việc dạy học. Đầu tư xây dựng cần thiết để phục vụ học tập cho học sinh.	Xã Cẩm Tân	Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.303	3.303			3.303	HPH-ND1
48	Xã Cẩm Thạch						13.373	13.373			13.373	
1.1	Trường TH&THCS Cẩm Liên, xã Cẩm Thạch. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và cải tạo khuôn viên	UBND xã Cẩm Thạch	Trường TH&THCS Cẩm Liên hiện có 22 lớp học với gần 670 học sinh nhưng cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hiện nhà trường mới có khoảng 10 phòng học kiên cố; nhiều phòng học được xây dựng từ giai đoạn 2002–2004 đã xuống cấp, diện tích nhỏ, không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; hệ thống sân trường, tường rào, thoát nước và hạ tầng kỹ thuật thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và an toàn cho giáo viên, học sinh.	Xã Cẩm Thạch	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và cải tạo khuôn viên	2026 - 2030	13.373	13.373			13.373	HPH-ND1
49	Xã Cẩm Vân						13.500	13.203	297		13.203	
1.1	Trường TH&THCS Cẩm Yên, xã Cẩm Vân. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và các phòng chức năng; sân thể dục, thể thao và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Cẩm Vân	Số lượng học sinh tăng cơ sở vật chất xuống cấp trầm trọng, chưa có sân thể dục, thể thao, các hạng mục phụ trợ xuống cấp và chưa có	Xã Cẩm Vân	Nhà Lớp học và các phòng chức năng 3 tầng 12 phòng học, sân thể dục, thể thao và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	13.500	13.203	297		13.203	HPH-ND1
50	Xã Ngọc Lặc						14.201	13.203	998		13.203	
1.1	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Mỹ Tân, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Xã Ngọc Lặc là XÃ vùng dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực II. Để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục; hoàn thiện cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia; bảo đảm an toàn cho giáo viên và học sinh thì việc đầu tư hạng mục Sửa chữa, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Mỹ Tân là rất cần thiết, góp phần hoàn thành mục tiêu của các CTMT Quốc gia	Xã Ngọc Lặc	Xây dựng cổng trường, Lấp lại sân đường nội bộ và lát gạch sân trường, Xây hàng rào bao quanh nhà trường, Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp thoát nước, sửa chữa hệ thống thoát nước các phòng vệ sinh trong lớp học.	2026 - 2030	2.401	2.303	98		2.303	HPH-ND1
1.2	Xây mới nhà văn hóa thôn Cao Nguyên, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Cao Nguyên là thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của thôn sau sáp nhập; phục vụ hội họp, tuyên truyền, hoạt động văn hóa, thể thao; hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở theo tiêu chí nông thôn mới thì việc đầu tư hạng mục Xây mới nhà văn hóa thôn Cao Nguyên là rất cần thiết, góp phần hoàn thành mục tiêu của các CTMT Quốc gia	Thôn Cao Nguyên, xã Ngọc Lặc	Xây mới nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.700	4.300	400		4.300	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Hưng Sơn, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Hưng Sơn là thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của thôn sau sáp nhập; phục vụ hội họp, tuyên truyền, hoạt động văn hóa, thể thao; hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở theo tiêu chí nông thôn mới thì việc đầu tư hạng mục Xây mới nhà văn hóa thôn Hưng Sơn là rất cần thiết, góp phần hoàn thành mục tiêu của các CTMT Quốc gia	Thôn Hưng Sơn, xã Ngọc Lặc	Xây mới nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.700	4.300	400		4.300	HPH-ND4
1.4	Đầu tư xây dựng khu thể thao thôn Tân Thành, xã Ngọc Lặc	UBND xã Ngọc Lặc	Thôn Ngọc Lan là thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của thôn sau sáp nhập; phục vụ hội họp, tuyên truyền, hoạt động văn hóa, thể thao; hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở theo tiêu chí nông thôn mới thì việc đầu tư hạng mục Đầu tư xây dựng khu thể thao thôn Tân Thành, Xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa là rất cần thiết, góp phần hoàn thành mục tiêu của các CTMT Quốc gia	Thôn Tân Thành, xã Ngọc Lặc	San nền khu thể thao; Xây dựng sân bóng chuyền hơi kết hợp bóng chuyền đạt kích thước tiêu chuẩn; Xây dựng 01 sân cầu lông ngoài trời và hệ thống điện phục vụ khu thể thao.	2026 - 2030	2.400	2.300	100		2.300	HPH-ND4
51	Xã Ngọc Liên						14.004	14.004			14.004	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Trung Thành, xã Ngọc Liên	UBND xã Ngọc Liên	Sau khi sát nhập thôn, thôn Trung Thành có 707 hộ, nhà văn hóa hiện có diện tích bé, và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Trung Thành, xã Ngọc Liên	Khoảng 500 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.500	7.500			7.500	HPH-ND4
1.2	Dự án đầu tư xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Đoàn Kết, xã Ngọc Liên	UBND xã Ngọc Liên	Sau khi sát nhập thôn, thôn Đoàn Kết có 435 hộ, nhà văn hóa hiện có diện tích bé, và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Đoàn Kết, xã Ngọc Liên	Khoảng 350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.504	6.504			6.504	HPH-ND4
52	Xã Minh Sơn						18.504	18.504			18.504	
1.1	Trường Mầm non Cao Ngọc, xã Minh Sơn. Xây mới nhà lớp học và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	UBND xã Minh Sơn	01 dãy nhà 1 tầng 4 phòng học cũ được xây dựng từ lâu và đã xuống cấp trầm trọng làm mất tính mỹ quan và không an toàn cho hoạt động của nhà trường; mặt khác để đáp ứng đủ số phòng học theo quy mô số lượng học sinh và để đạt tiêu chí trường chuẩn Quốc gia	Thôn Vin Cơn, xã Minh Sơn	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và sửa chữa các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Minh Sơn 1, xã Minh Sơn. Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Minh Sơn	01 dãy nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, 01 dãy nhà lớp học 1 tầng 4 phòng và một số hạng mục phụ trợ khác được xây dựng từ lâu nay đã xuống cấp trầm trọng làm mất tính mỹ quan và không an toàn cho hoạt động của nhà trường	Thôn Minh Châu 1, xã Minh Sơn	Sửa chữa 01 dãy nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, 01 dãy nhà lớp học 1 tầng 4 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	3.504	3.504			3.504	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Minh Ngọc, xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	NVH đã xây dựng từ lâu (năm 2014) chỉ để phục vụ cho 75 hộ dân và đã bị xuống cấp không đủ mức quy mô làm nơi hoạt động, sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho 561 hộ dân (sau sáp nhập thôn);	Thôn Minh Ngọc, xã Minh Sơn	Khoảng 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Minh Thủy, xã Minh Sơn	UBND xã Minh Sơn	Nhà văn hóa thôn 6 cũ hiện tại được xây dựng từ lâu (năm 2015) chỉ để phục vụ cho 60 hộ dân (trước sáp nhập thôn) và đã bị xuống cấp không đủ mức quy mô làm nơi hoạt động, sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho 540 hộ dân	Thôn Minh Thủy, xã Minh Sơn	Khoảng 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
53	Xã Nguyệt Ấn						27.764	27.764			27.764	
1.1	Xây mới nhà lớp học Trường Tiểu học Nguyệt Ấn 1, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Hiện nay Nhà lớp học chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, việc tổ chức các hoạt động chung của nhà trường gặp nhiều khó khăn. Do đó, việc đầu tư xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo điều kiện công tác	Xã Nguyệt Ấn	Nhà lớp học 3 tầng, 9 phòng	2026 - 2030	8.800	8.800			8.800	HPH-ND1
1.2	Xây mới nhà lớp học Trường Tiểu học Vân Am, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Trường Tiểu học Vân Am còn thiếu nhà lớp học, một số hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông. Việc đầu tư xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Nguyệt Ấn	Nhà lớp học 3 tầng, 9 phòng	2026 - 2030	8.800	8.800			8.800	HPH-ND1
1.3	Xây mới nhà lớp học Trường Mầm non Vân Am, xã Nguyệt Ấn	UBND xã Nguyệt Ấn	Trường Mầm non Vân Am hiện còn thiếu nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ, trong khi số lượng học sinh có xu hướng tăng, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu dạy và học theo tiêu chuẩn; một số hạng mục được đầu tư lâu năm đã xuống cấp, thiếu đồng bộ. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất là cần thiết nhằm bảo đảm điều kiện tổ chức dạy và học theo Chương trình Giáo dục Mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Xã Nguyệt Ấn	Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng	2026 - 2030	6.564	6.564			6.564	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.4	Xây mới nhà văn hóa thôn Chung Thủy, xã Nguyệt Ân	UBND xã Nguyệt Ân	Sau khi sát nhập thôn, thôn Chung Thủy có 379 hộ dân, hiện tại nhà văn hóa thôn đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Chung Thủy, xã Nguyệt Ân	Khoảng 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.600	3.600			3.600	HPH-ND4
54	Xã Kiên Thọ						4.803	4.803			4.803	
1.1	Trường Mầm non Kiên Thọ, xã Kiên Thọ (khu chính). Hạng mục: Xây mới bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Kiên Thọ	Bếp ăn khu chính Trường Mầm non Kiên Thọ được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu về chế biến thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ. Một số hạng mục phụ trợ cũng bị hư hỏng, cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, trong khi số lượng học sinh ngày càng tăng, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Kiên Thọ	Xây dựng nhà bếp ăn 01 tầng; hệ thống thoát nước, cải tạo sân nền, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	2.500	2.500			2.500	HPH-ND1
1.2	Trường Mầm non Kiên Thọ, xã Kiên Thọ (Khu lẻ Thọ Phú). Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học 02 tầng, xây mới bếp ăn và hạng mục phụ trợ	UBND xã Kiên Thọ	Nhà lớp học và bếp ăn khu lẻ Trường Mầm non Kiên Thọ được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp với tình trạng thấm dột, hư hỏng nền, hệ thống điện, thoát nước và khu vệ sinh; bếp ăn không còn đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc trẻ. Cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, trong khi số lượng học sinh tăng, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Kiên Thọ	Sửa chữa nhà lớp học 02 tầng; xây mới nhà bếp ăn 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	2.303	2.303			2.303	HPH-ND1
55	Xã Thạch Lập						14.443	14.443			14.443	
1.1	Trường Tiểu học Thạch lập 1, xã Thạch Lập. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Thạch Lập	Trường tiểu học Thạch Lập có 311 HS/ 11 lớp học, hiện tại chỉ đủ cho phòng học văn hóa, thiếu toàn bộ phòng học bộ môn và phòng chức năng. Vì vậy việc đầu tư xây mới nhà lớp học là sự cần thiết	Xã Thạch Lập	Xây dựng mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	2026 - 2030	5.443	5.443			5.443	HPH-ND1
1.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đô Sơn và các hạng mục phụ trợ, xã Thạch Lập	UBND xã Thạch Lập	Sau khi sát nhập thôn, thôn Đô quán có 149 hộ dân và 709 nhân khẩu, hiện tại nhà văn hóa thôn Đô Sơn có diện tích bé , và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Đô Sơn, xã Thạch Lập	150 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	3.500			3.500	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới Nhà văn hóa thôn Lưu Phúc và các hạng mục phụ trợ, xã Thạch Lập	UBND xã Thạch Lập	Sau khi sát nhập thôn, thôn Lưu Phúc có 483 hộ dân với 2.000 nhân khẩu, tuy nhiên nhà văn hóa thôn Lưu Phúc hiện tại chỉ có 100m2 và đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân, vì vậy cần thiết phải xây dựng mới nhà văn hóa để đủ chỗ ngồi cho người dân mỗi khi thôn có tổ chức các cuộc họp	Thôn Lưu Phúc, xã Thạch Lập	350 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.500	5.500			5.500	HPH-ND4
56	Xã Thường Xuân						19.500	19.500			19.500	
1.1	Trường THCS Ngọc Phụng, xã Thường Xuân. Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học và thư viện	UBND xã Thường Xuân	Trường THCS Ngọc Phụng còn thiếu phòng học, thư viện chưa đáp ứng tiêu chuẩn, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng 06 phòng học và 01 nhà thư viện nhằm bảo đảm điều kiện dạy học, hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Thường Xuân	Xây phòng học bộ môn 2 tầng 6 phòng, Nhà thư viện, khu hoạt động thể chất, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	9.500	9.500			9.500	HPH-ND1
1.2	Nhà Văn hóa thôn Quang Minh, xã Thường Xuân	UBND xã Thường Xuân	Sau khi sát nhập thôn, thôn Quang Minh có 360 hộ dân, hiện tại nhà văn hóa thôn đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Xuân Quang, xã Thường Xuân	300 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.3	Nhà văn hóa thôn Xuân Thịnh, xã Thường Xuân	UBND xã Thường Xuân	Sau khi sát nhập thôn, thôn Quang Minh có 352 hộ dân, hiện tại nhà văn hóa thôn đã xuống cấp không đủ đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.	Thôn Xuân Quang, xã Thường Xuân	300 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
57	Xã Yên Nhân						18.024	18.024			18.024	
1.1	Nhà văn hóa thôn Khong, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Xây dựng nhà văn hóa thôn nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa ở cơ sở, đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân; góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Thôn Khong, xã Yên Nhân	Nhà sàn 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.500	2.500			2.500	HPH-ND4
1.2	Nhà văn hóa thôn Chiềng, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Xây dựng nhà văn hóa thôn nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa ở cơ sở, đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân; góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	Thôn Chiềng, xã Yên Nhân	Nhà sàn 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.500	2.500			2.500	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Trường tiểu học Yên Nhân 1 (Điểm trường Mỹ), xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Hiện nay nhà trường mới chỉ có 8 phòng học kiên cố, còn thiếu phòng học bộ môn; Nhà ở cho giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông. Hệ thống khuôn viên nhà trường thiếu đồng bộ, hư hỏng nặng do vậy việc bổ sung phòng học và cải tạo khuôn viên là hết sức cần thiết .	Xã Yên Nhân	Cải tạo, sửa chữa 2 dãy nhà 1 tầng 4 phòng học, 1 tầng 4 phòng ở giáo viên và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1
1.4	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Yên Nhân 2, xã Yên Nhân	UBND xã Yên Nhân	Điểm Trường tiểu học Yên nhân. hiện nay nhà trường còn thiếu 6 phòng cho học sinh (khu nhà cũ cấp 4 đã xuống cấp nghiêm trọng. Hệ thống khuôn viên nhà trường thiếu đồng bộ, hư hỏng nặng do vậy việc bổ sung phòng học và cải tạo khuôn viên là hết sức cần thiết.	Xã Yên Nhân	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà 2 tầng 6 phòng; xây mới nhà đa năng, nhà sửa xe và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND1
1.5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Yên Nhân 1 (Điểm trường chính), xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hoá	UBND xã Yên Nhân	Để kịp thời và chuẩn bị tốt các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học theo quy định, đồng thời từng bước xây dựng trường đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Xã Yên Nhân	Cải tạo, sửa chữa nhà 1 tầng gồm 6 phòng của khối phòng quản trị, hành chính; 2 khu nhà 8 phòng ở giáo viên; nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.024	5.024			5.024	HPH-ND1
58	Xã Bát Mọt						19.000	19.000			19.000	
1.1	Trường mầm non khu Ruộng, xã Bát Mọt. Hạng mục: Xây mới 2 phòng học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bát Mọt	Hiện nay, nhà trường còn thiếu phòng học, một số lớp học phải bố trí học ghép hoặc sử dụng các phòng chức năng làm phòng học, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó một số hạng mục công trình phụ trợ đã xuống cấp. Cơ sở vật chất thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Ruộng, xã Bát Mọt	Xây mới 2 phòng học, khu vệ sinh, công, tường rào, khuôn viên bao quanh trường	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Trường mầm non khu Khèo, xã Bát Mọt. Hạng mục: Sửa chữa 2 phòng học, xây mới các hạng mục phụ trợ	UBND xã Bát Mọt	Hiện nay, nhà trường còn thiếu phòng học, một số lớp học phải bố trí học ghép hoặc sử dụng các phòng chức năng làm phòng học, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó một số hạng mục công trình phụ trợ đã xuống cấp. Cơ sở vật chất thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Khèo, xã Bát Mọt	Sửa chữa 2 phòng học, xây mới khu vực vệ sinh, cải tạo khuôn viên	2026 - 2030	2.000	2.000			2.000	HPH-ND1
1.3	Xây dựng nhà văn hoá thôn Chiềng, xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của 423 hộ dân, 1.837 người dân, nâng cao đời sống tinh thần, góp phần hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, tăng cường đoàn kết cộng đồng và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.	Thôn Chiềng, xã Bát Mọt	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.4	Xây dựng nhà văn hoá thôn Khèo, xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của 116 hộ dân, 512 người dân, nâng cao đời sống tinh thần, góp phần hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, tăng cường đoàn kết cộng đồng và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.	Thôn Khèo, xã Bát Mọt	Khoảng 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.000	4.000			4.000	HPH-ND4
1.5	Xây mới nhà văn hoá thôn Vịn, xã Bát Mọt	UBND xã Bát Mọt	Nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của 271 hộ dân, 1.228 người dân, nâng cao đời sống tinh thần, góp phần hoàn thành tiêu chí nông thôn mới, tăng cường đoàn kết cộng đồng và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.	Thôn Vịn, xã Bát Mọt	Khoảng 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
59	Xã Tân Thành						21.764	21.764			21.764	
1.1	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Thành Lợi, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Nhà văn hóa thôn hiện nay không đáp ứng đủ diện tích, cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hội họp và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao của dân địa phương (Có hơn 90% người dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số). hạng mục phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và nhu cầu thực tế của người dân địa phương.	Thôn Thành Lợi, xã Tân Thành	Quy mô mở rộng đủ 400 chỗ ngồi, diện tích xây dựng thêm 250 m2, các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.800	2.800			2.800	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó			
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã		
1.2	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn Kha và các hạng mục phụ trợ thôn Kha, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Nhà văn hóa thôn hiện nay không đáp ứng đủ diện tích, cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hội họp và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao của dân địa phương (Có hơn 90% người dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số).	Thôn Kha, xã Tân Thành	Mở rộng quy mô đủ 400 chỗ ngồi, diện tích xây dựng thêm 250 m2, các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.764	2.764		2.764	HPH-ND4
1.3	Nâng cấp cải tạo Nhà Văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Thành Nàng, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Nhà văn hóa thôn hiện nay không đáp ứng đủ diện tích, cơ sở vật chất thiếu đồng bộ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hội họp và tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao của dân địa phương (Có hơn 90% người dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số). hạng mục phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và nhu cầu thực tế của người dân địa phương.	Thôn Thành Nàng, xã Tân Thành	Mở rộng quy mô đủ 450 chỗ ngồi, diện tích xây dựng thêm 250 m2, các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.700	2.700		2.700	HPH-ND4
1.4	Xây mới Nhà Văn hóa thôn Thành Lâm, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Thôn hiện chưa có nhà văn hóa, chưa đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Nhân dân.	Thôn Thành Lâm, xã Tân Thành	Xây mới 450 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.500	6.500		6.500	HPH-ND4
1.5	Xây mới Nhà Văn hóa thôn Ngọc Trà, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	Thôn hiện chưa có nhà văn hóa, chưa đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Nhân dân.	Thôn Ngọc Trà, xã Tân Thành	Xây mới 400 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.000	7.000		7.000	HPH-ND4
60	Xã Thắng Lợi						20.444	20.444		20.444	
1.1	Trường mầm non Thắng Lợi, xã Thắng Lợi. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thắng Lợi	Sau khi sáp nhập các khu lẻ, nhà trường thiếu phòng học, chưa đáp ứng yêu cầu dạy và học, khó đạt chuẩn mức độ 2. Việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết nhằm bổ sung phòng học, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Thắng Lợi	Xây dựng mới nhà lớp học 02 tầng, 06 phòng học và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	6.944	6.944		6.944	HPH-ND1
1.2	Xây mới nhà văn hóa thôn Chiềng và các hạng mục phụ trợ, xã Thắng Lợi	UBND xã Thắng Lợi	Thực hiện việc sáp nhập thôn, bản (Thôn Chiềng được sáp nhập với thôn Cộc) dẫn đến dân số thôn mới tăng lên 353 hộ, Nhà văn hóa thôn không đáp ứng được nhu cầu hội, họp của người dân thôn mới; Vì vậy việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa để đáp ứng là rất cần thiết.	Thôn Chiềng, xã Thắng Lợi	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500		4.500	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Xuân Lộc và các hạng mục phụ trợ, xã Thăng Lộc	UBND xã Thăng Lộc	Sau sáp nhập thôn Quê và Vành thành thôn Thăng Lộc có 294 hộ, Nhà văn hóa đã xuống cấp, quy mô nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết để phục vụ Nhân dân.	Thôn Xuân Lộc, xã Thăng Lộc	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
1.4	Xây mới nhà văn hóa thôn Xem Đót và các hạng mục phụ trợ, xã Thăng Lộc	UBND xã Thăng Lộc	Thôn Xem và Đót đã sáp nhập từ năm 2020, hiện Nhà văn hóa cũ của hai thôn đã xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Hiện nay phải tận dụng điểm trường lẻ làm nơi sinh hoạt, không đảm bảo điều kiện sử dụng. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng mới Nhà văn hóa là cần thiết.	Thôn Xem Đót, xã Thăng Lộc	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
61	Xã Xuân Chinh						20.915	20.915			20.915	
1.1	Trường THCS xã Xuân Lẹ, xã Xuân Chinh. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Xuân Chinh	Dãy nhà phòng học 6 phòng đã xây dựng từ năm 2022 hiện đã xuống cấp, không đảm bảo điều kiện giảng dạy và học của nhà trường; vì vậy việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết	Xã Xuân Chinh	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.000	7.000			7.000	HPH-ND1
1.2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Liên Sơn, xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Sau sáp nhập thôn, nhà văn hóa hiện có không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và hội họp của nhân dân (327 hộ). Việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế, hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở và phục vụ xây dựng nông thôn mới.	Thôn Liên Sơn, xã Xuân Chinh	Khoảng 250 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.700	4.700			4.700	HPH-ND4
1.3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Lẹ, xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Sau sáp nhập thôn, nhà văn hóa hiện có không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và hội họp của nhân dân (337 hộ). Việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế, hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở và phục vụ xây dựng nông thôn mới.	Thôn Xuân Lẹ, xã Xuân Chinh	Khoảng 250 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.715	4.715			4.715	HPH-ND4
1.4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bọng Nàng, xã Xuân Chinh	UBND xã Xuân Chinh	Sau sáp nhập thôn, nhà văn hóa hiện có không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và hội họp của nhân dân (291 hộ). Việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế, hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở và phục vụ xây dựng nông thôn mới.	Thôn Bọng Nàng, xã Xuân Chinh	Khoảng 250 chỗ ngồi và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.500	4.500			4.500	HPH-ND4
62	Xã Như Thanh						12.900	12.900			12.900	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Thị trấn Bến Sung, xã Như Thanh	UBND xã Như Thanh	Điểm trường trung tâm có 28 lớp học, trong đó: có 24 phòng học nhà 2 tầng (trong 24 phòng thì có 18 phòng học xây dựng từ năm 1994 đến nay đã xuống cấp); còn lại 04 phòng học thuộc nhà cấp 4 (trong 04 phòng thì có 01 phòng học phải tận dụng phòng thư viện để cho các cháu học), tình trạng xuống cấp và thiếu hụt phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng giáo dục.	Xã Như Thanh	Xây mới nhà lớp học, nhà bộ môn 3 tầng 12 phòng học	2026 - 2030	12.900	12.900			12.900	HPH-ND1
63	Xã Xuân Du						13.373	13.373			13.373	
1.1	Trường THCS Cán Khê, xã Xuân Du. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Xuân Du	Trường THCS Cán Khê được xây dựng từ năm 2001, đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường còn thiếu phòng học bộ môn, nhà đa năng, thư viện, phòng chức năng và hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất là cần thiết nhằm đáp ứng tiêu chuẩn trường học theo quy định, phục vụ đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng dạy và học.	Xã Xuân Du	Xây dựng mới nhà lớp học 03 tầng, quy mô 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	13.373	13.373			13.373	HPH-ND1
64	Xã Yên Thọ						13.764	13.075	689		13.075	
1.1	Trường THCS Xuân Phúc, xã Yên Thọ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Yên Thọ	Trường THCS Xuân Phúc còn thiếu phòng học, một số hạng mục phụ trợ xuống cấp, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng nhà lớp học nhằm bảo đảm điều kiện dạy học, hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục.	Thôn Xuân Phúc, xã Yên Thọ	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học	2026 - 2030	6.500	6.175	325		6.175	HPH-ND1
1.2	Trường THCS Yên Lạc, xã Yên Thọ. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Yên Thọ	Cơ sở vật chất của Trường THCS Yên Lạc chưa đáp ứng nhu cầu dạy học, đặc biệt còn thiếu phòng học và một số hạng mục phụ trợ chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông. Vì vậy, việc đầu tư xây mới 08 phòng học là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, hoàn thiện cơ sở vật chất và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, hướng tới xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.	Thôn Yên Lạc, xã Yên Thọ	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.264	6.900	364		6.900	HPH-ND1
65	Xã Mậu Lâm						3.003	3.003			3.003	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Xây mới nhà văn hoá- Khu thể thao thôn Đồng Tiến, xã Mậu Lâm	UBND xã Mậu Lâm	Thôn Đồng Tiến là thôn sáp nhập nguyên trạng của 2 thôn với tổng số hộ dân là 350 hộ, hiện tại nhà văn hoá đã xây dựng từ năm 2005 xuống cấp quy mô nhỏ không đủ công năng phục vụ cho hoạt động của thôn	Thôn Đồng Tiến, Xã Mậu Lâm	Khoảng 350 chỗ ngồi, khu thể thao và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.003	3.003			3.003	HPII-ND4
66	Xã Xuân Thái						15.500	15.500			15.500	
1.1	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Xuân Thái, xã Xuân Thái	UBND xã Xuân Thái	Hiện nay, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục thể chất, thể thao chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Việc tổ chức các hoạt động ngoài trời phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, học tập và rèn luyện thể chất. Bên cạnh đó, điều kiện ăn ở, sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, đặc biệt là giáo viên công tác xa nơi cư trú còn nhiều khó khăn do chưa có nhà công vụ đã ảnh hưởng đến việc ổn định đội ngũ giáo viên, thu hút và giữ chân giáo viên công tác lâu dài tại địa phương. Thực hiện dự án là rất cần thiết để phục vụ cho hơn 250 học sinh và giáo viên trong trường.	Xã Xuân Thái	Xây mới nhà đa năng, sân thể thao, phòng kho, thay đồ, phòng y tế, hệ thống điện, thoát nước PCCC...; Xây mới nhà công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ khác	2026 - 2030	3.000	3.000			3.000	HPII-ND1
1.2	Trường Mầm Non Xuân Thái, xã Xuân Thái. Hạng mục: Xây mới phòng thư viện, nhà kho (khu chính) và các hạng mục phụ trợ (Khu chính, khu Yên Vĩnh, khu Cây Nghĩa)	UBND xã Xuân Thái	Hiện nay qua quá trình sử dụng, cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu một số hạng mục thiết yếu như phòng thư viện, nhà kho và các hạng mục phụ trợ, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục, bảo quản trang thiết bị, đồ dùng dạy học và công tác quản lý của nhà trường. Việc đầu tư cải tạo, xây dựng mới phòng thư viện, nhà kho và các hạng mục phụ trợ nhằm từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng các tiêu chí trường mầm non đạt chuẩn theo quy định.	Xã Xuân Thái	Xây mới phòng thư viện nhà kho, thuộc Khu chính và các hạng mục phụ trợ khác (3 khu: Khu chính; khu lễ Yên Vĩnh, khu lễ Cây Nghĩa)	2026 - 2030	6.000	6.000			6.000	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Trường Tiểu học Xuân Thái, xã Xuân Thái. Hạng mục: Nâng cấp nhà lớp học (3 phòng, tầng 2), xây mới nhà công vụ cho giáo viên (3 phòng), nhà thư viện xanh và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Xuân Thái	Hiện nay, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy tại đơn vị còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Việc đầu tư nâng cấp nhà lớp học, xây dựng mới nhà công vụ giáo viên, nhà thư viện xanh và các hạng mục phụ trợ là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, cải thiện điều kiện làm việc, học tập của giáo viên và học sinh; đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất trường đạt chuẩn quốc gia, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục của địa phương	Xã Xuân Thái	Nâng cấp nhà lớp học (3 phòng, tầng 2), xây mới nhà công vụ cho giáo viên (3 phòng) thuộc khu Yên Vinh; Nhà thư viện xanh, thuộc khu chính và hạng mục phụ trợ (khu chính, khu Yên Vinh)	2026 - 2030	6.500	6.500			6.500	HPH-ND1
67	Xã Thanh Kỳ						18.484	18.484			18.484	
1.1	Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Tân 2, xã Thanh Kỳ	UBND xã Thanh Kỳ	Trường Tiểu học Thanh Tân 2 hiện còn thiếu phòng học, một số phòng đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc đầu tư xây dựng 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và thực hiện các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia.	Xã Thanh Kỳ	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà công vụ (5 phòng) và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	13.768	13.768			13.768	HPH-ND1
1.2	Xây dựng Trường Tiểu học Thanh Tân 1, xã Thanh Kỳ	UBND xã Thanh Kỳ	Trường Tiểu học Thanh Tân 1, xã Thanh Kỳ hiện còn thiếu phòng học, cơ sở vật chất chưa đáp ứng quy mô học sinh và yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Một số phòng học đã xuống cấp, diện tích không bảo đảm, gây khó khăn trong việc tổ chức học 2 buổi/ngày và các hoạt động giáo dục, ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.	Xã Thanh Kỳ	Nhà lớp học 1 tầng 6 phòng	2026 - 2030	4.716	4.716			4.716	HPH-ND1
68	Xã Như Xuân						6.000	3.854	2.146		3.854	
1.1	Trường TH&THCS Tân Bình, xã Như Xuân. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học	UBND xã Như Xuân	Khu lẻ trường TH&THCS Tân Bình được đầu tư xây dựng từ 2003 đến nay đã xuống cấp hết hạn sử dụng, trần nhà thấm tốt, tường xây bị bong tróc, nền gạch bị hư hỏng gây mất an toàn cho học sinh, không đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cho dạy và học của học sinh và giáo viên	Xã Như Xuân	Xây mới nhà lớp học 6 phòng	2026 - 2030	6.000	3.854	2.146		3.854	HPH-ND1
69	Xã Thượng Ninh						20.194	20.194			20.194	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường Mầm Non Cát Vân, xã Thượng Ninh. Hạng mục: xây mới nhà hiệu bộ, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thượng Ninh	Trường Mầm non Cát Vân hiện đã được đầu tư nhà lớp học và bếp ăn nhưng còn thiếu nhiều hạng mục thiết yếu như phòng học chức năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ, chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Một số hạng mục đã xuống cấp, nếu không được đầu tư, nâng cấp kịp thời sẽ ảnh hưởng đến an toàn và điều kiện học tập của học sinh, giáo viên. Vì vậy, việc tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất là cần thiết nhằm bảo đảm điều kiện dạy và học, đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất trường học và mục tiêu phát triển nông thôn mới của địa phương.	Xã Thượng Ninh	Xây mới nhà hiệu bộ và các phòng chức năng: 2 tầng, 4 phòng và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thượng Ninh, xã Thượng Ninh. Hạng mục: Xây mới và nâng cấp nhà lớp học	UBND xã Thượng Ninh	Trường Tiểu học Thượng Ninh hiện còn thiếu phòng học, phải sử dụng các phòng chức năng để tổ chức dạy học; khu nhà cấp IV được xây dựng từ năm 2000 đã xuống cấp, một số hạng mục không còn đáp ứng yêu cầu khai thác theo công năng thiết kế. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất là cần thiết nhằm bảo đảm điều kiện dạy và học, đồng thời đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất trường học theo mục tiêu phát triển nông thôn mới của địa phương.	Xã Thượng Ninh	Xây mới nhà lớp học: 3 tầng, 9 phòng; nâng cấp nhà lớp học 1 tầng hiện có	2026 - 2030	10.000	10.000			10.000	HPH-ND1
1.3	Trường Tiểu học Thượng Ninh (khu Khe Khoai), xã Thượng Ninh. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và bếp ăn	UBND xã Thượng Ninh	Hiện tại điểm trường có 02 phòng học, còn thiếu 04 phòng học và bếp ăn bán trú, chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học. Cơ sở vật chất còn thiếu nhiều hạng mục cần thiết, ảnh hưởng đến điều kiện học tập, sinh hoạt của học sinh và giáo viên, đồng thời chưa đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất trường học theo mục tiêu phát triển nông thôn mới. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng bổ sung các phòng học và bếp ăn bán trú là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm điều kiện dạy và học và nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	Xã Thượng Ninh	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; bếp ăn bán trú; hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.194	5.194			5.194	HPH-ND1
70	Xã Xuân Bình						30.000	30.000			30.000	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.1	Trường THCS Xuân Bình, xã Xuân Bình	UBND xã Xuân Bình	Công trình được xây dựng từ năm 2003, đã xuống cấp do hết niên hạn sử dụng, diện tích phòng không đạt tiêu chuẩn	Thôn Mơ, xã Xuân Bình	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 21 phòng;xây dựng nhà đa năng, nhà bảo vệ, hệ thống phòng cháy chữa cháy, công trình Phụ trợ	2026 - 2030	30.000	30.000			30.000	HPII-ND1
71	Xã Thanh Quân						27.405	27.405			27.405	
1.1	Trường Mầm Non Thanh Sơn xã Thanh Quân. Hạng mục: Xây mới, nâng cấp nhà lớp học; xây mới nhà hiệu bộ và nhà Bếp ăn	UBND xã Thanh Quân	Trường Mầm non Thanh Sơn hiện có 180 học sinh. Cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Trường Mầm non Thanh Sơn là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Thanh Quân	Xây thêm tầng 2 nhà lớp học 6 phòng học; Xây mới: Nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng, bếp ăn 1 chiều, công, tường rào	2026 - 2030	13.000	13.000			13.000	HPII-ND1
1.2	Trường Tiểu học Thanh Quân xã Thanh Quân. Hạng mục: Xây dựng Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thanh Quân	Trường Tiểu học Thanh Quân hiện có 510 học sinh. Điểm trường mới tại thôn Kê Lạn còn thiếu nhà hiệu bộ, nhà để xe và các hạng mục phụ trợ. Vì vậy, việc đầu tư hoàn thiện các hạng mục này là cần thiết nhằm đồng bộ cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện dạy, học.	Xã Thanh Quân	Nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng, sân trường và các hạng mục phụ trợ,	2026 - 2030	6.800	6.800			6.800	HPII-ND1
1.3	Trường THCS Thanh Xuân, xã Thanh Quân: Xây mới nhà lớp học và phòng chức năng	UBND xã Thanh Quân	Trường THCS Thanh Quân hiện có trên 184 học sinh. Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng xây dựng từ năm 1997 đã xuống cấp, không bảo đảm an toàn và không đáp ứng yêu cầu dạy, học. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng mới nhà lớp học 10 phòng là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.	Xã Thanh Quân	Phòng học và phòng chức năng 2 tầng 10 phòng	2026 - 2030	7.605	7.605			7.605	HPII-ND1
72	Xã Thanh Phong						25.624	25.624			25.624	
1.1	Trường THCS Thanh Lâm xã Thanh Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng và hệ thống PCCC	UBND xã Thanh Phong	Đầu tư xây dựng Trường THCS Thanh Lâm, Xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa. Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng và hệ thống PCCC. Nhằm đáp ứng nhu cầu phòng học, giảm tình trạng quá tải, bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông; đồng thời hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.	Xã Thanh Phong	Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng; Hệ thống PCCC	2026 - 2030	11.424	11.424			11.424	HPII-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Trường TH&THCS Thanh Hòa xã Thanh Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng, nhà công vụ 01 tầng 05 phòng, nhà WC chung và hệ thống PCCC	UBND xã Thanh Phong	Xây dựng trường trường TH&THCS Thanh Hòa, XÃ Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa: Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 10 phòng, nhà công vụ 01 tầng 05 phòng, nhà WC chung và hệ thống PCCC. Nhằm đáp ứng nhu cầu phòng học, giảm tình trạng quá tải, bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông; đồng thời hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương	Xã Thanh Phong	Xây mới nhà lớp học 02 tầng 10; Nhà công vụ 01 tầng 05 phòng ; Hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	14.200	14.200			14.200	HPH-ND1
73	Xã Hóa Quý						16.204	16.204			16.204	
1.1	Trường Mầm non Xuân Quý, xã Hoá Quý. Hạng mục: Xây mới nhà lớp học, khu bếp ăn; sửa chữa nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Hoá Quý	Trường Mầm non Xuân Quý hiện đã xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, thấm dột, không bảo đảm an toàn và chưa đáp ứng yêu cầu dạy, học. Việc đầu tư nâng cấp hạng mục là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	Xã Hóa Quý	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, khu bếp ăn; sửa chữa nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	8.254	8.254			8.254	HPH-ND1
1.2	Trường cấp TH&THCS xã Bình Lương xã Hoá Quý, Hạng mục: Kè chống sạt lở; hệ thống PCCCH và hạng mục phụ trợ	UBND xã Hoá Quý	Hiện nay, Trường TH&THCS Bình Lương, xã Hóa Quý còn thiếu và xuống cấp một số hạng mục thiết yếu; khu vực bờ taluy có nguy cơ sạt lở, nhà vệ sinh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng. Việc đầu tư xây dựng kè chống sạt lở, nhà vệ sinh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn cho giáo viên, học sinh và hoàn thiện cơ sở vật chất nhà trường.	Xã Hóa Quý	Kè chống sạt lở L = 80m; hệ thống PCCCH và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.650	2.650			2.650	HPH-ND6
1.3	Trường tiểu học xã Hoá Quý, Hạng mục: Xây dựng mới nhà hiệu bộ	UBND xã Hoá Quý	Trường Tiểu học xã Hóa Quý hiện chưa có nhà hiệu bộ đáp ứng yêu cầu sử dụng, ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn của nhà trường. Việc đầu tư xây dựng mới nhà hiệu bộ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.	Xã Hóa Quý	Xây mới nhà hiệu bộ 02 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.300	5.300			5.300	HPH-ND1
74	Xã Vạn Xuân						22.400	19.124	400	2.876	19.124	

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú	
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã			Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác
1.1	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Bù Đồn và công trình phụ trợ, xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Sau khi sắp xếp thôn, quy mô dân số tăng lên 297 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng.	Thôn Bù Đồn, xã Vạn Xuân	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.600	4.781	100	719	4.781	HPH-ND4
1.2	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Ná Mén và công trình phụ trợ, xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Sau khi sắp xếp thôn, quy mô dân số tăng lên 298 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng.	Thôn Ná Mén, xã Vạn Xuân	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.600	4.781	100	719	4.781	HPH-ND4
1.3	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Quận và công trình phụ trợ, xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Sau khi sắp xếp thôn, quy mô dân số tăng lên 276 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng.	Thôn Quận, xã Vạn Xuân	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.600	4.781	100	719	4.781	HPH-ND4
1.4	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Hang Cáu và công trình phụ trợ, xã Vạn Xuân	UBND xã Vạn Xuân	Sau khi sắp xếp thôn, quy mô dân số tăng lên 275 hộ, trong khi nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, không đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng.	Thôn Hang, xã Vạn Xuân	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.600	4.781	100	719	4.781	HPH-ND4
75	Xã Luận Thành						23.800	23.800			23.800	
1.1	Trường Tiểu học Xuân cao, xã Luận Thành (điểm trường Xuân Minh). Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 06 phòng, xây mới nhà hiệu bộ 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Luận Thành	Khối phòng học 2 tầng đã xuống cấp, thấm dột, bong tróc, hệ thống điện và cửa không bảo đảm an toàn. Nhà trường chưa có nhà hiệu bộ, cán bộ, giáo viên phải sử dụng nhà cấp 4 đã xuống cấp để làm việc, hội họp, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.	Thôn Xuân Minh, xã Luận Thành	Cải tạo nhà lớp học 02 tầng 06 phòng, xây mới nhà hiệu bộ, cải tạo sân trường, tường rào và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	7.000	7.000			7.000	HPH-ND1
1.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn Xuân Thắng và các hạng mục phụ trợ, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Thôn Xuân Thắng sau sáp nhập có 465 hộ với 2.091 người, sử dụng nhà văn hóa thôn Xuân Minh 2 (cũ) làm trụ sở mới. Tuy nhiên, nhà văn hóa được xây dựng từ năm 2003, diện tích chỉ khoảng 170 m², đã hư hỏng, xuống cấp, thiếu các hạng mục phụ trợ và khuôn viên; nền hạng mục thấp hơn mặt đường khoảng 1 m, thường xuyên bị ngập úng vào mùa mưa bão.	Thôn Xuân Thắng, xã Luận Thành	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi, sân thể thao và hạng mục phụ trợ (tổng diện tích khoảng 2.000m2)	2026 - 2030	5.800	5.800			5.800	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Quyết tiến và các hạng mục phụ trợ, xã Luận Thành	UBND xã Luận Thành	Thôn Quyết Tiến sau sáp nhập có 391 hộ với 1.736 người, sử dụng nhà văn hóa thôn Quyết Tiến (cũ) làm trụ sở mới. Tuy nhiên, nhà văn hóa được xây dựng từ năm 2003, diện tích khoảng 170 m², đã hư hỏng, xuống cấp, thiếu các hạng mục phụ trợ và khuôn viên, không đáp ứng tốt nhu cầu hội họp và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền của cộng đồng dân cư.	Thôn Quyết Tiến, xã Luận Thành	Nhà văn hóa 250 chỗ ngồi, sân thể thao và hạng mục phụ trợ (tổng diện tích khoảng 5.200m2)	2026 - 2030	6.200	6.200			6.200	HPH-ND4
1.4	Nhà văn hóa thôn Xuân Cao, xã Luận Thành. Hạng mục: Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao, đường vào nhà văn hóa, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ.	UBND xã Luận Thành	Nhà văn hóa hiện có được xây dựng năm 2024 với quy mô 120 chỗ ngồi. Hiện nay, sau sáp nhập, thôn Xuân Cao có 492 hộ, 2.287 người nên không đảm bảo cho người dân sinh hoạt, đồng thời còn thiếu đồng bộ về hạ tầng, chưa có cổng, tường rào, đường vào vẫn là đường đất và thiếu các hạng mục phụ trợ, ảnh hưởng đến việc sử dụng và quản lý tài sản công.	Thôn Xuân Cao, xã Luận Thành	Nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao, đường vào nhà văn hóa, cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ.	2026 - 2030	4.800	4.800			4.800	HPH-ND4
76	Xã Thọ Bình						21.455	21.455			21.455	
1.1	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học và THCS Bình Sơn, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, sân trường chưa được đầu tư hoàn thiện, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động dạy học, sinh hoạt và giáo dục thể chất; hệ thống tường rào chưa đảm bảo yêu cầu quản lý, an toàn và mỹ quan. Vì vậy, việc đầu tư lát gạch sân trường và xây dựng tường rào là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập an toàn, khang trang, đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh.	Xã Thọ Bình	Cải tạo, lát gạch Terrazzo sân trường diện tích khoảng 1.200 m². Xây dựng tường rào chiều dài khoảng 120 m, kết hợp kê đá học mái taluy và hệ thống thoát nước chiều dài khoảng 200 m.	2026 - 2030	2.755	2.755			2.755	HPH-ND1
1.2	Trường tiểu học Thọ Bình (Khu A), xã Thọ Bình. Hạng mục: Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, nhà trường chưa có nhà đa năng phục vụ các hoạt động giáo dục, thể chất, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động tập trung; khu vệ sinh và hệ thống tường rào chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng và bảo đảm an toàn. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng nhà đa năng, khu vệ sinh và tường rào là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy học, rèn luyện và nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Thọ Bình	Xây dựng mới nhà đa năng, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ.	2026 - 2030	8.100	8.100			8.100	HPH-ND1

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Thọ Bình, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, nền nhà lớp học, khu nhà hiệu bộ và một số hạng mục của nhà trường đã xuống cấp, ảnh hưởng đến việc dạy và học; sân trường chưa được đầu tư đồng bộ, gây khó khăn trong sinh hoạt và tổ chức các hoạt động của nhà trường.	Xã Thọ Bình	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và khu nhà hiệu bộ 2 tầng, thư viện và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	4.300	4.300			4.300	HPH-ND1
1.4	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Thọ Bình, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, sân khuôn viên trường và tường rào phía sau chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến việc đi lại, tổ chức các hoạt động của nhà trường, đồng thời chưa bảo đảm an toàn và mỹ quan. Vì vậy, việc đầu tư lát nền sân khuôn viên và xây dựng tường rào phía sau là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm an toàn, tạo cảnh quan khang trang, sạch đẹp.	Xã Thọ Bình	Cải nhà lớp học, khuôn viên trường và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.500	2.500			2.500	HPH-ND1
1.5	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Thọ Bình (Khu B), xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, khu vệ sinh, tường rào, sân trường và nhà để xe của nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng, ảnh hưởng đến điều kiện học tập, sinh hoạt và công tác quản lý. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng các hạng mục trên là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và nâng cao chất lượng dạy và học.	Xã Thọ Bình	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nhà công vụ và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	1.450	1.450			1.450	HPH-ND1
1.6	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thọ Sơn, xã Thọ Bình	UBND xã Thọ Bình	Hiện nay, số lượng phòng học của nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học, ảnh hưởng đến việc tổ chức giảng dạy và học tập. Việc đầu tư xây dựng mới nhà lớp học là cần thiết nhằm bổ sung phòng học, hoàn thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.	Xã Thọ Bình	Cải tạo nhà lớp học 1 tầng 4 phòng, nhà bếp ăn và hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	2.350	2.350			2.350	HPH-ND1
77	Xã Sao Vàng						17.500	11.102		6.398	11.102	
1.1	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Tiên Bạt, xã Sao Vàng	UBND xã Sao Vàng	Sau khi sáp nhập thôn Tiên Bạt có quy mô khoảng 448 hộ dân với dân số đông, phạm vi địa bàn rộng. Trong khi đó, cơ sở vật chất văn hóa hiện có đã được xây dựng từ trước, quy mô nhỏ, không còn đáp ứng được nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.	Xã Sao Vàng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	2.220		1.280	2.220	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.2	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 2, xã Sao Vàng	UBND xã Sao Vàng	Sau khi sáp nhập thôn có quy mô khoảng 581 hộ dân với dân số đông, phạm vi địa bàn rộng. Trong khi đó, cơ sở vật chất văn hóa hiện có đã được xây dựng từ trước, quy mô nhỏ, không còn đáp ứng được nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.	Xã Sao Vàng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	2.220		1.280	2.220	HPH-ND4
1.3	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 3, xã Sao Vàng	UBND xã Sao Vàng	Sau khi sáp nhập thôn có quy mô khoảng 351 hộ dân với dân số đông, phạm vi địa bàn rộng. Trong khi đó, cơ sở vật chất văn hóa hiện có đã được xây dựng từ trước, quy mô nhỏ, không còn đáp ứng được nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.	Xã Sao Vàng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	2.220		1.280	2.220	HPH-ND4
1.4	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Diên Hào, xã Sao Vàng	UBND xã Sao Vàng	Sau khi sáp nhập thôn có quy mô khoảng 691 hộ dân với dân số đông, phạm vi địa bàn rộng. Trong khi đó, cơ sở vật chất văn hóa hiện có đã được xây dựng từ trước, quy mô nhỏ, không còn đáp ứng được nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.	Xã Sao Vàng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	2.220		1.280	2.220	HPH-ND4
1.5	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Xuân Long, xã Sao Vàng	UBND xã Sao Vàng	Sau khi sáp nhập thôn có quy mô khoảng 352 hộ dân với dân số đông, phạm vi địa bàn rộng. Trong khi đó, cơ sở vật chất văn hóa hiện có đã được xây dựng từ trước, quy mô nhỏ, không còn đáp ứng được nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.	Xã Sao Vàng	Nhà văn hóa 200 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.500	2.222		1.278	2.222	HPH-ND4
78	Xã Lương Sơn						18.784	18.784			18.784	
1.1	Xây mới nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn và các hạng mục phụ trợ, xã Lương Sơn.	UBND xã Lương Sơn	Sau sáp nhập, thôn Ngọc Sơn có 442 hộ dân. Nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, diện tích nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết.	Thôn Ngọc Sơn, xã Lương Sơn	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.2	Xây dựng Nhà Văn hoá thôn Ngọc Thượng và các hạng mục phụ trợ, xã Lương Sơn.	UBND xã Lương Sơn	Sau sáp nhập, thôn Ngọc Thượng có 215 hộ dân. Nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, diện tích nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết.	Thôn Ngọc Thượng, xã Lương Sơn	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư				Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
							Tổng	Trong đó				
								Vốn NSTW	Vốn ngân sách xã	Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác		
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Lương Thiện và các hạng mục phụ trợ, xã Lương Sơn.	UBND xã Lương Sơn	Sau sáp nhập, thôn Lương Thiện có 352 hộ dân. Nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, diện tích nhỏ, không đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Việc đầu tư xây dựng mới là cần thiết.	Thôn Lương Thiện, xã Lương Sơn	Nhà văn hóa 300 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	5.000	5.000			5.000	HPH-ND4
1.4	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn Lương Thịnh và các hạng mục phụ trợ, xã Lương Sơn	UBND xã Lương Sơn	Sau sáp nhập, thôn Lương Thịnh có 352 hộ dân. Nhà văn hóa hiện đã xuống cấp, diện tích nhỏ, cần được cải tạo, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.	Thôn Lương Thịnh, xã Lương Sơn	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa trên 250 chỗ ngồi và các hạng mục phụ trợ	2026 - 2030	3.784	3.784			3.784	HPH-ND4